**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**THƯ VIỆN**

**--- 🙞🙜 ---**

**THÔNG TIN BÀI TRÍCH**

**BÁO – TẠP CHÍ**

**Số 3 (48)**

**Năm học 2019 – 2020**

***Đà Nẵng, tháng 06 năm 2020***

**LỜI NÓI ĐẦU**

Nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại Học Duy Tân. Thư viện xin giới thiệu một tập hợp các bài trích báo – tạp chí được chọn lọc từ các tạp chí chuyên ngành, bao gồm các chủ đề như: Tin học, các vấn đề về dạy và học, về ngôn ngữ, quan hệ quốc tế, môi trường, pháp luật, phát triển kinh tế, khoa học sức khỏe, về vấn đề lạm phát và chống lạm phát ở Việt Nam hiện nay, tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh, xây dựng, kiến trúc, du lịch, văn học, điện tử - viễn thông...

Tài liệu được giới thiệu trong cuốn thư mục lần này là những bài trích từ các báo và tạp chí tiếng Việt, xuất bản trong năm 2019 - 2020 có lưu trữ và phục vụ tại Thư Viện Trường Đại Học Duy Tân.

Các lĩnh vực, chủ đề được sắp xếp theo trật tự hệ thống phân loại DDC. Trong từng chủ đề, tài liệu được sắp xếp theo vần chữ cái tên tài liệu và kèm theo phần định từ khóa để bạn đọc có thể tiện tra cứu và tìm tin trên phần mềm quản lý thư viện.

Mọi yêu cầu về đề tài cần bổ sung hoặc mở rộng, về bản sao toàn văn tài liệu gốc và những ý kiến đóng góp khác, xin vui lòng gửi về:

Phòng Nghiệp vụ Thư viện Trường Đại Học Duy Tân

Số 3A Quang Trung - TP. Đà Nẵng

Email: thuvienduytan@gmail.com

**MỤC LỤC**

* Công nghệ thông tin 1
* Quan hệ quốc tế 5
* Phát triển kinh tế 25
* Tài chính 37
* Ngân hàng 51
* Giáo dục 64
* Môi trường 65
* Luật học 84
* Ngôn ngữ 123
* Khoa học tự nhiên 131
* Khoa học sức khỏe 145
* Điện tử - viễn thông 163
* Xây dựng 168
* Kế toán – Kiểm toán 227
* Quản trị kinh doanh 231
* Nghiên cứu Văn học 283
* Du lịch 294

**CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**1. Big data và ứng dụng trong bảo mật thông tin**/ Lò Thị Phương Nhung, Nguyễn Mai Phương// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 12(729) .- Tr.57-59.

**Nội dung**: Nêu vai trò quan trọng của big data trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, là cốt lõi để sử dụng, phát triển internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo.

**Từ khóa**: Big data, internet, cách mạng công nghiệp, dữ liệu

**2. Kinh tế chia sẻ: Thực trạng và giải pháp**/ Hoàng Văn Cương// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 1+2(730+731) .- Tr.39-41.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm, vai trò của mô hình kinh tế chia sẻ trong sự phát triển kinh tế số và giải pháp quản lý nhà nước để phát triển mô hình kinh tế này một cách bền vững, đảm bảo quyền lợi của Nhà nước, doanh nghiệp và khách hàng.

**Từ khóa**: Kinh tế chia sẻ, kinh tế số, KTS

**3. Một số gợi ý về chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam**/ Trần ĐứcTrung// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 1+2(730+731) .- Tr.36-38.

**Nội dung**: Đề xuất một số nội dung liên quan tới chính sách tài chính nói chung, vốn nói riêng trong hỗ trợ doanh nghiệp KNST.

**Từ khóa**: Hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo

**4. Một số xu hướng chuyển đổi kỹ thuật số hàng đầu trong năm 2020**/ Nguyễn Việt Anh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 1+2(730+731) .- Tr.113-115.

**Nội dung**: Cung cấp cho độc giả một cái nhìn tổng quan về những xu hướng công nghệ được dự báo sẽ trở thành tiêu điểm của quá trình chuyển đổi kỹ thuật số trong năm 2020.

**Từ khóa**: Công nghệ 5G, kỹ thuật số, chuyển đổi kỹ thuật số

**5. Nâng cao năng suất lao động của Việt Nam trong bối cảnh CMCN 4.0**/ Hải Hằng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 1+2(730+731) .- Tr.24-26.

**Nội dung**: Trình bày cuộc phỏng vấn TS Hà Minh Hiệp, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về những vấn đề đặt ra trong bối cảnh mới.

**Từ khóa**: Năng suất lao động, CMCN 4.0, Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

**6. Phát triển trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp**/ Hồ Đắc Lộc, Huỳnh Châu Duy// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 1+2(730+731) .- Tr.27-31.

**Nội dung**: Phân tích tác động to lớn của trí tuệ nhân tạo (AI) trong sự phát triển kinh tế, quân sự và chính trị. Bên cạnh tận dụng những thành tựu phát triển của công nghệ AI và tự động hóa, các nước cần đưa ra những giải pháp phù hợp với tiến trình chuyển đổi nhanh chóng và mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

**Từ khóa**: Trí tuệ nhân tạo, AI, tự động hóa, Cách mạng công nghiệp 4.0

**7. Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 đến một số ngành công nghiệp của Việt Nam**/ Nguyễn Thắng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 12(729) .- Tr.14-16.

**Nội dung**: Trình bày tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp theo cấp số nhân đang làm thay đổi bối cảnh toàn cầu và có tác động ngày một gia tang đến Việt Nam, nếu Việt Nam biết tận dụng cơ hội và vượt qua được các thách thức thì sẽ có khả năng thu hẹp khoảng cách với các nước tiên tiến và sớm trở thành nước công nghiệp hóa.

**Từ khóa**: Cách mạng công nghiệp 4.0, công nghiệp, công nghiệp hóa

**QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**1. An ninh năng lượng và ngoại giao năng lượng: cách tiếp cận, kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách cho Việt Nam/** Vũ Lê Thái Hoàng, Hàn Lam Giang// Nghiên cứu Quốc tế .- 2020 .- Số 1 (120) .- Tr. 31-56.

**Nội dung**: Trình bày vấn đề chính trị năng lượng và ngoại giao năng lượng từ cả góc độ lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn, từ đó đưa ra những hàm ý cho việc tiếp cận, xây dựng và triển khai ngoại giao năng lượng ở Việt Nam.

**Từ khóa:** An ninh năng lượng, ngoại giao năng lượng, chiến lược, phát triển bền vững

**2. Bàn về phạm trù và định nghĩa về địa chiến lược/** Trần Khánh// Nghiên cứu Quốc tế .- 2019 .- Số 4 (119) .- Tr. 199-224.

**Nội dung**: Xác định những phạm trù cơ bản của địa chiến lược, từ đó đưa ra một định nghĩa về thuật ngữ này dựa trên các cách tiếp cận khác nhau của các học giả trên thế giới.

**Từ khóa:** Địa chiến lược, không gian chiến lược, tư duy chiến lược

**3. Bàn về vấn đề xung đột giữa các điều ước quốc tế**/ Lý Vân Anh// Nghiên cứu Quốc tế .- 2019 .- Số 3 (118) .- Tr. 255 - 276.

**Nội dung:** Phân tích luật Việt Nam về điều ước quốc tế và đưa ra một số khuyến nghị để đối phó với nguy cơ xung đột giữa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**Từ khóa:** Điều ước quốc tế, Luật quốc tế, xung đột, giải quyết xung đột

**4. Biển Đông trong toan tính chính trị của Trung Quốc, Mỹ và Nga/** Nguyễn Anh Cường, Ma Xuân Bộ, Hoàng Văn Lưu, Nguyễn Thị Thùy Linh// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 2 (233) .- Tr. 12-26.

**Nội dung**: Đưa ra một bức tranh đa dạng các mảng màu khác nhau trong toan tính chính trị Biển Đông của Mỹ, Trung Quốc và Nga tại một trong những khu vực sôi động và giàu tiềm năng nhất trên thế giới hiện nay. Một vài nhận thức trường hợp Việt Nam trước những tác động toan tính chính trị Biển Đông của các nước lớn.

**Từ khóa:** Biển Đông, Mỹ, Nga, Trung Quốc, chính trị

**5. Brexit: Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu hàng dệt may, da giày Việt nam vào Vương quốc Anh**/ Trần Thị Thủy// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 10 (229) .- Tr. 36 - 43.

**Nội dung:** Đưa ra một số gợi mở đối với Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp trong các lĩnh vực dệt may, da giày nhằm tận dụng ưu thế, hạn chế những bất lợi sau khi Brexit chính thức diễn ra.

**Từ khóa:** Brexit, Anh, EU, da giày, dệt may, Việt Nam

**6. Cách thức lựa chọn tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững ở Trung Quốc**/ Hoàng Thế Anh, Nguyễn Thị Thanh Hương// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 1 (221) .- Tr. 62 - 71.

**Nội dung:** Trình bày các nội dung về: 1. Tham chiếu các tổ chức quốc tế, kết hợp với đặc thù Trung Quốc để lựa chọn tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững; 2. Phối hợp với các tổ chức, chuyên gia nước ngoài xây dựng các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá phát triển bền vững và 3. Đề ra mục tiêu phát triển xanh và xây dựng bộ chỉ tiêu phát triển xanh.

**Từ khóa:** Chương trình phát triển bền vững, phát triển xanh, Liên hợp quốc, Trung Quốc

**7. Cải cách giáo dục ở Thổ Nhĩ Kỳ**/ Kiều Thanh Nga// Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 12 (172) .- Tr. 3 - 14.

**Nội dung:** Phân tích cải cách giáo dục của Thổ Nhĩ Kỳ thời kỳ Đảng AKP lãnh đạo, đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế của cải cách và vai trò của giáo dục đối với phát triển bền vững ở Thổ Nhĩ Kỳ.

**Từ khóa:** Cải cách giáo dục, phát triển bền vững, Thổ Nhĩ Kỳ, Đảng Công lý và Phát triển (AKP)

**8. Cải cách thể chế giám sát Nhà nước ở Trung Quốc sau Đại hội XVIII/** Trịnh Quốc Hùng// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 3(223) .- Tr. 19-30.

**Nội dung**: Cải cách thí điểm thể chế giám sát Nhà nước của Trung Quốc từ Đại hội XVIII; Thể chế giám sát Nhà nước của Trung Quốc sau Đại hội XIX.

**Từ khóa:** Thể chế giám sát, Luật Giám sát, Đại hội XVIII, ĐCS Trung Quốc

**9. Căng thẳng biên giới Ấn Độ - Pakistan năm 2019**/ Trần Hoàng Long, Nguyễn Đắc Tùng// Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 11 (84) .- Tr. 35 - 41.

**Nội dung:** Phân tích nguyên nhân, diễn biến và những tác động của tình hình căng thẳng biên giới giữa Ấn Độ và Pakistan năm 2019.

**Từ khóa:** Căng thẳng, biên giới, Ấn Độ, Pakistan

**10. Cạnh tranh Ấn Độ - Trung Quốc ở khu vực Nam Á dưới thời thủ tướng Narendra Modi**/ Lê Thị Hằng Nga, Nguyễn Lê Thi Thương// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 10 (218) .- Tr. 42 - 58.

**Nội dung:** Phân tích những tính toán chiến lược của Ấn Độ và Trung Quốc ở Nam Á, từ đó lý giải động cơ thúc đẩy mỗi nước trong cuộc chiến cạnh tranh về vị thế, sức mạnh và tầm ảnh hưởng ở khu vực.

**Từ khóa:** Ấn Độ, Trung Quốc, SAARC, cạnh tranh chiến lược, khu vực Nam Á

**11. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung hai thập niên đầu thế kỷ XXI**/ Phạm Thanh Hà// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 9 (169) .- Tr. 36 - 45.

**Nội dung:** Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung hai thập niên đầu thế kỷ XXI có nhiều thay đổi, đặc biệt dưới thời tổng thống Barak Obama và Donal Trump, nổi bật trên ba lĩnh vực: địa chiến lược, chính trị ngoại giao, kinh tế. Mối quan hệ và sự cạnh tranh chiến lược giữa hai nước lớn này đặt khu vực Châu Á – Thái Bình Dương đứng trước những cơ hội và thách thức rất lớn.

**Từ khóa:** Cạnh tranh chiến lược, Mỹ, Trung, Châu Á – Thái Bình Dương

**12. Chiến lược của Trung Quốc và Mỹ tại tiểu vùng Mê Công/** Lê Thị Thúy Hiền// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 3 (223) .- Tr. 45-55.

**Nội dung**: Chiến lược của Mỹ và Trung Quốc tại tiểu vùng; Một số nhận xét, đánh giá.

**Từ khóa:** Mỹ - Trung, tiểu vùng Mê Công, cạnh tranh tiểu vùng, Việt Nam

**13. Chiến lược đối ngoại của Trung Quốc và tác động đối với quan hệ Việt - Trung**/ Trường Lưu// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 1 (221) .- Tr. 29 - 40.

**Nội dung:** Phân tích những lần điều chỉnh chiến lược đối ngoại của Trung Quốc (về đại thể diễn ra theo từng thập niên, từ 1950 – tới nay) và tác đọng của các lần điều chỉnh đó, góp phần đi sâu nghiên cứu quan hệ Việt - Trung.

**Từ khóa:** Chiến lược đối ngoại, Việt – Trung, Liên Xô, CHND Trung Hoa

**14. Chính sách Trung Đông của Mỹ dưới thời tổng thống Donald Trump**/ Nguyễn Nhâm// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 9 (169) .- Tr. 21 - 28.

**Nội dung:** Đổi mới phương thức tiếp cận, định hướng xây dựng một cấu trúc anh ninh mạnh của khối Arab, kiềm chế đối thủ tranh giành ảnh hưởng, thúc đẩy kinh tế - thương mại, từng bước thực hiện Kế hoạch hòa bình thông qua sức mạnh là những nội dung chủ yếu trong chính sách Trung Đông của Mỹ dưới thời Tổng thống Donald Trump nhằm duy trì vị trí lãnh đạo của Mỹ tại khu vực này.

**Từ khóa:** Trung Đông, anh ninh, cấu trúc, đối ngoại, chính sách, chiến lược

**15. Chữ Quốc ngữ trong chính sách giáo dục của Pháp ở Việt Nam thời thuộc địa (1864-1945)/** Nguyễn Hữu Phúc// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 1 (232) .- Tr. 53-64.

**Nội dung**: Làm rõ vấn đề chữ Quốc ngữ trong chính sách giáo dục mà chính quyền thuộc địa Pháp đã thực hiện tại Việt Nam trong thời gian cai trị (1864-1945).

**Từ khóa:** Chính sách giáo dục, chữ Quốc ngữ, chữ Pháp, giáo dục Pháp – Việt

**16. Cục diện khu vực Ấn Độ Dương – châu Á – Thái Bình Dương và những tác động đến định hướng hoạt động của ASEAN/** Nguyễn Thị Hồng Vân, Quách Thị Huệ// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 2 (87) .- Tr. 52-59.

**Nội dung**: Trình bày những nét chính trong cục diện khu vực Ấn Độ Dương – châu Á – Thái Bình Dương, những tác động đến định hướng hoạt động của ASEAN và khuyến nghị cho Việt Nam trong bối cảnh khu vực và hoạt động của ASEAN.

**Từ khóa:** ASEAN, Ấn Độ Dương – châu Á – Thái Bình Dương, định hướng hoạt động

**17. Đầu tư trực tiếp nước ngoài từ EU vào ASEAN và một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam**/ Nguyễn Thị Minh Phương// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 9 (228) .- Tr. 80 - 91.

**Nội dung:** Đánh giá FDI từ EU vào ASEAN nói chung và vào Việt Nam nói riêng; nhận diện những cơ hội và thách thức đốiv ới Việt Nam trong việc thu hút dòng vốn FDI từ các nước EU trong thời gian tới; từ đó đưa ra một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

**Từ khóa:** Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), EU, ASEAN, Việt Nam, Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU (EVFTA)

**18. Đổi mới chính trị trước yêu cầu cải cách, phát triển kinh tế ở Trung Quốc trong quá trình cải cách/** Nguyễn Trọng Bình, Lê Minh Hiền// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 4 (224) .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Phân tích đổi mới chính trị trước yêu cầu phát triển kinh tế qua các giai đoạn chủ yếu trong tiến trình cải cách mở cửa ở Trung Quốc.

**Từ khóa:** Đổi mới chính trị, cải cách mở cửa, Trung Quốc

**19. Đối ngoại Trung Quốc năm 2019/** Hoàng Tuệ Anh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 2 (222) .- Tr. 19-28.

**Nội dung**: Phân tích những điều chỉnh về tư duy đối ngoại và hoạt động đối ngoại của Trung Quốc trong năm 2019 nhằm ứng phó với sự gia tăng nhân tố rủi ro trong môi trường an ninh đối ngoại của nước này, đặc biệt trước bối cảnh nước Mỹ thay đổi chính sách, sử dụng cách tiếp cận ngày càng cứng rắn đối với Trung Quốc.

**Từ khóa:** Trung Quốc, đối ngoại, 2019

**20. Đóng góp của Pháp vào hoạt động gìn giữ, xây dựng hòa bình ở Châu Phi và Trung Đông/** Nguyễn Hồng Quân// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 2 (174) .- Tr. 17-28.

**Nội dung**: Từ tự do đến tích cực ủng hộ hoạt động gìn giữ, xây dựng hòa bình; Củng cố, hoàn thiện cơ sở pháp lý, hiện đại hóa hoạt động gìn giữ hòa bình; Vừa hợp tác gìn giữ hòa bình, vừa đấu tranh hạn chế độc quyền của Mỹ; Đóng góp tài chính vượt quy định; Đào tạo lực lượng gìn giữ hòa bình; Góp quân tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình; Một số nhận xét.

**Từ khóa:** Gìn giữ hòa bình, Liên hợp quốc, Pháp, Trung Đông, Châu Phi, nhân viên quân sự, cảnh sát

**21. Giá trị lịch sử của Cách mạng Tháng Mười Nga với việc xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược ở Việt Nam**/ Nguyễn Huy Hiệu, Trần Nam Chuân// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 10 (229) .- Tr. 67 - 73.

**Nội dung:** Trình bày các điều như sau: Giá trị lịch sử của Cách mạng Tháng Mười Nga; Ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga; Sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo những bài học về xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược của Các mạng Tháng Mười Nga vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.

**Từ khóa:** Cách mạng Tháng Mười Nga, xây dựng đội ngũ cấp chiến lược, Việt Nam

**22. Giải pháp phát triển tài sản trí tuệ là chỉ dẫn địa lý của Việt Nam trong thực thi EVFTA và bối cảnh hội nhập quốc tế mới**/ Vũ Tuấn Hưng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 9 (228) .- Tr. 65 - 79.

**Nội dung:** Đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ là chỉ dẫn địa lý của Việt Nam trong bối cảnh EVFTA và quốc tế mới.

**Từ khóa:** Phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, hội nhập, Việt Nam, EU

**23. Giao lưu giữa Việt Nam và Nhật Bản thời Edo – Trường hợp thương cảng Hội An và Nagasaki**/ Vũ Đoàn Liên Khê// Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 12 (85) .- Tr. 39 - 45.

**Nội dung:** Khái quát quá trình giao lưu giữa Việt Nam và Nhật Bản thông qua hai thương cảng Hội An và Nagasaki để làm nổi bật sự ảnh hưởng qua lại giữa hai quốc gia giai đoạn này.

**Từ khóa:** Hội An, Nagasaki, giao lưu, thương mại, văn hóa

**24. Góp phần tìm hiểu đường lối đối ngoại của Đảng: Sự phát triển trong nhận thức và những vấn đề đặt ra trong thời gian tới**/ Đặng Đình Quý, Nguyễn Vũ Tùng// Nghiên cứu Quốc tế .- 2019 .- Số 3 (118) .- Tr. 7 - 28.

**Nội dung:** Quá trình đổi mới tư duy về đối ngoại của Đảng ta đã đặt nền móng cho công tác đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn đổi mới. Dấu ấn của những tư duy đối ngoại mới đã được thể hiện rõ trong quá trình hoạch định và triển khai công tác đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Trước các yêu cầu phát triển mới của đất nước và những thay đổi nhanh chóng và phức tạp của tình hình khu vực và quốc tế, việc tiếp tục đổi mới tư duy đối ngoại tiếp tục được đặt ra để đưa công tác đối ngoại của Việt Nam lên một tầm cao mới trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Đổi mới tư duy, mục tiêu, định hướng nhiệm vụ, phương châm đối ngoại, ASEAN, hội nhập quốc tế, đối ngoại đa phương, khuôn khổ quan hệ

**25. Hệ thống hưu trí ở Đức và một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam/** Nguyễn Bích Thuận// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 2 (233) .- Tr. 77-88.

**Nội dung**: Hệ thống hưu trí ở Đức; Một số cải cách cơ bản của hệ thống hưu trí của Đức; Một số bài học cho Việt Nam từ kinh nghiệm của Đức.

**Từ khóa:** Hệ thống hưu trí Đức, hệ thống hưu trí Việt Nam, cải cách, già hóa dân số

**26. Hợp tác giáo dục - đào tạo giữa Việt Nam và Australia (2008 - 2018) : thành tựu và triển vọng/** Hà Triệu Huy// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 3 (88) .- Tr. 45-51.

**Nội dung**: Thành tựu hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Australia (2008-2018); Triển vọng hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Australia; Những định hướng cho Việt Nam trong hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Australia.

**Từ khóa:** Hợp tác, Việt Nam, Australia, giáo dục – đào tạo

**27. Hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam – Trung Quốc những năm gần đây: Thực trạng, vấn đề và triển vọng**/ Vũ Minh Hải// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 11 (219) .- Tr. 43 - 56.

**Nội dung:** Đánh giá thực trạng hợp tác kinh tế Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn 2010 – 2017, phân tích các cơ hội hợp tác song phương, đồng thời khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Hợp tác thương mại, hợp tác đầu tư, cơ hội, Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ

**28. Hợp tác phòng, chống tội phạm về ma túy giữa Việt Nam và Campuchia trên tuyến biên giới**/ Bùi Nam Khánh// Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 12 (85) .- Tr. 32 - 38.

**Nội dung:** Làm rõ thực trạng việc hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia trong phòng, chống tội phạm về ma túy trên tuyến biên giới; đồng thời, đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Tội phạm ma túy, tuyến biên giới, Việt Nam, Campuchia

**29. Hợp tác quốc phòng – an ninh Việt Nam – EU hai thập niên đầu thế kỷ XXI: Động lực và triển vọng**/ Bùi Thị Thảo// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 11 (230) .- Tr. 6 - 14.

**Nội dung:** Phân tích những động lực mang lại triển vọng hợp tác từ hai phí và đề xuất một số giải pháp để thúc đẩy hiệu quả các mục tiêu hợp tác quốc phòng – an ninh Việt Nam – EU trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Hợp tác Việt Nam – EU, quốc phòng – an ninh, động lực, triển vọng

**30. Hợp tác tiểu vùng Mê Công trong bối cảnh toàn cầu hóa 4.0 và hàm ý cho Việt Nam**/ Lê Trung Kiên// Nghiên cứu Quốc tế .- 2019 .- Số 2 (117) .- Tr. 25 - 48.

**Nội dung:** Bổ sung nội dung nghiên cứu về tiểu vùng Mê Công thông qua đánh giá các cơ hội và thách thức tác động từ Toàn cầu 4.0 đối với hợp tác tiểu vùng Mê Công. Từ đó tác giả sẽ đưa ra một số khuyến nghị chính sách về định hướng hợp tác Mê Công thời gian tới để thích ứng với Toàn cầu hóa 4.0 cũng như một số hàm ý chính sách về sự tham gia hợp tác của Việt Nam ở tiểu vùng.

**Từ khóa:** Mê Công, hợp tác tiểu vùng, toàn cầu hóa

**31. Hợp tác Việt Nam và Nhật Bản xung quanh vấn đề biển Đông**/ Trần Hoàng Long// Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 11 (84) .- Tr. 59 - 65.

**Nội dung:** Phân tích những nhân tố thúc đẩy và quan hệ hợp tác Việt Nam – Nhật Bản xung quanh vấn đề Biển Đông.

**Từ khóa:** Hợp tác, Việt Nam - Nhật Bản, Biển Đông, lợi ích, an ninh biển

**32. Hợp tác xuyên biên giới giữa Việt Nam và Campuchia trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia/** Bùi Nam Khánh// Nghiên cứu Quốc tế .- 2020 .- Số 1 (120) .- Tr. 137-158.

**Nội dung**: Nghiên cứu việchợp tác xuyên biên giới giữa Việt Nam và Campuchia trong phòng, chống các loại tội phạm xuyên quốc gia từ năm 2009 đến nay.

**Từ khóa:** An ninh phi truyền thống, buôn bán ma túy, hợp tác Việt Nam – Campuchia, hợp tác xuyên biên giới, tội phạm xuyên quốc gia

**33. Kết nối cơ sở hạ tầng Việt Nam - Ấn Độ**/ Đồng Thị Thùy Linh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 10 (83) .- Tr. 24 - 30.

**Nội dung:** Trình bày các nội dung về: 1. Hợp tác kết nối hàng không Việt Nam - Ấn Độ; 2. Hợp tác kết nối đường biển Việt Nam - Ấn Độ; 3. Hợp tác kết nối đường bộ Việt Nam - Ấn Độ và Kết luận.

**Từ khóa:** Kết nối, cơ sở hạ tầng, Việt Nam, Ấn Độ

**34. Khái luận về chiến lược đối ngoại**/ Lê Đình Tĩnh, Đặng Cẩm Tú, Nguyễn Vũ Tùng// Nghiên cứu Quốc tế .- 2019 .- Số 3 (118) .- Tr. 199 - 224.

**Nội dung:** Mặc dù có các nội dung tương tự như chính sách nhưng chiến lược được đặt ở một tầm mức cao hơn và nhằm hướng tới những mục tiêu lớn hơn và hệ trọng hơn trên ba tiêu chí về thời gian, không gian và mức độ.

**Từ khóa:** Chiến lược, đại chiến lược, chiến lược đối ngoại, chính sách đối ngoại, văn kiện chính sách đối ngoại

**35. Kinh nghiệm tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập ở Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam/** Nguyễn Minh Phương// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 2 (222) .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Trình bày các yếu tố quan trọng trong quá trình cải cách, một số vấn đề còn tồn tại của Việt Nam trong quá trình tiến hành cải cách các đơn vị sự nghiệp công lập, nêu lên khuyến nghị nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động cũng như chất lượng dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập ở Việt Nam trong giai đoạn phát triển tới.

**Từ khóa:** Đơn vị sự nghiệp, công lập, Trung Quốc

**36. Liên minh châu Âu năm 2019 : nỗ lực vượt khủng hoảng, trì trệ, hướng đến cải cách, phát triển/** Đinh Công Tuấn, Đinh Công Hoàng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 2 (233) .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Nhìn lại năm 2019 của EU: kinh tế tăng trưởng chậm lại; chính trị tiếp tục phải đối mặt với nhiều vấn đề khó khăn kéo dài như Brexit, dân túy, chủ nghĩa nghi ngờ châu Âu… nhưng an ninh quốc phòng đã trở nên tự chủ, độc lập hơn và cả khu vực đang hướng tới những cải cách sâu rộng trong tương lai.

**Từ khóa:** EU, cải cách, phát triển, khủng hoảng, trì trệ

**37. Luận bàn về khái niệm quan hệ chính trị quốc tế/** Trần Thọ Quang, Phùng Chí Kiên// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 1 (173) .- Tr. 21-29.

**Nội dung**: Làm rõ những khái nhiệm, thuật ngữ có liên quan tới quan hệ chính trị quốc tế; phân biệt quan hệ chính trị quốc tế với những khái niệm gần với nó; đưa ra định nghĩa và bước đầu xác định nội hàm của khái niệm quan hệ chính trị quốc tế; chứng minh giá trị và vai trò của khái niệm này trong nghiên cứu quốc tế.

**Từ khóa:** Chính trị, quan hệ chính trị, quan hệ quốc tế, quan hệ chính trị quốc tế

**38. Mô hình chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc – bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Đỗ Tiến Sâm, Nguyễn Bá Thanh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 10 (218) .- Tr. 14 - 26.

**Nội dung:** Trình bày các mục như sau: 1. Xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc; 2. Xây dựng chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc; 3. Xây dựng văn hóa xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc; 4. Xây dựng xã hội hài hòa xã hội chủ; 5. Xây dựng văn minh sinh thái; Một số nhận xét, đánh giá và gọi mở mới Việt Nam.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, xã hội chủ nghĩa

**39. Nâng cao vị thế của giáo dục đại học Việt Nam trong ASEAN/** Trần Văn Hùng// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 4 (89) .- Tr. 49-56.

**Nội dung**: Phân tích vị thế của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, từ đó đề xuất một số định hướng giải pháp nhằm nâng cao vị thế của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam trong ASEAN.

**Từ khóa:** ASEAN, giáo dục đại học, vị thế, Việt Nam

**40. Nghiên cứu lịch sử môi trường của Trung Quốc/** Lư Vĩ An// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 3 (223) .- Tr. 56-71.

**Nội dung**: Phân tích thuật ngữ lịch sử môi trường và mối liên hệ của nó với các lĩnh vực nghiên cứu liên quan. Giới thiệu khái quát về sự ra đời, phát triển cùng phương pháp tiếp cận của nghiên cứu lịch sử môi trường Trung Quốc. Một số vấn đề cơ bản trong nghiên cứu lịch sử môi trường của Trung Quốc.

**Từ khóa:** Lịch sử môi trường, lịch sử môi trường của Trung Quốc, thuật viết sử, Trung Quốc học

**41. Nguyên trạng mong manh ở Biển Đông/** Greory B. Poling// Nghiên cứu Quốc tế .- 2019 .- Số 4 (119) .- Tr. 79-100.

**Nội dung**: Trung Quốc đang bước vào một giai đoạn mới trong tranh chấp ở Biển Đông thông qua việc hoàn thành cải tạo đảo và sử dụng các đảo nhân tạo. Trung Quốc tích cực sử dụng các lực lượng cảnh sát biển và dân quân biển để chèn ép các nước khác trong khu vực.

**Từ khóa:** Quan hệ thương mại, hợp tác quốc tế

**42. Nhân tố Trung Quốc trong quan hệ giữa Ấn Độ và Myanmar (1992 – 2014)**/ Trần Xuân Hiệp, Nguyễn Tuấn Bình// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 11 (219) .- Tr. 32 - 42.

**Nội dung:** Nghiên cứu những tác động của nhân tố Trung Quốc đến hai nước Ấn Độ và Myanmar cũng như đối với sự tiến triển của quan hệ Ấn Độ - Myanmar trên nhiều lĩnh vực mà trọng tâm là chính trị - ngoại giao, kinh tế - an ninh quốc phòng trong giai đoạn 1992 - 2014.

**Từ khóa:** Ấn Độ, Myanmar, quan hệ Ấn Độ - Myanmar, nhân tố Trung Quốc

**43. Những bước phát triển tích cực trong quan hệ Việt Nam – Ba Lan và triển vọng hợp tác trong tương lai/** Đinh Mạnh Tuấn, Vũ Bình Minh// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 1 (232) .- Tr. 65-72.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng quan hệ Việt Nam – Ba Lan trên một số khía cạnh về chính trị - ngoại giao, kinh tế, giáo dục – đào tạo, an ninh – quốc phòng,… đồng thời phân tích triển vọng hợp tác giữa hai quốc gia trong tương lai.

**Từ khóa:** Quan hệ, chính trị, kinh tế, an ninh, Việt Nam, Ba Lan

**44. Những đặc điểm cơ bản của nhà nước liên bang Ấn Độ**/ Nguyễn Lê Thy Thương, Nguyễn Thị Doan// Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 11 (84) .- Tr. 11 - 19.

**Nội dung:** Phân tích sự ra đời và chức năng của nhà nước liên bang Ấn Độ để lý giải tại sao Ấn Độ lựa chọn mô hình nhà nước liên bang, đồng thời vẫn giữ những đặc điểm của nhà nước đơn nhất. Ngoài ra, cũng làm rõ ba đặc điểm của nhà nước liên bang Ấn Độ là tính liên bang, tính đơn nhất và tính bất đối xứng, từ đó rút ra kết luận.

**Từ khóa:** Nhà nước liên bang, chủ nghĩa liên bang, Ấn Độ

**45. Những sự kiện chính trị nổi bật Châu Âu năm 2019 và triển vọng năm 2020/** Đào Bảo Ngọc// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 1 (232) .- Tr. 19-30.

**Nội dung**: Phân tích và làm rõ những biến động về chính trị châu Âu năm 2019 và những dự báo về triển vọng đối với châu Âu trong năm 2020.

**Từ khóa:** Chính trị, bầu cử, nghị viện, EU, Brexit, di cư, 2019

**46. Những thách thức đối với sức mạnh tổng hợp quốc gia của Ấn Độ**/ Trần Hoàng Long, Nguyễn Thị Oanh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 1 (86) .- Tr. 1 - 9.

**Nội dung:** Làm rõ những nhân tố thách thức bên trong (chính trị - xã hội, an ninh – quốc phòng, khoa học – công nghệ, sức mạnh mềm) đối với việc đạt được sức mạnh tổng hợp quốc gia của Ấn Độ.

**Từ khóa:** Ấn Độ, sức mạnh cứng, sức mạnh mềm, sức mạnh tổng hợp quốc gia, thách thức

**47. Phát triển kinh tế vùng viễn đông Nga và cơ hội hợp tác của Việt Nam**/ Ngô Cao Hoài Linh// Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 10 (170) .- Tr. 32 - 41.

**Nội dung:** Trình bày các mục như sau: 1. Khái quát điều kiện tự nhiên, chính trị, xã hội của vùng Viễn Đông Nga; 2. Chính sách phát triển vùng Viễn Đông Nga và 3. Cơ hội hợp tác kinh tế của Việt Nam.

**Từ khóa:** Hợp tác kinh tế, vùng Viễn Đông Nga, Việt Nam

**48. Phương thức phát huy vai trò của think tanks trong đời sống chính trị ở Trung Quốc và một số gợi mở cho Việt Nam**/ Nguyễn Trọng Bình// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 1 (221) .- Tr. 18 - 28.

**Nội dung:** Phân tích phương thức phát huy vai trò của think tanks trong đời sống chính trị ở Trung Quốc, từ đó nêu lên một số gợi mở cho Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Phương thức phát huy, vai trò, think tanks, Trung Quốc, Việt Nam

**49. Quan điểm của Jiddu Krishnamutri về các đặc trưng của nền giáo dục chân chính/** Võ Anh Tuấn// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 2 (87) .- Tr. 38-44.

**Nội dung**: Trình bày các đặc trưng của nền giáo dục chân chính, những thay đổi về phương pháp và nội dung trong giáo dục nhằm kiến tạo nên một nền giáo dục mới, đúng đắn và phù hợp hơn đối với người học.

**Từ khóa:** Krishnamutri, giá trị nhân văn, triết lý giáo dục

**50. Quan hệ Việt Nam – Đức: Một số điểm nhân và triển vọng**/ Bùi Hải Đăng, Huỳnh Tâm Sáng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 10 (229) .- Tr. 3 - 15.

**Nội dung:** Trình bày nội dung về những nội dung nổi bật trong quan hệ Việt Nam – Đức và một số gợi ý nhằm thúc đẩy quan hệ Việt Nam – Đức.

**Từ khóa:** Quan hệ Việt Nam – Đức, quan hệ Việt Nam – EU, đối tác chiến lược, Liên minh Châu Âu

**51. Quan hệ Ấn Độ - Nga trong vấn đề hạt nhân Iran (2000-2010)**/ Hoàng Xuân Trường// Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 11 (84) .- Tr. 42 - 49.

**Nội dung:** Trình bày nội dung về: 1. Vị thế Iran trong chiến lược của các cường quốc; 2. Lịch sử chương trình hạt nhân của Iran trước khủng hoảng; 3. Quan hệ Ấn Độ - Nga về giải quyết vấn đề hạt nhận của Iran và Kết luận.

**Từ khóa:** Ấn Độ, Iran, Nga, quan hệ Ấn Độ - Nga, vấn đề hạt nhân

**52. Quan hệ Ấn Độ - Sri Lanka dưới thời Thủ tướng Narendra Modi/** Nguyễn Thị Oanh, Lê Thị Hằng Nga// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 2 (87) .- Tr. 18-28.

**Nội dung**: Làm rõ thực trạng quan hệ Ấn Độ - Sri Lanka dưới thời Thủ tướng Narendra Modi trong các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế và an ninh quốc phòng. Khẳng định một số thành tựu nổi bật trong quan hệ Ấn Độ - Sri Lanka, đồng thời chỉ ra những thách thức tiếp tục là rào cản trong việc thúc đẩy quan hệ hai nước lên những tầm cao mới.

**Từ khóa:** Hợp tác song phương, quan hệ Ấn Độ - Sri Lanka, Narendra Modi

**53. Quan hệ chính trị và kinh tế của Thái Lan – Campuchia từ năm 2008 đến năm 2016**/ Hà Lê Huyền// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 10 (83) .- Tr. 39 - 47.

**Nội dung:** Phân tích những biến chuyển trong quan hệ chính trị và kinh tế của hai nước, nhận diện được yếu tố chính trị trong nước mà cụ thể là chính phủ nào nắm quyền và lợi ích kinh tế của họ là gì, yếu tố tiên quyết ảnh hưởng và định hình mối quan hệ giữa Thái Lan và Cam puchia là như thế nào?.

**Từ khóa:** Thái Lan, Campuchia, quan hệ chính trị, kinh tế

**54. Quan hệ đầu tư giữa Việt Nam và Cộng hòa Liên bang Đức giai đoạn 2012 – 2018: triển vọng và thách thức**/ Đặng Hoàng Linh, Nguyễn Hồng Ngọc// Nghiên cứu Quốc tế .- 2019 .- Số 2 (117) .- Tr. 7 - 24.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng, phân tích và tổng hợp những nét tiêu biểu trong quan hệ đầu tư giữa Việt Nam và Công hòa Liên bang Đức, từ đó đánh giá thành tựu và hạn chế của mối liên kết song phương này để đưa ra triển vọng cũng nhưu đề xuất các giải pháp ở tầm vĩ mô nhằm thu hút và nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư giữa hai quốc gia.

**Từ khóa:** Đầu tư Việt – Đức, FDI, ODA

**55. Quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Đức hướng tới tương lai**/ Đặng Hoàng Linh// Nghiên cứu Quốc tế .- 2019 .- Số 3 (118) .- Tr. 56 - 74.

**Nội dung:** Trình bày nội dung về Lịch sử quan hệ song phương giữa Việt nam và Cộng hòa Liên bang Đức; Cơ sở thuận lợi để phát triển quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Cộng hòa Liên bang Đức; Cầu nối bền vững thúc đẩy quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Cộng hòa Liên bang Đức, Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Cộng hòa Liên bang Đức; Đầu tư giữa Việt Nam và Cộng hòa Liên bang Đức; Quan hệ chính trị giữa Việt Nam và Cộng hòa Liên bang Đức và Triển vọng nâng tầm quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam và Cộng hòa Liên bang Đức.

**Từ khóa:** Thương mại Việt – Đức, kim ngạch xuất nhập khẩu, xuất siêu, đầu tư Việt – Đức, FDI, ODA

**56. Quan hệ Nga – châu Phi sau chiến tranh lạnh**/ Nguyễn Hồng Quân// Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 12 (172) .- Tr. 42 – 46.

**Nội dung:** Trình bày các mục như sau: 1. Quan hệ chính trị; 2. Quan hệ hợp tác quốc phòng, an ninh; 3. Quan hệ kinh tế, đầu tư, thương mại; 4. Trợ giúp nhân đạo; 5. Trở ngại cạnh tranh gay gắt từ các cường quốc và 6. Thay lời kết luận.

**Từ khóa:** Nga – Châu Phi, quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư, hợp tác quốc phòng, an ninh, bán vũ khí, cố vấn quân sự

**57. Quan hệ Việt Nam – Campuchia và ý nghĩa đối với cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc của hai nước (1954-1975)/** Đinh Đức Duy// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 4 (89) .- Tr. 34-40.

**Nội dung**: Tìm hiểu vị trí, vai trò và ý nghĩa mối quan hệ song phương đối với thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh chống Mỹ cứu nước của mỗi dân tộc.

**Từ khóa:** Campuchia, độc lập dân tộc, quan hệ, Việt Nam

**58. Quan hệ Việt Nam – Cộng hòa Liên bang Đức qua 45 năm phát triển/** Nguyễn Thị Thìn// Nghiên cứu Quốc tế .- 2020 .- Số 1 (120) .- Tr. 57-76.

**Nội dung**: Điểm lại những nét chính trong quan hệ Việt Nam – Cộng hòa Liên bang Đức, chỉ rõ những cơ hội và thách thức trong quan hệ giữa hai bên, đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm tiếp tục tăng cường mối quan hệ song phương này trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Quan hệ Việt Nam – Cộng hòa Liên bang Đức, chính sách đối ngoại, Việt Nam, Cộng hòa Liên bang Đức.

**59. Quan hệ Việt Nam – EU trước thềm EVFTA: Thời cơ và thách thức**/ Nguyễn Thị Thu Hà// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 11 (230) .- Tr. 62 - 74.

**Nội dung:** Tổng kết những thành tựu cơ bản của quan hệ Việt nam – EU trong thập kỷ qua, phân tích những cơ hội và thách thức mà EVFTA mang lại cho Việt Nam, nếu nó được triển khai thực thi, đồng thời cũng nêu lên một số giải pháp đối với Việt Nam, đối với cả chính phủ và các doanh nghiệp, để tận dụng những cơ hội và hạn chế những thách thức.

**Từ khóa:** EU, Việt Nam, EVFTA, EVIPA, cơ hội, thách thức, giải pháp

**60. Quan hệ Việt Nam – Liên bang Nga: Tiến tới kỷ niệm 70 năm thiết lập quan hệ ngoại giao song phương**/ Nguyễn Thanh Lan, Nguyễn An Hà// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 10 (229) .- Tr. 44 - 56.

**Nội dung:** Điểm lại những nét chính trong quan hệ giữa hai nước cũng như những khó khăn, thuận lợi trong quan hệ Việt Nam – Liên bang Nga.

**Từ khóa:** Việt Nam, Liên bang Nga, quan hệ hữu nghị truyền thống

**61. Quan hệ Việt Nam – Na Uy: Cơ hội và thách thức**/ Chử Thị Nhuần// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 12 (231) .- Tr. 65 - 72.

**Nội dung:** Đánh giá những thành tựu quan trọng trong mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam – Na Uy, từ đó đưa ra khuyến nghị thúc đẩy quan hệ giữa hai nước trong những năm tiếp theo.

**Từ khóa:** Quan hệ ngoại giao, kinh tế, chính trị, Việt Nam, Na Uy

**62. Quyền lực mềm Trung Quốc đối với Việt Nam từ lý thuyết đến thực tiễn/** Nguyễn Ngọc Anh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 4 (224) .- Tr. 30-37.

**Nội dung**: Các vấn đề cơ bản về quyền lực mềm trong quan hệ quốc tế; Các yếu tố của quyền lực mềm Trung Quốc đối với Việt Nam; Hiệu quả của quyền lực mềm Trung Quốc đối với Việt Nam.

**Từ khóa:** Quyền lực mềm, Trung Quốc, Việt Nam, hiệu quả

**63. Sự phát triển của FinTech tại Trung Quốc, Hồng Công và Ấn Độ kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hoài Lê, Ngô Thị Hằng// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 1 (221) .- Tr. 3 - 17.

**Nội dung:** Cung cấp các kinh nghiệm về phát triển FinTech của các quốc gia và vùng lãnh thổ được đánh giá là đang có tốc độ phát triển nhanh nhất trên thế giới, từ đó, chỉ ra các bài học kinh nghiệm cho quản lý và phát triển FinTech ở Việt Nam.

**Từ khóa:** FinTech, công nghệ tài chính, ngân hàng thương mại, định chế tài chính, Trung Quốc, Hông Công, Ấn Độ, Việt Nam

**64. Sự tham gia của Trung Quốc vào các mạng sản xuất toàn cầu trong ngành dược và hàm ý cho Việt Nam/** Lê Ái Lâm, Bùi Hà Phương// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 3 (223) .- Tr. 31-44.

**Nội dung**: Trình bày sự tham gia của Trung Quốc vào các mạng sản xuất toàn cầu trong ngành dược, trong đó chỉ rõ hình thức tham gia, hoạt động tham gia và vị thế của Trung Quốc trong chuỗi giá trị toàn cầu ngành dược. Chỉ ra các chính sách quan trọng thúc đẩy sự tham gia này của Trung Quốc và từ đó rút ra một vài hàm ý chính sách cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Mạng sản xuất toàn cầu ngành dược, ngành dược Trung Quốc, Việt Nam, Trung Quốc

**65. Sự thay đổi cục diện ở Trung Đông**/ Nguyễn Nhâm// Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 11 (171) .- Tr. 3 - 11.

**Nội dung:** Trình bày các mục như sau: 1. Những diễn biến phức tạp và mau lẹ tại khu vực Trung Đông và 2. Đến thay đổi cục diện tại Trung Đông.

**Từ khóa:** Trung Đông, cuộc chiến, xung đột, cục diện, an ninh, chính sách, chiến lược

**66. Sự truyền thừa của Phật giáo và vùng châu thổ sông Mê Kông qua cứ hiệu thời kỳ Vương quốc Phù Nam và Văn hóa Óc Eo – Những vấn đề khoa học đặt ra cần nghiên cứu hiện nay**/ Lý Hùng// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 10 (83) .- Tr. 79 - 86.

**Nội dung:** Khái quát về Vương quốc Phù Nam và văn hóa Óc Eo, trên cơ sở đó đưa ra một số luận điểm khoa học và những vấn đề cần nghiên cứu đối với quá trình truyền thừa của Phật giáo và vùng châu thổ sông Mê Kông, hướng các nhà nghiên cứu khoa học quan tâm đến địa danh “Suvannaphumi.

**Từ khóa:** Phật giáo, vương quốc, Phù Nam, văn hóa Ó Eo, Vùng châu thổ Sông Mê Kông, Suvannaphumi

**67. Sức mạnh nền văn hóa Ấn Độ hiện nay/** Nguyễn Tiến Thu// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 2 (87) .- Tr. 29-37.

**Nội dung**: Phân tích cách thức chủ yếu mà Ấn Độ hiện nay đang thực hiện để xây dựng sức mạnh mềm văn hóa của mình là thông qua 3 phương diện: phát triển công nghiệp văn hóa, ngoại giao văn hóa và thông qua cộng đồng người Ấn ở nước ngoài.

**Từ khóa:** Sức mạnh mềm, văn hóa, công nghiệp văn hóa, Ấn Độ

**68. Tác động bước đầu đến kinh tế toàn cầu của dịch Covid-19 ở Trung Quốc/** Trần Thế Tuân, Lưu Ngọc Trịnh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 3 (223) .- Tr. 5-18.

**Nội dung**: Kinh tế Trung Quốc giảm tốc; Tầm quan trọng của kinh tế Trung Quốc; Tác động đến nền kinh tế toàn cầu.

**Từ khóa:** Trung Quốc, Virus Corona, dịch Covid-19, chuỗi cung ứng, tăng trưởng chậm

**69. Tác động của khủng hoảng nhập cư đối với Liên minh châu Âu/** Bùi Nam Khánh, Nguyễn Thị Khánh Vân// Nghiên cứu Quốc tế .- 2019 .- Số 4 (119) .- Tr. 175-198.

**Nội dung**: Nghiên cứu, phân tích, đánh giá về tình hình và những tác động của cuộc khủng hoảng nhập cư từ năm 2015 đến nay đối với EU.

**Từ khóa:** Khủng hoảng nhập cư, Liên minh châu Âu, kiểm soát biên giới

**70. Tác động của nhân tố Ấn Độ đến an ninh và phát triển của Việt Nam/** Võ Xuân Vinh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 3 (88) .- Tr. 20-28.

**Nội dung**: Vai trò của Việt Nam trong chính sách Hành động phía Đông của Ấn Độ; Tác động của nhân tố Ấn Độ đến Việt Nam.

**Từ khóa:** An ninh và phát triển, Ấn Độ, chính sách hành động phía Đông, Việt Nam

**71. Thành công, hạn chế và giải pháp thúc đẩy đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt - Nga/** Vũ Dương Huân// Nghiên cứu Quốc tế .- 2019 .- Số 4 (119) .- Tr. 31-54.

**Nội dung**: Giải thích các thành công, hạn chế chính và đề xuất một số giải pháp thúc đẩy quan hệ Việt - Nga.

**Từ khóa:** Quan hệ Việt – Nga, hợp tác kinh tế thương mại, hạn chế quan hệ Việt – Nga

**72. Thúc đẩy hợp tác toàn diện Việt Nam – Liên minh Châu Âu trong bối cảnh quốc tế mới**/ Đinh Công Tuấn, Lê Đắc Sơn// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 12 (231) .- Tr. 3 - 14.

**Nội dung:** Đánh giá những nhân tốc tác động đến quan hệ đối tác hợp tác toàn diện Việt Nam – Liên minh Châu Âu qua 30 năm từ 1990 đến 2019; Từ đó, đưa ra các giải pháp thúc đẩy hợp tác toàn diện Việt Nam – Liên minh châu Âu trong tương lai.

**Từ khóa:** Hợp tác toàn diện Việt Nam – EU, EVFTA, EVIPA

**73. Thực trạng giáo dục của Mozambique và hợp tác giáo dục với Việt Nam**/ Lê Quang Thắng// Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 11 (171) .- Tr. 33 - 39.

**Nội dung:** Phân tích các chính sách, mục tiêu giáo dục và thực trạng giáo dục của Cộng hòa Mozambique, đồng thời đánh giá khả năng hợp tác giáo dục giữa Việt Nam với đất nước này.

**Từ khóa:** Giáo dục, hợp tác giáo dục, Mozmbique, Việt Nam

**74. Thực trạng và triển vọng quan hệ hợp tác Việt Nam – Hà Lan**/ Lê Thị Hòa, Nguyễn Thị Thơm// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 11 (230) .- Tr. 75 - 83.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng quan hệ Việt Nam – Hà Lan trên nhiều khía cạnh như chính trị - ngoại giao, kinh tế, giáo dục – đào tạo, quốc phòng – an ninh…, đồng thời đưa ra một số đánh giá đối với triển vọng quan hệ giữa hai quốc gia trong những năm tiếp theo.

**Từ khóa:** Quan hệ, thực trạng, triển vọng, Việt Nam, Hà Lan

**75. Tìm hiểu về quan hệ đặc biệt trong quan hệ quốc tế/** Phan Chí Thành// Nghiên cứu Quốc tế .- 2020 .- Số 1 (120) .- Tr. 175-194.

**Nội dung**: Việc tìm hiểu lý thuyết về quan hệ đặc biệt trong quan hệ quốc tế nói chung có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu các quan hệ đặc biệt của Việt Nam với một số đối tác quan trọng và phục vụ mục tiêu phân tích chính sách đối ngoại.

**Từ khóa:** Quan hệ đặc biệt, lợi ích quốc gia, ý thức hệ, sự bất cân xứng.

**76. Tư duy về chiến tranh trong tương lai với lý thuyết của Carl Von Clausewitz**/ Nguyễn Cao Thanh// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 12 (231) .- Tr. 44 - 56. 959.7

**Nội dung:** Trình bày các điều như sau: 1. Từ định nghĩa một phần đến định nghĩa ba phần của chiến tranh; 2. Chiến tranh tuyệt đối và chiến tranh thực sự và 3. Chiến tranh và chính trị, “Phương thức”.

**Từ khóa:** Chiến tranh, chính trị, chiến tranh tuyệt đối, chiến tranh thực sự.

**77. Tư tưởng Hồ Chí Minh về ứng xử trong quan hệ với các nước lớn và bài học kinh nghiệm trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay**/ Lê Hải Bình// Nghiên cứu Quốc tế .- 2019 .- Số 3 (118) .- Tr. 29 - 55.

**Nội dung:** Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho nền ngoại giao nước nhà, đáng chú ý là tư tưởng của Người về ứng xử trong quan hệ với các nước lớn, được đúc rút từ thực tiễn cách mạng của đất nước. Bài học kinh nghiệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về ứng xử với các nước lớn vẫn còn nguyên giá trị trong giai đoạn Việt Nam đang hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay và nhất là trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, cạnh tranh nước lớn gia tăng.

**Từ khóa:** Tập hợp lực lượng, tư tưởng Hồ Chí Minh, tương quan sức mạnh, lợi ích quốc gia

**78. Vấn đề hòa bình và an ninh ở khu vực Tây Phi và Sahel tại Hội đồng Bảo An Liên Hợp Quốc và sự tham gia của Việt Nam trong vị trí E10 hiện nay/** Nguyễn Việt Lâm// Nghiên cứu Quốc tế .- 2020 .- Số 1 (120) .- Tr. 159-174.

**Nội dung**: Trình bày về vấn đề Tây Phi và khu vực Sahel; Dự báo tình hình Tây Phi trong năm 2020-2021; Việt Nam với vấn đề Tây Phi và khu vực Sahel tại Hội đồng Bảo An; Đề xuất phương hướng đóng góp của Việt Nam thời gian tới.

**Từ khóa:** Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, Tây Phi, Sahel, E10

**79. Vị thế thương mại của Đàng Trong (Việt Nam) trong hành trình tìm đến châu Á và Bồ Đào Nha (thế kỷ XVI – XVII)**/ Hoàng Thị Anh Đào, Trần Xuân Hiệp// Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 11 (84) .- Tr. 81 - 86.

**Nội dung:** Tái dựng lại bức tranh giao thương của Bồ Đào Nha với Đàng Trong thế kỷ XVI – XVII, từ đó rút ra những nhận định khách quan, khoa học về vị thế của Đàng Trong (Việt Nam) trong hành trình sang châu Á của quốc gia tiên phong hàng hải này.

**Từ khóa:** Bồ Đào Nha, Đàng Trong, thương mại biển

**80. Xu hướng chính sách đối ngoại của Cam-pu-chia trong 10 – 15 năm tới**/ Lê Hải Bình// Nghiên cứu Quốc tế .- 2019 .- Số 2 (117) .- Tr. 95 - 119.

**Nội dung:** Cam-pu-chia là đối tác láng giềng quan trọng của Việt Nam. Lịch sử cho thấy, xử lý quan hệ với Cam-pu-chia là vấn đề có tính trọng yếu đối với an ninh, phát triển và vị thế khu vực của Việt Nam. Trong bối cảnh phức tạp của tình hình thế giới và khu vực Đông Nam Á cũng như những diễn biến ở Cam-pu-chia thời gian gần đây, việc đánh giá xu hướng chính sách đối ngoại của nước này trong trung và dài hạn là rất quan trọng, góp phần hoạch định chiến lược đối ngoại của Việt Nam trong tình hình mới.

**Từ khóa:** Cam-pu-chia, chính sách đối ngoại, Việt Nam, xu hướng, trung hạn, dài hạn

**81. Xu thế tập hợp lực lượng ở Châu Á – Thái Bình Dương 5-10 năm tới : tác động và đối sách của Việt Nam/** Lê Hải Bình// Nghiên cứu Quốc tế .- 2020 .- Số 1 (120) .- Tr. 7-30.

**Nội dung**: Tác động của xu thế tập hợp lực lượng ở Châu Á – Thái Bình Dương; Khuyến nghị định hướng tham gia các tập hợp lực lượng của Việt Nam trong 5-10 năm tới.

**Từ khóa:** Tập hợp lực lượng, châu Á – Thái Bình Dương, Việt Nam, chính sách đối ngoại

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**1. Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, xung đột khu vực, dịch bệnh toàn cầu tới hoạt động xuất khẩu lao động của Việt Nam (1991-2016)/** Nguyễn Thùy Linh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 4 (89) .- Tr. 57-63.

**Nội dung**: Khái quát tình hình xuất khẩu lao động của Việt Nam trong giai đoạn 1991-2016 và phân tích ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, xung đột khu vực, dịch bệnh toàn cầu đến hoạt động xuất khẩu lao động của Việt Nam.

**Từ khóa:** Dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế, xuất khẩu lao động, xung đột khu vực, Việt Nam.

**2. Bất bình đẳng chi tiêu công cho giáo dục và thu nhập tại Việt Nam**/ Võ Hồng Đức, Võ Thế Anh, Hồ Minh Chí// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 272 .- Tr. 2-12.

**Nội dung**: Chi tiêu công cho giáo dục là vấn đề nền tảng cho sự phát triển kinh tế xã hội ở các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm cung cấp các kết quả định lượng cho hai mục tiêu nghiên cứu sau đây. Thứ nhất, nghiên cứu xác định mức độ chênh lệch chi tiêu công cho giáo dục tại Việt Nam, dựa trên phương pháp mới được phát triển bởi Vo (2008, 2009, 2010). Thứ hai, nghiên cứu xây dựng và xác định mối tương quan giữa chênh lệch chi ngân sách cho giáo dục và phân phối thu nhập tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy bất bình đẳng chi tiêu công cho giáo dục làm tăng bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam. Bên cạnh đó, chi ngân sách đảm bảo an ninh xã hội lại làm giảm bất bình đẳng thu nhập. Nghiên cứu này chỉ ra rằng giảm chênh lệch giữa mức độ chi tiêu công cho giáo dục giữa các đơn vị trong cả nước và trong mỗi địa phương sẽ góp phần làm giảm bất bình đẳng về thu nhập tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Bất bình đẳng chi tiêu công cho giáo dục, bất bình đẳng thu nhập, Entropy, Việt Nam

**3. Bất bình đẳng thu nhập trong chủ nghĩa tư bản – Lý thuyết và thực tiễn**/ Phan Văn Phúc// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 2 tháng 2 .- Tr. 67-84.

**Nội dung**: Bài viết phân tích những quan điểm nổi bật về bất bình đẳng và diễn biến xu hướng bất bình đẳng trong chủ nghĩa tư bản. Karl Marx phê phán chủ nghĩa tư bản là một cơ chế không ngừng tạo ra bất bình đẳng dựa trên quyền sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Trái ngược với quan điểm của Marx, Simon Kuznets đưa ra một bức tranh lạc quan cho sự vận động của bất bình đẳng: Các nước phát triển sẽ có mức bất bình đẳng giảm dần. Tuy nhiên, số liệu thống kê không ủng hộ quan điểm này. Theo Thomas Piketty, bất bình đẳng có xu hướng tăng do có sự chênh lệch giữa gia tăng thu nhập của tư bản so với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân. Giải pháp chủ yếu để giảm bất bình đẳng là sự can thiệp có hiệu quả của nhà nước vào quá trình phân phối và cải thiện các chính sách an sinh xã hội. Thực trạng thu nhập của các nước tư bản phát triển đã cho thấy bức tranh đa chiều về bất bình đẳng. Điều này có thể lý giải từ sự gia tăng vai trò của nhà nước với tư cách là người điều phối thu nhập

**Từ khoá**: Karl Marx; Simon Kuznets; Thomas Piketty; Bất bình đẳng; Phân phối thu nhập; Chủ nghĩa tư bản

**4. Bất ổn kinh tế vĩ mô và đầu tư của doanh nghiệp tại Việt Nam**/ Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Thị Thúy an, Nguyễn Thanh Vinh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 8(495) .- Tr. 12-20.

**Nội dung**: Nghiên cứu những tác động của bất ổn kinh tế vĩ mô lên đầu tư của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE). Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu bao gồm 2.202 quan sát doanh nghiệp theo năm của 313 doanh nghiệp niêm yết trên HOSR từ năm 2005-2015. Bất ổn kinh tế vĩ mô được ước lượng dao động của các biến vĩ mô nên kinh tế gồm GDP, IPI, CPI và VN-Index thông qua sử dụng mô hình chuỗi thời gian ARCH/GARCH.

**Từ khoá**: Đầu tư doanh nghiệp, bất ổn kinh tế vĩ mô, chính sách tài chính doanh nghiệp

**5. Các động lực thúc đẩy sự sáng tạo của nhân viên: Vai trò điều tiết hỗn hợp của động lực hướng đến xã hội**/ Nguyễn Thị Đoan Trân// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 2 tháng 2 .- Tr. 26-43.

**Nội dung:** Dựa trên lý thuyết động lực của sự sáng tạo, nghiên cứu này đề xuất động lực nội tại và tự tin sáng tạo tác động cùng chiều đến sự sáng tạo, đồng thời xem xét tác động gián tiếp của quyền tự quản công việc đến sự sáng tạo thông qua tự tin sáng tạo và động lực nội tại. Hơn nữa, nghiên cứu còn kiểm định vai trò điều tiết hỗn hợp của động lực hướng đến xã hội. Với dữ liệu khảo sát từ 323 nhân viên đang làm việc trong ngành công nghệ thông tin, kết quả cho thấy quyền tự quản công việc ảnh hưởng trực tiếp đến động lực nội tại và tự tin sáng tạo, đồng thời tác động gián tiếp đến sự sáng tạo của nhân viên thông qua động lực nội tại và tự tin sáng tạo. Cả ba động lực chính là tự tin sáng tạo, động lực nội tại và động lực hướng đến xã hội đều tác động tích cực đến sự sáng tạo theo mức độ giảm dần. Thêm vào đó, động lực hướng đến xã hội củng cố ảnh hưởng của tự tin sáng tạo lên sự sáng tạo. Tuy nhiên, động lực hướng đến xã hội không điều tiết mối quan hệ giữa động lực nội tại và sự sáng tạo của nhân viên.

**Từ khoá**: Động lực hướng đến xã hội; Động lực nội tại; Quyền tự quản công việc; Sự sáng tạo; Tự tin sáng tạo

**6. Cơ hội mới trong hợp tác kinh tế Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ**/ Bùi Ngọc Tú// Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 12 (172) .- Tr. 47 - 56.

**Nội dung:** Đánh giá thực trạng hợp tác kinh tế Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn 2010 – 2017, phân tích các cơ hội hợp tác song phương, đồng thời khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Hợp tác thương mại, hợp tác đầu tư, cơ hội, Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ

**7. Cơ hội và thách thức đối với thanh niên Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư**/ Bùi Đức Mậu// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 10 (83) .- Tr. 73 - 78.

**Nội dung:** Đề cập đến cơ hội và thách thức của thanh niên Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 và đồng thời đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần giúp thanh niên có thể phát huy tốt năng lực của mình bằng việc tận dụng những lợi thế mà cuộc cách mạng này mang lại.

**Từ khóa:** Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, nguồn nhân lực, công nghệ thông tin, Việt Nam

**8. Cuộc vận động Minh Tân về kinh tế ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX và những bài học kinh nghiệm**/ Nguyễn Thế Hồng// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 10 (83) .- Tr. 48 - 53.

**Nội dung:** Làm rõ cuộc vận động cải cách kinh tế của phong trào Minh Tân tại Nam Kỳ vào đầu thế kỷ XX, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

**Từ khóa:** Vận động, kinh tế, Minh Tân, Nam Kỳ

**9. Gia nhập, rời bỏ và đóng góp của các doanh nghiệp vào thay đổi năng suất của khu vực chế biến, chế tạo Việt Nam giai đoạn 2012-2017**/ Vũ Hoàng Đạt// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 12(499) .- Tr. 3-14.

**Nội dung**: Sử dụng số liệu Điều tra doanh nghiệp VN từ năm 2013-2018 để nghiên cứu của quá trình gia nhập, rời bỏ và đóng góp của các doanh nghiệp tồ tại trong giai đoạn này vào thay đổi năng suất lao động của VN trong lĩnh vực chế biến, chế tạo. Kết quả cho thấy: tỷ lệ các doanh nghiệp tồn tại trong giai đoạn này ở mức cao, xấp xỉ 60%, tuy nhiên, các doanh nghiệp này chỉ chiếm gần 40% doanh nghiệp năm 2017; tăng trưởng năng suất của các doanhn ghiệp tồn tại chiếm phần lớn trong tăng trưởng năng suất của khu vực chế biến chế tạo; ...

**Từ khoá**: Gia nhập và rời bỏ, phân rã thay đổi, tác động phân bổ, năng suất lao động

**10. Giải pháp thúc đẩy thực hiện Chiến lược Tăng trưởng xanh ở Việt Nam**/ Mai Văn Tiến// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 5 (331) .- Tr. 11 - 13.

**Nội dung:** Là nước chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, Việt Nam xác định phương thức Tăng trưởng xanh là mục tiêu cho phát triển bền vững đất nước và thực hiện cam kết với cộng đồng quốc tế cùng chung tay ứng phó với biến đổi khí hậu. Đồng thời, đó cũng là cơ hôi nâng cao đời sống cho người dân thông qua việc tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế và góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế và góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế và tiếp tục theo đuổi thành công mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

**Từ khóa:** Chiến lược, tăng trưởng xanh, Việt Nam

**11. Hợp tác kinh tế - xã hội trong Ủy ban sông Mê Công giai đoạn 1957-1975/**Bùi Anh Thư// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 141-151

**Nội dung:** Khái quát về sự ra đời, cơ chế tổ chức, hoạt động cũng như tình hình hợp tác kinh tế - xã hội trong Mê Công, từ đó đưa ra những nhận định, đánh giá về kết quả hoặt động của tổ chức này từ năm 1957 đến năm 1975.

**Từ khóa:** Hợp tác, kinh tế - xã hội, Ủy ban sông Mê Công

**12. Hợp tác kinh tế song phương Việt Nam – Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất/** Nguyễn Thị Quỳnh Hương// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 3 (175) .- Tr. 38-49.

**Nội dung**: Tổng quan về kinh tế Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất; Mối quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại giữa Việt Nam - Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất; Triển vọng hợp tác kinh tế song phương Việt Nam – Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất; Kết luận và kiến nghị.

**Từ khóa:** Hợp tác, thương mại, đầu tư, giao thông vận tải, lao động

**13. Kinh tế và chính trị thế giới năm 2019/** Nguyễn Đình Ngân, Nguyễn Bình Giang// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 2 (174) .- Tr. 35-42.

**Nội dung**: Kinh tế thế giới 2019; Chính trị thế giới 2019; Triển vọng kinh tế-chính trị thế giới 2020.

**Từ khóa:** Kinh tế, chính trị, thế giới, 2019.

**14. Kinh tế Trung Quốc năm 2019 và triển vọng năm 2020**/ Nguyễn Thị Hồng Nga, Nguyễn Bình Giang// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 12 (220) .- Tr. 3 - 13. 330

**Nội dung:** Trình bày những điều như sau: 1. Kinh tế Trug Quốc tăng trưởng kém nhất từ năm 1992 tới nay; 2. Chính sách nới lỏng tài chính; 3. Chính sách nới lỏng tiền tệ và 4. Triển vọng kinh tế kém tươi sáng.

**Từ khóa:** Trung Quốc, kinh tế năm 2019, tăng trưởng, triển vọng

**15. Phát triển khung phương pháp luận xếp hạng các khu công nghiệp của Việt Nam**/ Nguyễn Đức Thành, Phạm Văn Đại, Vũ Minh Long// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 8(495) .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Tổng hợp các nghiên cứu quốc tế về các nhân tố chi phối quyết định lựa chọn khu công nghiệp của các doanh nghiệp sản xuất cũng như lực cạnh tranh của các khu công nghiệp, trên cơ sở đó, bài viết đề xuất khung phương pháp luận cơ bản phục vụ phân tích và xếp hạng khu công nghiệp ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Khu công nghiệp, kinh tế vùng, kinh tế phát triển, phân tích đa tiêu chỉ, định giá hấn dẫn

**16. Phát triển kinh tế biển và khát vọng vươn khơi**/ Nguyễn Hữu Dũng// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 5 (331) .- Tr. 16 - 18.

**Nội dung:** Thế kỷ 21 là kỷ nguyên của kinh tế biển, Biển và đại dương chiếm khoảng 70% diện tích địa cầu, nhưng mới chỉ đóng góp khoảng 1,7% khối lượng thực phẩm của thế giới, trong đó, sản phẩm nuôi biển chỉ mới chiếm chưa đầy 0,5%. Nguồn lợi sinh vật của đại dương đang bị khai thác quá mức, mất khả năng tự tái tạo, ảnh hưởng xấu đến tính cân bằng của hệ sinh thái biển và đại dương. Vì thế, nhân loại cần “canh tác biển” và đại dương để tạo ra của cải vật chất cho nhân loại.

**Từ khóa:** Phát triển, kinh tế biển

**17. Quan hệ kinh tế Trung Quốc – Ai Cập những năm gần đây**/ Vũ Thị Thanh// Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 10 (170) .- Tr. 23 - 31.

**Nội dung:** Trình bày các mục như sau: 1. Các dấu mốc quan trọng trong quan hệ kinh tế song phương; 2. Các kết quả hợp tác kinh tế song phương và 3. Một số nhận xét.

**Từ khóa:** Quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư, Trung Quốc, Ai Cập

**18. Quan hệ kinh tế Việt Nam – Trung Quốc trong một thế giới đầy biến động: thực trạng và các vấn đề đặt ra**/ Lê Xuân Sang// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 1 (221) .- Tr. 41 - 53.

**Nội dung:** Đánh giá quan hệ thương mại chính ngạch và đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam và các xu hướng, vấn đề đặt ra đối với hai nước trong bối cảnh phát triển mới.

**Từ khóa:** Quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc, đầu tư trực tiếp, chiến tranh thương mại, Việt Nam, Trung Quốc

**19. Quần tụ kinh tế và năng suất của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam**/ Huỳnh Thế Nguyễn// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 274 .- Tr. 83-92.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích quần tụ kinh tế và năng suất của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Bài viết sử dụng phương pháp xác định năng suất của Levinsohn & Petrin (2003) và phương pháp mô-men tổng quát (General method of moments - GMM) để phân tích bộ dữ liệu được trích xuất từ Điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê giai đoạn 2013-2016. Kết quả nghiên cứu cho thấy năng suất tổng hợp và quần tụ kinh tế có xu hướng gia tăng trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong giai đoạn nghiên cứu. Đặc biệt, các yếu tố như: quần tụ kinh tế, tham gia hoạt động xuất khẩu và tỷ lệ vốn lao động có tác động tích cực đến việc cải thiện năng suất trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Quần tụ kinh tế, doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng suất tổng hợp

**20. Sự gắn kết của sinh viên và chất lượng cuộc sống đại học: Nghiên cứu thông qua giá trị dịch vụ cảm nhận và mục đích cuộc sống**/ Nguyễn Thị Đoan Trân// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 2 tháng 2 .- Tr. 44-66.

**Nội dung**: Bài báo thực hiện nghiên cứu thực nghiệm về sự gắn kết của sinh viên đối với trường đại học mà họ đang theo học nhằm chứng minh mối quan hệ của sự gắn kết này với chất lượng cuộc sống đại học. Bài báo cũng tìm thấy và chứng minh giá trị dịch vụ cảm nhận và mục đích cuộc sống chính là hai biến tiền tố quan trọng đối với sự gắn kết của sinh viên – điều mà tác giả ít tìm thấy bằng chứng trong các nghiên cứu trước đây. Nghiên cứu này sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính để xử lý mô hình với 4 biến tiềm ẩn và 5 giả thuyết cho mối quan hệ giữa các biến. Kết quả tìm thấy có 4/5 giả thuyết được chấp nhận ở mức ý nghĩa 0,1% với dữ liệu thu thập chính thức từ 829 sinh viên của hai trường đại học đào tạo về kinh tế, kinh doanh (được xem là hàng đầu) tại Hà Nội.

**Từ khoá**: Sự gắn kết của sinh viên; Chất lượng cuộc sống đại học; Giá trị dịch vụ cảm nhận; Mục đích cuộc sống

**21. Tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hưng Yên**/ Nguyễn Quang Hiệp// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2019 .- Số 5 .- Tr. 51-62.

**Nội dung**: Bài viết này sử dụng mô hình hiệu chỉnh sai số (ECM) phân tích tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hưng Yên. Kết quả ước lượng mô hình thực nghiệm cho thấy: Tổng chi ngân sách có tác động tích cực đến GRDP trong cả ngắn hạn và dài hạn. Cùng với tổng chi ngân sách thì các khoản mục cấu thành tổng chi là chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cũng được tìm thấy là có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Kết quả cũng cho thấy các biến số còn lại cũng có ảnh hưởng thuận chiều đến GRDP. Đặc biệt, những biến động của CPI trong thời gian qua của tỉnh Hưng Yên được kiểm soát khá tốt, do đó đã có những ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

**Từ khoá**: Chi tiêu công, mô hình hiệu chỉnh sai số, tăng trưởng kinh tế

**22. Tác động của chính sách giám sát an toàn vĩ mô tới giá bất động sản tại Việt Nam**/ Phạm Thị Hoàng Anh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2019 .- Số 5 .- Tr. 24-38.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của các công cụ chính sách an toàn vĩ mô cũng như các nhân tố kinh tế vĩ mô khác đến giá bất động sản tại Việt Nam trong giai đoạn 2000-2018. Dựa trên mô hình hồi quy tuyến tính, nghiên cứu đã tìm ra bằng chứng thực nghiệm cho thấy việc NHNN áp trọng số rủi ro đối với kinh doanh bất động sản, và hạn chế đối tượng vay ngoại tệ có tác động làm giảm giá bất động sản tại Việt Nam trong giai đoạn 2000-2018. Các yếu tố vĩ mô như tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng kinh tế nóng được chứng minh có ảnh hưởng lớn tới sự bùng nổ của thị trường bất động sản.

**Từ khoá**: Chính sách an toàn vĩ mô, giá bất động sản, Việt Nam

**23. Tác động của COVID-19 đến nền kinh tế - Những đánh giá ban đầu và hàm ý chính sách**/ Tô Trung Thành, Bùi Trinh// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 274 .- Tr. 23-30.

**Nội dung**: Đại dịch COVID-19 là một cú sốc lớn đến kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tác động của nó theo những cách thức chưa có tiền lệ. Nghiên cứu này những đánh giá ban đầu về tác động của dịch bệnh đến nền kinh tế. Theo đó, nếu dịch bệnh kéo dài, khả năng nền kinh tế rơi vào suy thoái là rất cao. Tính riêng tác động của hạn chế giao thương với Trung Quốc đã khiến nền kinh tế có thể suy giảm 0,6% đến 0,8% tăng trưởng GDP. Chính phủ cần tập trung vào chính sách tài khóa và tăng cường an sinh xã hội, không nên lạm dụng chính sách tiền tệ trong ứng phó với dịch COVID-19.

**Từ khoá**: COVID-19, Bảng I/O, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ

**24. Tác động của đại dịch COVID-19 đến các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp Việt Nam và các khuyến nghị chính sách**/ Hoàng Mạnh Hùng, Nguyễn Hà Hưng, Ngô Thị Phương Thảo, Võ Thị Hòa Loan, Nguyễn Thị Hoàng Hoa, Phùng Chí Cường// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 274 .- Tr. 31-42.

**Nội dung**: Nông nghiệp là ngành sản xuất ra những sản phẩm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của con người và được ưu tiên duy trì trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và cách ly xã hội. Bên cạnh những cơ hội, nông nghiệp cũng không tránh khỏi những thách thức. Kết quả của nhóm nghiên cứu cho thấy phần lớn các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp chịu tác động tiêu cực, doanh thu giảm mạnh, nhiều biện pháp đã được thực hiện nhưng chỉ mang tính cầm cự. Điều này đòi hỏi phải có sự hỗ trợ và can thiệp của Chính phủ như cho vay vốn ưu đãi; miễn giảm lãi, phí ngân hàng; cơ cấu lại thời gian trả nợ và các khoản nợ; gia hạn thời gian nộp thuế; xác định tiêu chí hỗ trợ; đẩy mạnh sự vào cuộc của các doanh nghiệp logistic; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tăng cường chế biến sâu và liên kết.

**Từ khoá:** Covid-19, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nông nghiệp

**25. Tác động của đại dịch COVID-19 đến nền kinh tế Việt Nam**/ Phạm Hồng Chương và Nhóm nghiên cứu Khoa Kế hoạch và Phát triển, Khoa Toán Kinh tế, Khoa Thống kê và Khoa Kinh tế học// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 274 .- Tr. 2-13.

**Nội dung:** Nghiên cứu này hướng đến việc dự phóng các kịch bản tác động của đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế Việt Nam và từ đó đưa ra một số khuyến nghị chính sách nhằm hạn chế các tác động tiêu cực về mặt kinh tế. Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng: (i) Tăng trưởng GDP quý 2 của Việt Nam dự báo khoảng 2,0 % so với cùng kỳ và thậm chí suy thoái nếu xảy ra kịch bản xấu; (ii) Nếu đại dịch dịch kéo dài thì ảnh hưởng đến nền kinh tế nói chung và khu vực doanh nghiệp nói riêng là rất nghiệm trọng. Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ xây dựng nhiều kịch bản chính sách kinh tế khác nhau từ ngắn (hỗ trợ) đến dài hạn (giải cứu) nhằm ứng phó với tình hình dịch ở cả Việt Nam lẫn các quốc gia khác trên thế giới. Các giải pháp chính sách đưa ra cần tính đến độ trễ trong quá trình ban hành và triển khai để đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả.

**Từ khoá:** Covid-19, Nền kinh tế Việt Nam, Phản ứng chính sách

**26. Tác động của đại dịch COVID-19 đến nền kinh tế Việt Nam và giải pháp ứng phó**/ Trần Thọ Đạt// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 274 .- Tr. 14-22.

**Nội dung**: Đại dịch Covid-19 mặc dù ban đầu là khủng hoảng y tế nhưng tác động đến kinh tế là rất nghiêm trọng và đang có nguy cơ dẫn đến khủng hoảng toàn cầu theo cách chưa có tiền lệ. Tại Việt Nam, tác động của Covid-19 là rất lớn, thể hiện ở các số liệu thống kê quý I/2020 ở mức xấu nhất trong nhiều năm vừa qua. Các chính sách ứng phó của Chính phủ hiện nay được cho là phù hợp và đúng hướng, tuy nhiên đang đối diện với nhiều ràng buộc chính sách. Các kịch bản dự báo kinh tế năm 2020 đều cho thấy tăng trưởng Việt Nam sẽ ở mức rất thấp, trước khi hồi phục mạnh mẽ trong năm 2021.

**Từ khoá**: COVID-19, khủng hoảng toàn cầu, tăng trưởng kinh tế, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ

**27. Tác động của đại dịch COVID-19 đến ngành du lịch Việt Nam và những giải pháp ứng phó**/ Phạm Trương Hoàng, Trần Huy Đức, Ngô Đức Anh// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 274 .- Tr. 43-53.

**Nội dung:** Nghiên cứu này phân tích những tác động của đại dịch Covid-19 đến ngành du lịch Việt Nam và đề xuất những giải pháp nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực của dịch, hỗ trợ các doanh nghiệp và ngành du lịch vượt qua những khó khăn do dịch gây ra, nhanh chóng khôi phục kinh doanh sau đó. Dựa trên tổng quan nghiên cứu về tác động của dịch bệnh đối với ngành du lịch và phân tích kết quả khảo sát 95 doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch và khách sạn về tác động của dịch bệnh Covid-19 tới doanh nghiệp, nghiên cứu đưa ra những kịch bản khác nhau về tác động của dịch bệnh Covid-19 tới ngành du lịch Việt Nam theo diễn biến của dịch bệnh và phản ứng của Chính phủ và ngành du lịch. Bài báo đề xuất những giải pháp hạn chế và giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 đến ngành du lịch Việt Nam, cụ thể cho ba giai đoạn duy trì sự tồn tại của các doanh nghiệp và lao động, tái cấu trúc và chuẩn bị cho sự trở lại của ngành du lịch.

**Từ khoá:** Covid-19, du lịch, Việt Nam, sức khỏe và phát triển kinh tế, đại dịch, Chính sách ngành

**28. Tác động dài hạn của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia trên thế giới: Cách tiếp cận dữ liệu bảng**/ Võ Hồng Đức, Nguyễn Công Thắng, Võ Thế Anh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2019 .- Số 5 .- Tr. 5-23.

**Nội dung:** Quan hệ bất bình đẳng thu nhập-tăng trưởng kinh tế thu hút nhiều sự quan tâm của các học giả. Tuy nhiên, một kết quả thống nhất vẫn chưa được chia sẻ giữa những nhà nghiên cứu, trên cả phương diện nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm do mô hình hồi quy, phương pháp ước lượng và các yếu tố khác. Tranh luận được xoay quanh phương pháp đo lường bất bình đẳng thu nhập cùng với ước lượng quan hệ dài hạn. Để giải quyết vấn đề, nghiên cứu này phân tích mối quan hệ dài hạn giữa hai biến quan tâm dựa trên bộ dữ liệu bất bình đẳng thu nhập mới nhất của Solt (2016) cùng với kỹ thuật đồng liên kết dữ liệu bảng không cân đối. Kết quả thực nghiệm chỉ ra rằng bất bình đẳng thu nhập kìm hãm sự gia tăng thu nhập bình quân đầu người ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình, trong khi nó gắn liền với gia tăng thu nhập bình quân đầu người ở nhóm quốc gia thu nhập cao. Kết luận này ngụ ý những đóng góp quan trọng trong chính sách ở các quốc gia liên quan.

**Từ khoá**: Bất bình đẳng thu nhập; tăng trưởng kinh tế; kiểm định đồng liên kết; mô hình FMOLS; mô hình DOLS

**29. Tác động kinh tế của cánh đồng mẫu lớn: Áp dụng mô hình khác biệt kép bậc hai**/ Trần Thị Bích// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2019 .- Số 5 .- Tr. 42-50.

**Nội dung**: Tăng năng suất trong lĩnh vực nông nghiệp để tăng thu nhập và phát triển nông thôn đồng thời đảm bảo môi trường và hệ sinh thái cho mục tiêu phát triển bền vững là vấn đề sống còn không chỉ đối với Việt Nam mà với tất cả các quốc gia trên thế giới. Việc áp dụng mô hình sản xuất cánh đồng mẫu lớn nhằm đáp ứng mục tiêu này. Sử dụng dữ liệu mảng ba vòng từ điều tra mức sống dân cư năm 2010, 2012 và 2014, bài nghiên cứu đánh giá tác động kinh tế của mô hình cánh đồng mẫu lớn trong lĩnh vực trồng lúa của Việt Nam. Để xử lý vấn đề nội sinh, tự chọn mẫu và năng lực thay đổi theo thời gian ở cấp hộ, bài nghiên cứu sử dụng mô hình khác biệt kép bậc 2 (Double Difference-in-Differences estimator). Kết quả từ bài nghiên cứu cho thấy, cánh đồng mẫu lớn chỉ thực sự đem lại lợi ích cho các nông hộ khi doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm.

**Từ khoá**: Cánh đồng mẫu lớn, Mô hình khác biệt kép bậc hai, Phát triển bền vững

**30. Tình hình kinh tế EU năm 2019 và triển vọng năm 2020/** Hoa Hữu Cường// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 2 (233) .- Tr. 27-44.

**Nội dung**: Trình bày bức tranh kinh tế khu vực năm 2019 và triển vọng kinh tế khu vực năm 2020.

**Từ khóa:** EU, kinh tế năm 2019, triển vọng 2020.

**31. Trọng điểm chính sách kinh tế Trung Quốc năm 2020/** Nguyễn Thu Hằng// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 2 (222) .- Tr. 57-66.

**Nội dung**: Trình bày một số kết quả của nền kinh tế Trung Quốc năm 2019 và dự báo năm 2020, một số trọng điểm chính sách kinh tế Trung Quốc năm 2020 và một số đánh giá về trọng điểm kinh tế Trung Quốc năm 2020.

**Từ khóa:** Kinh tế Trung Quốc, trọng điểm kinh tế, Hội nghị công tác kinh tế.

**32. Ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt ở các tỉnh vùng Tây Nguyên**/ Nguyễn Thị Tố Quyên, Trịnh Thị Thu, Trần Thị Thu Huyền// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 8(495) .- Tr. 54-64.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ cao trong ngành trộng ở Tây Nguyên, chỉ ra một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời, gợi ý một số giải pháp chính sách nhằm thúc đẩy ứng dụng nông nghiệp công nghiệp cao trong ngành trồng trọt ở vùng này, tạo động lực mới mang tính đột phá trong phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn trên địa bàn vùng.

**Từ khoá**: Trồng trọt, nông nghiệp công nghệ cao, vùng Tây Nguyên

**33. Ứng dụng đổi mới sáng tạo và khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế Tây Nguyên**/ Trần Thị Lan Hương, Đào Bùi Kiên Trung// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 7 (167) .- Tr. 30 - 38.

**Nội dung:** Trình bày các điều như sau: 1. Thành công bước đầu trong ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế Tây Nguyên; 2. Nhận định về trình độ công nghệ chế biến một số sản phẩm nông sản chủ lực ở Tây Nguyên hiện nay và 3. Những vấn đề đặt ra.

**Từ khóa:** Đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, phát triển kinh tế, Tây Nguyên

**34. Vấn đề an toàn thông tin trong phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam hiện nay/** Nguyễn Minh Quang, Văn Công Vũ// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 1 (232) .- Tr. 73-81.

**Nội dung**: Khẳng định tầm quan trọng của vấn đề an toàn thông tin trong quá trình phát triển của nền kinh tế số ở Việt Nam hiện nay, chỉ ra những hạn chế và đề xuất một số kiến nghị góp phần đảm bảo an toàn thông tin trong phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam trong thời gian đến.

**Từ khóa:** An toàn thông tin, kinh tế số, Việt Nam

**35. Xác định cầu giáo dục đại học ở Việt Nam : tiếp cận bằng mô hình chọn Heckman**/ Trương Nhật Hoa, Nguyễn Khắc Minh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 7(494) .- Tr. 21-31.

**Nội dung**: Để phân biệt rõ nhân tố quyết định hành vi ra quyết định về chi tiêu của hộ gia đình vào giáo dục đại học, mô hình Heckman hai bước được áp dụng vào bộ dữ liệu khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2016. Kết quả cho thấy, tình trạng xã hội và kinh tế của gia đình có ảnh hưởng tương đối lớn đến chi tiêu hộ gia đình cho giáo dục đại học. Chi phí cơ hội được biểu hiệu như một yếu tố quan trọng trong quyết định đầu tư vào giáo dục đại học.

**Từ khoá:** Mô hình Heckman, cầu giáo dục đại học, giáo dục đại học

**36. Xây dựng chính sách thuế về khoáng sản phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội**/ Lê Thu Mai// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 3 (329) .- Tr. 12 - 13.

**Nội dung:** Trong những năm qua, chính sách thu về khoáng sản thường xuyên được cập nhật và sửa đổi nhằm phù hợp với thực tế phát sinh, thông lệ quốc tế và nâng cao tính pháp lý, bảo đảm đạt được mục tiêu thu ngân sách nhà nước gắn với quản lý, khai thác tài nguyên.

**Từ khóa:** Chính sách thuế, khoáng sản, chiến lược phát triển, kinh tế - xã hội

# TÀI CHÍNH

**1. Ảnh hưởng của lãi suất và tỷ giá đến lạm phát giai đoạn 2000-2019 ở Việt Nam**/ Nguyễn Thanh Cai// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 9(546) .- Tr. 32-39.

**Nội dung:** Tổng quan về mối quan hệ giữa lạm phát, lãi suất và tỷ giá; Diễn biến tình hình lạm phát, lãi suất giai đoạn 2000-2019 ở Việt Nam; nghiên cứu mối quan hệ tác đọng của lãi suất và tỷ giá đến lạm phát giai đoạn 2000-2019 bằng phương pháp kinh tế lượng; kết luận và khuyến nghị.

**Từ khoá**: Lạm phát, lãi suất, tỷ giá, tăng trưởng GDP

**2. Bảo vệ người gửi tiền trong dịch vụ gửi tiền và cho vay ngang hàng**/ Hồ Thanh Xuân// Ngân hàng .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 51-52.

**Nội dung**: Đề cập việc bảo vệ người gửi tiền trong hoạt động ngân hàng truyền thống; dịch vụ gửi tiền và cho vay ngang hàng trực tuyến không qua ngân hàng; nội dung bảo Vệ người gửi tiền trong dịch vụ gửi tiền và cho vay ngang hàng có hạn chế nhất định.

**Từ khoá**: Bảo vệ người gửi tiền, dịch vụ gửi tiền và cho vay ngang hàng

**3. Các chính sách thu hút vốn đầu tư thiên thần ở Trung Quốc**/ Trần Việt Dung// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 11 (219) .- Tr. 24 - 31.

**Nội dung:** Trình bày các mục như sau: 1. Đầu tư vốn thiên thần vào các công ty khởi nghiệp ở Trung Quốc; 2. Chính sách thu hút đầu tư vốn thiên thần của Trung Quốc và 3. Kết luận và gợi mở.

**Từ khóa:** Đầu tư thiên thần, hỗ trợ khởi nghiệp, chính sách ưu đãi nhà đầu tư thiên thần

**4. Các điều kiện phát triển quỹ hưu trí tự nguyện trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Trần Nguyễn Minh Hải// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 5(542) .- Tr. 30-36.

**Nội dung**: Trình bày các điều kiện phát triển quỹ hưu trí tự nguyện trên thị trường chứng khoán Việt Nam; kết luận và khuyến nghị.

**Từ khoá**: Quỹ hưu trí tự nguyện, thị trường chứng khoán Việt Nam

**5. Các yếu tố tác động đến đầu tư ở Việt Nam : thực nghiệm từ mô hình ARDL**/ Dương Bá Vũ Thi// Ngân hàng .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 7-11.

**Nội dung**: Trình bày các yếu tố tác động đến đầu tư ở Việt Nam qua mô hình ARDL, từ kết quả thực nghiệm, nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị để thức đẩy và nâng cao hiệu quả đầu tư tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Các yếu tố tác động đến đầu tư, Việt Nam, mô hình ARDL

**6. Cấu trúc vốn và giá cổ phiếu: Nghiên cứu điển hình các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Chu Thị Thu Thuỷ// Kinh tế và Phát triển .- 2019 .- Số 270 .- Tr. 10-19.

**Nội dung**: Nghiên cứu mối quan hệ hai chiều giữa cấu trúc vốn và giá cổ phiếu của các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam bằng cách sử dụng phương pháp hồi quy dữ liệu bảng. Nghiên cứu sử dụng số liệu của 533 công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2014-2018. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng cấu trúc vốn có tác động ngược chiều đến giá cổ phiếu và ngược lại giá cổ phiếu có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định cấu trúc vốn trong tương lai của công ty. Bằng chứng thực nghiệm cho thấy các lý thuyết thời điểm thị trường, lý thuyết phát tín hiệu và lý thuyết trật tự phân hạng phù hợp để giải thích cho mối quan hệ giữa giá cổ phiếu và cấu trúc vốn của các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khoá**: Cấu trúc vốn, công ty cổ phần niêm yết, giá cổ phiếu, thị trường chứng khoán Việt Nam

**7. Chính sách phát triển tín dụng xanh tại Trung Quốc**/ Trần Thị Vân Anh// Ngân hàng .- 2019 .- Số 23 .- Tr. 48-54.

**Nội dung**: Trình bày chính sách tín dụng xanh trên thế giới; Thực trạng chính sách tín dụng xanh của Trung Quốc; Một số hàm ý chính sách.

**Từ khoá**: Tín dụng xanh

**8. Chính sách phát triển tín dụng xanh và những vấn đề đặt ra trong các quy định pháp luật về cấp tín dụng**/ Viên Thế Giang, Võ Thị Mỹ Hương// Ngân hàng .- 2019 .- Số 23 .- Tr. 19-23.

**Nội dung**: Trình bày nguồn tài chính cho tăng trưởng xanh: vốn tín dụng đóng vai trò quan trọng và chủ yếu; khuôn khổ pháp luậtđiều chỉnh hoạt động cấp tín dụng xanh: hai bất cập lớn; Hoàn thiện khuôn khổ hoạt động cấp tín dụng xanh ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Tín dụng xanh, pháp luật

**9. Chính sách tài chính hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân tại Việt Nam**/ Lưu Huyền Trang// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 7 (167) .- Tr. 39 - 46.

**Nội dung:** Trình bày các điều như sau: 1. Phát triển kinh tế tư nhân tại Việt Nam; 2. Vai trò của phát triển kinh tế tư nhân tại Việt Nam; 3. Chính sách hỗ trợ tài chính cho khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam; 4. Một số vấn đề nảy sinh trong chính sách hỗ trợ tài chính cho khu vực kinh tế tư nhân và 5. Một số khuyến nghị.

**Từ khóa:** Chính sách tài chính, ưu đãi về thuế, chính sách tín dụng, kinh tế tư nhân

**10. Chính sách tiền tệ và tài khóa ứng phó đại dịch Covid-19**/ Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Đình Thọ// Ngân hàng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 8-12.

**Nội dung**: Trình bày Chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa trong điều kiện đại dịch bệnh; ảnh hưởng của đại dịch bệnh Covid-19 tới kinh tế thế giới và Việt Nam; biến nguy thành cơ, thực hiện chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa

**11. Công nghệ tài chính (Fintech) trong Cách mạng công nghiệp 4.0 ở một số nước châu Âu, châu Á và Mỹ: Thực trạng và triển vọng**/ Nguyễn Thị Thúy Hồng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 11 (230) .- Tr. 21 - 32. 322.1

**Nội dung:** Nghiên cứu, phân tích sự phát triển của Fintech ở một số nước châu Âu, châu Á và Mỹ về cơ hội, thách thức và những ảnh hưởng có thể, đánh giá triển vọng của Fintech và một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Fintech, cách mạng công nghiệp 4.0, dịch vụ tài chính

**12. Crowd funding - xu hướng tài trợ mới cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay**/ Lương Thị Thu Hằng// Tài chính Doanh nghiệp .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 16-21.

**Nội dung**: Khái quát về FinTech; Crowd funding - xu hướng tài trợ mới cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; thực trạng huy động vốn thông qua nền tảng Crowd funding của SMEs tại Việt Nam; một số đề xuất.

**Từ khoá**: Crowd funding, tài trợ mới, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Việt Nam

**13. Đánh giá bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam từ khía cạnh pháp lý**/ Hồ Thúy Ái, Nguyễn Chí Đức// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 7(544) .- Tr. 12-15,45.

**Nội dung**: Phân tích và đánh giá những quy định mới nhất về bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam, từ đó mong muốn có thêm cơ sở để VN điều chỉnh và thực thi chế độ BHTG hiệu quả hơn.

**Từ khoá**: Bảo hiểm tiền gửi, rủi ro đạo đức, giám sát ngân hàng

**14. Đánh giá giải pháp ngăn chặn tín dụng đen thời gian qua và một số khuyến nghị**/ Đoàn Thị Thanh Hương, Vũ Mai Chi// Ngân hàng .- 2019 .- Số 23 .- Tr. 9-13.

**Nội dung**: Quan niệm về tín dụng đen và những hệ lụy tiêu cực; Đánh giá các giải pháp ngăn chặn tín dụng đen thời gian qua; Một số đề xuất, kiến nghị với các Bộ, ngành

**Từ khoá**: Ngăn chặn tín dụng đen, tín dụng

**15. Đầu tư trái phiếu chính phủ: động cơ của các NHTM và góc nhìn từ cơ quan quản lý tại Việt Nam**/ Đặng Văn Dân// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 9(546) .- Tr. 28-31,50.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý luận về động cơ nắm giữu trái phiếu Chính phủ của các ngân hàng, tác động tiềm năng của việc nắm giữ này đối với mảng tín dụng. Căn cứ vào thực trạng về hoạt động nắm giữu loại trái phiếu phi rủi ro này của các NHTM VN trong giai đoạn 2009-2018 cùng hệ thống khuôn khổ pháp lý có liên quan trong khoảng thời gian này cho đến năm 2019, một số hàm ý cho cơ quan quản lý và các ngân hàng được đưa ra.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại, trái phiếu chính phủ

**16. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động**/ Lê Thanh Dung// Tài chính Doanh nghiệp .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Tình hình chuyển dịch cơ cấu lao động và một số giải pháp.

**Từ khoá**: Chuyển dịch cơ cấu lao động

**17. Dịch chuyển dòng vốn đầu tư nước ngoài và gợi ý chính sách cho Việt Nam**/ Trần Trọng Triết// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 7(544) .- Tr. 30-33,48.

**Nội dung**: Tập trung làm rõ sự vận động của dòng vốn FDI trên thế giới, từ đó đề xuất một số giải pháp cho Việt Nam trong việc thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn nay.

**Từ khoá**: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, kinh tế quốc tế, dòng vốn FDI

**18. Fintech - cách tiếp cận từ bên liên quan**/ Hạ Thị Thiều Dao, Nguyễn Đặng Hải Yến// Ngân hàng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 30-36.

**Nội dung**: Mô tả vai trò của các bên liên quan trong hỗ trợ cho sự phát triển của hệ sinh thái Fintech (công nghệ tài chính) và liên hệ thực tế tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Fintech, Tài chính

**19. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư giá trị dài hạn trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Trần Tuấn Vinh, Nguyễn Phạm Thi Nhân// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 7(544) .- Tr. 22-29.

**Nội dung**: Tổng quan lý thuyết và các nghiên cứu; thực trạng về hiệu quả của đầu tư giá trị tương ứng với các kỳ hạn đầu tư trên thị trường chứng khóa Việt Nam; giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư giá trị dài hạn trên TTCK Việt Nam.

**Từ khoá**: Đầu tư giá trị, kì hạn đầu tư, F-score, PEG

**20. Hạn chế sai sót trong thanh toán bằng LC đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam**/ Nguyễn Văn Tiến// Ngân hàng .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 29-34.

**Nội dung**: Khái quá bộ chứng từ theo LC; Phân tích nguyên nhân và đề ra các biện pháp phòng ngừa, hạn chế và xử lý các sai sót của bộ chứng từ để Thanh toán bằng LC trở nên hiệu quả hơn đối với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

**Từ khoá**: Hạn chế sai sót, thanh toán bằng LC, doanh nghiệp xuất nhập khẩu, Việt Nam

**21. Hiệu ứng ngày trong tuần trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Đàm Văn Huệ, Phạm Đan Khánh// Tài chính Doanh nghiệp .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 26-30.

**Nội dung**: Xác định hiệu ứng ngày trong tuần có tồn tại trên thị trường chứng khoán Việt Nam hay không? Tác giả nhận thấy đã xuất hiện hiệu ứng ngày thứ sáu trên thị trường khi lợi nhuận vào thứ Sáu cao hơn các ngày còn lại trong tuần. bên cạnh đó, nghiên cứu cũng giải thích hiệu ứng này qua phân tích thống kê mô tả và hồi quy mô hình Garch.

**Từ khoá**: Chứng khoán, hiệu ứng ngày trong tuần, thị trường hiệu quả

**22. Hoàn thiện chính sách đối với hoạt động chuyển giá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Phương Liên, Nguyễn Tuấn Anh// Khoa

học Thương mại .- 2019 .- Số 136 .- Tr. 2-10.

**Nội dung**: Phân tích một số thay đổi trong chính sách, tìm ra những bất cập, vướng mắc - những vấn đề đặt ra trong quá trình triển khai thực thi pháp luật, từ đó đề xuất một vài định hướng nội dung và giải pháp hoàn thiện chính sách nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này thời gian tới.

**Từ khoá**: Chuyển giá, chính sách nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

**23. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về ngoại hối : 5 năm một chặng đường**/ Nguyễn Ngọc Cảnh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 37-40.

**Nội dung:** Trình bày những thành tựu đạt được trong công tác quản lý ngoại hối; Một số giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý ngoại hối nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

**Từ khoá**: Khuôn khổ pháp lý, ngoại hối

**24. Huy động nguồn lực tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp ở Việt Nam**/ Nguyễn Văn Dần, Nguyễn Tiến Đức// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 9 (169) .- Tr. 46 - 56.

**Nội dung:** Trình bày về huy động nguồn lực tài chính cho các doanh nghiệp khởi nghiệp và đánh giá hiệu quả huy động nguồn lực tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Huy động nguồn lực, tài chính, doanh nghiệp khởi nghiệp, Việt Nam

**25. Khảo sát hiện tượng đa bong bóng trong chuỗi giá của đồng tiền số BITCOIN**/ Trần Thị Tuấn Anh// Kinh tế và Phát triển .- 2019 .- Số 270 .- Tr. 2-9.

**Nội dung**: Bong bóng giá tài sản tài chính là một trong những chủ đề được quan tâm nghiên cứu trong tài chính. Hiện nay, tiền tệ số, đặc biệt là Bitcoin, là một trong những tài sản tài chính quan trọng nhất của thị trường này. Vì vậy, việc kết hợp kiểm định hiện tượng bong bóng trong chuỗi giá Bitcoin rất được quan tâm. Bài viết sử dụng chuỗi giá đóng cửa hàng ngày của đồng tiền số Bitcoin được thu thập trong giai đoạn từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 6 năm 2019 để kiểm định sự hiện diện của bong bóng giá cũng như sự bùng nổ giá Bitcoin. Kỹ thuật thống kê được sử dụng để phát hiện bong bóng là kiểm định tính dừng phía phải bằng thống kê Sup augmented Dickey-Fuller test (SADF) và General Sup augmented Dickey-Fuller test (GSADF) do Phillips & cộng sự (2011) đề xuất. Kết quả kiểm định trên toàn bộ mẫu cho thấy có hiện tượng bong bóng giá trong chuỗi giá Bitcoin. Hiện tượng bong bóng giá này xảy ra mạnh nhất trong những năm 2011, 2013, 2017. Kết quả phân tích cũng ghi nhận năm 2015 và 2018 không tìm thấy bằng chứng cho hiện tượng bong bóng giá Bitcoin. Tuy nhiên, hiện tượng bong bóng xuất hiện trở lại trong nửa đầu năm 2019.

**Từ khoá:** Tiền tệ số, bong bóng giá, chuỗi giá Bitcoin, kiểm định tính dừng phía phải

**26. Khảo sát thực trạng hoạt động kiểm soát mghiệp vụ thanh tra, giám sát tại NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố**/ Trường Hồng Quang// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 7(544) .- Tr. 16-21.

**Nội dung**: Khảo sát thực trạng 63 NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố. Số lượng khảo sát 70 người và được khảo sát từ tháng 9-10/2019. Thống qua kết quả khảo sát để nhìn nhận những hạn chế, thiếu sót, các vấn đề cần quan tâm tại đơn vị mình qua đó đề xuất các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như chất lượng công tác thanh tra, giám sát tại NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Tổ chức tín dụng, thanh tra, kiểm soát, giám sát

**27. Kiểm soát chặt chẽ các khoản cấp tín dụng có bảo đảm bằng tiền gửi tiết kiệm của các tổ chức tín dụng**/ Nguyễn Hoàng Vĩnh Lộc, Đinh Văn Hoàn// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2019 .- Số 20(533) .- Tr. 16-21.

**Nội dung**: Trình bày các phương thức cấp tín dụng có bảo đảm bằng tiền gửi tiết kiệm của các tổ chức tín dụng; Rủi ro và những biến tướng của các phương thức cấp tín dụng có bảo đảm bằng tiền gửi tiết kiệm của các tổ chức tín dụng; Kiểm soát chặt chẽ các khoản cấp tín dụng có bảo đảm bằng tiền gửi tiết kiệm.

**Từ khoá**: Cho vay, thấu chi, cầm cố, sổ tiết kiệm, kiểm soát

**28. Nền kinh tế số : kinh nghiệm phát triển ở một số quốc gia - bài học cho Việt Nam**/ Nguyễn Đặng Hải Yến// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 24 (537) .- Tr. 29-36.

**Nội dung**: Tổng hợp những kết quả đạt được của một số nước như Hàn Quốc và Trung Quốc, đưa ra nguyên nhân giúp các nước đạt được kết quả này và từ đó rút ra một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số ở Việt Nam trong bối cảnh CMCN 4.0.

**Từ khoá:** Thương mại điện tử, Internet, CMCN 4.0

**29. Nhân tố tác động đến dân trí tài chính của người nghèo khu vực nông thôn Việt Nam**/ Khúc Thế Anh, Phạm Bích Liên, Bùi Kiên Trung// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 272 .- Tr. 42-51.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá tác động của các nhân tố lên dân trí tài chính (financial literacy) của người nghèo khu vực nông thôn Việt Nam. Nhóm tác giả đã sử dụng cả nghiên cứu định tính và định lượng để đánh giá. Kết quả chỉ ra rằng các nhân tố nội tại bao gồm kiến thức tài chính, hành vi tài chính và thái độ tài chính là những nhân tố phản ánh (reflective model) – có tác động đến dân trí tài chính trong đó thái độ về tiết kiệm và đầu tư tài chính có ảnh hưởng rõ rệt nhất. Nghiên cứu cũng kiểm định rằng, trong các nhân tố nhân khẩu học thì tuổi tác, thu nhập và học vấn có tác động cùng chiều lên dân trí tài chính; đồng thời giới tính không có ảnh hưởng đáng kể. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đã đưa ra một số hàm ý chính sách với các cơ quan liên quan trong việc hình thành thói quen tiết kiệm của người nghèo khu vực nông thôn, đồng thời hình thành các vấn đề về thái độ và hành vi tài chính.

**Từ khoá**: Dân trí tài chính, thu nhập, người nghèo, khu vực nông thôn

**30. Phản ứng tiền tệ của châu á và việt nam với tác động tràn từ chính sách tiền tệ trung quốc: sự khác biệt từ đặc điểm kinh tế**/ Phạm Thị Tuyết Trinh, Bùi Thị Thiện Mỹ, Lê Phan Ái Nhân// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 6 tháng 6 .- Tr. 5-27.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích phản ứng tiền tệ của châu Á và Việt Nam với cú sốc chính sách tiền tệ (CSTT) Trung Quốc bằng mô hình tự hồi qui vectơ ứng dụng thống kê Bayes (BVAR). Các đặc điểm độ mở thương mại, mức hội nhập tài chính, chế độ tỷ giá và tình trạng phụ thuộc hàng nguyên nhiên liệu thô được tính đến trong mô hình làm cơ sở giải thích sự khác nhau trong phản ứng. Sử dụng dữ liệu tần suất quí của 10 nước châu Á và Việt Nam trong giai đoạn 2002Q1-2018Q3, nghiên cứu cho thấy CSTT châu Á không phản ứng với cú sốc CSTT Trung Quốc nhưng CSTT Việt Nam có phản ứng. Mức hội nhập tài chính và chế độ tỷ giá không phải là nguyên nhân giải thích cho sự khác biệt trong phản ứng với tác động của CSTT Trung Quốc. CSTT nước có độ mở thương mại cao và xuất khẩu hàng nguyên nhiên liệu thô phản ứng với CSTT Trung Quốc trong khi nước có độ mở thương mại thấp và nhập khẩu hàng nguyên nhiên liệu thô lại không phản ứng.

**Từ khoá:** Tác động tràn chính sách tiền tệ, BVAR, Trung Quốc, Châu Á, Việt Nam

**31. Phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại**/ Nguyễn Thị Thu Đông// Ngân hàng .- 2019 .- Số 23 .- Tr. 24-30.

**Nội dung**: Trình bày quan niệm và xu hướng phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại; Cơ hội và thách thức phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại; Kiến nghị.

**Từ khoá:** Tín dụng xanh, Ngân hàng thương mại

**32. Phòng, chống tội phạm mạng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng**/ Nguyễn Nhâm// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 9(546) .- Tr. 40-45.

**Nội dung**: Bài viết phân tích bản chất, phương thức, thủ đoạn, thực trạng tội phạm mạng; đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm mạng, góp phần bảo đảm an ninh, an toàn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

**Từ khoá**: An ninh mạng, tội phạm mạng, tài chính ngân hàng

**33. Quy định về quản lý tiền điện tử của một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam**/ Trương Thị Hoài Linh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 47-52.

**Nội dung**: Trình bày hệ thống cơ sở lý luận về tiền điện tử sẽ tập trung vào làm rõ các quy định về quản lý loại tiền này ở các nước trên thế giới và tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Quy định, quản lý tiền điện tử

**34. Tác động của chính sách giám sát an toàn vĩ mô tới giá bất động sản tại Việt Nam**/ Phạm Thị Hoàng Anh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2019 .- Số 5 .- Tr. 24-38.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của các công cụ chính sách an toàn vĩ mô cũng như các nhân tố kinh tế vĩ mô khác đến giá bất động sản tại Việt Nam trong giai đoạn 2000-2018. Dựa trên mô hình hồi quy tuyến tính, nghiên cứu đã tìm ra bằng chứng thực nghiệm cho thấy việc NHNN áp trọng số rủi ro đối với kinh doanh bất động sản, và hạn chế đối tượng vay ngoại tệ có tác động làm giảm giá bất động sản tại Việt Nam trong giai đoạn 2000-2018. Các yếu tố vĩ mô như tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng kinh tế nóng được chứng minh có ảnh hưởng lớn tới sự bùng nổ của thị trường bất động sản.

**Từ khoá:** Chính sách an toàn vĩ mô, giá bất động sản, Việt Nam

**35. Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới môi trường ở Việt Nam**/ Hồ Đình Bảo, Đinh Đức Trường, Nguyễn Phúc Hải, Phạm Tấn Phát// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 273 .- Tr. 2-10.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới môi trường ở Việt Nam, sử dụng phân tích hồi quy trên dữ liệu Điều tra doanh nghiệp Việt Nam. Kết quả thực nghiệm cho thấy nếu các doanh nghiệp FDI áp dụng công nghệ tiên tiến hơn sẽ có tác dụng giảm thiểu việc gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, những đặc tính của ngành đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định mức độ tác động của doanh nghiệp tới môi trường. Trên cơ sở này, chúng tôi đưa ra khuyến nghị Việt Nam cần gắn chính sách thu hút và sử dụng FDI với chính sách điều tiết các ngành kinh tế.

**Từ khoá:** Đầu tư trực tiếp nước ngoài, môi trường, phát thải CO2

**36. Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài và phát triển bền vững của các địa phương ở Việt Nam**/ Nguyễn Hoàng Việt, Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt, Nguyễn Mạnh Hùng và Phan Thanh Tú// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 139 .- Tr. 2-12.

**Nội dung:** Nghiên cứu này phân tích tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến phát triển bền vững của tỉnh, thành phố (địa phương) tại Việt Nam theo tiếp cận về chi phí giao dịch. Kết quả nghiên cứu cho thấy vốn của doanh nghiệp FDI và lao động việc làm trong lĩnh vực FDI có tác động tích cực đến sự phát triển bền vững của địa phương. Giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn của dự án FDI và quy mô GDP của địa phương lại có ảnh hưởng ngược chiều đến sự phát triển bền vững của địa phương. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề xuất một số khuyến nghị nâng cao hiệu quả thu hút và sử dụng FDI hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của các tỉnh, thành phố Việt Nam.

**Từ khoá**: Chi phí giao dịch; Đầu tư trực tiếp nước ngoài; FDI; Phát triển bền vững

**37. Tác động của rủi ro phi hệ thống và tỷ suất lợi nhuận cực đại tới tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu niêm yết tại Việt Nam**/ Phan Thu Trang, Hoàng Trung Lai, Vũ Thị Thanh Huyền// Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 11 (84) .- Tr. 72 - 80.

**Nội dung:** Nghiên cứu mở rộng kết quả thu được của Fang, Wu và Nguyên (2017) đối với mối quan hệ giữa rủi ro phi hệ thống và tỷ suất lợi nhuận bằng việc sử dụng bộ dữ liệu cập nhật hơn, từ đó tạo cơ sở lý thuyết hỗ trợ cho việc ra quyết định đối với các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khóa:** Rủi ro phi hệ thống, tỷ suất lợi nhuận cực đại, lợi nhuận kỳ vọng, chứng khoán

**38. Tác động tràn của chính sách tiền tệ Trung Quốc Đến Châu Á và Việt Nam : tiếp cận bằng BVAR**/ Phạm Thị Tuyết Trinh, Bùi Thị Thiện Mỹ, Lê Phan Ái Nhân// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 8(495) .- Tr. 39-53.

**Nội dung:** Phân tích ảnh hưởng tràn của chính sách tiền tệ Trung Quốc đến nền kinh tế Châu Á và VN bằng cách sử dụng mô hình tự hồi quy vectơ ứng dụng thống kê Bayes (BVAR) trong giai đoạn sau khủng hoảng tài chính Đông Á; kết uqra cho thấy cú sốc chính sách tiền tệ Trung Quốc có ảnh hưởng đến sản lượng và lạm phát Châu Á và VN nhưng với mức độ khác nhau. Từ đó, đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm giảm ảnh hưởng bên ngoài đến nền kinh tế trong nước để có thể chủ động hơn trong điều hành kinh tế.

**Từ khoá**: Bayes VAR, kinh tế Châu Á, chính sách tiền tệ, Trung Quốc

**39. Tăng trường huy động vốn từ tiền giử khách hàng tại Ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn văn Thọ, Nguyễn Ngọc Linh// Ngân hàng .- 2019 .- Số 23 .- Tr. 14-18.

**Nội dung:** Thực hiện đánh giá tổng quan thực trạng tăng trường huy động vốn của ngân hàng thương mại giai đoạn 2013-06/2019, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm gia tăng huy động vốn từ tiền gởi khách hàng.

**Từ khoá**: Huy động vốn, tiền giử khách hàng, Ngân hàng thương mại

**40. Thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Nghệ An : thực trạng và giải pháp**/ Nguyễn Thị Thu Thu// Ngân hàng .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Tình hình hoạt động Thanh toán không dùng tiền mặt trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Nghệ An và một số khuyến nghị góp phần đẩy mạnh Thanh toán không dùng tiền mặt trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Thanh toán không dùng tiền mặt, tỉnh Nghệ An

**41. Thị trường tài chính xanh tại Việt Nam : thực trạng, kinh nghiệm quốc tế và giải pháp**/ Lại Thị Thanh Loan// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 24 (537) .- Tr. 16-21.

**Nội dung**: Thực trạng tài chính xanh tại Việt Nam; kinh nghiệm phát triển tài chính xanh trên thế giới; đề xuất phát triển tài chính xanh tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Tài chính xanh, trái phiếu xanh, cổ phần xanh

**42. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào châu Phi những năm gần đây**/ Trần Hữu Đồng// Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 11 (171) .- Tr. 40 - 49.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng thu hút FDI, đặc điểm chủ yếu của dòng vốn này và tìm hiểu các nhân tố khiến dòng vốn FDI vào châu Phi tăng giảm thất thường trong thời gian gần đây.

**Từ khóa:** Thu hút FDI, châu Phi

**43. Thu hút đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam: thực trạng và khuyến nghị chính sách**/ Nguyễn Thanh Thảo// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 8 (168) .- Tr. 34 - 43.

**Nội dung:** Trình bày các điều như sau: 1. Thực trạng thu hút vốn FDI vào Việt Nam từ năm 2007 đến nay; 2. Kết quả và hạn chế trong chính sách thu hút FPI vào Việt Nam và 3. Kiến nghị giải pháp.

**Từ khóa:** Đầu tư gián tiếp nước ngoài (FPI), thu hút, Việt Nam

**44. Thực trạng ngân sách nhà nước và một số khuyến nghị**/ Hồ Ngọc Tú// Ngân hàng .- 2019 .- Số 22 .- Tr. 2-6.

**Nội dung**: Bài viết đưa ra các đánh giá về thực trạng thu, chi, bội chi ngân sách nhà nước và nợ công và từ đó đưa ra các khuyến nghị cho Việt Nam.

**Từ khoá:** Ngân sách nhà nước

**45. Thực trạng và giải pháp hoàn thiện hệ sinh thái công nghệ tài chính tại Việt Nam**/ Nghiêm Thanh Sơn// Ngân hàng .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 25-29.

**Nội dung**: Thực trạng lĩnh vực Fintech tại Việt Nam và các giải pháp hoàn thiện hệ sinh thái Fintech tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Hệ sinh thái, công nghệ tài chính

**46. Tiềm năng phát triển trung tâm công nghệ tài chính tại Việt Nam**/ Hoàng Công Gia Khánh, Trần Hùng Sơn, Huỳnh Thị Ngọc Lý// Ngân hàng .- 2019 .- Số 23 .- Tr. 2-9.

**Nội dung**: Trình bày tại sao phát triển trung tâm công nghệ tài chính; Trung tâm Fintech: các yếu tố hình thành; Sự phát triển của Fintech tại VN; Các khuyến nghị chính sách cho việc phát triển trung tâm công nghệ tài chính tại VN.

**Từ khoá:** Tiềm năng phát triển, trung tâm công nghệ tài chính, Việt Nam

**47. Tình hình thu – chi và cán cân ngân sách Việt Nam giai đoạn 2005 - 2017**/ Nguyễn Phương Mai// Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 11 (171) .- Tr. 47 - 55. 332

**Nội dung:** Phân tích tình hình thu – chi và cán cân ngân sách của Việt Nam giai đoạn 2005 – 2017, đồng thời đưa ra những nhận định, đánh giá về thành công và hạn chế của chính sách này.

**Từ khóa:** Thu - chi, cán cân ngân sách, Việt Nam, giai đoạn 2005 - 2017

**48. Tổ chức hoạt động thông tin tín dụng đối với các tổ chức tài chính vi mô và Fintech tại Việt Nam**/ Phan Huy Thắng// Ngân hàng .- 2019 .- Số 23 .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Thực trạng hoạt động trao đổi tổ chức tín dụng hiện nay giữa CIC và các tổ chức TCVM, các Công ty P2P Lending; Đề xuất giải pháp phát triển mô hình trao đổi tổ chức tín dụngđối với các tổ chức TCVM và Fintech tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Tổ chức tín dụng, tài chính vi mô, Fintech

**49. Tốc độ điều chỉnh cấu trúc vốn của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bằng chứng thực nghiệm từ cách tiếp cận LSDVC**/ Võ Thị Thúy Anh, Phan Trần Minh Hưng// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 273 .- Tr. 33-42.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm xác định tốc độ điều chỉnh cấu trúc vốn của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp ước lượng điều chỉnh chệch (LSDVC) với bộ dữ liệu là các chứng khoán được niêm yết trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội từ năm 2006 đến 2017. Nghiên cứu này tìm thấy rằng tốc độ điều chỉnh cấu trúc vốn trung bình năm cho các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam là 35,1% khi biến phụ thuộc là giá trị sổ sách của cấu trúc vốn và 45,4% khi biến phụ thuộc là giá trị thị trường của cấu trúc vốn. Kết quả nghiên cứu này hỗ trợ cho sự tồn tại lý thuyết đánh đổi cấu trúc vốn động.

**Từ khoá**: Tốc độ điều chỉnh cấu trúc vốn, cấu trúc vốn, LSDVC, mô hình động

**50. Trái phiếu xanh : thuận lợi và khó khăn để phát triển ở thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Thị Minh Châu, Hoàng Đặng Đông, Tống Ngọc Phát, Nguyễn Võ Lê Namn// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 24 (537) .- Tr. 22-28.

**Nội dung**: Dựa trên mức phân tích mức độ quan tâm, nhu cầu của các nhà đầu tư trên thị trườngđể đánh giá về thuận lợi và khó khăn trong việc phát triển trái phiếu xanh tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả cho thấy các nhà đầu tư quan tâm đến môi trường, có sự quan tấm đến trái phiaaus xanh là những thuận lợi để phát triển trái phiếu xanh. Mặc dù vậy, những hạn chế về cơ sở hành lang pháp lý, yếu tố truyền thông và việc chưa có sự đa dạng trong danh mục trái phiếu xanh đang làm cho việc phát triển trái phiếu xanh gặp khó khăn tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Trái phiếu xanh, công cụ huy động vốn

**51. Trái phiếu xanh cho phát triển bền vững : kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam**/ Lê Thanh Tâm, Trần Thị Thúy An// Ngân hàng.- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 127-134.

**Nội dung**: Giới thiệu trái phiếu xanh; phát triển bền vững, trái phiếu xanh và sự cần thiết của trái phiếu xanh cho phát triển bền vững; kinh nghiệm quốc tế về trái phiếu xanh; triển vọng trái phiếu xanh tại Việt nam và những vấn đề còn hạn chế; bài học kinh nghiệm cho VN để phát triển thị trường trái phiếu xanh vì mục tiêu phát triển bền vững.

**Từ khoá**: Trái phiếu xanh, phát triển bền vững

**52. Vai trò của phân tích lợi ích chi phí đối với các dự án đầu tư công tại Việt Nam**/ Hoàng Thị Thu Hà// Tài chính Doanh nghiệp .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 10-15.

**Nội dung**: Khái quát về phương pháp phân tích lợi ích chi phí đối với các dự án đầu tư; hoạt động đầu tư công tại VN và sự cần thiết tiến hành phân tích lợi ích chi phí đối với các dự án đầu tư công.

**Từ khoá:** Lợi ích chi phí, dự án đầu tư công, Việt Nam

# NGÂN HÀNG

**1. Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn của ngành ngân hàng**/ Phạm Thanh Hà// Ngân hàng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 2-5.

**Nội dung**: Tóm tắt các diễn biến của dịch bệnh Covid-19; tác động của dịch bệnh Covid-19 tới kinh tế thế giới; tác động của dịch bệnh Covid-19 tới kinh tế Việt Nam và hoạt động của hệ thống ngân hàng; một số giải pháp tháo gỡ khó khăn của ngành ngân hàng.

**Từ khoá**: Dịch bệnh Covid-19, ngân hàng

**2. Cấu trúc cung cầu và các yếu tố ảnh hưởng tới gia tăng sản lượng ngành tài chính ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2007-2016**/ Đặng Thị Việt Đức//Khoa học Thương mại.- 20208 .- Số 137+138 .- Tr. 28-39.

**Nội dung:** Bài báo sử dụng phương pháp bảng đầu vào-đầu ra (IO analysis) để phân tích cấu trúc cung cầu và xác định các yếu tố ảnh hưởng tới gia tăng sản lượng của ngành tài chính ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn 2007-2016, từ đó rút ra những lưu ý cho sự phát triển tiếp theo trong tương lai. Kết quả phân tích chỉ ra, về phía cung, mức tiêu hao vật chất của ngành còn lớn vì vậy ngành cần tiếp tục cải thiện quy trình công nghệ để giảm chi phí và tăng giá trị gia tăng tạo ra. Cầu sản phẩm dịch vụ của ngành tập trung chủ yếu cho doanh nghiệp và đang tiếp tục dịch chuyển theo hướng tỷ trọng tăng lên của đối tượng này. Cuối cùng trong các yếu tố đóng góp vào gia tăng sản lượng của ngành, yếu tố công nghệ vẫn chưa được cải thiện nhiều và khả năng sản xuất thay thế nhập khẩu còn rất hạn chế. Do vậy ngành tài chính ngân hàng Việt Nam cần tiếp tục đầu tư về công nghệ và quản lý để tăng cường hiệu quả hoạt động và cạnh tranh với thị trường mở quốc tế.

**Từ khoá:** Ngân hàng, tài chính, cấu trúc ngành, cấu trúc cung cầu, IO, Việt Nam

**3. Chất lượng dịch vụ khách hàng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trên địa bàn Hà Nội**/ Lưu Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Hương Giang// Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 131 .- Tr. 39-51.

**Nội dung:** Tập trung nghiên cứu về chất lượng dịch vụ khách hàng tại ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam (Techcombank) trên địa bàn Hà Nội. Mô hình chất lượng dịch vụ của Grönroos (1984) được sử dụng làm căn cứ hình thành mô hình nghiên cứu về chất lượng dịch vụ của Techcombank. Kết quả nghiên cứu 580 khách hàng tại 29 điểm giao dịch bao gồm 11 siêu chi nhánh và 18 chi nhánh chức năng trên địa bàn Hà Nội cho thấy chất lượng dịch vụ của Techcombank chi nhánh Hà Nội được đánh giá rất tốt. Trong đó, chất lượng chức năng (con người) được đánh giá cao nhất là 77%, tiếp đến là chất lượng kỹ thuật (quy trình) là 75%, hình ảnh doanh nghiệp là 69%. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra nhiều điểm hạn chế còn tồn tại đòi hỏi ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam cần nghiên cứu và khắc phục.

**Từ khoá:** Chất lượng dịch vụ, ngân hàng thương mại, Việt Nam

**4. Chính sách huy động, phân phối và sử dụng nguồn lực tài chính - tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam**/ Ngô Xuân Thanh// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 21 (534) .- Tr. 28-35.

**Nội dung**: Thực trạng chính sách huy động, phân phối và sử dụng nguồn lực tài chính - tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam và giải pháp hoàn thiện chính sách huy động, phân phối và sử dụng nguồn lực tài chính - tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Tài chính doanh nghiệp nhỏ và vừa, huy động nguồn lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

**5. Chính sách thuế hỗ trợ doanh nghiệp và người dân trong bối cảnh dịch Covid-19/** Nguyễn Thị Thùy Dương// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 8(545) .- Tr. 22-27.

**Nội dung**: Phân tích kinh nghiệm các nước trên thế giới trong việc ban hành chính sách thuế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn của dịch bệnh Covid-19. Ngoài ra, bài viết cũng hệ thống kinh nghiệm điều hành chính sách thuế của Chính phủ Việt Nam khi thực thi gói kích thích kinh tế nhằm vượt qua giai đoạn suy giảm kinh tế 2008-2009. Từ đó, đề xuất một số giải pháp hỗ trwoj nền kinh tế trong bối cảnh hiện nay.

 **Từ khóa**: Chính sách thuế, doanh nghiệp, dịch Covid-19

**6. Cơ chế tài chính giúp các NHTM Nhà nước tăng vốn điều lệ nhằm đáp ứng chuẩn tỷ lệ an toàn vốn**/ Nguyễn Hoàng Vĩnh Lộc, Lê Hoài Ân// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 5(542) .- Tr. 14-19.

**Nội dung:** Cơ sở lý thuyết về vốn điều lệ của ngân hàng thương mại và tỷ lệ an toàn vốn; thực trạng vốn điều lệ và tỷ lệ an toàn vốn của các NHTM ở VN; cơ chế tài chính giúp tăng vốn điều lệ cho các NHTM Nhà nước ở VN.

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại Nhà nước, vốn điều lệ, tỷ lệ an toàn vốn

**7. Đa dạng hóa thu nhập tác động đến rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thu Trang, Hoàng Anh Thư// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2019 .- Số 20(533) .- Tr. 27-33.

**Nội dung:** Phân tích tác động của sự đa dạng hóa thu nhập tác động đến rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2007-2018. kết quả cho thấy việc đa dạng hóa thu nhập sẽ giảm rủi ro phá sản cho NHTM, nói cách khác là mức độ đa dạng hóa thu nhập biến thiên nghịch chiều với rủi ro, Tuy nhiên, khi phân tích thu nhập ngoài lãi ra thành từng loại thu nhập như thu nhập từ dịch vụ, từ kinh doanh ngoại hối, từ kinh doanh chứng khoán và góp vốn thì từng loại lại có tác động khác nhau đến rủi ro ngân hàng.

**Từ khoá**: Đa dạng hóa thu nhập, ngân hàng thương mại, rủi ro của ngân hàng

**8. Đẩy mạnh kênh cho vay chính thức góp phần ngăn chặn tín dụng đen**/ Nguyễn Văn Phương// Ngân hàng .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 21-25.

**Nội dung:** Nhu cầu vốn vay trong nền kinh tế còn nhiều tiềm năng;sự cần thiết phải hạn chế, ngăn chặn hoạt động tín dụng đen; giải pháp hạn chế, ngăn chặn hoạt động tín dụng đen.

**Từ khoá:** Cho vay chính, tín dụng đen

**9. Điều kiện để kéo dài giảm lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam**/ Nguyễn Hoàng Vĩnh Lộc, Trương Quang Triều, Nguyễn Tiến Thành// Ngân hàng .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 12-16.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý luận về lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng; các yếu tố ảnh hưởng đến lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng;cơ chế điều hành và thực trạng lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng ở VN; Điều kiện để kéo dài giảm lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Điều kiện để kéo dài giảm lãi suất cho vay, tổ chức tín dụng, Việt Nam

**10. Đo lường mức độ cạnh tranh của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Lê Anh Tuấn// Ngân hàng .- 2019 .- Số 22 .- Tr. 11-18.

**Nội dung:** Trình bày tổng quan về đo lường mức độ cạnh tranh; hệ thống ngân hàng thương mại VN; dữ liệu và mô hình nghiên cứu; kết quả nghiên cứu; Kết luận và kiến nghị.

**Từ khoá:** Đo lường mức độ cạnh tranh, hệ thống ngân hàng thương mại, Việt Nam

**11. Hoạt động mua bán và sáp nhập ngân hàng tại Việt Nam : một số khó khăn và giải pháp**/ Nguyễn Thị Thanh Hương// Ngân hàng .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 22-26.

**Nội dung**: Khái quát về huy động vốn; thực trạng hoạt động M&A tại Việt Nam; một số khó khăn trong M&A ngân hàng tại Việt Nam; một số giải pháp phát triển hoạt động M&A ngân hàng.

**Từ khoá:** Hoạt động mua bán và sáp nhập ngân hàng, Việt Nam

**12. Hoạt động mua bán và sáp nhập ngân hàng tại Việt nam : thực trạng và giải pháp**/ Nguyễn Thị Gấm// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 21 (534) .- Tr. 23-27.

**Nội dung:** Trình bày lợi ích và khó khăn của hoạt động M&A ngân hàng; Thực trạng hoạt động M&A ngân hàng Việt Nam; Giải pháp phát triển hoạt động M&A ngân hàng.

**Từ khoá:** Mua bán và sáp nhập, ngân hàng thương mại, M&A

**13. Hoạt động cùng tạo giá trị trong các công ty nền tảng công nghệ - nghiên cứu trường hợp cho vay ngang/** Trần Hữu Tuyến// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 8(545) .- Tr. 34-40.

**Nội dung**: Tập trung vào cách thức cùng tạo giá trị của các công ty nền tảng công nghệ mà đại diện là nền tảng P2P Lending.

**Từ khóa**: Cho vay ngang hàng, nền tảng, cùng tạo giá trị

**14. Kết quả đạt được trong công tác xử lý nợ xấu của ngành ngân hàng và một số đề xuất trong giai đoạn 2021-2025**/ Trần Ánh Quý, Vũ Mai Chi// Ngân hàng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 8-13.

**Nội dung**: Các biện pháp triển khai tích cực trong công tác xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020; kết quả công tác xử lý nợ xấu của ngành ngân hàng giai đoạn 2016-2020; Một số đề xuất nhằm đẩy nhanh công tác xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025.

**Từ khóa**: Xử lý nợ xấu, ngân hàng

**15. Lượng hóa chi phí các gói hỗ trợ nền kinh tế của ngành ngân hàng**/ Cấn Văn Lực// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 8(545) .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp luận, lượng hóa chi phí các gói hỗ trợ và tác động của đại dịch Covid-19 đối với ngành ngân hàng, 7 kiến nghị từ kết quả đánh giá.

 **Từ khóa**: Lượng hóa chi phí, Ngân hàng Thương mại, đại dịch Covid-19, hõ trợ

**16. Mở rộng khả năng tiếp cận vốn ngân hàng nhằm hạn chế tín dụng đen đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa/** Nguyễn Cảnh Hiệp// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 1+2(538+539) .- Tr. 39-45.

**Nội dung:** Thực trạng tiếp cận vốn ngân hàng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa và đề xuất mở rộng khả năng tiếp cận vốn ngân hàng nhằm hạn chế tín dụng đen đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tín dụng đen, vốn ngân hàng

**17. Mối quan hệ giữa cấu trúc sở hữu và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Hữu Huân, Dương Trọng Đoàn, Lê Thị Phương Thảo// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 21 (534) .- Tr. 18-22.

**Nội dung:** Bài viết thực hiện dựa trên số liệu 20 ngân hàng thương mại VN tiêu biểu, có thời gian hoạt động từ 1991 đến 2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại mối quan hệ đồng biến giữa cấu trúc và hiệu quả hoạt động trong những ngân hàng được nghiên cứu, tuy nhiên những năm có diễn ra khủng hoảng tài chính, hiệu quả hoạt động và hiệu quả quy mô của các NHTM VN thấp. ...

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại, cấu trúc sở hữu, hiệu quả hoạt động

**18. Một số điểm mới về quy định trách nhiệm hình sự của pháp phân nhân thương mại và thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại**/ Phạm Tiến Sỹ, Nguyễn Thị Lương Trà// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 21 (534) .- Tr. 36-37.

**Nội dung:** Giới thiệu một số điểm mới về quy định trách nhiệm hình sự của pháp phân nhân thương mại và thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại theo quy định Bộ Luật hình sự năm 2015 và Luật thi hành án hình sự năm 2019, nhất là các nội dung có liên quan đến tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Từ khoá:** Pháp nhân thương mại, trách nhiệm hình sự, thi hành sán hình sự

**19. Nâng cao minh bạch thông tin đối với ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh gia nhập CPTPP**/ Trần Huy Tùng// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 5(542) .- Tr. 20-25.

**Nội dung:** Giới thiệu về minh bạch thông tin, sự cần thiết tăng cường minh bạch thông tin đối với NHTM Việt Nam, kết luận và hàm ý chính sách.

**Từ khoá:** Minh bạch thông tin, CPTPP, hệ thống NHTM

**20. Ngân hàng và công ty Fintech : đối thủ và đối tác/** Nguyễn Hồng Nga// Ngân hàng .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 44-50.

**Nội dung:** Trình bày Fintech - những người chơi mới trên thị trường; ba giải pháp ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động ngân hàng; ngân hàng và Fintech : hợp tác và cạnh tranh; xu hướng hợp tác giữa ngân hàng và công ty Fintceh tại Việt Nam; một số kết luận.

**Từ khoá:** Ngân hàng, công ty Fintech

**21. Những tác động và xu hướng phát triển của hoạt động ngân hàng trong tiến trình của cuộc CMCN 4.0**/ Đào Minh Phúc// Ngân hàng .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 84-91.

**Nội dung:** Trình bày hệ thống tài chính ngân hàng thế giới với Cách mạng công nghiệp 4.0; Ngân hàng Việt Nam thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khoá:** Hoạt động ngân hàng, Cách mạng công nghiệp 4.0

**22. Những vấn đề đặt ra trong quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng**/ Trần Trọng Triết// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2019 .- Số 20(533) .- Tr. 34-39.

**Nội dung:** Đưa ra một hướng nhìn về tái cơ cấu hệ thống ngân hàng mà trọng tâm là các ngân hàng thương mại, từ đó đưa ra một số quan điểm về các giải pháp trong quá trình tái cơ cấu nhằm làm lành mạnh hơn hoạt động hệ thống NHTM Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại, tái cơ cấu, hệ thống ngân hàng

**23. Những xu hướng mới trong hoạt động kinh doanh ngân hàng và vấn đề đặt ra với các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hòa// Ngân hàng .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 92-97.

**Nội dung:** Những xu hướng mới trong mô hình kinh doanh ngân hàng; Những xu hướng mới trong hệ thống ngân hàng Việt Nam 10 năm gần đây; Những vấn đề đang đặt ra với các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**24. Từ khoá:** Hoạt động kinh doanh ngân hàng, ngân hàng thương mại Việt Nam

**Nợ xấu và năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại**/ Vũ Thị Thu Hương// Ngân hàng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 27-29.

**Nội dung:** Tập trung phân tích tác động của nợ xấu đến hoạt động ngân hàng dưới giác độ cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế.

**Từ khoá:** Nợ xấu, năng lực cạnh tranh, ngân hàng thương mại

**25. Nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam : nhu cầu vốn và giải pháp huy động**/ Trần Quốc Khánh// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 1+2(538+539) .- Tr. 47-51.

**Nội dung:** Tính chất tất yếu của nông nghiệp hữu cơ; thực trạng phát triển nông nghiệp hữu cơ và nhu cầu vốn cho phát triển ở Việt Nam; kiến nghị những giải pháp huy động vốn chủ yếu.

**Từ khoá:** Nông nghiệp, hữu cơ, vốn, chính sách, phát triển bền vững

**26. Phân nhóm quốc gia theo tiềm năng và thực tế chi tiêu công**/ Hoàng Khắc Lịch//Khoa học Thương mại.- 20208 .- Số 137+138 .- Tr. 40-49.

**Nội dung:** Phân loại là một công việc có ý nghĩa trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội. Phân loại giúp các tổ chức và cá nhân có thể xác định được những đối tượng (hoặc sản phẩm, sự việc, vấn đề…) có sự tương đồng về một hoặc nhiều khía cạnh. Từ đó, các giải pháp tương ứng có thể được đề xuất một cách phù hợp nhất với từng nhóm, đảm bảo có tính đặc thù hướng tới nâng cao chất lượng và hiệu quả. Tùy theo từng mục đích mà cách phân loại được sử dụng sao cho phù hợp. Ví dụ, nghiên cứu về mức sống của các nước, người ta thường sử dụng cách phân loại của Ngân hàng Thế giới; Nghiên cứu về tài chính quốc tế, người ta thường sử dụng cách phân loại của IMF; Nghiên cứu về phát triển con người, người ta thường sử dụng cách phân loại của UNDP. Trong bài viết này, tác giả đề xuất một cách phân loại các quốc gia, phù hợp cho các mục đích nghiên cứu về chính sách tài khóa nói chung và chi tiêu công nói riêng. Phương pháp K-means được dùng để phân cụm; Các kỹ thuật phân tích Elbow và chỉ số Silhouette dùng để xác định số nhóm tối ưu; Kỹ thuật kiểm định Kruskal-Wallis H được dùng để xác định biến số có ý nghĩa trong phân loại. Kết quả là tổng cộng 134 quốc gia có số liệu trong giai đoạn từ năm 2008 (dấu mốc khủng khoảng tài chính toàn cầu) tới nay được tách thành 03 nhóm theo GNI bình quân, tính hiệu quả của chính phủ và quy mô chi tiêu công.

**Từ khoá:** Phân loại quốc gia, Chi tiêu công, K-means, Elbow, Sihouette

**27. Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ tín dụng của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Thái Nguyên**/ Lã Thị Kim Anh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương- 2019 .- Số 540 .- Tr. 97-99.

**Nội dung:** Trước sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay, các ngân hàng sử dụng nhiều phương tiện trao đổi thanh toán. Một trong các phương tiện thanh toán phổ biến hiện nay là Thẻ tín dụng (TTD). Đây là một loại hình dịch vụ mang lại tính cạnh tranh cao cho các ngân hàng. Tuy nhiên, trên thực tế ở Việt Nam chưa thực sự phát triển mạnh, vì vậy việc tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng TTD sẽ góp phần to lớn vào sự phát triển của các ngân hàng, từ đó đưa ra được những chính sách hiệu quả.

**Từ khoá:** Kinh tế, Ngân hàng, Thẻ tín dụng, Tài chính, Cá nhân

**28. Phát triển hoạt động ngân hàng xanh kết quả tại BIDV và kiến nghị**/ Nguyễn Thị Thùy Dương// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 8(545) .- Tr. 28-33.

**Nội dung**: Đề cập tới sự cần thiết của hoạt động ngân hàng xanh, tổng quan về hoạt động ngân hàng xanh, thực trạng hoạt động ngân hàng xanh tại BIDV và một số kiến nghị phát triển hoạt động ngân hàng xanh tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Ngân hàng xanh, tín dụng xanh, BIDV

**29. Phát triển ngân hàng số tại Việt Nam**/ Phạm Bích Liên, Nguyễn Ngọc Duẩn, Tô Thị Diệu Loan// Ngân hàng .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 14-20.

**Nội dung**: Đề cập tới sự phát triển ngân hàng số; Ngân hàng số với thanh toán không dùng tiền mặt; khó khăn và thách thức trong triển khai ngân hàng số nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt; một số đề xuất nhằm phát triển ngân hàng số trong thanh toán.

**Từ khoá**: Phát triển ngân hàng số, Việt Nam

**30. Quản lý rủi ro pháp lý khi nhận bảo đảm bằng tiền gửi và số dư tài khoản thanh toán/** Bùi Đức Giang// Ngân hàng .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 26-28.

**Nội dung:** Tập trung phân tích các quy định mới liên quan đến bảo đảm bằng tiền gửi, phân tích các rủi ro pháp lý gắn liên với biện pháp bảo đảm này, đồng thời đề xuất một số kiến nghị giúp quản lý các rủi ro này cũng như hoàn thiện hành lang pháp lý có liên quan. bài viết cũng mở rộng đề cập việc sử dụng số dư tài khoản thanh toán làm tài sản bảo đảm.

**Từ khoá:** Quản lý rủi ro, Tài sản đảm bảo, số dư tài khoản thanh toán, bảo đảm bằng tiền gửi

**31. Sử dụng dữ liệu thay thế trong chấm điểm tín dụng : hướng đi mới cho các tổ chức tín dụng**/ Nguyễn Thị Hiền, Phạm Hà Phương// Ngân hàng .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 98-103.

**Nội dung:** Giới thiệu tổng quan về khái niệm mới này. Đồng thời, trên cơ sở đánh giá sơ bộ hoạt động thu thập thông tin và chấm điểm tín dụng cho khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng Việt Nam hiện nay, đưa ra một số khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động này nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của các TCTD; trong đó có việc sử dụng dữ liệu thay thế.

**Từ khoá:** Tổ chức tín dụng

**32. Tác động của cấu trúc sở hữu đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Lâm Chí Dũng, Võ Hoàng Diễm Trinh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 19-26.

**Nội dung:** Trình bày các lý thuyết nền tảng về tác động của cấu trúc sở hữu đến khả năng sinh lời, tổng quan các nghiên cứu về tác động của cấu trúc sở hữu đến khả năng sinh lời, phát triển giả thuyết nghiên cứu,, mô hình và phương pháp nghiên cứu, dữ liệu nghiên cứu và kết quả nghiên cứu và hàm ý.

**Từ khoá:** Cấu trúc sở hữu, khả năng sinh lời, ngân hàng thương mại Việt Nam

**33. Tác động của quản trị công ty đến rủi ro của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam**/ Phạm Hoàng Ân// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2019 .- Số 20(533) .- Tr. 22-26.

**Nội dung:** Phân tích tác động của quản trị công ty đến rủi ro của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, sử dụng dữ liệu thứ cấp của 26 NHTM với 182 quan sát trong giai ddoanj-2017, áp dụng phân tích hồi quy dữ liệu bảng để ước lượng các hệ số hồi quy. Kết quả thực nghiệm cho thấy quy mô hội đồng quản trị, thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT là nữ, thành viên HĐQT là người nước ngoài và thành viên HĐQT tham gia điều hành có tác động rủi ro của ngân hàng . Từ đó nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị về QTCT thuộc NHTM, đặc biệt là đòi hỏi cấu trúc của HĐQT.

**Từ khoá:** Quản trị công ty, rủi ro, ngân hàng thương mại, Việt Nam

**34. Tác động của dịch Covid-19 đến kinh tế Việt Nam và các giải pháp trong lĩnh vực ngân hàng để giảm thiểu thiệt hại từ dịch bệnh**/ Phạm Phương Anh//Ngân hàng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 8-13.

**Nội dung**: Trình bày bối cảnh kinh tế xã hội khi dịch Covod-19 bùng phát; tác động của dịch bệnh Covid-19 đến các hoạt động sản xuất kinh doanh ở Việt Nam; Một số giải pháp trong lĩnh vực ngân hàng giảm thiểu tác động từ dịch; Kết luận.

**Từ khóa:** Ngân hàng, kinh tế Việt Nam, dịch bệnh

**34. Tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế**/ Hoàng Thị Phương Hạnh, Ngô Thị Phương Nhung, Nguyễn Thị Trag Vy, Lê Hải Anh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 9-13.

**Nội dung**: Đánh giá quá trình tham gia vào các tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế của VN từ năm 1993 đến nay; đề xuất định hướng chính sách, chiến lược tham gia các tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế trong thời gian tới nhằm (i) mở rộng và tăng cường nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế - xã hội, tìm nguồn vốn thay thế cho vốn hỗ trợ phát triển (ODA) để đáp ứng nhu cầu phát triển; (ii) nâng cao vị thế, tiếng nói, hình ảnh của VN trên trường quốc tế.

**Từ khoá:** Tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế

**35. Tiêu chí đánh giá sự phát triển sản phẩm cho vay tiêu dùng đối với hộ gia đình ở khu vực nông thôn tại các NHTM**/ Phan Thị Hoàng Yến, Trần Hải Yến// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 543 .- Tr. 12-17.

**Nội dung**: Tổng quan về phát triển sản phẩm cho vay tiêu dùng, tiêu chí đánh giá mức độ phát triển sản phẩm cho vay tiêu dùng đối với hộ gia đình ở khu vực nông thôn tại các NHTM.

**Từ khoá:** Hộ gia đình nông thôn, cho vay tiêu dùng, Ngân hàng thương mại

**36.** **Tín dụng đen, nhóm dưới chuẩn, hỗ trợ**/ Đỗ Hoài Linh// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 8(545) .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Đề cập dến thực trạng và một số đề xuất nâng cao khả năng tiếp cận vốn của khách hàng dưới chuẩn.

**Từ khóa**: Tín dụng đen, nhóm dưới chuẩn, hỗ trợ

**37. Tính độc lập, minh bạch và trách nhiệm giải trình của ngân hàng trung ương : vai trò của kiểm toán nội bộ và kiểm toán bên ngoài - kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam/** Lê Quốc Nghị, Trần Thị Ngọc Tú// Ngân hàng .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 122-126.

**Nội dung**: Đề cập một số yếu tố cơ sở đảm bảo tính độc lập của NHTW, vai trò của kiểm toán nội bộ và kiểm toán bên ngoài đối với việc thực hiện tính ộc lập, minh bạch và trách nhiệm giải trình của ngân hàng trung ương trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đồng thời rút ra bài học đối với Ngân hàng Nhà nước VN nhằm phát huy hơn nữa vai trò và trách nhiệm của NHNN trong việc thực hiện các mục tiêu của mình.

**Từ khoá:** Tính độc lập, minh bạch, ngân hàng trung ương, kiểm toán nội bộ, kiểm toán bên ngoài, kinh nghiệm quốc tế, bài học cho Việt Nam

**38. Tổ chức quản trị dữ liệu trong NHTM: các thông lệ quốc tế và hàm ý cho Việt Nam**/ Nguyễn Thị Nhung// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 9(546) .- Tr. 20-27.

**Nội dung**: Trên cơ sở tổng hợp và phân tích vấn đề tổ chức quản trị dữu liệu trong ngân hàng, bài viết đề xuất 5 kiến nghị dành cho các ngân hàng VN, bao gồm: xây dựng khung quản trị dữ liệu và phổ biến tới toàn hệ thống, thành lập đơn vị chuyên trách chịu trách nhiệm về quản trị dữ liệu, bổ sung chức danh vị trí giám đốc điều hành dữ liệu, thành lập đơn vị thực hiện dữ liệu - phân tích dữ liệu - ngân hàng.

**Từ khoá:** Quản trị dữ liệu, ngân hàng, phân tích chất lượng dữ liệu

**39. Ứng dụng mô hình Camels trong đo lường năng lực tài chính của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**/ Nguyễn Thị Kim Phượng, Nguyễn Hà Thương//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 540 .- Tr. 87-89.

**Nội dung:** Trong bối cảnh cạnh tranh giữa các NHTM trong nước ngày càng gay gắt, các NHTM muốn đứng vững trên thị trường thì việc tăng cường năng lực tài chính là vấn đề hết sức cấp thiết. Nâng cao năng lực tài chính cũng chính là vấn đề luôn được ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) quan tâm. Tuy nhiên, muốn khai thác hiệu quả năng lực tài chính để phục vụ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh thì điều đầu tiên ngân hàng giải quyết là đo lường chính xác năng lực tài chính của mình. Bài viết tập trung vào việc ứng dụng mô hình CAMELS - một hệ thống đánh giá phổ biến trên thế giới hiện nay để đo lường năng lực tài chính của BIDV.

**Từ khoá:** Kinh doanh, Tài chính, Ngân hàng, Camels, Đo lường

**40. Ứng dụng thiết bị theo dõi chuyển động mắt (eye tracker) trong nghiên cứu hành vi ánh mắt khách hàng tại các ngân hàng thương mại**// Nguyễn Hoài Nam// Ngân hàng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 20-24.

**Nội dung:** Giới thiệu công nghệ và thiết bị mới để theo dõi chuyển động của mắt khách hàng. Bên cạnh đó, tác giả cũng giới thiệu một số kết quả từ các nghiên cứu sử dụng thiết bị eye tracker ( thiết bị theo dõi chuyển động mắt), từ đó, có một số trao đổi với những những nghiên cứu và ứng dụng eye tracker trong hoạt động marketing ngân hàng.

**Từ khóa:** Ngân hàng thương mại, Ứng dụng thiết bị theo dõi chuyển động mắt

**41. Vai trò của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân trong phát triển tài chính toàn diện tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Kim Thanh, Mai Thị Trang Nhung// Ngân hàng .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 110-119.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng toàn diện; Những con số và vai trò của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân; Một số gợi ý phát triển và giải pháp.

**Từ khoá:** Tín dụng nhân dân, phát triển tài chính toàn diện

**42 Xây dựng và triển khai hệ thống đánh giá tính tổn thương và rủi ro khủng hoảng tài chính tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**/ Nguyễn Vĩnh Hưng, Phan Minh Anh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 20-26.

**Nội dung**: Tổng quan về hệ thống đánh giá tính tổn thương và rủi ro khủng hoảng; phương pháp xây dựng hệ thống đánh giá tính tổn thương và rủi ro khủng hoảng; thực trạng xây dựng và phát triển hệ thống đánh giá tính tổn thương và rủi ro khủng hoảng tại Ngân hàng Nhà nước; Đề xuất xây dựng và phát triển hệ thống đánh giá tính tổn thương và rủi ro khủng hoảng tại Ngân hàng Nhà nước.

**Từ khoá:** Hệ thống đánh giá tính tổn thương, rủi ro khủng hoảng tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**43. Xu hướng chuyển đổi số và rủi ro ảnh hưởng tới các tổ chức tài chính Việt Nam**/ Phó Đức Giang// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 1+2(538+539) .- Tr. 35-38.

**Nội dung:** Bài viết nhận diện ba tủy chọn để các ngân hàng có thể hướng tới sự dịch chuyển quan trọng này, đồng thời chỉ ra một số rủi ro ảnh hưởng tới các tổ chức tài chính Việt nam trong quá trình chuyển đổi số.

**Từ khoá**: Ngân hàng số, rủi ro

**44. Xu hướng phát triển và hợp tác của ngân hàng – Fintech năm 2020**/ Nguyễn Thị Hồng Nhung// Ngân hàng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 46-50.

**Nội dung:** Bối cảnh suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2019 ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của lĩnh vực ngân hàng; Đẩy mạnh dịch vụ ngân hàng kỹ thuật số; các dịch vụ Fintech ngày càng phát triển; mức độ chấp nhận các dịch vụ Fintech của người tiêu dùng ngày càng cao; xu hướng phát triển các lĩnh vực hợp tác giữa ngân hàng và Fintech.

**Từ khóa:** Ngân hàng, Fintech

**45. Xu hướng số hóa hoạt động bancassurance : khuyến nghị cho Việt Nam**/ Phạm Xuân Hòe, Lê Phú Lộc// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 543 .- Tr. 28-31.

**Nội dung**: Dưới tác động của việc phát triển công nghệ và số hóa trên toàn cầu khi mà ngân hàng và khách hàng đang dần sử dụng nhiều công nghệ số hơn thì, hoạt động bancassurance cũng xuất hiện những bước chuyeenrminhf, ứng dụng nhiều công nghệ hiện đại, tự động hóa trong việc thay đổi phương thức giao dịch từ kênh vật lysang kênh số, tăng cường khả năng giao tiếp đa kênh với khách hàng, cá nhân hóa các sản phẩm bảo hiểm cung cấp cho các khách hàng của ngân hàng dựa trên chính nhu cầu của khách hàng và tăng cường trải nghiệm của khách hàng.

**Từ khoá:** Bancassurance, Doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng, công nghệ, số hóa

**GIÁO DỤC**

**1.** **Hiệu quả và tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả giảng dạy các môn lí luận chính trị ở trường đại học/** Phan Thị Phương Anh// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 1 .- Tr. 109-117.

**Nội dung:** Lý luận chính trị là một bộ phận của công tác tư tưởng trong trường học, do đó cần phải đánh giá hiệu quả giảng dạy các môn lý luận chính trị theo quan điểm cũng như tiêu chuẩn của công tác tư tưởng.

**Từ khóa:** Tiêu chuẩn đánh giá, lý luận chính trị

**2. Trường đại học, viện nghiên cứu của Việt Nam qua lăng kính của một số tổ chức xếp hạng trên thế giới**/ Tuyết Nga, Chu Hải Ninh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 3(732) .- Tr.29-31.

**Nội dung**: Xem xét các cơ sở đào tạo đại học, viện nghiên cứu của Việt Nam qua lăng kính của 4 bảng xếp hạng: THE, QS, Nature Index và Webmetrics.

**Từ khóa**: Trường đại học, viện nghiên cứu, đào tạo đại học, xếp hạng

**3. Vận dụng tư tưởng trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào vấn đề thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay**/ Lã Quý Đô// Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 12 (85) .- Tr. 75 - 80. 959.7

**Nội dung:** Trình bày các mục như sau: 1. Thấu hiểu nỗi thống khổ của người dân mất nước, đánh giá cao vai trò của nhân dân lao động trong sự nghiệp cách mạng; 2. Quan tâm chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân và 3. Thực hiện tốt chính sách xã hội, chăm lo nâng cao đời sống nhân dân theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**Từ khóa:** Chính sách xã hội, Hồ Chí Minh, di chúc

**MÔI TRƯỜNG**

**1. Ảnh hưởng của biến đổi khi hậu đến cơ sở hạ tầng và một số giải pháp/** Nguyễn Văn Tuấn// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 5 (kỳ 1) .- Tr. 62-63.

**Nội dung**: Trình bày về những tác động mạnh đến cơ sở hạ tầng và phát triển cơ sở hạ tầng ứng phó biến đổi khí hậu.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu, cơ sở hạ tầng

**2. Bảo đảm đủ nước cho sinh hoạt và sản xuất, ứng phó hiệu quả với hạn mặn**/ Đông Phương// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 3 (329) .- Tr. 3 - 4.

**Nội dung:** Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị “Phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm sản xuất nông nghiệp và dân sinh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long mùa khô năm 2019 – 2020” được tổ chức mới đây, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng yêu cầu các bộ, ngành, địa phương vùng ĐBSCL phải chăm lo, bảo đảm cho đời sống của người dân với phương châm là không bùng phát dịch bệnh do hạn hán, XNM kéo dài.

**Từ khóa:** Nước sinh hoạt, sản xuất, hạn hán, hạn mặn

**3. Biến đổi đại dương trong bối cảnh biến đổi khí hậu/** Nguyễn Chu Hồi// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 9-11.

**Nội dung**: Giới thiệu về biến đổi đại dương, vai trò của đại dương trong thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, cách tiếp cận ứng phó trên thế giới và ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Biến đổi đại dương, biến đổi khí hậu

**4. Các phương pháp lấy và phân tích thành phần khoáng vật của đất trong nghiên cứu khoáng vật**/ Trần Thị Hồng Minh, Lê Trung Kiên// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 22 (324) .- Tr. 39 - 40.

**Nội dung:** Trình bày về phương pháp nghiên cứu, phương pháp khảo sát thực địa và các phân tích trong phòng.

**Từ khóa:** Phân tích, thành phần, khoáng vật

**5. Chủ động theo dõi và dự báo sớm diễn biến thiên tai, thời tiết**/ Mai Văn Khiêm// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 1+2 (327 + 328) .- Tr. 48 - 49.

**Nội dung:** Trong năm 2019, Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quốc gia theo dõi, dự báo và cảnh báo sát diễn biến, tác động của 8 cơn bão, 3 áp thấp nhiệt đới, 15 đợt mưa lớn, 9 trận lũ. Trung tâm đã gửi tới Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai những nhận định sớm về diễn biến thiên tai trước 5 đến 7 ngày để có những kế hoạch ứng phó phù hợp. Độ chính xác trong bản tin dự báo bão hiện nay tiêm cận với trình độ dự báo bão của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

**Từ khóa:** Dự báo Khí tượng thủy văn Quốc gia, thiên tai, thời tiết

**6. Công nghệ 4.0 trong công cuộc bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên bền vững**/ Nguyễn Thị Bích// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 4 (330) .- Tr. 34 - 37.

**Nội dung:** Muốn kiểm soát được ô nhiễm môi trường cần kiểm soát được nguyên nhân gây ra ô nhiễm. Ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, đặc biệt là thành tựu vĩ đại của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 để kiểm soát các nguyên nhân gây ONMT có vai trò đặc biệt quan trọng. Do đó, việc nhận diện, dự báo tác động các thành tựu của cuộc CMCN 4.0 đến hoặc động gây QNMT là chìa khóa để xây dựng, hoàn thiện pháp luật về vấn đề này nhằm kiểm soát ONMT hiệu quả, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành, hướng tới phát triển kinh tế xanh bền vững.

**Từ khóa:** Công nghệ 4.0, bảo vệ môi trường, tài nguyên bền vững

**7. Công nghệ 4.0: Cơ hội và thách thức đối với lĩnh vực trắc địa và bản đồ**/ Bùi Thu Phương, Trần Thị Thu Trang// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 22 (324) .- Tr. 14 - 15.

**Nội dung:** Trình bày nội dung: Khi thế hệ “thông minh” thay thế cho thế hệ “điện tử”; Các bước tiến hành xây dựng một hệ thống thông minh và Vấn đề đặt ra đối với lĩnh vực trắc địa và bản đồ.

**Từ khóa:** Công nghệ 4.0, lĩnh vực, trắc địa, bản đồ

**8. Công nghệ đốt rác LOSHIHO: Lời giải cho xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn**/ Hồng Minh// Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 24 (326) .- Tr. 28 - 29.

**Nội dung:** Theo tính toán, mỗi ngày tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nông thôn trên địa bàn 168/204 xã thuộc tỉnh Nam Định phải thu gom khoảng hơn 400 tấn/ngày. Thu gom và xử lý rác thải, nhất là trong sinh hoạt tại khu vực nông thôn đang là bài toán nan giải với nhiều địa phương, trong đó có Nam Định. Trước bất caaoj đó, ông ty TNHH Thiên Phú đã tiên phong chế tạo thành công lò đốt rác thải sinh hoạt bằng phương pháp đốt tự nhiên phân và tự sinh năng lượng (LOSHIHO).

**Từ khóa:** Công nghệ đốt rác, LOSHIHO, xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn

**9. Đánh giá đa dạng di truyền bằng chỉ thị hình thái và tương quan kiểu hình các dòng Náng hoa trắng (Crinum asiaticum L.)**/ Nguyễn Văn Tâm, Nhữ Thu Nga, Trịnh Văn Vượng, Phan Thúy Hiền, Trần Ngọc Thanh, Nguyễn Thị Hương, Vũ Đình Hòa// Khoa học & Công nghệ Việt Nam .- 2019 .- Số 61 (12) .- Tr. 36 - 40.

**Nội dung:** Đánh giá mức độ đa dạng di truyền và mối quan hệ tương quan kiểu hình của các dòng Náng hoa trắng đã chọn lọc.

**Từ khóa:** Crinum asiaticum, đa dạng di truyền, Nắng hoa trắng, tương quan

**10. Đánh giá diễn biến chất lượng không khí một số đô thị nước ta và đề xuất giải pháp cải thiện**/ Phạm Ngọc Đăng// Môi trường .- 2020 .- Số 2 .- Tr. 28 - 31.

**Nội dung:** Trình bày các điều như sau: 1. Các căn cứ để đánh giá mức độ ô nhiễm không khí ở các đô thị nước ta; 2. Diễn biến chất lượng không khí tại một số đo thị ở nước ta trong các năm gần đây và 3. Các nguồn thải ô nhiễm không khí và đề xuất các giải pháp cải thiện.

**Từ khóa:** Chất lượng không khí, đô thị, giải pháp

**11. Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải chế biến sữa bằng bể sinh học tầng giá thể cố định (Fixed Bed Bio – Reactor – FBBR) với giá thể Biocurlz**/ Lê Hoàng Nghiêm// Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 23 (325) .- Tr. 31 - 33.

**Nội dung:** Nghiên cứu được thực hiện để đánh giá khả năng xử lý nước thải chế biến sữa của bể sinh học hiếu khí tầng giá thể cố định (Fixed Bed Bio - reactor - FBBR) với giá thể Biocurlz (BC).

**Từ khóa:** Xử lý nước thải, chế biến sữa, bể sinh học tầng, giá thể cố định, giá thể Biocurlz, Fixed Bed Bio - reactor – FBBR

**12. Đánh giá phát sinh chất thải rắn nguy hại trong canh tác lúa và đề xuất biện pháp xử lý/** Nguyễn Thị Bé Phúc// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 39-41.

**Nội dung**: Đánh giá lượng phát thải vỏ chai bao bì thuốc bảo vệ thực vật, góp phần kiểm soát chất thải rắn nguy hại của các khu vực canh tác lúa tại địa phương.

**Từ khóa:** Chất thải rắn nguy hại, canh tác lúa, bảo vệ thực vật

**13. Đánh giá thực trạng và đề xuất hướng phát triển công nghệ vi sinh trong xử lý ô nhiễm môi trường/** Tăng Thị Chính, Ngô Đình Bính, Nguyễn Đức Hoàng, Lê Trọng Tài// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 39-42.

**Nội dung**: Trình bày kết quả đánh giá thực trạng công nghệ sản xuất, ứng dụng chế phẩm vi sinh và định hướng phát triển công nghệ vi sinh trong xử lý kiểm soát ô nhiễm môi trường tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Công nghệ vi sinh vật, ô nhiễm môi trường

**14. Đánh giá xu hướng bảo vệ môi trường của Việt Nam giai đoạn 2010 – 2018 thông qua Bộ chỉ số Hoạt động môi trường - EPI**/ Hoàng Thị Hiền, Vũ Thị Thanh Nga, Hoàng Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hà// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 3 (329) .- Tr. 24 - 27.

**Nội dung:** Đánh giá xu hướng nỗ lực bảo vệ môi trường của Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2018 thông qua Bộ chỉ số hoạt động môi trường - EPI.

**Từ khóa:** Bảo vệ môi trường, Việt Nam, hoạt động môi trường, EPI

**15. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám, phục vụ quản lý tài nguyên thiên nhiên và giám sát môi trường**/ Nguyễn Quốc Khánh// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 1+2 (327 + 328) .- Tr. 46 - 47.

**Nội dung:** Năm 2019, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 03/2019/NĐ-TTg về hoạt động viễn thám; Quyết định số 149/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển viễn thám quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040, đay là khung pháp lý cơ bản để định hướng cho hoạt động viễm thám trên địa bàn cả nước trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Công nghệ viễn thám, quản lý tài nguyên thiên nhiên, giám sát môi trường

**16. Đề xuất giải pháp kiểm soát, nâng cao hiệu quả hồ điều tiết đò xu – Tp. Đà Nẵng**/ Lê Năng Định, Lê Thị Kiều Oanh// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 203-208.

 **Nội dung**: Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng hồ điều tiết Đò Xu nhằm đưa ra giải pháp kiểm soát, nâng cao hiệu quả hồ phù hợp trong việc điều tiết nước mưa, điều hòa khí hậu, tạo cảnh quan,... Qua đánh giá về hệ thống thoát nước lưu vực hồ, chất lượng nước hồ, xác định khối lượng và tính chất bùn cặn trong hồ; tác giả nhận thấy hiện nay mức độ ô nhiễm của hồ đang có xu hướng tăng dần.

**Từ khóa**: Hồ đô thị, đánh giá hiện trạng, giải pháp kỹ thuật và quản lý, chất lượng môi trường, hồ điều tiết Đò Xu – Đà Nẵng.

**17. Đề xuất hoàn thiện bộ tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau năm 2020**/ Nguyễn Hoàng Ánh// Môi trường .- 2020 .- Số 2 .- Tr. 18 - 19.

**Nội dung:** Trình bày nội dung đánh giá về cơ sở lý luận và thực tiễn khi thực hiện tiêu chí 17 về môi trường trong xây dựng nông thôn mới và một số đề xuất hoàn thiện tiêu chí 17 cho phù hợp với giai đoạn tiếp theo (2021 – 2025).

**Từ khóa:** Tiêu chí, môi trường, nông thôn mới

**18. Đốt rác phát điện – Hướng tiếp cận công nghệ tương lai**/ Nguyên Khôi// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 4 (330) .- Tr. 44 - 45.

**Nội dung:** Tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa tại các thành phố và các khu đô thị của nước ta hiện nay đang phát sinh một lượng lớn rác thải, nếu không có chính sách, phương pháp và công nghệ xử lý phù hợp sẽ dẫn đến nguy cơ ô nhiễm môi trường trầm trọng. Trong các phương án xử lý chất thải, đặc biệt chất thải rắn sinh hoạt, công nghệ đốt rác phát điện đang là công nghệ tối ưu. Công nghệ này đang được sử dụng rông rãi trên thế giới với nhiều ưu điểm, vừa giúp giảm thiểu ONMT vừa thu hồi, tái tạo nâng lượng trong sản xuất. Việt Nam đang lựa chọn, phổ birsn áp dụng công nghệ này tại các đô thị.

**Từ khóa:** Đốt rác phát điện, công nghệ tương lai

**19. Giải pháp công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt**/ Minh Trí// Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 24 (326) .- Tr. 17 - 19.

**Nội dung:** Trình bày nội dung về một số công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam, những khó khăn đặt ra và đề xuất giải pháp và nhiệm vụ trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Giải pháp công nghệ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

**20. Giải pháp phát triển nền kinh tế biển xanh cho Việt Nam/** Nguyễn Đình Giáp// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 5 (kỳ 2) .- Tr. 12-13.

**Nội dung**: Khái niệm kinh tế biển xanh; Tiềm năng phát triển nền kinh tế biển xanh của Việt Nam; Một số giải pháp phát triển nền kinh tế biển xanh.

**Từ khóa:** Kinh tế biển xanh, phát triển bền vũng, giải pháp

**21. Giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu tại các đô thị/** Nguyễn Linh// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 5 (kỳ 2) .- Tr. 62-63.

**Nội dung**: Biến đổi khí hậu tác động tiêu cực tới đô thị; Triển khai nhiều giải pháp thích ứng.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu, đô thị, giải pháp

**22. Giảm phát thải khí nhà kính phát triển thị trường cacbon thấp**/ Nguyễn Linh// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 20 (322) .- Tr. 45 - 46.

**Nội dung:** Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, thay đổi về cắt giảm lượng phát thải khí nhà kính, phát triển thị trường cacbon thấp, chống tác động biến đổi khí hậu, nước ta luôn khẳng định nỗ lực, quyết tâm của mình.

**Từ khóa:** Giảm phát thải, khí nhà kính, phát triển thị trường, cacbon

**23. Kiểm toán chất thải : công cụ hiệu quả để bảo vệ môi trường/** Nguyễn Quang// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 5 (kỳ 2) .- Tr. 56-57.

**Nội dung**: Hiệu quả của hệ thống quản lý chất thải; Những điểm cần quan tâm trong kiểm toán chất thải ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Kiểm toán chất thải, quản lý chất thải

**24. Kinh nghiệm của một số nước về tổ chức bộ máy thực hiện chức năng kiểm soát, giải quyết sự cố ô nhiễm môi trường liên tỉnh/** Bùi Hoài Nam, Lưu Thị Hương, Nguyễn Thị Thu Thảo// Môi trường .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 35-37.

**Nội dung**: Trình bày kinh nghiệm của một số nước về tổ chức bộ máy thực hiện chức năng kiểm soát, giải quyết sự cố ô nhiễm môi trường liên tỉnh là các nước: Philipin, Ôxtrâylia, Trung Quốc, Braxin.

**Từ khóa:** Ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường

**25. Kinh nghiệm một số nước trong huy động và sử dụng tài chính ứng phó biến đổi khí hậu/** Phương Đông// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 59-60.

**Nội dung**: Huy động và sử dụng tài chính của một số quốc gia trong ứng phó; Chính sách của Việt Nam trong huy động nguồn lực ứng phó.

**Từ khóa:** Huy động, tài chính, biến đổi khí hậu

**26. Kinh nghiệm quốc tế trong công tác quản lý chất thải rắn**/ Phương Chi// Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 24 (326) .- Tr. 24 - 25.

**Nội dung:** Trình bày nội dung về xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp cho quản lý chất thải; Sử dụng công cụ tài chính trong quản lý chất thải và thúc đẩy thị trường tái chế, tái sử dụng chất thải rắn.

**Từ khóa:** Kinh nghiệm quốc tế, quản lý chất thải rắn

**27. Kinh nghiệm quốc tế về quan trắc đa dạng sinh học/** Trần Huyền Trang// Môi trường .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 30-32.

**Nội dung**: Hướng dẫn về quan trắc đa dạng sinh học của các Công ước, Tổ chức quốc tế; Kinh nghiệm quan trắc đa dạng sinh học của một số nước trên thế giới; Bài học kinh nghiệm và một số kiến nghị đối với quan trắc đa dạng sinh học tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Sinh học, quan trắc đa dạng sinh học

**28. Kinh tế tuần hoàn : kinh nghiệm quốc tế, đề xuất áp dụng tại Việt Nam/** Phạm Phú Bình// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 7-11.

**Nội dung**: Kinh nghiệm xây dựng và thực hiện mô hình kinh tế tuần hoàn trên thế giới; So sánh cách tiếp cận và đề xuất áp dụng kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Kinh tế tuần hoàn, mô hình kinh tế

**29. Kinh tế tuần hoàn và hướng hoàn thiện Dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)/** Nguyễn Hoàng Nam// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 15-17.

**Nội dung**: Kinh tế tuần hoàn và pháp luật liên quan đến kinh tế tuần hoàn; Kinh tế tuần hoàn trong Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi năm 2020.

**Từ khóa:** Kinh tế tuần hoàn, Luật Bảo vệ môi trường

**30. Lý thuyết chính trị xanh trong hợp tác ứng phó biến đổi khí hậu**/ Vũ Hồng Nhung// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 10 (229) .- Tr. 16 - 25.

**Nội dung:** Mô tả một vài đặc điểm chính của lý thuyết chính trị xanh trong quan hệ quốc tế và đánh giá tính hiệu quả của lý thuyết này trong hợp tác quốc tế ứng phó biến đổi khí hậu thông qua những nỗ lực của Liên minh Châu Âu.

**Từ khóa:** Lý thuyết chính trị xanh, đạo đức sinh thái, phát triển kinh tế, biến đổi khí hậu, Liên minh Châu Âu, đàm phán khí hậu

**31. Môi trường nông thôn và một số đề xuất giải thiểu ô nhiễm**/ Ngọc Yến// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 19 (321) .- Tr. 40 - 41.

**Nội dung:** Quá trìnhcông nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn đã và đang đặt ra những thách thức đối với công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường nông thôn trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Môi trường, nông thôn, giảm thiểu ô nhiễm

**32. Một số định hướng Chiến lược về bảo vệ môi trường ở Việt Nam trong thời gian tới/** Nguyễn Trung Thắng, Hoàng Hồng Hạnh, Vũ Thị Thanh Nga, Nguyễn Ngọc Tú// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 1 .- Tr. 23-24, 28.

**Nội dung**: Nhìn nhận lại công tác bảo vệ môi trường thời gian qua và đề xuất một số định hướng cho giai đoạn 2021-2030 ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Bảo vệ môi trường, môi trường

**33. Một số giải pháp khả thi giảm thiểu thách thức về rác thải nhựa**/ Mai Hạnh// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 21 (323) .- Tr. 61 - 62.

**Nội dung:** Mỗi năm, chúng ta sản xuất khoảng 300 triệu tấn nhựa, một nửa trong số đó là nhựa dùng một lần. Vậy phải ứng xử với nhựa dùng một lần như thế nào? Về thành phần, nhựa dùng một lần thường được sản xuất với chất phụ gia là dầu mỏ. Điều đó, gây khó khăn cho quá trình tái chế và để giải quyết vấn đề này, chúng ta phải bổ sung một số vật liệu, hóa chất. Để góp phần giảm thiểu lượng rác thải nhựa, Việt Nam không chỉ hạn chế dùng đồ nhựa một lần mà còn cần phải có những giải pháp hợp lý để tránh rơi vào “bẫy ô nhiễm” tạo áp lực khác lên môi trường.

**Từ khóa:** Giải pháp, khả thi, giảm thiểu thách thức, rác thải nhựa

**34. Một số yếu tổ ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý hợp chất Nitơ trong nước thải bởi thiết bị đĩa quay sinh học**/ Nguyễn Văn Vinh, Lại Thế Dũng, Hoàng Thị Thu Hòa, Bùi Đức Tấn, Nguyễn Thị Duyên// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 21 (323) .- Tr. 50 - 51.

**Nội dung:** Nghiên cứu tiến hành xử lý nước thải sinh hoạt ở nhiều nồng độ đầu vào khác nhau, tiến hành theo kiểu gián đoạn.

**Từ khóa:** Yếu tố ảnh hưởng, hiệu quả xử lý, hợp chất Nitơ, nước thải, thiết bị, đĩa quay sinh học

**35. Năm nhiệm vụ trọng tâm giảm thiểu rác thải nhựa trên biển và đại dương**/ Tạ Đình Thi// Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 24 (326) .- Tr. 12 - 14.

**Nội dung:** Ngày 04/12/2019, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030. Nhân sự kiện này, TS. Tạ Đình Thi – Tổng cục trưởng Tổng cục Biển & Hải đảo Việt Nam đã dành cho Tạp chí Tài nguyên và Môi trường những trao đổi xung quanh việc triển khai Kế hoạch.

**Từ khóa:** Giảm thiểu rác thải nhựa, biển, đại dương

**36. Nâng cao hiệu quả cung cấp dữ liệu đo đạc bản đồ bằng các giải pháp công nghệ mã nguồn mở**/ CN. Đỗ Hữu Hùng, ThS. Nguyễn Văn Tuấn, Nông Thị Oanh, Phạm Quang Hiển// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 21 (323) .- Tr. 16 - 18.

**Nội dung:** Trình bày giải pháp mã nguồn mở trong việc thực hiện cung cấp dữ liệu đo đạc bản đồ tới người sử dụng thông qua mạng Internet.

**Từ khóa:** Nâng cao hiệu quả, cung cấp dữ liệu, đo đạc bản đồ, giải pháp công nghệ, mã nguồn mở

**37. Nghiên cứu ảnh hưởng nhiệt độ đốt thứ cấp đến nồng độ Dioxin/Furans và Nox trong lò đốt chất thải nguy hại**/ Lê Văn Lữ, Lý Cẩm Hùng, Nguyễn Thành Long, Nguyễn Lương Duy, Nguyễn Minh Phương// Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 23 (325) .- Tr. 37 - 39.

**Nội dung:** Nghiên cứu để đưa ra giải pháp xử lý triệt để Dioxin/Furans đạt dưới ngưỡng cho phép 1,2ngTEQ/N.m3 là vấn đề cấp thiết trong điều kiện Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Nhiệt độ đốt thứ cấp, nồng độ, Dioxin/Furans, Nox, lò đốt, chất thải nguy hại

**38. Nghiên cứu đánh giá hiện trạng môi trường không khí trong sản xuất bao bì**/ Nguyễn Văn Tuấn// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 5 (331) .- Tr. 25 - 27.

**Nội dung:** Nghiên cứu tiến quan trắc 30 mẫu không khí để đán giá hiện trạng môi trường không khí ở các khu vực của công ty. Kết qura nghiên cứu cho thấy, các chỉ tiêu nhiệt độ, tiếng ồn đều vượt quy chuẩn cho phép; độ ẩm, tốc độ gió, ánh sáng, bụi hô hấp, hơi khí độc Benzen (0,04-2,01 mg/m3), methyl ethyl ketone (0,06-17,08 mg/m3) đạt chuẩn cho phép. Hiện trạng chất lượng môi trường lao động tại công ty ở mức độ ô nhiễm vừa.

**Từ khóa:** Môi trường không khí, sản xuất bao bì

**39. Nghiên cứu kinh nghiệm giảm nhẹ thiên tai trước tác động của biến đổi khí hậu**/ Nguyễn Thị Na// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 20 (322) .- Tr. 12 - 13.

**Nội dung:** Tiến trình thích ứng biến đổi khí hậu có thể đúc rút được nhiều kinh nghiệm từ giảm nhẹ thiên tai và những khả năng giảm thiểu thiệt hại, đặc biệt trong bối cảnh gia tăng tần suất và cường độ thiên tai như hiện nay. Các nước trên thế giới cũng như Việt Nam cần làm nhiều việc để xây dựng khả năng chống chịu với những tác động biến đổi khí hậu gây ra cho con người trước mắt cũng như lâu dài.

**Từ khóa:** Kinh nghiệm, giảm nhẹ thiên tai, tác động, biến đổi khí hậu

**40. Nghiên cứu tính chất, thành phần, lưu lượng nước thải tại khu vực quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng**/ Lê Năng Định, Đồng Thị Ngọc Sinh, Nguyễn Đình Huấn// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 30-37.

**Nội dung**: Trình bày kết quả khảo sát, đánh giá hiện trạng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu vực quận Ngũ Hành Sơn và tính chất, thành phần, lưu lượng nước thải tại khu vực nghiên cứu. Kết quả thể hiện những đặc trưng của nước thải về tính chất, thành phần, lưu lượng, để từ đó đưa ra các giải pháp lựa chọn công nghệ xử lý phù hợp và có phương pháp thu gom thích hợp để đảm bảo hiệu quả về kinh tế và bảo vệ môi trường.

**Từ khóa**: Amoni, chất hữu cơ, cặn lơ lửng, lưu lượng nước thải, xử lý nước thải, SBR.

**41. Nghiên cứu ứng dụng dịch chiết có hoạt tính sinh học từ gừng (Zingiber officinale), riềng (Alpinia officinarum) để bảo quản tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei)**/ Phan Thanh Tâm, Nguyễn Mạnh Cường// Khoa học & Công nghệ Việt Nam .- 2019 .- Số 61 (12) .- Tr. 51 - 55.

**Nội dung:** Tiến hành bảo quản riêng rẽ tôm thẻ chân trắng sau thu hoạch bằng các phụ gia an toàn cũng như bằng dịch chiết gừng, riềng kết hợp với phụ gia.

**Từ khóa:** Chống oxy hóa, gừng, hoạt tính kháng khuẩn, phụ gia bảo quản, riềng, tôm thẻ chân trắng

**42. Nghiên cứu ứng dụng n-butylamin tái chế chất thải rắn thuộc da chứa crôm**/ Nguyễn Như Thanh, Đào Tuấn Anh, Lê Thị Vân// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 2(Tập 62) .- Tr.46-49.

**Nội dung**: Đưa ra quy trình công nghệ tái chế chất thải rắn thuộc da chứa crôm một giai đoạn và xác định được các giá trị về nhiệt độ, độ pH, khối lượng enzyme và n-butylamin để phân giải hoàn toàn chất thải rắn thuộc da chưa crôm.

**Từ khóa**: Chất thải rắn thuộc da chưa crôm, enzyme alcalase, n-butylamin, tái chế chất thải rắn thuộc da

**43. Nghiên cứu xây dựng quy trình chẩn đoán vi khuẩn Helicobacter pylori trong mẫu nước bọt bằng phương pháp PCR**/ Triệu Tiến Sang, Trần Văn Khoa, Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Hoàng Hiệp, Nguyễn Thu Huyền, Nguyễn Thị Trang// Khoa học & Công nghệ Việt Nam .- 2019 .- Số 61 (12) .- Tr. 9 - 13.

**Nội dung:** Xây dựng thành công quy trình chẩn đoán vi khuẩn Hp trong mẫu nước bọt bằng phương pháp PCR thông qua việc xác định hai gen đặc hiệu ureC và hsp6 của vi khuẩn Hp.

**Từ khóa:** Helicobacter pylori, không xâm lấn, nước bọt, PCR

**44. Nghiên cứu xử lý formaldehyde sử dụng thiết bị oxy hóa quang xúc tác trong buồng kín/** Võ Thị Thanh Thùy, Ngô Vi Thùy, Nguyễn Nhật Huy// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 33-35.

**Nội dung**: Khảo sát khả năng xử lý HCHO trong buồng kín của thiết bị sử dụng công nghệ quang xúc tác.

**Từ khóa:** Quang xúc tác, buồng kín, formaldehyde

**45. Nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” được thể hiện trong Dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)/** Nguyễn Thế Chinh// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 5 (kỳ 1) .- Tr. 7-9.

**Nội dung**: Luận giải nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền; Những nội dung liên quan đến nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” được thể hiện trong Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi).

**Từ khóa:** Ô nhiễm môi trường, Luật Bảo vệ môi trường

**46. Nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam/** Phạm Văn Lợi// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 5 (kỳ 1) .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Một số nội dung về nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền; Kinh nghiệm thế giới trong việc thực hiện nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền; Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Ô nhiễm môi trường, người gây ô nhiễm phải trả tiền, nguyên tắc

**47. Phần mềm quản lý và công bố dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục/** Văn Hùng Vỹ// Môi trường .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 41-44.

**Nội dung**: Trình bày ứng dụng phần mềm Envisoft trên nền tảng web và phần mềm Envisoft trên nền tảng di động.

**Từ khóa:** Phần mềm Envisoft, phần mềm quản lý

**48. Phân tích tương quan giữa dữ liệu môi trường nhiệt độ và gió với chuyển vị cầu dây văng do bằng công nghệ GPS**/ Phạm Thị Thương Huyền// Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 24 (326) .- Tr. 40 - 42.

**Nội dung:** Phân tích tương quan giữa các yếu tố nhiệt độ môi trường và vận tốc gió với dữ liệu chuyển vị của cầu dây văng do bằng công nghệ GPS.

**Từ khóa:** Dữ liệu, môi trường, nhiệt độ, gió, chuyển vị, cầu dây văng, công nghệ GPS

**49. Quản lý chặt chẽ nguồn phát thải, giảm hiệu ứng khí nhà kính**/ Phương Đông// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 5 (331) .- Tr. 43 - 44.

**Nội dung:** Thế giới nói chung, nước ta nói riêng, đang đối mặt với sự nóng lên curakhis hậu toàn cầu, trong đó chủ yếu là nguồn phát thải khí nhà kính. Phát thải khí nhà kính chiếm trên 90% lượng CO2 và 75% lượng khí nhà kính khác phát thải ở các nước đang phát triển 95% các khí phát thải từ Ngành Năng lượng CO2, còn lại là CH4 và NO với mức tương đương.

**Từ khóa:** Nguồn phát thải, hiệu ứng khí nhà kính

**50. Quản lý rác thải, nước thải vì sự phát triển bền vững/** Trần Minh Khương// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 29-30.

**Nội dung**: Thực trạng quản lý rác thải, nước thải; Giải pháp tăng cường hiệu quả công tác quản lý rác thải, nước thải.

**Từ khóa:** Quản lý rác thải, nước thải, chất thải rắn

**51. Quản lý tài nguyên và môi trường trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4/** Trần Bình Trọng// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 23-25.

**Nội dung**: Chủ động tham gia Cách mạng Công nghiệp 4.0; Tận dụng cơ hội Cách mạng Công nghiệp 4.0 mang lại; Các giải pháp căn cơ trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Cách mạng Công nghiệp 4.0, quản lý tài nguyên và môi trường

**52. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030**/ ThS. Đặng Trần Hiếu// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 19 (321) .- Tr. 32 - 33.

**Nội dung:** Để phục vụ cho công tác nghiên cứu, hoạch định chính sách, đề xuất với Tiểu ban Kinh tế - Xã hội chuẩn bị Đại hội Đảng khóa XIII, mới đây Ủy ban khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức hội thảo “Định hướng quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến khổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030”.

**Từ khóa:** Quản lý, sử dụng, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó, biến đổi khí hậu

**53. Quy định thời gian dự trữ khoáng sản : bất cập và hướng giải quyết/** Nguyễn Thị Bé Phúc// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 57-58.

**Nội dung**: Trình bày những vấn đề bất cập trong thực tiễn và đề xuất phương án giải quyết về dự trữ khoáng sản.

**Từ khóa:** Khoáng sản, dự trữ khoáng sản, bất cập

**54. Sử dụng hiệu quả phụ phẩm nông nghiệp kết hợp với giấy tái chế để gia cường vật liệu composite compois hybrid/** Nguyễn Phúc Bội Huyên, Đào Minh Trung// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 5 (kỳ 2) .- Tr. 44-47.

**Nội dung**: Nghiên cứu chế tạo thử nghiệm vật liệucompois hybrid trên cơ sở sử dụng phụ phẩm nông nghiệp là xơ mướp kết hợp với giấy tái chế.

**Từ khóa:** Phụ phẩm nông nghiệp, giấy tái chế, vật liệu gia cường

**55. Sử dụng Peptide Nucleotide Acid phát hiện Escherichia coli**/ Đặng Vũ Bích Hạnh, Đặng Vũ Xuân Huyên, Trịnh Thị Bích Huyền, Lại Duy Phương, Nguyễn Hồng Yến Nhi, Hoàng Mai Như, Nguyễn Phương Khanh// Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 23 (325) .- Tr. 43 - 45.

**Nội dung:** Tổng hợp các phương pháp truyền thống, hiện đại và khả năng chọn lọc chính xác cho E.coli mà hiện nay chưa thấy có nghiên cứu nào tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Peptide Nucleotide Acid,Escherichia coli

**56. Tác động của biến đổi khí hậu và các giải pháp hạn chế xâm nhập mặn, thiếu nước/** Phương Đông// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 16-17.

**Nội dung**: Tác động của việc gia tăng xâm nhập mặn, hạn hán; Giải pháp hạn chế hạn hán, xâm nhập mặn.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn

**57. Tác động của bụi amiăng đến sức khỏe con người và môi trường, đề xuất giải pháp kiểm soát**/ Lê Văn Trình// Môi trường .- 2020 .- Số 2 .- Tr. 32 - 34.

**Nội dung:** Trình bày các điều như sau: 1. Tác động của bụi amiăng đến sức khỏe và môi trường; 2. Một số khó khăn trong công tác kiểm soát tác động của mniăng tới sức khỏe ở Việt Nam và thế giới và 3. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp kiểm soát amiăng.

**Từ khóa:** Bụi amiăng, sức khỏe con người, môi trường, giải pháp kiểm soát

**58. Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 đến một ngành công nghiệp của Việt Nam**/ Nguyễn Thắng// Khoa học & Công nghệ Việt Nam .- 2019 .- Số 12 (729) .- Tr. 14 - 16. 330

**Nội dung:** Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra với tốc độ nhanh theo cấp số nhân đang làm thay đổi bối cảnh toàn cầu và có tác động ngày một gia tăng đến Việt Nam, cả tác động tích cực và bất lợi. Tuy nhiên, trong trung hạn, nhiều lao động, đặc biệt là lao động ít kỹ năng có thể sẽ bị ảnh hưởng do quá trình tự động hóa đang tăng tốc ở các nước phát triển. Nếu tận dụng tốt cơ hội và vượt qua được các thách thức, Việt Nam sẽ có khả năng thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước tiên tiến hơn và sớm thực hiện được mục tiêu trở thành nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại. Trong trường hợp ngược lại, khoảng cách phát triển với các nước đi trước sẽ tiếp tục gia tăng.

**Từ khóa:** Cách mạng công nghiệp 4.0, ngành công nghiệp, Việt Nam

**59. Tăng cường sự phối hợp liên ngành trong công tác quản lý hoạt động nhập khẩu phế liệu/** Phạm Mỹ Hạn// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 1 .- Tr. 20-22.

**Nội dung**: Trình bày về tình hình nhập khẩu phế liệu vào Việt Nam và vấn đề bảo đảm sự phối hợp đồng bộ chặt chẽ, quản lý hiệu quả việc sử dụng nhập khẩu phế liệu.

**Từ khóa:** Nhập khẩu phế liệu, môi trường

**60. Tạo đột phá về chính sách, pháp luật, chủ động trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường/** Nguyễn Văn Tài// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 1 .- Tr. 9-11.

**Nội dung**: Trình bày một số nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện thành công mục tiêu năm 2020 và các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2016-2020, vượt qua thách thức, tạo nền tảng cho công tác quản lý và bảo vệ môi trường giai đoạn 5 năm tiếp theo.

**Từ khóa:** Bảo vệ môi trường, môi trường

**61. Thúc đẩy vai trò của thanh niên trong sáng kiến cộng đồng nhằm giảm thiểu chất thải nhựa, cải thiện chất lượng môi trường**/ Châu Loan// Môi trường .- 2020 .- Số 2 .- Tr. 35 - 36.

**Nội dung:** Vừa qua, Chương trình “Thúc đẩy vai trò của thanh niên trong sáng kiến cộng đồng cải thiện chất lượng môi trường” và trại sáng kiến “Hành động nhỏ - Thay đổi lớn” trong khuôn khổ Dự án Zero Plastic Waste Challege: Small Action, Big Impact đã được tổ chức tại hạ Long do Bộ Ngoại giao Mỹ tài trợ và Tủng tâm Hỗ trợ Phát triển Xanh thực hiện. Hoạt động nhằm thúc đẩy giới trẻ, thanh niên Việt Nam có những sáng kiến bảo vệ môi trường, như giảm thiểu, tái chế rác thải nhựa, đây cũng là diễn đàn để giới trẻ học hỏi và trau dồi thêm kiến thức về môi trường; nâng cao các kỹ năng mềm xây dựng dự án bảo vệ môi trường cộng đồng. Để hiểu rõ hơn về nội dung của Dự án, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với bà Nguyễn Thu Hà – Điều phối Dự án Zero Plastic Waste tại miền Bắc.

**Từ khóa:** Thanh niên, sáng kiến cộng đồng, giảm thiểu, chất thải nhựa, cải thiện, chất lượng môi trường

**62. Thực trạng phát sinh chất thải rắn và biện pháp bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Tuy Hòa/** Lê Ngọc Kim Ngân, Lê Khắc Lĩnh// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 1 .- Tr. 43-44.

**Nội dung**: Thực trạng phát sinh, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị; Triển khai một số dự án trên địa bàn thành phố; Một số giải pháp nhằm giảm thiểu tác động của chất thải rắn trên địa bàn thành phố.

**Từ khóa:** Bảo vệ môi trường, môi trường, chất thải rắn

**63. Tìm giải pháp ngăn chặn đẩy lùi rác thải nhựa**/ Đăng Tuyên// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 20 (322) .- Tr. 43 - 44.

**Nội dung:** Rác thải nhựa đang là mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Các mối nguy hại tiềm tàng cho môi trường sống cùng chi phí đắt đỏ để xử lý môi trường đặt ra các cơ quan quản lý phải hết sức nghiêm túc trong vấn đề sử dụng, tái chế, nhập khẩu rác thải nhựa.

**Từ khóa:** Giải pháp, ngăn chặn, đẩy lùi, rác thải nhựa

**64. “Triệu ngôi nhà xanh” – Hướng tới tương lai năng lượng bền vững tại Việt Nam**/ Ngụy Thụy Khanh/ Môi trường .- 2019 .- Số 9 .- Tr. 54 - 56.

**Nội dung:** Việt Nam là nước nhiệt đới, tiềm năng bức xạ mặt trời được đánh giá ở mức hàng đầu trên thế giới với tổng số giờ nắng và cường độ bức xạ nhiệt cao (trung bình khoảng 5 kWh/ngày). Đặc biệt, ở các tỉnh phía Nam, số giờ nắng lớn, dao động từ 1.600 – 2.600 giờ/năm. Bên cạnh nguồn năng lượng mặt trời dồi dào, nước ta còn có 8,6% diện tích lãnh thổ có gió đạt tiêu chuẩn về tốc độ và mật độ để sản xuất phong điện. Tuy nhiên, những nguồn năng lượng sạch này vẫn chưa phát triển rộng rãi trên cả nước. Nhằm hướng tới mục tiêu vào năm 2030 đạt 1 triệu ngôi nhà và tòa nhà áp dụng các giải pháp xanh, Trung tâm Phát triển Sáng tạo Xanh (GreenID) đã khởi xướng Chương trình “Triệu ngôi nhà xanh”. Để tìm hiểu rõ hơn về Chương trình này, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với bà Ngụy Thị Khanh – Giám đốc GreenID.

**Từ khóa:** Triệu ngôi nhà xanh, tương lai, năng lượng bền vững, Việt Nam

**65. Ứng dụng mô hình SWAT đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến dòng chảy lưu vực sông Hiếu, Nghệ An**/ Nguyễn Tiến Quang, Phạm Văn Tuấn// Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 24 (326) .- Tr 59 - 61.

**Nội dung:** Mô hình SWAT (Soll and Water Assessment Tool) được ứng dụng để mô phỏng sự thay đổi dòng chảy lưu vực sông Hiếu, tỉnh Nghệ An dưới tác động của biến đổi khí hậu trong tương lai.

**Từ khóa:** Ứng dụng, mô hình SWAT, biến đổi khí hậu, dòng chảy, lưu vực sông Hiếu, Nghệ An

**66. Ứng dụng phân tích đa tiêu trí hỗ trợ lựa chọn biến đánh giá chất lượng nước bằng nơ ron nhân tạo**/ Nguyễn Hiền Thân, Trương Quốc Minh// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 3 (329) .- Tr. 36 - 38.

**Nội dung:** Phân tích đa tiêu chí trọng số cộng đơn giản để hỗ trợ ra quyết định phương pháp lựa chọn biến xây dựng mô hình đánh giá chất lượng bằng mạng nơ ron nhân tạo.

**Từ khóa:** Phân tích đa tiêu trí, chất lượng nước, nơ ron nhân tạo

**67. Ứng phó với biến đổi khí hậu và nhiệm vụ đặt ra trong thời gian tới**/ Tăng Thế Cường// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 1+2 (327 + 328) .- Tr. 37 - 39.

**Nội dung:** Năm 2019, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, lãnh đạo Bộ Tài nguyên & Môi trường, Cục Biến đổi khí hậu đã tham mưu công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, được xã hội quan tâm, ghi nhận. Trong thời gian tới, công tác ứng phó với biến đổi khí hậu cần đẩy mạnh hơn nữa để đáp ứng yêu cầu đặt ra trong nước cũng như thực hiện những đóng góp đã cam kết với quốc tế.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu, Đồng bằng Sông Cửu Long

**68. Vi hạt nhựa và những hệ lụy trong cuộc sống hiện đại**/ Lê Hùng, Lê Huy Bá// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 12(729) .- Tr.45-50.

**Nội dung**: Trình bày những giải pháp tình thế chữa trị có thể giải quyết, khắc phục những hệ lụy sức khỏe ở phần ngọn, còn cách giải quyết tận gốc phải là chặn đứng hoặc giảm thiểu nguồn ô nhiễm vi hạt nhựa ngay từ lúc này bằng cách hạn chế các sản phẩm nhựa dung một lần, xả rác đúng chỗ, thu hồi xử lý triệt để rác thải nhựa, thực hiện quy tắc 3R và hơn hết là sử dụng sản phẩm nhựa một cách có ý thức.

**Từ khóa**: Vi hạt nhựa, hệ lụy sức khỏe, ô nhiễm, sản phẩm nhựa

**69. Xây dựng mô hình ủ thức ăn thừa thành phần Compost quy mô hộ gia đình**/ Đỗ Thị Thao, Nguyễn Thanh Trang, Nguyễn Thị Bích Thủy, Trần Thành, Lương Quang Tưởng, Nguyễn Thị Tuyết Nga// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 20 (322) .- Tr. 24 - 26.

**Nội dung:** Đánh giá được lượng rác thải sinh hoạt được thải ra mỗi ngày, bên cạnh đó Xây dựng quy trình và thực hiện mô hình ủ phân theo quy mô hộ gia đình đạt được kết quả tối ưu nhất.

**Từ khóa:** Xây dựng, mô hình ủ thức ăn thừa, thành phần Compost, quy mô, hộ gia đình

**70. Xây dựng quy trình khuếch đại đẳng nhiệt Recombinase polymerase amplification (RPA) phát hiện Leptospira spp. Gây bệnh**/ Hồ Hữu Thọ, Lê Thị Thúy, Nguyễn Đình Ứng, Hồ Anh Sơn, Hoàng Văn Lương, Nguyễn Văn Chuyên, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Trọng Chính// Khoa học & Công nghệ Việt Nam .- 2019 .- Số 61 (12) .- Tr. 14 - 19.

**Nội dung:** Xây dựng thành công quy trình khuếch đại đẳng nhiệt Recombinase polymerase amplification phát hiện chính xác một số loài Leptospira spp. Gây bệnh chỉ với thời gian 30 phút.

**Từ khóa:** Độ đặc hiệu, độ nhạy, khuếch đại đẳng nhiệt, Leptospira spp., Việt Nam

**71. Xử lý chất thải rắn đô thị**/ Quang Anh// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 3 (329) .- Tr. 47 - 48.

**Nội dung:** Sự gia tăng dân số cùng với phát triển kinh tế - xã hội làm gia tăng lượng phát sinh chất thải rắn, với thành phần ngày càng phức tạp đã và đang gây áp lực lớn lên môi trường, đồng thời gây khó khăn cho công tác quản lý chất thải rắn ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Xử lý, chất thải rắn đô thị

**72. Xử lý nước thải công nghiệp giấy bằng bể sinh học kị khí tầng bùn hạt dãn nở EGSB**/ Bùi Phương Linh// Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 24 (326) .- Tr. 35 - 36.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng mô hình bể sinh học kị khí tầng bùn hạt dãn nở (EGSB - Expanded Granular Sludge Bed Reactor) qui mô phòng thí nghiệm (ladscale) để đánh giá hiệu quả xử lý COD của nước thải sản xuất giấy.

**Từ khóa:** Xử lý nước thải công nghiệp giấy, bể sinh học kị khí tầng bùn, hạt dãn nở EGSB

**73. Xử lý nước thải nhiễm mặn bằng phương pháp sinh học hiếu khí với vi sinh vật chịu mặn**/ Ngô Duy Thái, Hồ Kỳ Quang Minh, Nguyễn Phước Dân// Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 24 (326) .- Tr. 37 - 39.

**Nội dung:** Nghiên cứu hiệu quả xử lý chất hữu cơ của hệ thống bùn hoạt tính được bổ sung chủng vi sinh vật chịu mặn theo tỷ lệ 500:1 ở độ mặn đến 45 g NaCI/I.

**Từ khóa:** Xử lý nước thải nhiễm mặn, sinh học hiếu khí, vi sinh vật chịu mặn

**74. Xử lý tro, xỉ của các nhà máy nhiệt điện than: Những vấn đề đặt ra trong công tác bảo vệ môi trường**/ Nguyễn Văn Nam// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 22 (324) .- Tr. 19 - 21.

**Nội dung:** Ô nhiễm môi trường từ hoạt động của các nhà máy nhiệt điện than đang là mối quan tâm hàng đầu của người dân sống trong vùng ảnh hưởng các nhà máy nhiệt điện. Để bảo vệ dức khỏe của công đồng, gìn giữ môi trường sống, nhiều hội nghị, hội thảo đã được các nhà khoa học, nhà quản lý tổ chức nhằm tìm ra lời giải.

**Từ khóa:** Nhà máy nhiệt điện than, bảo vệ môi trường, xử lý tro xỉ

**75. “Zero waste” – Giải pháp hữu hiệu hướng tới sự phát triển bền vững/** Trần Thị Thành// Môi trường .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 45-46.

**Nội dung**: Kinh nghiệm của Philipin với mô hình “Zero waste”; Hội An phấn đấu trở thành TP “Zero waste”.

**Từ khóa:** Zero waste, mô hình trường học “zero waste”, mô hình không rác thải

**LUẬT HỌC**

**1. Bản chất pháp lí của hoà giải thương mại/** Lê Hương Giang// Luật học.- 2019 .- Số 10.- Tr.3 – 13.

**Nội dung:** Hoà giải là vấn đề không quá mới mẻ ở Việt Nam, tuy nhiên, hoà giải thương mại với tư cách phương thức giải quyết tranh chấp độc lập, dùng để thay thế cho các phương thức tố tụng như trọng tài hay toà án lại là vấn đề có tính thời sự, đặc biệt khi Việt Nam đã có quy định pháp lý rõ ràng hơn thông qua việc Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 về hoà giải thương mại. Do đó, hoà giải thương mại dưới góc độ lí luận sẽ góp phần làm cơ sở cho các nghiên cứu đánh giá thực trạng pháp luật về hoà giải thương mại. Bài viết hệ thống hoá và nêu lên khái niệm của hoà giải thương mại dưới góc độ quan điểm học thuật và pháp lí, phân tích đặc điểm pháp lí cơ bản của hoà giải thương mại, từ đó làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật về hoà giải thương mại trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Hoà giải, thương mại, tranh chấp

**2. Bảo hộ công dân trong tình huống khủng hoảng – Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam/** Nguyễn Thị Hương Lan// Nghề luật.- 2020 .- Số 1.- Tr.70 – 76.

**Nội dung:** Bài viết tập trung làm rõ kinh nghiệm bảo hộ công dân ở nước ngoài trong tình huống khủng hoảng của một số nước; đúc rút ra một số kinh nghiệm có thể vận dụng vào bối cảnh cụ thể của Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc gia và quốc tế.

**Từ khóa:** Bảo hộ, bảo hộ công dân, khủng hoảng, kinh nghiệm quốc tế

**3. Bảo hộ quyền chuyển vốn và lợi nhuận của nhà đầu tư ASEAN theo quy định của ASEAN và thực tiễn của Việt Nam/** Nguyễn Quỳnh Anh// Luật học.- 2019 .- Số 7.- Tr. 3 – 12.

**Nội dung:** Quyền chuyển vốn và lợi nhuận là một trong những yêu cầu bảo hộ nhà đầu tư nước ngoài điển hình được ghi nhận trong các hiệp định đầu tư song phương, pháp luật quốc gia hay trong các hiệp định về đầu tư của các tổ chức quốc tế, trong đó có Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN. Vấn đề bảo hộ quyền chuyển vốn và lợi nhuận của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được quy định trực tiếp tại Luật đầu tư năm 2014 và một số văn bản pháp luật khác có lien quan. Bài viết phân tích cụ thể Điều 13 Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN về chuyển vốn và lợi nhuận ra nước ngoài của nhà đầu tư ASEAN, quá trình nội luật hóa các quy định của ASEAN về quyền này vào pháp luật đầu tư của Việt Nam và đánh giá sự tương thích của pháp luật Việt Nam với các quy định của Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN.

**Từ khóa:** ASEAN, bảo hộ, quyền chuyển vốn, lợi nhuận, nhà đầutư, Hiệp định đầu tư toàn diện

**4. Bảo vệ thông tin người tiêu dùng/** Ngô Vĩnh Bạch Dương// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 12 (388).- Tr. 19 – 28.

**Nội dung:** Bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung và bảo vệ thông tin người tiêu dung nói riêng đã được pháp luật Việt Nam quy định tại nhiều văn bản khác nhau. Mặc dù vậy, các quy định và việc thực thi chúng chưa đủ mạnh. Vì vậy, phân tích những điểm còn hạn chế đồng thời kiến nghị giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả việc bảo vệ thông tin người tiêu dung trong điều kiện kinh tế số đang phát triển ở Việt Nam là việc làm có ý nghĩa.

**Từ khóa:** Người tiêu dung, quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ thông tin người tiêu dùng

**5. Các tình tiết giảm nhẹ trong pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính/** Nguyễn Nhật Khanh// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 15(391) .- Tr. 29 – 38.

**Nội dung:** Thực tiễn thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đã chứng minh rằng, việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính là hiệu quả và thiết thực, có tác dụng trong việc cá thể hóa, phân hóa mức độ trách nhiệm hành chính. Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện hành về các tình tiết giảm nhẹ trong hoạt động xử phạt vi phạm hành chính vẫn tồn tại nhiều bất cập, dẫn đến việc áp dụng pháp luật gặp nhiều khó khăn và thiếu thống nhất, làm giảm đi hiệu quả của việc xử phạt vi phạm hành chính, do đó cần phải có giải pháp khắc phục.

**Từ khóa:** Tình tiết giảm nhẹ, vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính

**6. Cải cách đơn vị hành chính lãnh thổ ở Pháp và kinh nghiệm cho Việt Nam/** Nguyễn Hoàng Anh// Luật học.- 2019 .- Số 12 (2019).- Tr.3 – 17.

**Nội dung:** Dù ra đời từ rất lâu bởi nhu cầu quần cư hay dù mới được thành lập do nhu cầu quản lí của nhà nước nhưng cho đến nay, quy chế của các đơn vị hành chính lãnh thổ luôn phụ thuộc vào sự thừa nhận của nhà nước. Thành lập, sắp xếp, thay đổi các đơn vị hành chính lãnh thổ là tiền đề để một quốc gia tiến hành các biện pháp phát triển kinh tế và quản lí xã hội. Trong quá trình phát triển lịch sử, các đơn vị hành chính của Pháp đã được thành lập theo nguyên tắc kết hợp giữa sự tồn tại tự nhiên và nhu cầu quản lí nhà nước. Việc cải cách thay đổi tên các đơn vị hành chính cũng thể hiện sự kết hợp hài hoà giữa lợi ích của địa phương và vai trò điều hành của nhà nước Trung ương. Kinh nghiệm về tổ chức, cải cách, đổi tên đơn vị hành chính lãnh thổ ở Cộng hoà Pháp có thể gợi mở một số ý tưởng cho Việt Nam trong quá trình cải cách, tổ chức quản lí chính quyền địa phương.

**Từ khóa:** Cải cách, đơn vị hành chính, lãnh thổ, Pháp

**7. Cân bằng quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế dược phẩm và vấn đề sức khỏe cộng đồng – giải pháp cho Việt Nam/** Lê Thị Bích Thủy// Luật học.- 2019 .- Số 7.- Tr. 92 – 104.

**Nội dung:** Bài viết khái quát mối quan hệ giữa bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế dược phẩm với vấn đề sức khỏe cộng đồng, đưa ra bức tranh tổng quan về cuộc tranh luận giữa nâng cao bảo hộ đối với sáng chế dược phẩm hay hạn chế để tăng khả năng tiếp cận thuốc của cộng đồng; chỉ ra những yêu cầu, thách thức và đề xuất giải pháp cho pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam để đạt được sự cân bằng trong vấn đề này.

**Từ khóa:** Quyền sở hữu trí tuệ, sáng chế dược phẩm, sức khỏe cộng đồng

**8. Chính sách chuyển dịch đất đai theo hướng tích tụ, tập trung và tác động/** Bùi Hải Thiêm, Vũ Văn Huân// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 22 (398).- Tr. 45 – 51.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các góc nhìn hiện nay về hướng tích tụ và tập trung đất đai, và dựa trên kết quả nghiên cứu gần đây, chỉ ra một số nội dung đề xuất chính sách có khả năng nhận được mức độ ủng hộ như thế nào từ công chúng.

**Từ khóa:** Chuyển dịch đất đai, tích tụ ruộng đất, tập trung ruộng đất, dồn điền, đổi thửa, nông nghiệp bền vững

**9. Chống tham nhũng: Từ nghiên cứu tình huống thực tế đến chọn lựa các giải pháp/** Nguyễn Minh Tuấn// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 23 (399).- Tr. 56 – 64.

**Nội dung:** Chống tham nhũng trước tiên cần phải có cơ chế minh bạch, giải trình, có giới hạn và kiểm soát quyền lực, xây dựng một nền văn hóa liêm chính. Đồng thời, cần phải có cơ chế bảo vệ người đưa ra bằng chứng về việc tham nhũng và có sự giải thích rõ về yếu tố “trục lợi”, xác định rõ và giám sát việc tuân theo các chế độ, định mức, tiêu chuẩn trong quản lý tài sản công, cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán qua ngân hàng, phù hợp với bối cảnh quốc tế hóa, toàn cầu hóa hiện nay.

**Từ khóa:** Chống tham nhũng, kiểm soát quyền lực, trách nhiệm giải trình, người tố giác, tham nhũng vặt

**10. Công ty hợp vốn cổ phần theo pháp luật Đức và những vấn đề gợi mở cho Việt Nam**/ Nguyễn Văn Lâm, Vũ Quang// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 12 (231) .- Tr. 22 - 32. 322

**Nội dung:** Tìm hiểu và phân tích các quy định pháp luật công ty của Đức về chế định công ty hợp vốn cổ phần, từ đó đưa ra các gợi ý cho việc xây dựng chế định pháp luật về loại hình này trong pháp luật Việt Nam.

**Từ khóa:** Công ty hợp vốn cổ phần, Pháp luật của Đức, chế định pháp luật, trách nhiệm vô hạn, trách nhiệm hữu hạn

**11. Chuẩn mực quốc tế và kinh nghiệm một số nước về tư pháp phục hồi/** Cao Thị Oanh// Luật học.- 2019 .- Số 7.- Tr. 68 – 77.

**Nội dung:** Bài viết phân tích một số nội dung lí luận và thực tiễn về tư pháp phục hồi gồm: Khái niệm tư pháp phục hồi; chuẩn mực pháp lí quốc tế về tư pháp phục hồi và thực tiễn áp dụng tư pháp phục hồi ở một số nước trên thế giới (Úc, Canada, Mỹ); đề xuất tăng cường sử dụng tư pháp phục hồi trong xử lí người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Tư pháp phục hồi, tư pháp truyền thống, chuẩn mực quốc tế

**12. Cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần theo luật doanh nghiệp năm 2014/** Nguyễn Vinh Hưng// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 24 (400).- Tr. 23 – 28.

**Nội dung:** Khác với cơ cấu tổ chức theo hướng đơn giản, tinh gọn của các loại hình công ty đối nhân, cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần khá phức tạp. Bởi lẽ, công ty cổ phần là loại hình công ty có sự tham gia của rất nhiều thành viên nên cần có cơ chế kiểm soát và phối hợp chặt chẽ để đảm bảo cho công ty hoạt động hiệu quả. Vì vậy, nghiên cứu về cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp năm 2014, từ đó, chỉ ra một số hạn chế, bất cập và đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về công ty này là việc làm cần thiết.

**Từ khóa:** Công ty cổ phần, cơ cấu tổ chức, Luật Doanh nghiệp, cổ đông, chứng khoán

**13. Cơ sở lí luận về quyền và pháp luật về quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới tính/** Trương Hồng Quang// Luật học.- 2019 .- Số 7.- Tr. 78 – 91.

**Nội dung:** Tại Việt Nam, người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới tính là đối tượng ngày càng được giới khoa học quan tâm nghiên cứu. Trong lĩnh vực khoa học pháp lí, một số vấn đề lí luận về quyền và pháp luật về quyền của các đối tượng này đến nay vẫn chưa được làm rõ. Bài viết cung cấp các luận giải về bản chất quyền, lí do pháp luật phải ghi nhận quyền; nội dung pháp luật về quyền của các đối tượng này. Quan điểm của bài viết cho rằng, quyền của người đồng tính, song tính chuyển giới và liên giới tính có bản chất là nhu cầu tự nhiên của con người và cần được pháp luật ghi nhận, bảo vệ để các nhu cầu được trở thành hiện thực, góp phần bảo vệ quyền của các đối tượng này trong thực tế.

**Từ khóa:** Đồng tính, song tính, chuyển giới, liên giới tính, cơ sở lí luận, pháp luật về quyền

**14. Đánh giá và so sánh một số quy định về bảo lĩnh trong pháp luật tố tụng hình sự Anh và xứ Wales với Việt Nam/** Nguyễn Sơn Phước// Luật học.- 2019 .- Số 11 (2019).- Tr.28 – 39.

**Nội dung:** Bài viết trình bày và phân tích một số quy định về bảo lĩnh trong pháp luật tố tụng hình sự Anh và xứ Wales như: Khái niệm, thẩm quyền áp dụng, đối tượng áp dụng, chủ thể nhận bảo lĩnh và trình tự, thủ tục áp dụng, so sánh quy định về bảo lĩnh của Anh và xứ Wales với pháp luật Việt Nam; rút ra những bài học cho việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

**Từ khóa:** Bảo lĩnh, tố tụng hình sự, Anh và xứ Wales

**15. Đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam về quy trình giám sát doanh nghiệp nhà nước với các khuyến nghị của OECD và một số đề xuất**/ Hồ Thị Duyên, Hồ Thị Hải// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 10 (229) .- Tr. 74 - 84.

**Nội dung:** Nghiên cứu các khuyến nghị của OECD về quy trình giám sát doanh nghiệp nhà nước; thực trạng quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật Việt Nam về quy trình giám sát doanh nghiệp nhà nước trong sự đối chiếu với các khuyến nghị của OECD; các đề xuất hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quy trình giám sát doanh nghiệp nhà nước.

**Từ khóa:** OECD, giám sát, doanh nghiệp nhà nước

**16. Điểm mới của Bộ luật lao động năm 2019 về khái niệm và hình thức hợp đồng lao đồng/** Phạm Thị Hồng My// Nghề luật.- 2020 .- Số 3 (2020).- Tr.16 – 22.

**Nội dung:** Để điều chỉnh quan hệ lao động một cách tốt nhất theo hướng hài hoà quyền lợi người lao động và người sử dụng lao động, Bộ luật Lao động năm 2019 đã được thông qua với những điểm mới quan trọng, đột phá trong đó là chế định hợp đồng lao động. Bài viết sẽ tập trung phân tích về điểm mới này theo hai nội dung: Khái niệm và hình thức hợp đồng lao động.

**Từ khóa:** Bộ luật Lao động, hợp đồng lao động, công nghệ 4.0

**17. Điều chỉnh pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với chất thải ở một số nước ASEAN**/ Nguyễn Thị Hưng// Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 24 (326) .- Tr. 26 - 27.

**Nội dung:** Trình bày nội dung về khái niệm quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nguồn luật điều chỉnh và một vài gợi mở cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, môi trường, chất thải, ASEAN

**18. Điều khoản bảo hiểm tạm thời trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ /** Bạch Thị Nhã Nam// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 20 (396).- Tr. 54 – 59.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các khái niệm, nội dung, thời hạn điều khoản bảo hiểm tạm thời, cơ sở pháp lý của thoả thuận bảo hiểm tạm thời và bình luận các rủi ro pháp lý có liên quan đến điều khoản bảo hiểm tạm thời.

**Từ khóa:** Bảo hiểm tạm thời, trách nhiệm, trục lợi bảo hiểm

**19. Điều kiện kinh doanh là công cụ quản lý nhà nước trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam/** Trần Thị Quang Hồng// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 22 (398).- Tr. 20 – 29.

**Nội dung:** Bài viết phân tích điều kiện kinh doanh dưới góc độ là một công cụ quản lý nhà nước, giúp trả lời một số câu hỏi như: Điều kiện kinh doanh cần được hiểu như thế nào? Mục đích của điều kiện kinh doanh là gì? Điều kiện kinh doanh có mối quan hệ như thế nào với các công cụ quản lý nhà nước khác? Khi nào cần đặt ra điều kiện kinh doanh? Kiểm soát tuân thủ điều kiện kinh doanh như thế nào? Những phân tích này nhằm mục đích giải mã những vấn đề còn vướng mắc trong quá trình rà soát, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh hiện nay. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số yêu cầu cần tuân thủ trong quá trình hoàn thiện quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh ở nước ta hiện nay.

**Từ khóa:** Điều kiện kinh doanh, kinh tế thị trường, quản lý nhà nước

**20. Định hướng, quan điểm sửa đổi, bổ sung các nội dung của Luật Bảo vệ môi trường**/ TS. Chu Hải Thanh// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 19 (321) .- Tr. 12 - 13.

**Nội dung:** Sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật tập trung vào các vấn đề cơ bản, trọng tâm chính về bảo vệ môi trường trong luật bảo vệ môi trường và các luật có iên quan khác. Các quy định về bảo vệ môi trường trong các uật có liên quan phải đồng bộ, thống nhất, không trùng lặp, chồng chéo với các quy định trong Luật Bảo vệ môi trường.

**Từ khóa:** Luật Bảo vệ môi trường, định hướng, sửa đổi, bổ sung

**21. Doanh nghiệp cần lưu ý những gì khi giao kết và thực hiện hợp đồng/** Nguyễn Tiến Mạnh// Luật sư Việt Nam.- 2019 .- Số 7.- Tr. 25 – 28.

**Nội dung:** Nêu một số vấn đề trong giai đoạn giao kết và thực hiện hợp đồng để phòng ngừa các rủi ro có thể xảy ra: Giao kết hợp đồng; thực hiện hợp đồng.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp, hợp đồng, giao kết hợp đồng

**22. Đổi mới quy trình lập pháp hiện hành theo Hiến pháp năm 2013/** Trần Ngọc Đường// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 13 (389).- Tr. 29 – 34.

**Nội dung:** Qua 4 năm thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 cho thấy, công tác xây dựng pháp luật ở nước ta đã có chuyển biến tích cực, chất lượng văn bản pháp luật đã được nâng cao hơn, nhiều văn bản được ban hành để kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, đối chiếu với những nội dung mới của Hiến pháp năm 2013, có thể thấy Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 còn có khiếm khuyết như: Các quy định của Luật về phân công, phối hợp trong hoạt động lập pháp không phù hợp, chưa thể hiện đầy đủ vai trò của Nhân dân trong hoạt động lập pháp; kiểm soát ủy quyền lập pháp chưa được quy định chặt chẽ để phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của lập pháp ủy quyền. Vì vậy, việc hoàn thiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đang được đặt ra cấp thiết.

**Từ khóa:** Quy trình lập pháp, Hiến pháp, Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

**23. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bất động sản du lịch ở Việt Nam/** Đoàn Văn Bình// Luật học.- 2019 .- Số 7.- Tr. 13 – 12.

**Nội dung:** Quyền chuyển vốn và lợi nhuận là một trong những yêu cầu bảo hộ nhà đầu tư nước ngoài điển hình được ghi nhận trong các hiệp định đầu tư song phương, pháp luật quốc gia hay trong các hiệp định về đầu tư của các tổ chức quốc tế, trong đó có Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN. Vấn đề bảo hộ quyền chuyển vốn và lợi nhuận của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được quy định trực tiếp tại Luật đầu tư năm 2014 và một số văn bản pháp luật khác có lien quan. Bài viết phân tích cụ thể Điều 13 Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN về chuyển vốn và lợi nhuận ra nước ngoài của nhà đầu tư ASEAN, quá trình nội luật hóa các quy định của ASEAN về quyền này vào pháp luật đầu tư của Việt Nam và đánh giá sự tương thích của pháp luật Việt Nam với các quy định của Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN.

**Từ khóa:** ASEAN, bảo hộ, quyền chuyển vốn, lợi nhuận, nhà đầutư, Hiệp định đầu tư toàn diện

**24. Giải pháp thu hút người nước ngoài đầu tư vào bất động sản du lịch tại Việt Nam/** Đoàn Văn Bình// Nghề luật.- 2020 .- Số 4 (2020).- Tr.24 – 33.

**Nội dung:** Thị trường bất động sản du lịch tại Việt Nam đã hình thành và có bước phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới và trong khu vực cho thấy chính sách thông thoáng nhằm thu hút nguồn lực đầu tư từ các nhà đầu tư nước ngoài vào bất động sản du lịch là giải pháp quan trọng giúp thị trường phát triển nhanh và bền vững. Bài viết phân tích về tiềm năng của thị trường bất động sản du lịch Việt Nam, kinh nghiệm thu hút người nước ngoài đầu tư vào phân khúc thị trường này tại một số nước và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm thu hút người nước ngoài đầu tư vào bất động sản du lịch Việt Nam, tạo thêm động lực cho nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh, bền vững.

**Từ khóa:** Bất động sản du lịch, người nước ngoài, đầu tư, pháp luật

**25. Giải quyết tranh chấp kỷ luật sa thải lao động /** Hoàng Văn Tiến, Nguyễn Thị Thắm// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 18(394) .- Tr. 28 – 33.

**Nội dung:** Khi sa thải người lao động, thì quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động sẽ chấm dứt, và lúc đó, người lao động sẽ phải chịu những hậu quả do pháp luật quy định. Do tính chất nghiêm trọng của nó, pháp luật lao động có quy định chặt chẽ về thẩm quyền, thủ tục, căn cứ, thời hiệu, hậu quả của việc xử lý kỷ luật sa thải. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, những quy định này đã bộc lộ những bất cập nhất định cần sửa đổi, bổ sung.

**Từ khóa:** Quan hệ lao động, người sử dụng lao động, người lao động, sa thải lao động, hợp đồng lao động

**26. Giám sát của nghị viện đối với nhánh quyền lực tư pháp ở vương quốc Anh/** Đậu Công Hiệp// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 16(392) .- Tr. 57 – 64.

**Nội dung:** Điểm tương đồng khá thú vị giữa chính thể đại nghị ở Anh và chính thể xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là vai trò nổi bật của cơ quan dân cư cao nhất (nghị viện – quốc hội). Vì vậy, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ quan lập pháp và tư pháp nói chung cũng như hoạt động giám sát của nghị viện đối với nhánh quyền tư pháp nói riêng ở vương quốc Anh sẽ mang lại nhiều giá trị tham khảo cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Nghị viện Anh, quốc hội, giám sát tư pháp của Nghị viện Anh

**27. Giám sát tư pháp đối với quyền hành pháp ở Đức và một số gợi mở cho Việt Nam/** Lê Thị Thu Thảo// Luật học.- 2019 .- Số 11 (2019).- Tr.40 – 55.

**Nội dung:** Giám sát tư pháp đối với quyền hành pháp ngày nay được sử dụng như một công cụ hữu hiệu để đảm bảo quyền hành pháp được thực thi đúng pháp luật. Các quốc gia phát triển dù khác biệt về hình thức chính thể hay hệ thống pháp luật cũng đều có những phương thức giám sát tư pháp đối với quyền hành pháp như sử dụng quyền bảo hiến của toà án, xây dựng toà án hành chính. Ở Việt Nam, mặc dù toà án nhân dân đã được trao thẩm quyền xét xử các vụ kiện hành chính nhưng hoạt động xét xử này lại chưa hoàn toàn phù hợp với lí thuyết về giám sát tư pháp đối với quyền hành pháp ở Cộng hoà Liên bang Đức để rút ra những kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc xây dựng, vận hành cơ chế kiểm tra, giám sát quyền hành pháp.

**Từ khóa:** Giám sát tư pháp, quyền hành pháp, kiểm soát quyền hành pháp

**28. Giới thiệu Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường [sửa đổi]/** Nguyễn Hưng Thịnh, Nguyễn Trung Thuận// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 1 .- Tr. 12-14.

**Nội dung**: Trình bày về sự cần thiết sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường và một số điểm mới trong Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi).

**Từ khóa:** Luật Bảo vệ môi trường, môi trường

2**9. Góp ý những quy định về công ty chứng khoán trong dự thảo luật chứng khoán (sửa đổi)/** Phan Phương Nam// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 18(394) .- Tr. 23 – 27.

**Nội dung:** Bài viết nhận xét, đánh giá các quy định về điều kiện thành lập, hoạt động của công ty chứng khoán trong Dự thảo Luật Chứng khoán (sửa đổi) nhằm tìm ra những quy định còn chưa hợp lý trong Dự thảo Luật để đưa ra các kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa:** Công ty chứng khoán, môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán

**30. Hạn chế của pháp luật về du lịch trong quy định bảo vệ quyền lợi của khách du lịch và kiến nghị hoàn thiện/** Đào Thị Thu Hằng// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 15(391) .- Tr. 47 – 52.

**Nội dung:** Luật Du lịch năm 2017 đã có hiệu lực và đang được thực thi. Nhưng trong quá trình áp dụng, Luật đã bộc lộ một số hạn chế. Một trong những hạn chế đó là thực hiện quy định doanh nghiệp kinh doanh lữ hành phải ký quỹ để đảm bảo trách nhiệm với khách du lịch khi có sự kiện rủi ro xảy ra.

**Từ khóa:** ký quỹ du lịch, doanh nghiệp lữ hành, bảo hiểm du lịch, vốn của doanh nghiệp lữ hành

**31. Hành vi lôi kéo khách hàng bất chính trong pháp luật Việt Nam /** Trần Thăng Long, Nguyễn Ngọc Hân// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 20 (396).- Tr. 49 – 53.

**Nội dung:** Trên cơ sở nghiên cứu hành vi lôi kéo khách hàng bất chính trong pháp luật của một số quốc gia và Việt Nam hiện hành, bài viết đề xuất hướng hoàn thiện để quy định đi vào thực tiễn có hiệu quả, thống nhất và đủ tính răn đe, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho chủ thể doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Luật cạnh tranh, lôi kéo khách hàng bất chính, cạnh tranh không lành mạnh

**32. Hệ thống pháp luật Việt Nam trong tiến trình đổi mới và phát triển đất nước/** Đinh Dũng Sỹ// Nghiên cứu lập pháp.- 2020 .- Số 01 (401).- Tr.3 – 10.

**Nội dung:** Sau chặng đường đổi mới kể từ năm 1986, hệ thống pháp luật Việt Nam đã không ngừng được xây dựng và hoàn thiện. Tuy nhiên, vẫn còn đó những khiếm khuyết của hệ thống pháp luật, như tính thiếu đồng bộ, chồng chéo, mâu thuẩn, thiếu ổn định và tính khả thi chưa cao. Trong bối cảnh chúng ta đang thực hiện tổng kết 02 nghị quyết của Bộ chính trị: Nghị quyết 48 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn 2020 và Nghị quyết 49 về cải cách tư pháp, cần có những đánh giá tổng quát về thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam như hiện nay, từ đó thấy được những thành quả cũng như xác định những mục tiêu, định hướng mang tính chiến lược cho việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật trong giai đoạn mới.

**Từ khóa:** Hệ thống pháp luật, tư duy pháp lý, tư duy xây dựng pháp luật, Nhà nước kiến tạo phát triển.

**33. Hiệp định thương mại tự do và những tác động đến doanh nghiệp sản xuất nông sản ở Việt Nam/** Ngô Hoàng Oanh// Nghề luật.- 2020 .- Số 1 (2020).- Tr.77 – 86.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các thuận lợi và khó khăn mà các doanh nghiệp sản xuất nông sản Việt Nam đã và sẽ gặp phải khi Việt Nam tham gia ký kết và thực hiện các Hiệp định thương mại tự do. Bên cạnh việc được hưởng các mức thuế ưu đãi (phần lớn là 0%) khi xuất khẩu mặt hàng nông sản các doanh nghiệp Việt Nam phả đối đầu với biện pháp bảo hộ ngành nông nghiệp trong nước của các nước nhập khẩu như các biện pháp phi thế quan, các biện pháp phòng vệ, các biện pháp tự vệ đặc biệt, trợ cấp nông nghiệp, rào cản kỹ thuật và quy tắc xuất xứ hàng hóa… Bài viết đưa ra các biện pháp cấp bách nhằm bảo vệ các doanh nghiệp Việt Nam, theo đó cần sự tham gia sâu rộng từ cấp độ Nhà nước đến bản thân các doanh nghiệp sản xuất nông sản và sự chuẩn bị, hỗ trợ từ các đội ngũ chuyên gia pháp lý, luật sư trong và ngoài nước.

**Từ khóa:** Hiệp định thương mại tư do, doanh nghiệp sản xuất nông sản

**34. Hiệp định thương mại tự do và những tác động đến doanh nghiệp sản xuất nông sản ở Việt Nam/** Ngô Hoàng Oanh// Nghề luật.- 2020 .- Số 1 (2020).- Tr.77 – 86.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các thuận lợi và khó khăn mà các doanh nghiệp sản xuất nông sản Việt Nam đã và sẽ gặp phải khi Việt Nam tham gia ký kết và thực hiện các Hiệp định thương mại tự do. Bên cạnh việc được hưởng các mức thuế ưu đãi (phần lớn là 0%) khi xuất khẩu mặt hàng nông sản các doanh nghiệp Việt Nam phả đối đầu với biện pháp bảo hộ ngành nông nghiệp trong nước của các nước nhập khẩu như các biện pháp phi thế quan, các biện pháp phòng vệ, các biện pháp tự vệ đặc biệt, trợ cấp nông nghiệp, rào cản kỹ thuật và quy tắc xuất xứ hàng hóa… Bài viết đưa ra các biện pháp cấp bách nhằm bảo vệ các doanh nghiệp Việt Nam, theo đó cần sự tham gia sâu rộng từ cấp độ Nhà nước đến bản thân các doanh nghiệp sản xuất nông sản và sự chuẩn bị, hỗ trợ từ các đội ngũ chuyên gia pháp lý, luật sư trong và ngoài nước.

**Từ khóa:** Hiệp định thương mại tư do, doanh nghiệp sản xuất nông sản

**35. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, từ góc độ pháp luật đến nhu cầu thực tiễn/** Tô Hoài Nam// Luật sư Việt Nam.- 2019 .- Số 7.- Tr. 38 – 43.

**Nội dung:** Nêu lên tổng quan về chế định hỗ trợ pháp luật cho doanh nghiệp; Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa từ pháp luật đến nhu cầu thực tế.

**Từ khóa:** Hỗ trợ pháp lý, doanh nghiệp, pháp luật

**36. Hoàn thiện các quy định của Luật phá sản năm 2014/** Trương Thị Quỳnh Trâm// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 13 (389).- Tr. 53 – 57.

**Nội dung:** Luật Phá sản năm 2014 ra đời đã tạo khung pháp lý vững chắc cho việc phá sản các doanh nghiệp, hợp tác xã. Tuy nhiên, các quy định pháp luật trong lĩnh vực này vẫn còn tồn tại một số bất cập, gây nhiều khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp, hợp tác xã cũng như các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc giải quyết thủ tục phá sản. Do vậy, đặt ra vấn đề cần phải có giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết thủ tục phá sản trong thực tiễn.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp, phá sản, Luật phá sản năm 2014

**37. Hoàn thiện Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường**/ Nguyễn Thị Bích// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 4 (330) .- Tr. 48 - 50.

**Nội dung:** Bộ Tài nguyên và Môi trường đang khẩn trương hoàn thiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường để xin ý kiến các bộ/ngành, trình Chính phủ để Chính phủ trình Quốc hội tại Kỳ hợp thứ 9 Quốc hội khóa XIV. Đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, quản lý chất thải là những nội dung được đông đảo cộng đồng doanh nghiệp quan tâm trong Dự thảo Luật.

**Từ khóa:** Sửa đổi, bổ sung, Luật Bảo vệ môi trường

**38. Hoàn thiện Dự thảo Luật Biên phòng Việt Nam/** Nguyễn Mai Bộ// Nghiên cứu lập pháp.- 2020 .- Số 05 (405).- Tr.26 – 35.

**Nội dung:** Bài viết bàn về Tờ trình Dự án Luật Biên phòng Việt Nam, Dự thảo Luật Biên phòng Việt Nam (Dự thảo 5) và đưa ra kiến nghị hoàn thiện Tờ trình và Dự thảo Luật Biên phòng Việt Nam.

**Từ khóa:** Luật Biên phòng Việt Nam, Bộ đội Biên phòng, biên giới Quốc gia, khu vực bảo vệ

**39. Hoàn thiện dự thảo Luật thanh niên (sửa đổi)/** Trần Kiên, Nguyễn Huy Tử Quân// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 17(393) .- Tr. 26 – 31,36.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng Chương quy định về quyền và nghĩa vụ của thanh niên trong Dự thảo Luật Thanh niên (sửa đổi) như một trường hợp nghiên cứu điển hình (case study) để phân tích về triết lý, kỹ thuật lập pháp và việc áp dụng trong thực tiễn. Trên cơ sở trình bày, phân tích về sự cần thiết, tính hợp hiến và khả thi của việc quy định về các quyền và nghĩa vụ trong Dự thảo Luật thanh niên (sửa đổi) và từ đó đề xuất một cách tiếp cận phù hợp.

**Từ khóa:** Thanh niên, quyền con người, chính sách thanh niên, tính hợp hiến

**40. Hoàn thiện hoạt động thẩm định và lựa chọn sách giáo khoa và các gợi ý từ kinh nghiệm của Hàn Quốc/** Đặng Tất Dũng// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 18(394) .- Tr. 59 – 64.

**Nội dung:** Luật Giáo dục năm 2019 được ban hành để hoàn thiện hơn các quy định của pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, trong đó bao gồm định hướng mới về biên soạn, thẩm định và lựa chọn sách giáo khoa. Theo đó, việc biên soạn sách giáo khoa được xã hội hóa và Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ quy định các khung quy chuẩn để thẩm định và lựa chọn. Để góp ý hoàn thiện các quy định của pháp luật về phân loại, thẩm định và lựa chọn sách giáo khoa theo định hướng mới này, bài viết có nêu các kinh nghiệm từ Hàn Quốc để tham khảo.

**Từ khóa:** Sách giáo khoa, Luật giáo dục

**41. Hoàn thiện khung pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập quốc tế/** Trần Thị Thanh Thu// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 17(393) .- Tr. 17 – 25.

**Nội dung:** Bài viết này đề cập định hướng xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ của Việt Nam và ý nghĩa của việc hoàn thiện khung pháp luật để đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập.

**Từ khóa:** Nền kinh tế độc lập, tự chủ, hội nhập quốc tế, phát triển bền vững

**42. Hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền bình đẳng của lao động nước ngoài trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam/** Phạm Hoàng Linh// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 16(392) .- Tr. 50 – 56.

**Nội dung:** Về cơ bản, pháp luật Việt Nam đã đảm bảo quyền của người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo tinh thần của pháp luật quốc tế. Song, vì nhiều nguyên nhân khác nhau, vẫn còn những khác biệt ở những mức độ nhất định trong điều chỉnh của pháp luật về đảm bảo quyền của người lao động là người nước ngoài trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm quyền bình đảng của lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay.

**Từ khóa:** Người lao động nước ngoài, quyền lợi của người lao động, gia nhập công đoàn

**43. Hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự về cưỡng chế kê biên tài sản chung/** Trần Phương Thảo// Luật học.- 2019 .- Số 8 (2019).- Tr.83 – 92.

**Nội dung:** Kê biên tài sản, trong đó có kê biên tài sản chung là một trong những biện pháp cưỡng chế cần thiết được áp dụng để thi hành án dân sự trên thực tiễn. Bài viết nghiên cứu và đánh giá các quy định của pháp luật thi hành án dân sự Việt Nam hiện hành về cưỡng chế kê biên tài sản chung, tham khảo thực tiễn thực hiện để nhận biết một số khó khăn, vướng mắc trong hoạt động cưỡng chế kê biên tài sản chung, trên cơ sở đó đề xuất một số kiến nghị nhắm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả của cưỡng chế kê biên tài sản chung trong công tác thi hành án dân sự ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Cưỡng chế, kê biên, tài sản chung, thi hành án dân sự

**44. Hoàn thiện pháp luật về giới hạn đảm bảo an toàn trong quản lí hoạt động đầu tư của ngân hàng thương mại/** Phạm thị Giang Thu, Nguyễn Thị Thanh Tú, Nguyễn Ngọc Lương// Luật học.- 2019 .- Số 9 (2019).- Tr.77 – 90.

**Nội dung:** Giới hạn hoạt động đầu tư của ngân hàng thương mại hiện nay đang được xem xét, đánh giá do quy định của pháp luật hiện hành chưa rõ ràng, việc áp dụng và tuân thủ pháp luật còn nhiều nội dung cần phân tích, đánh giá. Bài viết làm rõ các hạn chế trong pháp luật hiện hành liên quan đến giới hạn về vốn đầu tư, quy định điều kiện, các loại chứng khoán đầu tư và hoạt động ủy thác đầu tư… Trên cơ sở những hạn chế được phân tích, bài viết đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về giới hạn đảm bảo an toàn trong quản lí hoạt động đầu tư của ngân hàng thương mại.

**Từ khóa:** Ngân hàng thương mại, hoạt động đầu tư, giới hạn

**45. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quyền tác giả và quyền liên quan từ các quy định của CPTPP/** Nguyễn Thái Mai// Luật học.- 2019 .- Số 11 (2019).- Tr.18 – 27.

**Nội dung:** Quyền tác giả và quyền liên quan là lĩnh vực thuộc quyền sở hữu trí tuệ, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của mọi quốc gia. Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) quy định khá toàn diện về quyền tác giả và quyền liên quan trong môi trường kĩ thuật số. Trên cơ sở quy định của CPTPP về quyền tác giả và quyền liên quan, bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về lĩnh vực này nhằm đảm bảo vừa tương thích với quy định của Hiệp định vừa phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** CPTPP, hoàn thiện pháp luật, quyền tác giả, quyền liên quan, sở hữu trí tuệ

**46. Hoàn thiện quy định pháp luật nhằm hạn chế “tín dụng đen” ở Việt Nam/** Lê Thị Thảo// Luật học.- 2019 .- Số 12 (2019).- Tr.49 – 59.

**Nội dung:** Tín dụng đen đang là vấn nạn tác động đến đời sống, sinh hoạt, trật tự an toàn xã hội cũng như nền kinh tế quốc gia. Bài viết phân tích các quan điểm để nhận diện “tín dụng đen”; Các khoảng trống pháp lý trong quy định pháp luật về quản lí, xử phạt hành chính, xử lí hình sự đối với tín dụng đen; đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về định danh hành vi tín dụng đen, chế tài xử phạt hành chính, hình sự đối với tín dụng đen nhằm hạn chế và đẩy lùi hoạt động này ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Pháp luật, tín dụng đen, hoàn thiện

**47. Hoàn thiện quy định pháp luật về quyền sử dụng đất ở, nhà ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài/** Trần Vang Phủ, Trần Thuỵ Quốc Thái// Nghiên cứu lập pháp.- 2020 .- Số 04 (404).- Tr.38 – 42.

**Nội dung:** Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán quan điểm cho rằng người Việt Nam định cư ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Vì vậy, việc hoàn thiện quy định của pháp luật liên quan đến việc sử dụng đất ở nói riêng, các loại đất khác nói chung cũng như tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu, đầu tư xây dựng nhà ở tại Việt Nam là đòi hỏi cấp thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn nhằm khuyến khích người Việt Nam định cư ở nước ngoài về đoàn tụ cùng gia đình cũng nhưu đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài

**48. Hoàn thiện quy định pháp luật về việc công nhận đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản là quyền sở hữu trí tuệ /** Lâm Tố Trang// Nghề luật.- 2020 .- Số 2 (2020).- Tr.10 – 15.

**Nội dung:** Nêu lên những bất cập và đề xuất một số kiến nghị liên quan đến việc hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về: Biện pháp bảo đảm áp dụng đối với tài sản là quyền sở hữu trí tuệ; đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản là quyền sở hữu trí tuệ.

**Từ khóa:** Đăng ký thế chấp, quyền sở hữu trí tuệ, thế chấp

**49. Hoàn thiện quy định về chức năng đại diện chủ sở hữu của nhà nước đối với đất đai /** Phạm Xuân Thắng// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 20 (396).- Tr. 27 – 33.

**Nội dung:** Trong thời gian qua, quy định của pháp luật về chức năng đại diện chủ sở hữu toàn dân của Nhà nước đối với đất đai đã từng bước được hoàn thiện, góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực đất đai. Tuy nhiên, nội dung pháp lý về phương diện chức năng này của Nhà nước vẫn tồn tại những bất cập, hạn chế, khó khăn trong quá trình thực hiện, đặt ra yêu cầu cần thiết phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện.

**Từ khóa:** Sở hữu, đất đai, sở hữu toàn dân, đại diện chủ sở hữu toàn dân

**50. Hoàn thiện quy định về công bố thông tin trong dự thảo Luật chứng khoán (sửa đổi)/** Phan Phương Nam// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 17(393) .- Tr. 32 – 36.

**Nội dung:** Trong dự thảo 4 Luật Chứng khoán (sửa đổi), quy định về hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán vẫn còn nhiều điểm chưa hợp lý, như về tên của một số điều khoản, nguyên tắc công bố thông tin, nội dung của các thông tin cần công bố của các chủ thể có nghĩa vụ công bố thông tin. Vì vậy cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các quy định trong nội dung công bố thông tin nhằm bảo vệ hiệu quả hơn nữa nhà đầu tư và tạo điều kiện cho thị trường chứng khoán phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin, nội dung thông tin công bố

**51. Hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường**/ ThS. Lê Thị Hằng// Môi trường .- 2019 .- Số 9 .- Tr. 47 - 49.

**Nội dung:** Nghiên cứu, sửa đổi nhóm các hành vi vi phạm hành chính trong Nghị định số 155 cho phù hợp với thực tế là cần thiết là cần thiết, điều này sẽ góp phần quan trọng vào hoàn thiện pháp luật xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững.

**Từ khóa:** Hoàn thiện, quy định, pháp luật hiện hành, hành vi, vi phạm hành chính, bảo vệ môi trường

**52. Học thuyết điều kiện thiết yếu và nghĩa vụ chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật cạnh tranh/** Bùi Thị Hằng Nga// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 13 (389).- Tr. 20 – 28.

**Nội dung:** Độc quyền sở hữu trí tuệ cho phép chủ sở hữu được quyết định chuyển giao hay không chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ cho chủ thể khác. Tuy nhiên, trong một số trường hợp cụ thể, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ bắt buộc chủ sở hữu phải chuyển giao nếu chứng minh được quyền sở hữu trí tuệ đó là điều kiện thiết yếu. Nguyên tắc đó được xây dựng dựa trên Học thuyết điều kiện thiết yếu.

**Từ khóa:** Học thuyết điều kiện thiết yếu, Luật cạnh tranh, Luật sở hữu trí tuệ

**53. Khái niệm quyền đối với bất động sản liền kề và vướng mắc từ thực tiễn giải quyết tranh chấp quyền về lối đi qua/** Nguyễn Thị Hạnh// Nghề luật.- 2020 .- Số 4 (2020).- Tr.16 – 23.

**Nội dung:** Quyền đối với bất động sản liền kề là một chế định pháp luật quan trọng của pháp luật dân sự; được quy định trong Bộ luật dân sự năm 1995, BLDS năm 2005 và tiếp tục được thừa kế, phát triển trong BLDS năm 2015. BLDS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung các quy định về quyền đối với bất động sản liền kề, tạo cơ sở pháp lý cho các chủ sở hữu của bất động sản hưởng quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình khi sử dụng bất động sản liền kề; tạo điều kiện thuận lợi để chủ sở hữu có thể khai thác hiệu quả tối đa công dụng của tài sản. Tuy nhiên từ thực tiễn giải quyết tranh chấp về quyền đối với bất động sản liền kề cho thấy vẫn còn có khó khăn, vướng mắc, thiếu thống nhất. Trong đó, một loại tranh chấp chiếm tỷ lệ lớn trong các tranh chấp về quyền đối với bất động sản liền kề là tranh chấp quyền về lối đi qua. Bài viết trao đổi về khái niệm quyền đối với bất động sản liền kề và vướng mắc từ thực tiễn giải quyết tranh chấp quyền về lối đi qua, đề xuất các giải pháp nhằm góp phần tháo gỡ các vướng mắc nêu trên.

**Từ khóa:** Bất động sản liền kề, tranh chấp, Bộ luật dân sự

**54. Khía cạnh pháp lí của hoạt động mua bán xăng dầu trên biển theo quy định của công ước Luật biển năm 1982 và án lệ quốc tế/** Trần Hữu Duy Minh// Luật học.- 2019 .- Số 7.- Tr. 56 – 67.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các quy định của Công ước Luật biển năm 1982 , đặc biệt là các án lệ của Tòa án quốc tế về luật biển để làm sang tỏ khía cạnh pháp lí của hoạt động này trong các vùng biển thuộc thẩm quyền quốc gia của quốc gia ven biển và trên Biển cả, qua đó chỉ ra các căn cứ pháp lí để quốc gia ven biển có thể ban hành và thực thi pháp luật đối với hoạt động này phù hợp với quy định của Công ước.

**Từ khóa:** Án lệ quốc tế, Công ước Luật biển năm 1982, mua bán xăng dầu trên biển, khía cạnh pháp lí

**55. Kiểm soát các nghị định của chính phủ quy định chi tiết luật nhà ở bảo đảm quyền về chổ ở, nhà ở/** Trần Thái Dương, Trần Thị Thanh Mai// Luật học.- 2019 .- Số 9 (2019).- Tr.17 – 31.

**Nội dung:** Trong nhà nước pháp quyền, kiểm soát quyền lập quy của Chính phủ thông qua cơ chế ủy quyền lập pháp là một tất yếu nhằm đáp ứng các yêu cầu đối với hệ thống pháp luật. Để bảo đảm quyền về chỗ ở, nhà ở, việc kiểm soát các nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật nhà ở là cần thiết, có ý nghĩa quan trọng. Trên cơ sở khái niệm, nội dung quyền về chỗ ở, nhà ở; những vấn đề Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết, bài viết phân tích, nhận xét về sự kiểm soát đối với 5 nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật nhà ở thể hiện qua 3 cơ chế: Kiểm soát tự động, kiểm soát chủ động và kiểm soát của tòa án nhân dân.

**Từ khóa:** Chính phủ, kiểm soát nghị định, luật nhà ở, quy định chi tiết, quyền về chỗ ở

**56. Kiểm soát thực hiện quyền hành pháp của tòa án Hoa Kỳ và một số khuyến nghị cho Việt Nam/** Phan Thị Lan Hương// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 17(393) .- Tr. 58 – 64.

**Nội dung:** Cơ quan hành chính nhà nước là chủ thể chủ yếu, quan trọng thực hiện quyền hành pháp và luôn đứng trước nguy cơ lạm quyền, tham nhũng, thiếu trách nhiệm trong quản lý. Thông thường, việc kiểm soát thực hiện quyền hành pháp được thực hiện qua hai kênh: nội bộ (bên trong) và bên ngoài hệ thống (cơ quan tư pháp, lập pháp). So sánh việc kiểm soát thực hiện quyền hành pháp ở các nước và đề xuất các khuyến nghị cho Việt Nam là một công việc cần thiết.

**Từ khóa:** kiểm soát quyền hành pháp, tính hợp pháp, tính hợp lý, thẩm quyền của tòa án

**57. Kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ tại Việt Nam hiện nay/** Phạm Thị Huệ// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 23 (399).- Tr. 11 – 15.

**Nội dung:** Kiểm soát xung đột lợi ích là công vụ hữu hiệu để nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ nói chung và phòng, chống tham nhũng nói riêng được các quốc gia trên thế giới coi trọng. Pháp luật hiện hành của Nhà nước ta đã có những quy định trong một số văn bản pháp luật chuyên ngành về vấn đề này. Tuy nhiên, việc nghiên cứu tổng thể hệ thống các quy định của pháp luật về kiểm soát xung đột lợi ích làm cơ sở khoa học và thực tiễn để hoàn thiện pháp luật là điều cần thiết, đặc biệt trong bối cảnh xây dựng chính phủ kiến tạo phát triển.

**Từ khóa:** Kiểm soát xung đột lợi ích, hoạt động công vụ, trách nhiệm giải trình

**58. Kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính/** Cao Vũ Minh// Nghiên cứu lập pháp.- 2020 .- Số 01 (401).- Tr.17 – 26.

**Nội dung:** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là một trong những nội dung quan trọng nhất của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Hiện nay, các quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Bài viết phân tích những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời đề xuất hướng hoàn thiện.

**Từ khóa:** Xử phạt vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt

**59. Kiến nghị hoàn thiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư và luật doanh nghiệp/** Bùi Xuân Hải// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 12 (388).- Tr. 29 – 33.

**Nội dung:** Tự do kinh doanh là một quyền hiến định, được cụ thể hóa tại Điều 7 Luật Doanh nghiệp 2014. Quyền tự do kinh doanh bao gồm nhiều quyền cụ thể, trong đó có quyền lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh và quy mô kinh doanh. Trong những năm qua, Việt Nam luôn coi trọng vai trò của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh đối với nền kinh tế. Ở nước ta hiện nay, có khoảng trên 4 triệu hộ kinh doanh đang tạo ra hàng chục triệu việc làm và đóng góp không nhỏ trong GDP. Dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp (tháng 6/2019) đã có một số quy định mang tính đột phá về hộ kinh doanh. Tuy nhiên, để cho những sửa đổi phát huy được hiệu quả trên thực tế, Dự thảo luật cần được tiếp tục hoàn thiện.

**Từ khóa:** Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, hộ kinh doah, doanh nghiệp tư nhân

**60. Kiến nghị hoàn thiện một số quy định của Luật công chứng/** Nguyễn Khắc Cường// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 22 (398).- Tr. 52 – 64.

**Nội dung:** Sau gần 5 năm thi hành, Luật Công chứng năm 2014 được xem là hành lang pháp lý quan trọng tạo thuận lợi cho các chủ thể tham gia xác lập, thay đổi, chấm dứt các giao dịch dân sự, góp phần không nhỏ trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như hạn chế những tranh chấp, rủi ro phát sinh giữa các bên trong quan hệ giao dịch dân sự; qua đó từng bước nâng cao ý thức chấp hành luật của các chủ thể; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt được, nội dung Luật Công chứng vẫn còn những hạn chế nhất định cần được tiếp tục hoàn thiện.

**Từ khóa:** Luật công chứng, công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng

**61. Kiến nghị hoàn thiện quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm về giữ gìn vệ sinh công cộng/** Trương Thị Tú Mỹ// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 18(394) .- Tr. 53 – 58.

**Nội dung:** Nhằm bảo đảm hiệu quả công tác đấu tranh, phòng, chống vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội thì xử phạt hành chính được xem là một giải pháp hữu hiệu. Bài viết phân tích một số bất cập, hạn chế trong các quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính về giữ gìn vệ sinh công cộng, đồng thời đề xuất phương hướng hoàn thiện.

**Từ khóa:** Vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính, giữ gìn vệ sinh công cộng

**62. Kiến nghị sửa đổi một số quy định về chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp/** Đỗ Thị Dung// Luật học.- 2019 .- Số 12 (2019).- Tr.18 – 25.

**Nội dung:** So với trước đây, các quy định về chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong Luật an toàn, vệ sinh lao động năm 2015 đã có nhiều ưu điểm trong việc bù đắp một phần hoặc thay thế thu nhập cho người lao động khi bị giảm hoặc mất thu nhập do giảm hoặc mất khả năng lao động từ nguyên nhân bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp với người sử dụng lao động. Tuy nhiên, qua gần bốn năm thực hiện, các quy định này dần bộc lộ một số bất cập liên quan đến đối tượng hưởng chế độ, điều kiện hưởng, mức trợ cấp, mức phí đóng quỹ và nguồn chi trả chế độ. Trên cơ sở phân tích những điểm bất cập này, bài viết đề xuất một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về chế độ tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp.

**Từ khóa:** Bảo hiểm, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, người lao động, người sử dụng lao động

**63. Kinh nghiệm của Nhật Bản và yêu cầu cấp bách cần xây dựng, ban hành luật đăng ký tài sản ở nước ta/** Nguyễn Phước Thọ// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 20 (396).- Tr. 60 – 64.

**Nội dung:** Chế độ đăng ký tài sản được coi là nền tảng căn bản của ổn định xã hội và phát triển kinh tế ở Nhật Bản. Những kinh nghiệm của Nhật Bản về vấn đề này có giá trị tham khảo để Việt Nam xây dựng, ban hành Luật Đăng ký tài sản nhằm đổi mới chế độ đăng ký tài sản, góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại, hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Tài sản, sở hữu tài sản, quyền tài sản, bất động sản, đăng ký tài sản

**64. Kinh nghiệm của Nhật Bản và yêu cầu cấp bách cần xây dựng, ban hành luật đăng ký tài sản ở nước ta/** Nguyễn Phước Thọ// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 20 (396).- Tr. 60 – 64.

**Nội dung:** Chế độ đăng ký tài sản được coi là nền tảng căn bản của ổn định xã hội và phát triển kinh tế ở Nhật Bản. Những kinh nghiệm của Nhật Bản về vấn đề này có giá trị tham khảo để Việt Nam xây dựng, ban hành Luật Đăng ký tài sản nhằm đổi mới chế độ đăng ký tài sản, góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại, hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Tài sản, sở hữu tài sản, quyền tài sản, bất động sản, đăng ký tài sản

**65. Làm mạnh hóa hệ thống ngân hàng từ thực tiễn: Áp dụng nghị quyết 42/2017/QH14 của Quốc hội về việc thí điểm xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín dụng/** Võ Trung Tín, Văn Thành Khánh Linh// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 13 (389).- Tr. 47 – 52.

**Nội dung:** Ngày 21/6/2017, Nghị quyết số 42/2017/QH14 về việc thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng đã được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua. Trong hai năm qua, bên cạnh các lợi ích mang lại, các tổ chức tín dụng cũng gặp không ít các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14.

**Từ khóa:** Nghị quyết số 42/2017/QH14, xử lý nợ xấu, tỏ chức tín dụng, ngân hàng

**66. Luật hồi tỵ trong quan chế Trung Quốc và Việt Nam thời phong kiến – bài học kinh nghiệm cho hoạt động tuyển chọn, sử dụng cán bộ, công chức hiện nay**/ Chử Đình Phúc, Trần Thị Hoa// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 12 (220) .- Tr. 40 - 54.

**Nội dung:** Trình bày những điều như sau: 1. Một số vấn đề chung về chế độ hồi tỵ; 2. Chế độ hồi tỵ trong quan chế Trung Quốc thời phong kiến; 3. Ảnh hưởng của luật hồi tỵ trong chế độ quan lại của Trung Quốc đối với Việt Nam thời phong kiến và 4. Một số giá trị có thể kế thừa của chế độ hồi tỵ trong việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ công chức hiện nay.

**Từ khóa:** Chế độ hồi ty, quan chức, quan lại, cán bộ, công chức

**67. Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm trong công cuộc đấu tranh phòng, chống đại dịch COVID- 19 hiện nay ở nước ta/** Lê Văn Tranh, Đặng Lương Mạnh Hà// Nghiên cứu lập pháp.- 2020 .- Số 04 (404).- Tr.49 – 54.

**Nội dung:** Luật phòng chống bệnh truyền nhiễm (PCBTN) được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2008. Với tính chất là một đạo luật chuyên ngành, Luật PCBTN đã bao quát đầy đủ các nội dung liên quan đến phòng, chống bệnh truyền nhiễm, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho cuộc đấu tranh phòng, chống đại dịch COVID-19 ở nước ta hiện nay.

**Từ khóa:** Bệnh truyền nhiễm, Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm, dịch bệnh COVID- 19

**68. Mấy vấn đề về chính sách pháp luật phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay/** Bùi Đức Hiển// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 5 (kỳ 2) .- Tr. 21-23.

**Nội dung**: Thực trạng chính sách pháp luật về phát triển bền vững ở Việt Nam; Nâng cao hiệu quả xây dựng, thực hiện chính sách pháp luật về phát triển bền vững ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Pháp luật, phát triển bền vững, môi trường

**69. Mô hình thể chế nào cho Việt Nam/** Nguyễn Sĩ Dũng// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 24 (400).- Tr. 3 – 5.

**Nội dung:** Để cải cách thể chế, quan trọng nhất là lựa chọn mô hình thể chế. Các mô hình thể chế đưa lại thành công và thịnh vượng không thiếu ở trên thế giới. Vấn đề là phải lựa chọn cho được mô hình phù hợp với Việt Nam.

**Từ khóa:** Thể chế, Nhà nước kiến tạo phát triển

**70. Một số bất cập của pháp luật bảo vệ môi trường về xử lý nước thải/** Tạ Thị Thùy Trang// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 23 (399).- Tr. 41 – 47.

**Nội dung:** Xã hội ngày càng phát triển thì lượng chất thải sinh hoạt, công nghiệp cũng tăng lên theo cấp số nhân. Lượng thải ngày càng nhiều nhưng các hệ thống xử lý tập trung không đủ để giải quyết làm ô nhiễm nghiêm trọng môi trường nước. Thực trạng trên đòi hỏi Nhà nước ta cần những biện pháp thích hợp để hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý nước thải, từng bước giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường nước.

**Từ khóa:** Ô nhiễm môi trường nước, Xử lý nước thải, bất cập của pháp luật bảo vệ môi trường

**71. Một số điểm mới trong bộ quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam năm 2019/** Lê Mai Anh, Tống Thị Thanh Thanh// Nghề luật.- 2020 .- Số 4 (2020).- Tr.47 – 53.

**Nội dung:** Bộ quy tắc năm 2019 chứa đựng các giá trị chuẩn mực về đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư, đồng thời là căn cứ để giám sát, xem xét khen thưởng, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý kỹ luật đối với luất sư, áp dụng trong phạm vị tổ chức xã hội, nghề nghiệp luật sư. Bài viết cập nhật những thay đổi cơ bản của Bộ quy tắc năm 2019 để ứng dụng vào chương trình đào tạo nghề Luật sư tại Học viện Tư pháp.

**Từ khóa:** Bộ quy tắc, luật sư, đạo đức và ứng xử nghề nghiệp

**72. Một số điểm mới về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi trong Bộ luật Lao động năm 2019/** Lê Đình Quảng// Nghề luật.- 2020 .- Số 3 (2020).- Tr.40 – 43.

**Nội dung:** Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi là một trong các chế định quan trọng của pháp luật lao động. Kế thừa quy định của Bộ luật Lao động năm 2012, Bộ luật Lao động năm 2019 đã ghi nhận nhiều điểm mới, tiến bộ về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi. Việc xây dựng và ban hành các quy định này tạo thành tạo hàng lang pháp lý quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người lao động, người sử dụng lao động, góp phần xây dựng mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ. Trong bài viết này, tác giả tập trung phân tích một số điểm mới về vấn đề thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi của Bộ luật Lao động năm 2019 trong mối tương quan so sánh với Bộ luật Lao động năm 2012.

**Từ khóa:** Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

**73. Một số nội dung sửa đổi Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức/** Trần Anh Tuấn// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 14(390) .- Tr. 31 – 37.

**Nội dung:** Ngày 24/5/2019, Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức đã được Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 7. Tuy nhiên, một số nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung vẫn nhận được nhiều ý kiến khác nhau. Do đó, các nội dung Dự thảo Luật cần được tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn để thực hiện chủ trương của Đảng và phù hợp với điều kiện hiện nay.

**Từ khóa:** Cán bộ, công chức, viên chức, đơn vị sự nghiệp công lập

**74. Một số trao đổi về các điểm mới trong quy định về giao kết hợp đồng lao động theo Bộ luật lao động năm 2019/** Phạm Thị Thuý Nga// Nghề luật.- 2020 .- Số 3 (2020).- Tr.23 – 26.

**Nội dung:** Bộ luật lao động năm 2019 mới được ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và sẽ thay thế cho Bộ luật Lao động năm 2012 hiện hành với nhiều quy định mới. Trong đó có nhiều quy định mới về giao kết hợp đồng hợp đồng, đây là những thay đổi có tác động lớn đến việc hình thành quan hệ lao động. Bên cạnh việc chỉ ra những điểm mới, bài viết nghiên cứu, luận giải về tính hợp lý hoặc chưa thực sự hợp lý trong các quy định mới về giao kết hợp đồng lao động.

**Từ khóa:** Giao kết hợp đồng, hợp đồng lao động, yếu tố quản lí, giao dịch điện tử

**75. Một số gợi mở về xây dựng Luật Không khí sạch ở Việt Nam**/ TS. Bùi Đức Hiển, ThS. Nguyễn Thị Trà// Môi trường .- 2019 .- Số 9 .- Tr. 50 - 52.

**Nội dung:** Xây dựng các quy định pháp luật nhằm phát huy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường cũng như trong kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, cùng với đó tuyên truyền cho các doanh nghiệm hiểu rõ tham gia thực hiện trách nhiệm xã hội trong kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.

**Từ khóa:** Xây dựng, Luật Không khí sạch, Việt Nam

**76. Một số giải pháp hoàn thiện quy định về quản lý chất thải trong Luật Bảo vệ môi trường**/ Vũ Thị Duyên Thủy// Môi trường .- 2020 .- Số 2 .- Tr. 9 - 11.

**Nội dung:** Sửa đổi, bổ sung nhiều quy định về quản lý chất thải như: Chuyển quy định về quản lý chất thải phóng xạ sang phạm vi quản lý của Luật Năng lượng nguyên tử; quy định rõ hơn việc phân loại chất thải rắn thông thường… từ đó đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện các quy định của Luật.

**Từ khóa:** Quy định, quản lý chất thải, Luật Bảo vệ môi trường

**77. Một số ý kiến về luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật/** Nguyễn Minh Đoan// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 15(391) .- Tr. 25 – 28.

**Nội dung:** Ban hành văn bản quy phạm pháp luật là việc làm thường xuyên, không thể thiếu của bất kỳ một nhà nước hiện đại nào khi coi văn bản quy phạm pháp luật là nguồn pháp luật chủ yếu. Văn bản quy phạm pháp luật được coi là hình thức thể hiện khoa học, chặt chẽ, chính xác, có nhiều ưu điểm nhất của pháp luật. Tuy nhiên, mỗi quốc gia khác nhau lại quy định việc ban hành chúng khác nhau và trong một quốc gia cũng thường tồn tại nhiều loại văn bản quy phạm pháp luật nên mỗi loại cũng có thủ tục ban hành khác nhau.

**Từ khóa:** Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Hiến pháp năm 2013

**78. Mua thâu tóm và phòng vệ công ty: Kinh nghiệm lập pháp của Nhật Bản và Hoa Kỳ/** Nguyễn Thị Lan Hương// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 24 (400).- Tr. 47 – 54.

**Nội dung:** Bài viết đề cập: Những nguyên tắc cơ bản về mua công ty, một số kinh nghiệm lập pháp của Nhật Bản và Hoa Kỳ về đảm bảo công bằng, hạn chế thâu tóm thù địch đối với công ty mục tiêu, biện pháp phòng vệ; Khái quát một số thương vụ mua bán công ty và bất cập phát sinh; Để từ đó kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật về mua thâu tóm và phòng vệ công ty trong bối cảnh hiện tại ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Mua thâu tóm công ty, phòng vệ thâu tóm, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán

**79. Nâng cao hiệu quả thực thi chính sách công ở Việt Nam/** Nguyễn Trọng Bình// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 24 (400).- Tr. 29 – 35.

**Nội dung:** Trong chu trình chính sách công, thực thi chính sách có vai trò thực hiện mục tiêu chính sách, kiểm nghiệm chính sách trong thực tế, và góp phần cung cấp luận cứ cho việc hoạch định, ban hành chính sách tiếp theo. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi chính sách công, trong đó có ba yếu tố chủ yếu là chất lượng chính sách; đối tượng bị tác động bởi chính sách và chủ thể thực thi chính sách.Trên cơ sở khái lược các nghiên cứu có liên quan, bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi chính sách công, từ đó đề xuất một số kiến nghị nâng cao hiệu quả thực thi chính sách công ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Chính sách công, hiệu quả, thực thi chính sách

**80. Nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp đất đai**/ Nguyễn Thị Bích// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 5 (331) .- Tr. 19 - 21.

**Nội dung:** Trong những năm qua, chính sách, pháp luật về giải quyết tranh chấp đất đai ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo khi xảy ra tranh chấp. Đồng thời, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai. Tuy nhiên trên thực tế, tình hình tranh chấp đất đai vẫn diễn ra rất phức tạp, đồi hỏi phải có những giải pháp hết sức căn cơ , đồng bộ, với sự tham gia của nhiều cấp, nhiều ngành.

**Từ khóa:** Giải quyết, tranh chấp đất đai

**81. Nghĩa vụ cung cấp thông tin của bên mua bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ/** Nguyễn Thị Thuỷ, Lê Thuỷ Tiên// Nghiên cứu lập pháp.- 2020 .- Số 05 (405).- Tr.44 – 49.

**Nội dung:** Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là hợp đồng chứa đựng nhiều điều khoản khó hiểu do có nhiều thuật ngữ chuyên môn; đối tượng bảo hiểm là rủi ro, là yếu tố trườ tượng; sản phẩm bảo hiểm được thiết kế bằng câu chữ (quy tắc, điều khoản bảo hiểm). Để giúp cho bên mua bảo hiểm hiểu được nghĩa vụ cung cấp thông tin khi tham gia hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, tránh tranh chấp và tránh việc người mua bảo hiểm phải gánh chịu những hậu quả pháp lý bất lợi do thiếu âm hiểu về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, bài viết này phân tích các quy định của pháp luật về nghĩa vụ cung cấp thông tin của người mua bảo hiểm và đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về nội dung này.

**Từ khóa:** Cung cấp thông tin, bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm

**82. Nghĩa vụ ngăn ngừa, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm nguồn nước quốc tế theo quy định của Luật quốc tế/** Hà Thanh Hoà// Luật học.- 2019 .- Số 10 (2019).- Tr.30 – 40.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các quy định của pháp luật quốc tế về ngăn ngừa, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm nguồn nước; kiến nghị các nội dung và biện pháp ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm nguồn nước quốc tế từ các hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước của các quốc gia nhằm giúp các quốc gia tăng cường đảm bảo an ninh môi trường trong khai thác nguồn nước quốc tế.

**Từ khóa:** Ngăn ngừa, kiểm soát, nguồn nước quốc tế, luật quốc tế, ô nhiễm

**83. “Ngũ hình” trong cổ luật Trung Quốc và Việt Nam – một hiện tượng giao lưu và tiếp biến văn hóa pháp luật**/ Chử Đình Phúc, Trần Thị Hoa// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 10 (218) .- Tr. 59 - 72.

**Nội dung:** Trình bày những quy định cơ bản của “Ngũ hình” trong cổ luật Trung Quốc và Việt Nam, qua đó thấy ý nghĩa quan trọng của “Ngũ hình” trong cổ luật Trung Quốc, Việt Nam và sự giao lưu, tiếp biến văn hóa pháp luật giữa hai nước.

**Từ khóa:** Ngũ hình, lịch sử pháp luật, cổ luật, Trung Quốc, Việt Nam

**84. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính theo pháp luật hiện hành/** Bùi Thị Đào, Hoàng Thị Lan Phương// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 23 (399).- Tr. 33 – 40.

**Nội dung:** Bài viết phân tích khái quát nội dung, ý nghĩa của các nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính được quy định trong Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (Luật năm 2012), bình luận và đưa ra một số kiến nghị nhằm đảm bảo tính thống nhất của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính để thể hiện nhất quán nội dung, tinh thần của các nguyên tắc xử phạt và thuận tiện khi xử phạt vi phạm hành chính trong thực tiễn.

**Từ khóa:** Nguyên tắc xử phạt, thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt, vi phạm hành chính

**85. Nhãn hiệu nổi tiếng và bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng bằng công cụ “Nhãn hiệu bảo vệ” ở Nhật Bản/** Vũ Thị Phương Lan// Luật học.- 2019 .- Số 8 (2019).- Tr.59 – 70.

**Nội dung:** Bất cứ quốc gia nào muốn hướng tới phát triển nền kinh tế tri thức trong thời đại Ccahs mạng công nghiệp 4.0 đều phải chú trọng bảo hộ sở hữu trí tuệ. Nhật Bản là nước có nền kinh tế phát triển hang đầu thế giới có chế định pháp luật bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng rất hiệu quả. Bài viết nghiên cứu nội dung điều chỉnh của pháp luật Nhật Bản về nhãn hiệu nổi tiếng và bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung nghiên cứu sâu về “nhãn hiệu bảo vệ” – công cụ được pháp luật Nhật Bản cho phép các doanh nghiệp sử dụng để bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng.

**Từ khóa:** Nhãn hiệu, nhãn hiệu nổi tiếng, nhãn hiệu bảo hộ, bảo hộ, Nhật Bản

**86. Nhu cầu thành lập tòa sở hữu trí tuệ ở Việt Nam/** Nguyễn Văn Luật// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 15(391) .- Tr. 3 – 10.

**Nội dung:** Tòa sở hữ trí tuệ là một trong những tòa chuyên trách được nhiều quốc gia thành lập nhằm thụ lý và xét xử các tranh chấp về sở hữu trí tuệ. Hiện nay, tranh chấp về sở hữu trí tuệ ở Việt Nam ngày một nhiều và phức tạp, thực tiễn này đặt ra yêu cầu phải thành lập tòa án chuyên trách trong hệ thống Tòa án nhân dân nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho các cá nhân và tổ chức. Đây là đòi hỏi khách quan trong quá trình cải cách tư pháp nói chung và hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói riêng ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Sở hữu trí tuệ, tòa sở hữu trí tuệ, tranh chấp về sở hữu trí tuệ

**87. Những điểm mới của Bộ luật lao động năm 2019 về thực hiện và chấm dứt hợp đồng lao động/** Nguyễn Xuân Thu// Nghề luật.- 2020 .- Số 3 (2020).- Tr.27 – 33.

**Nội dung:** Bộ luật lao động số 45/2019/QH14 được Quốc hội khoá XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 8, ngày 20/11/2019 với nhiều điểm mới quan trọng về thực hiện và chấm dứt hợp đồng lao động. Những điểm mới này sẽ tác động không nhỏ tới việc duy trì và chấm dứt quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động, tới hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan nhà nước hữu quan và tới hoạt động nghề nghiệp của các tổ chức, cá nhân khác. Bài viết này phân tích, đánh giá những điểm mới của Bộ luật lao động năm 2019 so với Bộ luật lao động năm 2012.

**Từ khóa:** Bộ luật lao động, điểm mới của bộ luật lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, thực hiện hợp đồng lao động

**88. Những điểm mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai**/ Đăng Tuyên// Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 23 (325) .- Tr. 68 - 70. 340

**Nội dung:** Ngày 19/11/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Nghị định được bổ sung nhiều điểm mới và tăng nặng các mức xử phạt sẽ là sự răn đe cần thiết nhằm phòng ngừa hành vi vi phạm, góp phần quản lý tiết kiệm, hiệu quả, nền nếp.

**Từ khóa:** Xử phạt, vi phạm hành chính, lĩnh vực đất đai

**89. Những khó khăn, bất cập trong thi hành án dân sự khi tổ chức thi hành quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm /** Hồ Quân Chính// Nghề luật.- 2020 .- Số 2 (2020).- Tr.16 – 25.

**Nội dung:** Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm tổ chức thi hành các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, trừ trường hợp các bản án, quyết định được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo Khoản 2 Điều 2 Luật thi hành án dân sự (THADS). Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thi hành án thì các bản án, quyết định này có thể được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Thủ tục thi hành loạt quyết định này được quy định tại một mục riêng trong Luật THADS. Quy định này hiện nay đang gặp phải một số khó khăn, bất cập. Nguyên nhân của những khó khăn, bất cập này chủ yêu xuất phát từ các quy định luật về thi hành án dân sự chưa sát với thực tế và một phần do nó không còn phù hợp với các quy định về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chính vì vậy, đã gây ra không ít khó khăn cho Cơ quant thi hành án dân sự và làm giảm hiệu quả của công tác thi hành án dân sự. Do đó, cần có những nghiên cứu sâu về vấn đề này để kịp thời sửa đổi, bổ sung pháp luật về thi hành án dân sự.

**Từ khóa:** Thi hành án dân sự, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm

**90. Những thách thức về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam**/ Nguyễn Thanh Hà// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 3(732) .- Tr.12-14.

**Nội dung**: Trình bày những thách thức về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử (TMĐT) giữ một vị trí quan trọng đối với sự phát triển, thành công của các doanh nghiệp, bởi trong thị trường “mở” này mọi đối tượng đều có thể tham gia giao dịch, và việc làm giả, làm nhái thương hiệu, sản phẩm trở nên khá dễ dàng.

**Từ khóa**: Quyền sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

**91. Những vấn đề pháp lí và thực tiễn về kinh doanh condotel ở Việt Nam hiện nay/** Nguyễn Thị Nga// Luật học.- 2019 .- Số 9 (2019).- Tr.56 – 65.

**Nội dung:** Condotel là hình thức kinh doanh khá sôi động trên thị trường bất động sản ở Việt Nam trong những năm gần đây. Hình thức kinh doanh này phát triển mạnh ở các tỉnh, thành phố có tiềm năng và thế mạnh về du lịch, nghỉ dưỡng và thường tập trung ở những vị trí đẹp, thiên nhiên ưu đãi hoặc ở các đô thị lớn. Tuy nhiên, để hiểu đúng bản chất của mô hình kinh doanh này và từ đó xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lí đưa thị trường condotel vận hành theo quỹ đạo chung, đảm bảo sự quản lí và kiểm soát của Nhà nước; phúc đáp nhu cầu và thị hiếu của thị trường, cũng như quyền tự do kinh doanh của các nhà đầu tư thì cần phải được phân tích, đánh giá một cách toàn diện thực trạng pháp luật hiện hành điều chỉnh mô hình kinh doanh này và những vấn đề đã và đang phát sinh trên thực tế để có sự sửa đổi, bổ sung hợp lí trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Pháp lí, thực tiễn, Việt Nam, kinh doanh Codotel

**92. Phạm vi áp dụng quy định nhà nước thu hồi đất sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng/** Trần Vang Phủ, Trần Thụy Quốc Thái// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 16(392) .- Tr. 28 – 34.

**Nội dung:** Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định cụ thể các trường hợp cơ quan có thẩm quyền được phép thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, để đảm bảo sự phát triển bền vững, hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế với an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và đặc biệt là hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân và nhà đầu tư, cần xác định rõ ranh giới các dự án phát triển kinh tế, thu hút đầu tư trong trường hợp nào chủ đầu tư phải thỏa thuận để nhận chuyển nhượng, thuê lại đất hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất với người đang sử dụng đất.

**Từ khóa:** thu hồi đất, phát triển kinh tế - xã hội, chủ đầu tư, nhận chuyển nhượng

**93. Phạm vi tương trợ tư pháp hình sự trong một số điều ước quốc tế và kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam/** Dương Đình Công// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 15(391) .- Tr. 18 – 24.

**Nội dung:** Trong việc giải quyết các vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài, các quốc gia thường tìm kiếm sự hỗ trợ giúp đỡ từ các quốc gia nước ngoài bằng hình thức tương trợ tư pháp hình sự thông qua một yêu cầu tương trợ tư pháp. Yêu cầu tương trợ tư pháp được thực hiện theo cách thức với trình tự, thủ tục mà các bên có thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật quốc gia. Một trong những nội dung mà các quốc gia quan tâm khi tiếp nhận yêu cầu tương trợ tư pháp từ quốc gia yêu cầu là có thuộc phạm vi tương trợ tư pháp hay thuộc trường hợp từ chối tương trợ.

**Từ khóa:** Tương trợ tư pháp, yêu cầu tương trợ tư pháp

**94. Pháp luật hiện hành về xử lý hình sự đối với các tội liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường biển do nước thải công nghiệp/** Phan Thị Thu Thủy// Nghề luật.- 2020 .- Số 2 (2020).- Tr.48 – 53.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích một số hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành về xử lý hình sự đối với các tội liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường biển do nước thải công nghiệp và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về vấn đề này ở nước ta hiện nay.

**Từ khóa:** Xử lý hình sự, kiểm soát ô nhiễm, môi trường biển, nước thải công nghiệp

**95. Pháp luật quốc tế về an ninh con người của phạm nhân và một số khuyến nghị cho Việt Nam/** Nguyễn Đức Hoà// Luật học.- 2019 .- Số 11 (2019).- Tr.3 – 17.

**Nội dung:** Trong những thập kỉ qua, Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế đã ban hành nhiều văn bản pháp lí tạo cơ sở quan trọng để các quốc gia tiến hành “ nội luật hoá” nhằm thúc đẩy an ninh con người của phạm nhân trên tất cả các phương tiện. Mặc dù Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới an ninh con người, pháp luật về an ninh con người của phạm nhân song vẫn còn một số nội dung chưa tương thích với pháp luật quốc tế. Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lí luận về an ninh con người, pháp luật về an ninh con người của phạm nhân, bài viết phân tích những nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế về an ninh con người của phạm nhân và đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện lĩnh vực pháp luật này ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** An ninh con người, phạm nhân, pháp luật quốc tế

**96. Pháp luật quốc tế về chuyển quyền sử dụng đối với nhãn hiệu và những khuyến nghị cho Việt Nam/** Hoàng Lan Phương// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 12 (388).- Tr. 57 – 64.

**Nội dung:** Pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia đều có những quy định về việc li-xăng nhãn hiệu. Tùy vào hệ thống pháp luật của từng quốc gia mà việc li-xăng nhãn hiệu được quy định khác nhau, song đều dựa trên một nguyên tắc chung đó là tôn trọng pháp luật quốc tế. Bài viết nêu quy định của các điều ước quốc tế và quy định của một số quốc gia như Hoa Kỳ, Anh, Canada và Trung Quốc về li-xăng nhãn hiệu và đề xuất một số khuyến nghị để hoàn thiện pháp luật Việt Nam về li-xăng nhãn hiệu.

**Từ khóa:** Chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu, li-xăng, nhãn hiệu, kinh nghiệm, pháp luật

**97. Pháp luật về bản sao kỹ thuật số**/ Võ Trung Hậu// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 4(733) .- Tr.13-15.

**Nội dung**: Trình bày bản sao lưu trữ tạm thời trong RAM là bản sao không thuộc đối tượng điều chỉnh, bản sao lưu trữ vĩnh viễn thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về quyền sao chép.

**Từ khóa**: Bản sao kỹ thuật số, bản sao lưu trữ, quyền sao chép

**98. Pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn tại Cộng hòa Liên bang Đức**/ Nguyễn Vinh Hưng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 11 (230) .- Tr. 33 - 41. 340

**Nội dung:** Nghiên cứu quy định pháp lý về loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn của Đức, để từ đó, rút ra những kiến nghị cho việc hoàn thiện chế định pháp luật về công ty này tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Công ty trách nhiệm hữu hạn, Đức, pháp luật, công ty, doanh nghiệp

**99. Pháp luật về hoạt động tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ tiếp cận nguồn gen – Thực trạng và khuyến nghị/** Nguyễn Thanh Huyền// Luật học.- 2019 .- Số 8 (2019).- Tr.46 – 58.

**Nội dung:** Bài viết làm rõ khái niệm tiếp cận nguồn gen và chia sẽ lợi ích thu được từ việc sử dụng nguồn gen, nguyên tắc tiếp cận nguồn gen, chủ thể tiếp cận nguồn gen và chủ thể cung cấp nguồn gen; cách thức tiếp cận nguồn gen và chia sẽ lợi ích từ tiếp cận nguồn gen; quản lí nhà nước về tiếp cận nguồn gen. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về hoạt động tiếp cận nguồn gen và chia sẽ lợi ích từ tiếp cận nguồn gen.

**Từ khóa:** Chia sẽ, nguồn gen, tiếp cận

**100. Pháp luật về lập vi bằng đối với bất động sản/** Phan Trung Hiền, Chử Duy Thanh// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 24 (400).- Tr. 41 – 46.

**Nội dung:** Bài viết phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn xoay quanh vấn đề lập vi bằng và giá trị sử dụng của vi bằng. Thông qua việc phát hiện những bất cập, hạn chế tồn tại trong quy định của pháp luật Việt Nam về lập vi bằng, bài viết đề xuất kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật về vi bằng đối với bất động sản.

**Từ khóa:** Lập vi bằng, bất động sản, thừa phát lại

**101. Pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên của bang Victoria (Úc) và một số gợi mở cho Việt Nam/** Cao Vũ Minh, Nguyễn Đức Hiếu// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 21 (397).- Tr. 59 – 64.

**Nội dung:** Theo Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, người chưa thành niên vi phạm hành chính sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, việc xử phạt người chưa thành niên vi phạm hành chính chỉ được thực hiện trong trường hợp cần thiết nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Bài viết phân tích các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên của bang Victoria (Úc) và rút ra một số gợi mở cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính, người chưa thành niên, Bang Victoria

**102. Phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam: Thuận lợi, rào cản và những vấn đề pháp lí đặt ra/** Trương Hồ Hải, Đặng Viết Đạt// Luật học.- 2019 .- Số 10 (2019).- Tr.14 – 29.

**Nội dung:** Kinh tế tư nhân có vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, đã được Đảng và Nhà nước ta xác định là “một động lực quan trọng của nền kinh tế”. Bên cạnh những thuận lợi, kinh tế tư nhân ở Việt Nam đang phải đối mặt với những rào cản, trong đó bao gồm cả những rào cản về mặt pháp lí. Nhận diện rõ những rào cản pháp lí đối với phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam là nhiệm vụ quan trọng hiện nay nhằm tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật để thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững.

**Từ khóa:** Kinh tế tư nhân, doanh nghiệp tư nhân, luật doanh nghiệp

**103. Phát triển ngân hàng xanh – Thực trạng và định hướng hoàn thiện chính sách, pháp luật Việt Nam/** Trần Linh Huân// Luật học.- 2019 .- Số 7.- Tr. 42 – 55.

**Nội dung:** Bài viết phân tích, đánh giá làm rõ các vấn đề tổng quan về ngân hang xanh, mối quan hệ tương tác giữa chức năng hoạt động của ngân hàng xanh và vấn đề bảo vệ môi trường trong việc tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế, ổn định xã hội, bảo vệ môi trường, chỉ ra một số hạn chế trong nhận thức và bất cập trong quy định pháp luật Việt Nam về cơ chế ưu đãi, chi phí đầu tư, nguồn vốn, khung pháp lí hỗ trợ thực hiện tín dụng xanh, ngân hàng xanh. Trên cơ sở đó đưa ra một số định hướng, giải pháp khắc phục, hoàn thiện về khung pháp lí, cơ chế chính sách thuế, tài chính, vốn, kĩ thuật và trách nhiệm của các chủ thể có liên quan nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động xây dựng và phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Phát triển, ngân hàng xanh, thực tạng, định hướng hoàn thiện, chính sách, pháp luật

**104. Phổ quát hóa quyền tự do kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế/** Dương Anh Sơn, Nguyễn Thị Thu Trang// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 19 (395).- Tr. 13 – 19.

**Nội dung:** Quyền tự do kinh doanh phải được đảm bảo và trở nên phổ quát do vai trò thực sự to lớn của quyền này và để quá trình tự do hóa thương mại nói riêng và và toàn cầu hóa nói chung diễn ra tại Việt Nam thu được hiệu quả cao. Trong đó tiên phong là pháp luật doanh nghiệp, pháp luật đầu tư, pháp luật cạnh tranh,…nói riêng và pháp luật kinh tế của Việt Nam nói chung cần phải phổ quát hóa quyền tự do kinh doanh – quyền kinh tế của con người.

**Từ khóa:** Phổ quát hóa, quyền con người, toàn cầu hóa, tự do kinh doanh

**105. Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người và khả năng áp dụng vào hoạt động xây dựng chính sách, pháp luật ở Việt Nam hiện nay/** Vũ Công Giao// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 18(394) .- Tr. 3 – 13.

**Nội dung:** Khái quát về phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người; Kinh nghiệm áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người trong các dự án phát triển của Liên minh châu Âu; Quyền con người trong hoạt động xây dựng chính sách, pháp luật ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người, HRBA, quyền con người, chính sách

**106. Quy định pháp luật về quản trị ngân hành thương mại cổ phần/** Phan Phương Nam// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 15(391) .- Tr. 53 – 57.

**Nội dung:** Bài viết tập trung vào các vấn đề: Nhận diện quản trị của ngân hàng thương mại cổ phần; phân tích thực trạng pháp luật quy định về quản trị ngân hàng thương mại cổ phần và chỉ ra những điểm bất cập, hạn chế các quy định đó và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về quản trị ngân hàng thương mại cổ phần.

**Từ khóa:** Ngân hàng thương mại cổ phần, quản trị ngân hàng, đạo đức nghề nghiệp, kiểm soát nội bộ

**107. Quy định về cổ đông sáng lập trong pháp luật Việt Nam và pháp luật ở một số quốc gia trên thế giới/** Trần Huỳnh Thanh Nghị// Nghiên cứu lập pháp.- 2020 .- Số 04 (404).- Tr.55 – 62.

**Nội dung:** Bài viết phân tích một số quy định tương đồng và khác biệt trong pháp luật Việt Nam và pháp luật một số quốc gia khác trên thế giới về cổ đông sáng lập. Qua đó, cung cấp những thông tin pháp lý quan trọng giúp cho các nhà lập pháp Việt Nam có thể tham khảo để hoàn thiện quy định về cổ đông sáng lập trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Cổ phần, cổ đông sáng lập, công ty cổ phần, luật doanh nghiệp, luật công ty

**108. Quy định về nhóm công ty trong pháp luật một số quốc gia và những nội dung tham khảo cho Việt Nam/** Trần Minh Anh// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 13 (389).- Tr. 58 – 64.

**Nội dung:** Nhóm công ty đang ngày càng xuất hiện phổ biến ở Việt Nam bởi mô hình này giúp tạo ra lợi thế cạnh tranh cho các tổ chức liên kết kinh tế của các công ty. Tuy nhiên, các quy định pháp lý hiện hành về nhóm công ty tại Việt Nam còn nhiều điểm hạn chế. Nhận diện và khắc phục các điểm hạn chế này trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới trong việc điều chỉnh các vấn đề liên quan là cần thiết để tạo môi trường thuận lợi cho các nhóm công ty phát triển, qua đó thúc đẩy nền kinh tế quốc gia.

**Từ khóa:** Nhóm công ty, công ty mẹ

**109. Quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước bà khoáng sản – những đề xuất sửa đổi, bổ sung**/ Bùi Xuân Tiến// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 1+2 (327 + 328) .- Tr. 100 - 101.

**Nội dung:** Trình bày nội dung về quy định về xử phạt vi phạm hành chính, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn triển khai và một số đề xuất , kiến nghị.

**Từ khóa:** Xử lý vi phạm hành chính, tài nguyên nước, khoáng sản

**110. Quyền của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: Thực trạng và kiến nghị/** Ninh Viết Tùng, Bùi Tiến Đạt// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 23 (399).- Tr. 25 – 32.

**Nội dung:** Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc ảnh hưởng lớn tới quyền tự do cá nhân và tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm quyền con người và lạm quyền từ phía cơ quan nhà nước. Việc đảm bảo quyền con người của người nghiện ma tuý không chỉ bảo vệ quyền cá nhân tại cơ sở cai nghiện mà còn phải đảm bảo thủ tục công bằng trong việc đưa người nghiện đi cai nghiện bắt buộc. Biện pháp cưỡng chế cai nghiện này mang tính chất pha trộn giữa các loại hình tố tụng tư pháp. Tính cưỡng chế gần với hình phạt tù, thủ tục giống với phiên toà rút gọn và tranh tụng giống tố tụng hình sự và dân sự. Đo đó, việc “tư pháp hoá” thủ tục này là tất yếu và Nhà nước cần thừa nhận các chuẩn mực của trình tự công bằng để đảm bảo quyền của người bị đề nghị và ngăn ngừa vi phạm tố tụng.

**Từ khóa:** Thủ tục công bằng, quyền thủ tục, cơ sở cai nghiện bắt buộc, toà án, tư pháp hoá

**111. Quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trong các quy định pháp luật và một số kiến nghị/** Nguyễn Thúy Hà// Luật học.- 2019 .- Số 7.- Tr. 20 – 31,91.

**Nội dung:** Những quy định của Hiến pháp năm 2013 đã đáp ứng được yêu cầu của công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của đất nước. Để cụ thể hóa quy định của Hiến pháp cũng như phù hợp với các cam kết quốc tế, yêu cầu đặt ra là cần hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền của người dân trong lĩnh vực y tế. Bài viết giới thiệu các quy định pháp luật về quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, những vấn đề bất cập trong việc thi hành pháp luật và đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về vấn đề này.

**Từ khóa:** Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, pháp luật Việt Nam

**112. Quyền im lặng của pháp nhân phạm tội trong tố tụng hình sự/** Võ Minh Kỳ, Nguyễn Phương Anh// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 23 (399).- Tr. 16 – 24.

**Nội dung:** Quyền im lặng là một quyền mới của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự. Đặc biệt hơn, việc quy định quyền này cho một chủ thể mới là pháp nhân thương mại phạm tội cũng làm phát sinh một số vấn đề pháp lý cần phải làm rõ. Bài viết trước hết phân tích lý luận về quyền im lặng của thể nhân và quyền im lặng của pháp nhân; về việc quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật hình sự và tố tụng hình sự; chỉ ra một số vấn đề pháp lý cần làm rõ về quyền im lặng của pháp nhân phạm tội và đưa ra một số gợi mở hoàn thiện.

**Từ khóa:** Quyền im lặng, thể nhân, pháp nhân, tố tụng hình sự

**113. Quyền sáng chế đối với các bằng sáng chế tiêu chuẩn cơ bản và luật hợp đồng/** Đặng Huỳnh Thiên Vy, Trương Trọng Hiểu// Luật học.- 2019 .- Số 10 (2019).- Tr.79 – 88.

**Nội dung:** Bài viết phân tích FRAND dưới mối quan hệ tương quan giữa luật sáng chế và luật hợp đồng. Hiện tại, các quốc gia khác nhau, đặc biệt là Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu vẫn có cách tiếp cận và quy định cách thức giải quyết khác nhau trước các vấn đề phát sinh, đặc biệt là phạm vi hiệu lực của FRAND và quyền sử dụng lệnh cấm khi có vi phạm đối với các sáng chế cần thiết cho tiêu chuẩn cơ bản.

**Từ khóa:** Bằng sáng chế, luật cạnh tranh, luật hợp đồng, SEP, FRAND

**114. Quyền tác giả đối với tác phẩm trong môi trường công nghiệp 4.0 tại các cơ sở giáo dục Đại học/** Vũ Thị Hồng Yến// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 21 (397).- Tr. 11 – 17.

**Nội dung:** Bài viết phân tích sự ảnh hưởng mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp (CMCN 4.0) đến sự bảo vệ quyền tác giả nói chung và bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm tại các cơ sở giáo dục đại học nói riêng; nhận diện các loại tác phẩm thuộc quyền sở hữu của nhà trường, xác định phạm vi quyền tác giả của nhà trường với người học; chỉ rõ những đặc thù và giới hạn của hành vi trích dẫn, sao chép tác phẩm để tránh tình trạng “đạo văn”; phân tích các hành vi quản trị quyền tác giả đối với tác phẩm của nhà trường; và cuối cùng, rút ra các bài học cho cơ sở giáo dục đại học trong việc bảo vệ tốt nhất quyền tác giả đối với tác phẩm trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0.

**Từ khóa:** Quyền tác giả, cách mạng công nghiệp lần thứ 4, giáo dục đại học, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn

**115. Quyền tự do đi lại theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam/** Vũ Công Giao, Nguyễn Thùy Dương// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 14(390) .- Tr. 20 – 30.

**Nội dung:** Tự do đi lại là một phần không thể thiếu của tự do cá nhân. Quyền tự do đi lại là một trong những quyền cơ bản của con người, được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia. Ở Việt Nam, quyền tự do đi lại được hiến định trong Hiến pháp năm 2013 và cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành. Xét tổng quát, pháp luật Việt Nam hiện đã phù hợp với những tiêu chuẩn cơ bản về quyền tự do đi lại trong luật nhân quyền quốc tế, tuy nhiên, vẫn còn một số quy định cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung.

**Từ khóa:** Quyền tự do đi lại, hạn chế quyền tự do đi lại, công dân Việt Nam, người nước ngoài

**116. Quyền tự do lập hội, hội họp của người lao động Việt Nam trước yêu cầu từ các hiệp định thương mại tự do/** Nguyễn Anh Đức// Luật học.- 2019 .- Số 8 (2019).- Tr.3 – 13.

**Nội dung:** Bài viết bàn về quyền tự do lập hội, hội họp của một nhóm chủ thể đặc biệt trong pháp luật người lao động nhằm chỉ ra những thách thức đối với Nhà nước Việt Nam cả về đối nội và đối ngoại trong việc bảo đảm các quyền này của người lao động trên cơ sở thực thi các hiệp định thương mại tự do. Bài viết làm rõ một số bất cập trong Bộ luật lao động, Luật công đoàn, Bộ luật tố tụng dân sự để chứng minh việc thực hiện các quyền tự do lập hội, hội họp của người lao động là yêu cầu không thể trì hoãn trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** Tự do lập hội, tự do hội họp, người lao động, thương mại tự do

**117. Sửa đổi luật đất đai để bảo vệ tốt hơn quyền tài sản của các chủ sử dụng đất/** Phạm Duy Nghĩa// Nghiên cứu lập pháp.- 2020 .- Số 02+03 (402+403).- Tr.48 – 55.

**Nội dung:** Luật Đất đai năm 2013 đang được xem xét sửa đổi. Bài viết dưới đây nhìn lại quá trình du nhập và quá trình các nhà làm luật nước ta từng bước cụ thể hoá quan niệm sở hữu toàn dân về đất đai; chỉ ra những điều chưa rõ ràng của chế độ sở hữu và đưa ra một vài gợi ý chính sách – pháp luật có thể cần được xem xét trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Luật đất đai, quyền tài sản, chủ sử dụng đất, chế độ sở hữu đất đai

**118. Tăng cường chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính/** Mai Hà// Luật sư Việt Nam.- 2019 .- Số 7.- Tr. 22 – 24.

**Nội dung:** Tình hình chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước vẫn còn những tồn tại, hạn chế, điển hình là việc không ít các vụ kiện người đại diện không tham gia phiên tòa theo triệu tập của tòa án; số lượng bản án hành chính đã có hiệu lực chưa được thi hành ngày càng tăng qua các năm.

**Từ khóa:** Luật tố tụng hành chính, thi hành án hành chính

**119. Thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng tặng cho tài sản – Thực trạng và đề xuất hoàn thiện pháp luật/** Lê Thị Giang// Nghề luật.- 2020 .- Số 2 (2020).- Tr.26 – 31.

**Nội dung:** Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm bắt đầu sự ràng buộc pháp lý giữa các bên, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Kể từ thời điểm hợp đồng tặng cho phát sinh hiệu lực, các bên không được rút lại các cam kết trong hợp đồng và phải chịu trách nhiệm dân sự nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ dân sự phát sinh từ hợp đồng. Bài viết tập trung phân tích thực trạng pháp luật về thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng tặng cho tài sản; qua đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về nội dung này.

**Từ khóa:** Thời điểm phát sinh hiệu lực của hợ đồng tặng cho tài sản; thời điểm phát sinh hiệu lực của hợ đồng tặng cho tài sản không phải đăng ký sở hữu; thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng tặng cho tài sản phải đăng ký sở hữu

**120. Thực trạng cổ tức, hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự và khả năng xã hội hóa lĩnh vực này/** Hoàng Ngọc Phương// Nghề luật.- 2020 .- Số 2 (2020).- Tr.39 – 43.

**Nội dung:** Mặc dù được định hướng tại Nghị quyết số 49/NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị nhưng sau gần 7 năm thực hiện Luật giám định tư pháp, vấn đề xã hội hóa hoạt động giám định chưa được thực hiện và vẫn là chủ đề được nhiều người quan tâm. Trong phạm vi bào viết này, tác giả trao đổi về thực trạng tổ chức, hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự và khả năng xã hội hóa lĩnh vực này.

**Từ khóa:** Giám định tư pháp, kỹ thuật hình sự

**121. Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia trong khuôn khổ ASEAN/** Bùi Thị Ngọc Lan// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 18(394) .- Tr. 17 – 22.

**Nội dung:** Bài viết nêu thực trạng của hoạt động phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia trong khối ASEAN, đánh giá ưu điểm và hạn chế của hoạt động này, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia trong khuôn khổ khối ASEAN.

**Từ khóa:** Phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, ASEAN

**122. Thuế tài sản và những vấn đề liên quan đến việc xây dựng luật thuế tài sản/** Trần Thị Bé Duyên// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 19 (395).- Tr. 29 – 34.

**Nội dung:** Thuế thu trên tài sản ở nước ta được hình thành từ rất lâu với một số sắc thuế phổ biến như thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có một sắc thuế mang tên Thuế Tài sản nhằm điều chỉnh các loại tài sản có khả năng chịu thuế trên thực tế. Do vậy, việc nghiên cứu xây dựng pháp luật thuế tài sản là vấn đề rất cần thiết, giúp đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, chống đầu cơ nhà đất và đảm bảo công bằng xã hội.

**Từ khóa:** Thuế tài sản, nhà ở, đầu cơ nhà đất, công bằng xã hội, đất đai

**123. Tiêu chí hạn chế quyền con người vì lý do trật tự công cộng trong pháp luật một số nước/** Nguyễn Văn Quân// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 14(390) .- Tr. 58 – 64.

**Nội dung:** Quyền con người có thể bị hạn chế trong một số trường hợp nhất định vì các lý do chính đáng, theo một trình tự thủ tục chặt chẽ. Một trong những lý do hạn chế quyền phổ biến trong pháp luật của các quốc gia là bảo vệ trật tự công cộng. Bài viết trình bày và phân tích tiêu chí hạn chế quyền con người vì lý do trật tự công cộng trong pháp luật một số nước.

**Từ khóa:** Quyền con người, giới hạn quyền, hạn chế quyền, trật tự công cộng, sức khỏe cộng đồng

**124. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)/** Hoàng Minh Đức// Nghề luật.- 2020 .- Số 4 (2020).- Tr.78 – 82.

**Nội dung:** Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đã bộc lộ những khó khăn, vướng mắc nhất định cần phải nghiên cứu khắc phục.Bài viết tập trung phân tích tình hình tội phạm liên quan đến cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, thực tiễn công tác điều tra, xỷ lý, trên cơ sở đó đề xuất, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

**Từ khóa:** Tín dụng đen, tội cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự

**125. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động/** Lê Văn Đức// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 16(392) .- Tr. 23 – 27.

**Nội dung:** Đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là rất quan trọng, nhằm đảm bảo việc duy trì quan hệ lao động và bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng cho mỗi bên.

**Từ khóa:** pháp luật về lao động, chấm dứt hợp đồng về lao động, bồi thường thiệt hại

**126. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người chưa thành niên gây ra từ góc nhìn pháp luật so sánh/** Nguyễn Thị Phương Châm// Nghiên cứu lập pháp.- 2020 .- Số 05 (405).- Tr.55 – 63.

**Nội dung:** Bài viết trình bày bản chất pháp lý của trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người chưa thành niên gây ra dưới góc nhìn pháp luật so sánh từ lý luận đến thực tiễn xét xử trong hệ thống pháp luật Đức và Nhật Bản và đưa ra những đánh giá về những vướng mắc, tồn tại của pháp luật Việt Nam hiện nay và đề xuất hướng hoàn thiện.

**Từ khóa:** Người chưa thành niên, bồi thường thiệt hại, luật so sánh

**127. Trách nhiệm pháp lý quốc tế của quốc gia gây thiệt hại khi khai thác tài nguyên xuyên quốc gia/** Lê Minh Nhựt, Phùng Hồng Thanh// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 19 (395).- Tr. 20 – 28.

**Nội dung:** Thông qua những vụ việc đã được giải quyết, bài viết phân tích về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của quốc gia khi thực hiện những hành vi gây ô nhiễm không khí xuyên biên giới hay gây thiệt hại cho nguồn nước quốc tế (nước ngọt).

**Từ khóa:** Trách nhiệm pháp lý quốc tế, bồi thường thiệt hại về môi trường, nguồn nước quốc tế, ô nhiễm không khí, xuyên biên giới

**128. Trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng luật ở nước ta – Thực trạng và kiến nghị /** Bùi Thu Hằng// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 20 (396).- Tr. 22 – 26.

**Nội dung:** Để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xây dựng pháp luật, bài viết đi sâu phân tích những bất cập và hạn chế trong việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng luật hiện nay, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình này.

**Từ khóa:** Trình tự, thủ tục rút gọn, hoạt động lập pháp, luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

**129. Tự do hoá dịch vụ phân phối tại Việt Nam trong khuôn khổ cộng đồng kinh tế ASEAN/** Nghĩa Lê Lý// Nghiên cứu lập pháp.- 2020 .- Số 04 (404).- Tr.21 – 29.

**Nội dung:** Theo danh mục phân loại các ngành dịch vụ của WTO, dịch vụ phân phối được xác định bao gồm 5 phân ngành là dịch vụ bán buôn, dịch vụ bán lẻ, dịch vụ địa lý uỷ quyền/ uỷ thác, nhượng quyền/ cấp đặc quyền kinh doanh và “loại khác”. Khi thực hiện đàm phán, ký kết và thực thi các gói cam kết trong Hiệp định khung về dịch vụ AFAS, Việt Nam đã có những cam kết tự do hoá dịch vụ trong lĩnh vực này. Mặc dù so với một số nước thành viên ASEAN, mức độ mở cửa của Việt Nam là rộng mở nhưng so với cam kết tương tự trong WTO vẫn chưa có sự đột phá sâu sắc nào. Do vậy, vẫn còn trông đợi sự biến chuyển lớn trong hệ thống pháp luật nhằm tạo tiền đề cho việc thực thi cam kết rộng mở hơn để đạt được lợi ích lâu dài trong khu vực.

**Từ khóa:** Dịch vụ phân phối, tự do thương mại, cộng đồng kinh tế ASEAN

**130. Xác minh, giám định và phòng, chống giả mạo trong hoạt động công chứng/** Hoàng Mạnh Thắng, Phạm Thị Thúy Hồng// Nghề luật.- 2020 .- Số 1 (2020).- Tr.30 – 37.

**Nội dung:** Thông qua việc làm rõ nội dung quy định pháp luật về xác minh, giám định và thực trạng giả mạo mà các công chứng viên phải đối mặt trong quá trình hành nghề, nhóm tác giả đưa ra đề xuất của mình về việc phòng, chống giả mạo trong hoạt động công chứng.

**Từ khóa:** Xác minh, giám định, giả mạo, công chứng

**131. Xử lí hành vi vi phạm quyền tiếp cận thông tin trong hoạt động điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo pháp luật Việt Nam/** Mai Xuân Hợi// Nghề luật.- 2020 .- Số 1 (2020).- Tr.6 – 19.

**Nội dung:** Tiếp cận các thông tin từ hoạt động điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) là quyền của doanh nghiệp được luật định. Tuy vậy, trong cơ chế bảo đảm thực thi quyền này lại thiếu các quy định để xử lí các hành vi vi phạm. Do đó, bài viết hướng đến làm rõ bất cập của quy định pháp luật từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định về xử lí vi phạm, góp phần hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực thi hiệu quả quyền tiếp cận thông tin của doanh nghiệp đối với hoạt động điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM.

**Từ khóa:** Quyền tiếp cận thông tin, xử lý vi phạm quyền tiếp cận thông tin

**NGÔN NGỮ**

**1. Ẩn dụ ý niệm chỉ địa điểm và thời gian trong diễn văn chống phân biệt chủng tộc của Martin Luther King, JR**/ Trần Thị Ánh Tuyết// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 4(296) .- Tr. 75-81.

**Nội dung:** Khảo sát và phân tích ẩn dụ ý niệm sử dụng các diễn đạt chỉ địa diểm và thời gian trong những diễn văn kiêu gọi chống phân biệt chủng tộc ở nước Mỹ của nhà hoạt động dân quyền Martin Lther King, Jr.

**Từ khóa:** Ẩn dụ ý niệm, diễn đat chỉ thời gian, phân biệt chủng tộc, Martin Luther King, Jr

**2.** **Các mô hình định danh cơ bản của thuật ngữ cơ khí Tiếng Việt/** Trần Ngọc Đức// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2019 .- Số 12(292) .- Tr. 14-22.

**Nội dung:** Tập trung nghiên cứu về một số mô hình định danh cơ bản của thuật ngữ cơ khí Tiếng Việt.

**Từ khóa:** Thuật ngữ, thuật ngữ cơ khí, mô hình định danh

**3. Cách dùng cụm từ cố định trong câu đối Nôm của Nguyễn Khuyến**/ Nguyễn Văn Thạo, Lê Thị Hương// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 4(296) .- Tr. 95-100.

**Nội dung:** Khảo sát các cụm từ cố định trong câu đối Nôm của Nguyễn Khuyến nhằm khẳng định biệt tài và phong cách sử dụng từ ngữ của Nguyễn Khuyến.

**Từ khóa:** Câu đối, câu đối nôm, phép đối, cụm từ cố định, Nguyễn Khuyến

**4.** **Cải thiện chất lượng bài viết luận của sinh viên không chuyên tiếng Anh thông qua ứng dụng danh hóa động từ/** Phan Thu Hà// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 3(295) .- Tr. 75-81.

**Nội dung:** Hệ thống lại một cách cô đọng các đặc điểm của danh hóa động từ trong tiếng Anh cũng như gợi ý một số hoạt động bổ trợ nhằm áp dụng kiến thức này vào giảng dạy viết luận cho sinh viên không chuyên tiếng Anh.

**Từ khóa:** Danh hóa động từ, danh động từ, danh từ phái sinh, danh hóa hành động

**5. Đa nghĩa là kết quả của hòa trộn ý niệm : trường hợp động từ Chạy trong tiếng Việt**/ Nguyễn Minh Hà// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 4(296) .- Tr. 12-29.

**Nội dung:** Nghiên cứu hiện tượng từ đa nghĩa nói chung từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận thông qua việc khảo sát và phân tích ngữ nghĩa của động từ chạy trong tiếng Việt với mục đích làm sáng rõ quá trình kiến tạo và mối quan hệ giữa các nghĩa khác nhau của một từ đa nghĩa.

**Từ khóa:** Đa nghĩa, ngữ nghĩa học, tri nhận, không gian tâm thức, hòa trộn ý niệm

**6.** **Đặc điểm cấu tạo của địa danh Quảng Ngãi/** Nguyễn Hạnh Nhi// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2019 .- Số 12(292) .- Tr. 36-41.

**Nội dung:** Khảo sát đặc điểm cấu tạo địa danh tỉnh Quảng Ngãi với mô hình gồm hai thành tố chính là thành tố chung và tên riêng.

**Từ khóa:** Địa danh, thành tố chung, tỉnh Quảng Ngãi

**7. Đặc điểm cấu tạo của thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Việt**/ Trần Quốc Việt// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 4(296) .- Tr. 30-35.

**Nội dung:** Đưa ra một số gợi ý về đặc điểm cấu tạo, sự phân bố mô hình cấu tạo và thành tố cấu tạo của các thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Việt để từ đó đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, biên soạn nguồn học liệu và dạy – học lĩnh vực kinh tế thương mại theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng trong tương lai.

**Từ khóa:** Thuật ngữ kinh tế thương mại, đặc điểm thuật ngữ, thuật ngữ tiếng Việt

**8.** **Đặc điểm ngữ âm phương ngữ Nam Bộ/** Hồ Văn Tuyên// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 1(293) .- Tr. 15-21.

**Nội dung:** Bước đầu miêu tả những đặc điểm riêng biệt của ngữ âm vùng Nam Bộ nói chung và các tiểu vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ nói riêng nhằm phác họa bức tranh ngữ âm của phương ngữ vùng đất này.

**Từ khóa:** Đặc điểm ngữ âm, phương ngữ Nam Bộ

**9.** **Danh hóa và ẩn dụ ngữ pháp từ góc nhìn ứng dụng ngôn ngữ/** Phan Văn Hòa, Giả Thị Tuyết Nhung// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 1(293) .- Tr. 5-14.

**Nội dung:** Phân tích và làm rõ các quá trình danh hóa của các lớp từ vựng, các chức năng của danh hóa. Qua đó tìm hiểu danh hóa với tư cách là mặt biểu hiện của các loại ẩn dụ ngữ pháp.

**Từ khóa:** Danh hóa, ẩn dụ ngữ pháp, văn bản, từ vựng, ngữ pháp

**10.** **Đối chiếu phương thức cấu tạo thuật ngữ quản trị chiến lược trong tiếng Anh và tiếng Việt/** Nguyễn Thị Thúy Hạnh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 2(294) .- Tr. 79-84.

**Nội dung:** Nghiên cứu, đối chiếu thuật ngữ quản trị chiến lược về phương thức cấu tạo nhằm tìm ra điểm tương đồng và dọ bệt về phương thức cấu tạo của thuật ngữ quản trị chiến lược tiếng Anh và tiếng Việt dưới ánh sáng lí luận của ngôn ngữ học so sánh đối chiếu.

**Từ khóa:** Quản trị chiến lược, thuật ngữ, cấu tạo thuật ngữ

**11.** **Đối sánh việc đọc hiểu văn bản có trật tự liên kết chuẩn với trật tự liên kết bị xáo trộn/** Nguyễn Thị Diệu Hà// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 2(294) .- Tr. 72-78.

**Nội dung:** Tìm hiểu khả năng đọc hiểu của sinh viên khi được yêu cầu đọc một đoạn văn bản bị xáo trộn cấu trúc liên kết và một văn bản theo đúng trật tự xuôi, qua đó xem xét liệu có liên quan về giới khi đọc hiểu những văn bản được thiết kế như vậy.

**Từ khóa:** Văn bản xáo trộn cấu trúc liên kết, tính liên kết của văn bản

**12.** **Đơn vị từ vựng thuộc trường thị giác mô tả tâm trạng và cảm xúc trong thành ngữ tiếng Việt và tiếng Anh/** Nguyễn Thị Hải Bình// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2019 .- Số 12(292) .- Tr. 94-100.

**Nội dung:** Khảo sát các đơn vị từ vựng thuộc trường thị giác trong thành ngữ mô tả tâm trangh, cảm xúc của con người trong tiếng Việt và tiếng Anh, tìm sự khác biệt và tương đồng trong sử dụng các đơn vị từ vựng này trong thành ngữ mô tả tâm trạng, cảm xúc của con người trong hai ngôn ngữ. Qua đó chỉ ra một số đặc trưng văn hóa dân tộc được thể hiện trong ngôn ngữ đặc biệt qua các đơn vị từ vựng trong thành ngữ.

**Từ khóa:** Trường thị giác, thành ngữ, tiếng Việt, tiếng Anh

**13.** **Hiểu cách học để học kĩ năng đọc hiểu tiếng Anh tốt hơn/** Lương Bá Phương// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 3(295) .- Tr. 46-50.

**Nội dung:** Trình bày một vài gợi ý để làm cho môn học trở nên thú vị hơn, nhằm giúp sinh viên học tốt hơn kĩ năng đọc hiểu trong quá trình học tiếng Anh.

**Từ khóa:** Kỹ năng về đọc hiểu, kỹ năng đọc

**14.** [**Hình**](http://stdoc.vista.gov.vn/xemchitiet.aspx?id=245449) **ảnh con người Việt Nam qua trường từ vựng – ngữ nghĩa chỉ người trong ca từ các ca khúc cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945-1975**/ Nguyễn Thị Thúy Hà// Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 11(366) .- Tr. 64-80.

**Nội dung:** Nghiên cứu một khúc đoạn hiện thực khách quan được phản chiếu qua trường từ vựng chỉ người trong các tác phẩm văn học nói chung, trong ca từ của các ca khúc cách mạng giai đoạn 1945-1975 nói riêng.

**Từ khóa:** Từ vựng, ca từ, Việt Nam

**15.** **Hướng tới chuẩn hóa thuật ngữ Tài chính Tiếng Việt/** Đỗ Thị Thu Nga // Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 1(293) .- Tr. 22-26.

**Nội dung:** Nghiên cứu chuyển dịch thuật ngữ tài chính tiếng Anh sang tiếng Việt; chỉ ra sự tương đồng và khác biệt giữa cấu tạo thuật ngữ tài chính tiếng Anh và tiếng Việt. Đưa ra những gợi ý để chuyển dịch thuật ngữ tài chính từ tiếng Anh sang tiếng Việt hướng tới đạt tiêu chuẩn về thuật ngữ tài chính trong tiếng Việt.

**Từ khóa:** Dịch thuật, thuật ngữ tài chính

**16. Lỗi dịch liên quan đến từ Hán Việt trong đối dịch Hán – Việt và giải pháp trong giảng dạy**/ Phạm Đức Trung// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 4(296) .- Tr. 82-86.

**Nội dung:** Phân tích nguyên nhân khiến sinh viên mắc lỗi dịch liên quan đến từ Hán Việt trong đối dịch Hán – Việt và giải pháp trong giảng dạy. Từ đó đưa ra một số giải pháp trong giảng dạy.

**Từ khóa:** Đối dịch Hán – Việt, lỗi dịch, phương pháp dịch, từ Hán Việt

**17.** **Lồng tiếng: một số phương pháp giúp tạo hứng thú và tăng khả năng giao tiếp cho người học ngôn ngữ/** Đường Thị Phương Thảo// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 3(295) .- Tr. 82-87.

**Nội dung:** Tìm hiểu những khó khăn mà người dạy thường gặp khi sử dụng lồng tiếng trong giảng dạy và đề xuất một số giải pháp để lồng tiếng thực sự trở thành một công cụ dạy học hiệu quả.

**Từ khóa:** Lồng tiếng, phương pháp lồng tiếng

**18.** **Mô hình tri nhận ẩn dụ ý niệm của kết cấu “X + bộ phận cơ thể người” tiếng Việt/** Trần Trung Hiếu// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2019 .- Số 12(292) .- Tr. 42-53.

**Nội dung:** Trên cơ sở lý thuyết của ngôn ngữ học tri nhận bài báo phân tích các ẩn dụ ý niệm trong các kết cấu “X+ bộ phận cơ thể người” tiếng Việt. Phân tích các ánh xạ ý niệm và mô hình tri nhận ẩn dụ ý niệm. Trên cơ sở đó, khái quát hóa các mô hình tri nhận ẩn dụ ý niệm hóa của dân tộc Việt.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ tri nhận, tiếng Việt, ánh xạ ẩn dụ ý niệm

**19.** **Một số đặc điểm về ngôn ngữ được sử dụng trong các chương trình tư vấn sức khỏe trên VTV/** Nguyễn Thị Ly Na// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2019 .- Số 12(292) .- Tr. 68-74.

**Nội dung:** Khảo sát, phân tích và chỉ ra một số đặc điểm về ngôn ngữ nói chung và yếu tố giới trong ngôn ngữ nói riêng trong các chương trình tư vấn sức khỏe giới tính, sinh sản, tình dục trên kênh O2TV của Đài Truyền hình Việt Nam.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ, uyển ngữ, sức khỏe giới tính

**20.** **Một số mô hình liên kết của nhóm từ nối theo phạm trù khái quát hóa trong văn bản/** Nguyễn Thị Tố Hoa// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 2(294) .- Tr. 37-42.

**Nội dung:** Tìm hiểu đặc điểm liên kết nhóm từ nối theo phạm trù khái quát hóa được thể hiện bằng các mô hình liên kết. Thông qua việc tìm hiểu các mô hình liên kết sẽ cho thấy rõ phạm vi liên kết cũng như vai trò của các từ nối loại này trong văn bản.

**Từ khóa:** Liên kết, văn bản, từ nối khái quát hóa

**21. Nghĩa biểu trưng của thành ngữ, tục ngữ có chứa thành tố Flower và hoa trong tiếng Anh và tiếng Việt**/ Nguyễn Thị Thủy Chung// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 4(296) .- Tr. 54-62.

**Nội dung:** Nhằm tìm hiểu nghĩa biểu trưng của thành ngữ, tục ngữ có chứa thành tố hoa chính là tìm ra tầng nghĩa bóng của thành ngữ, tục ngữ ấy.

**Từ khóa:** Nghĩa biểu trưng, thành ngữ, tục ngữ, thành tố hoa, tiếng Anh, tiếng Việt

**22.** [**Ngôn**](http://stdoc.vista.gov.vn/xemchitiet.aspx?id=245447) **ngữ và giọng điệu trần thuật trong nhật kí chiến tranh**/ Trần Thị Vân// Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 12(574) .- Tr. 23-34.

**Nội dung:** Phân tích những đặc sắc về ngôn ngữ trần thuật và giọng điệu trần thuật trong một số nhật kí chiến tranh thời chống Mĩ, từ đó làm sáng tỏ vị trí và những đóng góp của những thể loại nhật kí chiến tranh trong nền văn học dân tộc.

**Từ khóa:** Nhật kí chiến tranh, văn học hiện đại, ngôn ngữ trần thuật, giọng điệu trần thuật.

**23.** [**Nhóm**](http://stdoc.vista.gov.vn/xemchitiet.aspx?id=245448) **từ ngữ chỉ qua hệ thân thích khảo cứu tư liệu từ điển song ngữ Hán Việt**/ Lã Minh Hằng// Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 11(366) .- Tr. 8-25.

**Nội dung:** Khảo sát nhóm từ chỉ quan hệ thân thích, trên cơ sở đó đối chiếu với các cứ liệu thu thập được từ từ điển tiếng Việt nhằm đưa ra những nhận định giúp bổ khuyết cho vốn từ vựng tiếng Việt hiện đại.

**Từ khóa:** Từ ngữ chỉ quan hệ, song ngữ Hán Việt, Đại Nam quốc ngữ

**24.** **Phương pháp khối liệu và nghiên cứu thử nghiệm bản dịch Tiếng Việt về Marketing/** Nguyễn Thị Hồng Hà// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2019 .- Số 12(292) .- Tr. 82-93.

**Nội dung:** Giới thiệu chi tiết về phương pháp dựa vào khối liệu từ các khái niệm cơ bản, các úng dụng của nó cũng cách xây dựng khối liệu qua một số phần mềm hiện nay. Đồng tời nghiên cứu thử nghiệm trên bản dịch tiếng Việt về Marketing.

**Từ khóa:** Khối liệu, tần suất, marketing, kết hợp, tổ hợp

**25.** **So sánh câu đơn và câu đơn mở rộng trong tiếng Việt và tiếng Anh/** Nguyễn Quang Minh Triết// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 1(293) .- Tr. 27-32.

**Nội dung:** Nghiên cứu về loại câu đơn và mở rộng câu đơn, đồng thời so sánh điểm tương đồng và khác biệt giữa câu đơn tiếng Việt và tiếng Anh.

**Từ khóa:** Câu đơn, câu đơn mở rộng, tiếng Việt, tiếng Anh

**26.** **Sự chuyển vị giữa các tiểu trường từ vựng thuộc nhóm “phát ra âm thanh” trong tiếng Việt/** Đỗ Anh Vũ// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2019 .- Số 12(292) .- Tr. 114-119.

**Nội dung:** Tìm hiểu về trường từ vựng thuộc ý niệm “phát ra âm thanh” trong tiếng Việt, hướng vào hai đối tượng chính là con người và một số loài vật. Các đơn vị này thể hiện sự phát ra âm thanh đặc thù ở mỗi loài.

**Từ khóa:** Âm thanh, con người, động vật, văn chương, ngôn ngữ

**27.** **Sử dụng hoạt động chép chính tả một phần để cải thiện kĩ năng nghe tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất/** Nguyễn Minh Hạnh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 1(293) .- Tr. 38-44.

**Nội dung:** Nghiên cứu và chỉ ra một số cách thức sử dụng hoạt động chép chính tả một phần cải thiện kĩ năng nghe cho sinh viên năm thứ nhất tại Khoa Sư phạm tiếng Anh.

**Từ khóa:** Kỹ năng nghe, chép chính tả một phần

**28. Sự phát triển nghĩa của từ “đầu” trong tiếng Hán và tiếng Việt**/ Phạm Ngọc Hàm, Hoàng Thị Thu Trang// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 4(296) .- Tr. 49-53.

**Nội dung:** Thông qua phân tích sự phát triển nghĩa của từ đầu với tư cách là một từ chỉ bộ phận cơ thể nhằm chứng minh cho vai trò cũng như sự giống và khác nhau của ẩn dụ, hoán dụ trong quá trình phát triển nghĩa của từ trong tiếng Hán và tiếng Việt.

**Từ khóa:** “Đầu”, ẩn dụ, phát triển nghĩa, tiếng Hán, tiếng Việt

**29. Tên thực vật trong tiếng Hán và đặc trưng văn hóa dân tộc**/ Cầm Tú Tải, Vũ Phương Thảo// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 10 (218) .- Tr. 73 - 83.

**Nội dung:** Tiến hành thống kê phân loại và phân tích cơ sở định danh, nội hàm văn hóa của một số tên thực vật trong tiếng Hán.

**Từ khóa:** Tên gọi thực vật, đặc trưng văn hóa, văn hóa Trung Quốc, tiếng Hán.

**30.** **Về đặc điểm của tham thể chủ thể trong cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu/** Nguyễn Mạnh Tiến, Hồ Thị Kim Ánh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 2(294) .- Tr. 16-23.

**Nội dung:** Nghiên cứu về đặc điểm của tham thể chủ thể trong cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu. Về hình thức, ở dạng cơ bản, tham thể chủ thể được biểu hiện bằng danh từ hoặc đại từ không được dẫn nối bởi quan hệ từ chiếm vị trí trước hạt nhân ngữ nghĩa.

**Từ khóa:** Tham thể, tham thể chủ thể, cấu trúc ngữ nghĩa, hạt nhân ngữ nghĩa

**31.** **Vị trí thỗ ngữ Cao Lao Hạ ở tỉnh Quảng Bình trong bức tranh phương ngữ Trung Bộ của Tiếng Việt/** Nguyễn Thị Thủy// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2019 .- Số 12(292) .- Tr. 29-35.

**Nội dung:** Giới thiệu sơ bộ về vị trí thổ ngữ Cao Lao Hạ ở tỉnh Quảng Bình trong bức tranh phương ngữ Trung Bộ của Tiếng Việt. Từ đó đưa ra lí do về sự lựa chọn tiếng địa phương khác để so sánh khi muốn nhận diện đầy đủ về thổ ngữ Cao Lao Hạ của tiếng địa phương Quảng Bình nói riêng cũng như trong phương ngữ Trung Bộ của tiếng Việt nói chung.

**Từ khóa:** Thổ ngữ Cao Lao Hạ, tiếng địa phương, phương ngữ Trung Bộ, tiếng Việt

**32.** **Vốn xã hội trong tục ngữ, ca dao Việt Nam/** Nguyễn Thị Bích Thủy// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 2 .- Tr. 63-69.

**Nội dung:** Nghiên cứu về vốn xã hội trong tục ngữ, ca dao của cha ông xưa góp phần đưa đến cái nhìn đầy đủ về chiều dài phát triển của khái niệm vốn xã hội trong nghiên cứu khoa học xã hội hiện nay.

**Từ khóa:** Ca dao, tục ngữ, vốn xã hội

**33.** **Ý nghĩa có sắc thái tích cực của tục ngữ so sánh tiếng Hàn/** Hoàng Thị Yến// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 3(295) .- Tr. 11-19.

**Nội dung:** Thống kê, phân loại với phương pháp miêu tả phân tích thành tố nghĩa về sử dụng nguồn ngữ liệu là tục ngữ so sánh tiếng Hàn có yếu tố chỉ con giáp.

**Từ khóa:** Tục ngữ so sánh, mười hai con giáp, tiếng Hàn, tục ngữ so sánh tiếng Hàn

**KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**1. Activation of CYP1A1, CYP1B1 and AHRR gene in dioxin-exposed people from Da Nang dioxin hotspot = Sự hoạt hóa của các gene CYP1A1, CYP1B1 và AHRR ở người phơi nhiễm dioxin sống lân cận điểm nóng dioxin Đà Nẵng/** Hoàng Thị Thu Hằng, Đoàn Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Tâm, Chu Hoàng Hà, Nguyễn Trung Nam// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (2) .- Tr. 221-229.

**Nội dung**: Tìm hiểu sự biểu hiện của các gene có thể được kích hoạt bởi AHR và mối tương quan thuận giữa sự cảm ứng của hai gene này và gene ức chế AHR.

**Từ khóa:** AHR, AHRR, biểu hiện gene, CYP1A1, CYP1B1, dioxin, sân bay Đà Nẵng

**2. Aflatoxin – Độc tố nguy hiểm gây ung thư**/ Nguyễn Ngọc Kim Vy// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 12(729) .- Tr.51-52.

**Nội dung**: Cho thấy Aflatoxin là nguyên nhân gây ra 17% các ca ung thư gan. Aflatoxin có nhiều trong các loại ngũ cốc bị mốc như ngô, lạc, sắn… Aflatoxin nguy hiểm không chỉ vì độc tính của nó mà còn vì sự tồn tại dai dẳng (không mất đi khi xử lý ở nhiệt độ 100 độ C).

**Từ khóa**: Aflatoxin, ung thư, ngũ cốc

**3. Biến đổi gen và cấu trúc protein fiber của virut HAdV-3 gây bệnh đau mắt đỏ ở Việt Nam**/ Lê Tuấn Anh, Nguyễn Thị Uyên, Nguyễn Văn Sáng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 2(Tập 62) .- Tr.24-27.

**Nội dung**: Giải trình tự gen mã hóa protein fiber từ các chủng virus phân lập ở Việt Nam và dự đoán biến đổi cấu trúc protein fiber thông qua phần mềm tin sinh học.

**Từ khóa**: Đau mắt đỏ, HAdV-3, protein fiber, thụ thể CD46

**4. Biểu hiện gen mã hóa flavonol synthase phân lập từ chè trung Du xanh (Camellia sinensis var. macrophylla) trong vi khuẩn E. coli/** Hoàng Thị Thu Yến, Vũ Thị Lan, Huỳnh Thị Thu Huệ// Sinh học .- 2020 .- Số 42 (1) .- Tr. 21-29.

**Nội dung**: Trình bày kết quả thiết kế vector và tối ưu biểu hiện FLS tái tổ hợp (recombinant FLS-rFLS).

**Từ khóa:** Chè, chuyển hóa dihydroquercetin, flavonol synthase, FLS tái tổ hợp

**5. Biểu hiện tạm thời gen mã hóa protein ZmLEA14A trên cây thuốc lá Nicotiana benthamiana/** Hà Hồng Hạnh, Lê Thị Thu Hiền, Huỳnh Thị Thu Huệ// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (3) .- Tr. 491-497.

**Nội dung**: Trình bày kết quả chuyển gen ZmLEA14A tạm thời vào cây mô hình thuốc lá nhằm kiểm tra sự hoạt động biểu hiện ra protein của gen ở cả cấu trúc đã thiết kế.

**Từ khóa:** Agro-infiltration, biểu hiện gen, ngô, Nicotiana benthamiana, ZmLEA14A

**6. Các ứng dụng của kỹ thuật lai huỳnh quang tại chỗ (FISH) trong nghiên cứu hệ gen/** Hoàng Thị Như Phương, Huỳnh Thị Thu Huệ, Cao Xuân Hiếu// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (3) .- Tr. 393-410.

**Nội dung**: Sơ lược một số hệ thống giải mã gen và đề cập đến nguyên lý, ứng dụng cũng như vai trò của kỹ thuật FISH trong các nghiên cứu giải mã hệ gen.

**Từ khóa:** Công nghệ giải trình tự gen hiện đại, di truyền tế bào học, hệ gen học, giải mã hệ gen, kỹ thuật lai huỳnh quang tại chỗ

**7. Characterization of the C-type lectin from the marine sponge (Stylissa flexibilis) = Đặc tính của lectin dạng C từ Hải miên (Stylissa flexibilis)/** Lê Đình Hùng, Đinh Thành Trung// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (4) .- Tr. 729-737.

**Nội dung**: Phân tích đặc tính của lectin dạng C từ Hải miên (Stylissa flexibilis).

**Từ khóa:** Stylissa flexibilis, đặc tính liên kết carbohydrat, Hải miên, hoạt tính kháng khuẩn, lectin

**8. Chế tạo và khảo sát độ bền nhiệt của pin mặt trời chất màu nhạy quang**/ Nguyễn Thái Hoàng, Nguyễn Thị Thùy Hương, Huỳnh Lê Thanh Nguyên, Lê Viết Hải// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 3(Tập 62) .- Tr.42-47.

**Nội dung**: Trình bày việc chế tạo và khảo sát độ bền nhiệt của pin mặt trời chất màu nhạy quang. Kết quả cho thấy điện cực quang anod bị suy giảm tính năng thể hiện qua sự tăng tổng trở trên giao diện TiO2/dung dịch điện ly sau 120 giờ phơi nhiệt. Sau 240 giờ phơi nhiệt sự giảm cấp của chất điện ly bắt đầu xảy ra. Thể hiện qua sự tăng điện trở khuếch tán. Sự giảm cấp của dung dịch điện ly còn được chứng minh qua sự phục hồi tính năng của pin khi thay mới dung dịch điện ly vào pin sau 1.000 giờ phơi nhiệt.

**Từ khóa**: Độ bền nhiệt, pin mặt trời chất màu nhạy quang, tổng trở điện hóa

**9. Cloning of sucrose isomerase encoding gene from Klebsiella singaporensis ISB-36 and its expression in Pichia pastoris = Tách dòng gen mã hóa sucrose isomerase từ Klebsiella singaporensis ISB-36 và biểu hiện trên Pichia pastoris/** Cao Xuân Bách, Đặng Thị Kim Anh, Nguyễn Thanh Thủy, Trương Tú Anh, Nguyễn Thị Diệu Linh, Vũ Nguyên Thành// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (4) .- Tr. 749-756.

**Nội dung**: Nghiên cứu về biểu hiện của sucrose isomerase ở Pichia pastoris và kết quả cho thấy sự chuyển hóa hiệu quả của enzyme tái tổ hợp.

**Từ khóa:** Chất ngọt thực phẩm, isomaltulose, Klebsiella, Pichia pastoris, enzyme tái tổ hợp, sucrose isomerase

**10. Đánh giá đa dạng di truyền bằng chỉ thị hình thái và tương quan kiểu hình của các dòng Náng hoa trắng (Crinum asiaticum L.)**/ Nguyễn Văn Tâm, Nhữ Thu Nga, Trịnh Văn Vượng, Phan Thúy Hiền, Trần Ngọc Thanh, Nguyễn Thị Hương, Vũ Đình Hòa// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 12(Tập 61) .- Tr.36-40.

**Nội dung**: Đánh giá đa dạng di truyền bằng chỉ thị hình thái và tương quan kiểu hình của các dòng Náng hoa trắng (*Crinum asiaticum L.*) là bước đánh giá quan trọng, làm tiền đề cho công tác chọn tạo giống sau này.

**Từ khóa**: *Crinum asiaticum*, đa dạng di truyền, Náng hoa trắng, tương quan

**11. Detection of -28(A>G) beta thalassemia mutation using amplification refractory mutation system (ARMS)-PCR = Phát hiện đột biến -28(A>G) gây bệnh beta thalassemia bằng kỹ thuật AMRS-PCR/** Võ Thị Thương Lan, Bùi Thị Thu Anh, Triệu Tiến Sang// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (2) .- Tr. 245-250.

**Nội dung**: Nghiên cứu các cặp mồi của kỹ thuật ARMS\_PCR được thiết kế và điều kiện PCR được tối ưu để phát hiện đột biến -28(A>G) trong 263 bệnh nhân được chẩn đoán β thalassem.

**Từ khóa:** Bệnh thiếu máu beta thalassemia, đột biến -28(A>G), gen beta globin, phản ứng chuỗi trùng hợp đặc hiệu allele ARMS-PCR

**12. Điều chế tro trấu biến tính ứng dụng xử lý [Cu](https://vungoi.vn/cau-hoi-12498)[2+](https://vungoi.vn/cau-hoi-12498)[trong nước](https://vungoi.vn/cau-hoi-12498)**[/ Đặng Kim Tại, Vũ Xuân Hồng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 2(Tập 62) .- Tr.66-69.](https://vungoi.vn/cau-hoi-12498)

**[Nội dung](https://vungoi.vn/cau-hoi-12498)**[: Phân tích cho thấy tro trấu được biến tính bằng phương pháp oxy hóa kết tủa MnSO](https://vungoi.vn/cau-hoi-12498)[4](https://vungoi.vn/cau-hoi-12498) [để ứng dụng xử lý Cu](https://vungoi.vn/cau-hoi-12498)[2+](https://vungoi.vn/cau-hoi-12498) [trong nước.](https://vungoi.vn/cau-hoi-12498)

 **Từ khóa**: Cu2+, động học, đằng đẳng nhiệt hấp thụ, tro trấu

**13. Effect of fluoxetine on the inhibition of adenylate cyclase activity in forskolin – stimulated MLTC-1 leydig cells = Ức chế hoạt động adenylate cyclase bởi fluoxetine trong tế bào leydig MLTC-1 được kích thích bằng forskolin/** Nguyễn Thị Mộng Điệp, Nguyễn Thị Bích Hằng, Nguyễn Lê Công Minh, Trần Thanh Sơn, Nguyễn Thùy Dương// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (4) .- Tr. 595-602.

**Nội dung**: Xác định ảnh hưởng của FLX trong tế bào leydig MLTC-1 đáp ứng AMPc theo chu kỳ nội bào được kích thích bởi forskolin (FSK).

**Từ khóa:** Adenosine monophosphate, AMPK, MLTC-1, fluoxetine, forskolin

**14. Enhanced tolerance to abiotic stresses in transgenic Arabidopsis thaliana plants carrying GmNAC109 gene = Tăng cường khả năng kháng các stress phi sinh học ở cây Arabidopsis thaliana mang gen GmNAC109/** Nguyễn Cao Nguyễn, Nguyễn Thiên Quang, Đoàn Trâm Anh, Hoàng Thị Lan Xuân, Nguyễn Phương Thảo// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (2) .- Tr. 295-302.

**Nội dung**: Đánh giá sơ bộ khả năng chống chịu của cây Arabidopsis thaliana mang gen đậu tương GmNAC109 đối với stress hạn và mặn.

**Từ khóa:** Arabidopsis thaliana, GmNAC109, stress hạn, stress mặn

**15. High-mannose type N-glycan binding specificity of a novel lectin from the red ALGA (Betaphycus gelatinus) = Đặc tính liên kết N- glycan dạng high-mannose của lectin mới từ rong đỏ Betaphycus gelatinus/** Lê Đình Hùng, Lê Thị Đoan Thục// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (4) .- Tr. 709-718.

**Nội dung**: Rong đỏ, Betaphycus gelatinus là một trong những nguồn carrageenan trên thế giới. Lectin BGL được đặt tên theo tên của mẫu rong đã được tách chiết bằng sự kết hợp dịch chiết ethanol, kết tủa ethanol, sắc ký trao đổi ion và sắc ký lọc gel. Lectin thể hiện một dải đơn với khối lượng phân tử khoảng 19.000 Da trong cả hai điều kiện điện di gel polyacrylamide không biến tính và biến tính, chỉ ra rằng lectin tồn tại ở dạng monome.

**Từ khóa:** Betaphycus gelatinus, đặc tính liên kết carbohydrate, lectin, N-glycan dạng high-mannose, rong đỏ

**16. Hoạt tính gây độc tế bào và chống oxy hóa của một số dịch chiết thực vật ở Việt Nam/** Nguyễn Thị Mai Phương, Christin Boger, Ulrike Lindequist// Sinh học .- 2020 .- Số 42 (1) .- Tr. 32-39.

**Nội dung**: Nghiên cứu ảnh hưởng của một số dịch chiết thực vật của Việt Nam có hoạt tính sinh học đã được dùng để chữa bệnh trong dân gian.

**Từ khóa:** Chống oxy hóa, chu kỳ tế bào, dịch chiết thực vật, độc tính tế bào, oxy hoạt động

**17. Hydrocacbon thơm đa vòng (PAHs) trong một số sản phẩm cà phê rang, cà phê hòa tan ở Việt Nam: Hàm lượng và đánh giá rủi ro đến sức khỏe con người**/ Nguyễn Thị Quỳnh, Nguyễn Thúy Ngọc, Trương Thị Kim, Nguyễn Văn Thành, Phan Thị Lan Anh, Dương Hồng Anh, Phạm Hùng Việt// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 3(Tập 62) .- Tr.6-12.

**Nội dung**: Phân tích Hydrocacbon thơm đa vòng (PAHs) trong một số sản phẩm cà phê rang, cà phê hòa tan ở Việt Nam: Hàm lượng và đánh giá rủi ro đến sức khỏe con người. Theo đó, các mẫu cà phê ở Việt Nam có HQ<1 và ILCR<1.10-5, có nghĩa là người tiêu dùng cà phê ở Việt Nam an toàn khi tiếp xúc với PAHs có trong các loại cà phê được phân tích.

**Từ khóa**: Cà phê hòa tan, cà phê rang xay, GC/MS, PAHs

**18. Hydrogen – Nguồn năng lượng của tương lai**/ Nguyễn Quang Huy// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 1+2(730+731) .- Tr.103-105.

**Nội dung**: Trình bày nguồn nhiên liệu của tương lai – Hydrogen, với ưu điểm là có thể tái sinh, thân thiện môi trường, đặc biệt không phát thải gây hiệu ứng nhà kính. Hiện hydrogen (H2) đang được quan tâm nghiên cứu trên thế giới, như một nguồn năng lượng mới, phục vụ nhu cầu năng lượng sạch của con người.

**Từ khóa**: Hydrogen, năng lượng sạch, H2

**19. Identification of CYP2C9, VKORC1 genotypes and recommendation of warfarin dose for Vietnamese cardiov ascular patients = Xác định kiểu gen CYP2C9, VKORC1 và khuyến nghị liều dùng warfarin cho bệnh nhân tim mạch Việt Nam/** Nguyễn Đăng Tôn, Nguyễn Thị Thanh Hoa, Nguyễn Phan Anh, Vũ Phương Nhung, Lê Thị Bích Thảo, Nguyễn Hải Hà// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (4) .- Tr. 589-594.

**Nội dung**: Xác định các kiểu gen của CYP2C9 và VKORC1 trên 96 bệnh nhân bị đau tim hoặc nhồi máu cơ tim tại Việt Nam, từ đó xây dựng phác đồ dùng thuốc warfarin cho các bệnh nhân.

**Từ khóa:** Warfarin, di truyền dược học, gen CYP2C9, gen VKORC1

**20. Isolation and selection of the endophytic actinomycetes with antibiotic activity in traditional medicinal plants in Vietnam = Phân lập và tuyển chịn các chủng xạ khuẩn nội sinh có hoạt tính kháng khuẩn trong một số cây thuốc ở Việt Nam/** Lê Thị Bình, Lê Phụng Hiển, Phạm Thế Hải, Bùi Thị Việt Hà// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (2) .- Tr. 337-346.

**Nội dung**: Phân lập và lựa chọn các chủng xạ khuẩn nội sinh trong 7 cây thuốc cổ truyền Việt Nam nhằm tìm kiếm các chất có hoạt tính kháng khuẩn cao, đặc biệt là các chất có khả năng kháng lại các chủng vi khuẩn kháng kháng sinh.

**Từ khóa:** Xạ khuẩn nội sinh, hoạt tính kháng khuẩn, Streptomyces violaceoruber, chiết xuất thô, kháng sinh

**21. Khả năng sinh H2O2 của các chủng vi khuẩn Lactobacillus phân lập từ hệ vi khuẩn đường ruột của người khỏe mạnh­/** Hà Thị Thu, Hoàng Thế Hưng, Trần Xuân Thạch, Nguyễn Thị Hoa, Lã Thị Lan Anh, Vũ Thị Hiền, Nguyễn Đình Duy, Đồng Văn Quyền, Nguyễn Thị Tuyết Nhung// Sinh học .- 2020 .- Số 42 (1) .- Tr. 83-92.

**Nội dung**: Phân lập, sàng lọc và đánh giá khả năng sinh H2O2 của các chủng vi khuẩn Lactobacillus và kiểm tra khả năng kháng S. aureus của các chủng vi khuẩn này.

**Từ khóa:** Lactobacillus, vi khuẩn đường ruột, muối mật, kháng khuẩn, H2O2

**22. Khai thác và chọn gen mã hóa chitinase từ nguồn dữ liệu DNA metagenome/** Nguyễn Thị Thơm, Nguyễn Thị Hồng Hà, Phạm Bích Ngọc, Chu Hoàng Hà, Hồ Bích Hải, Lê Mai Hương// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (3) .- Tr. 553-560.

**Nội dung**: Đánh giá sự có mặt của gen chitinase trong đất vùng rễ của cây cà phê thông qua kĩ thuật metagenomics.

**Từ khóa:** Chitinase, DNA metagenome, E. coli, gen mới, tái tổ hợp

**23. Labeling efficiency of Tb3+ conjugated CD133 monoclonal antibody nanocomplex targeting in vitro metastatic cancer cells = Hiệu quả đánh dấu hướng đích in vitro tế bào ung thư gây di căn của phức hợp vật liệu nano từ Tb3+ liên kết với kháng thể đơn dòng kháng CD133/** Lê Nhật Minh, Võ Trọng Nhân, Trần Thu Hương, Nguyễn Thị Nga, Lê Trí Viễn, Phùng Thị Kim Huệ// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (3) .- Tr. 435-440.

**Nội dung**: Phức hợp ET2 phát quang hướng đích CSCs đã được tạo ra nhờ sự tổ hợp thanh nano ion đất hiếm Tb3+  được bọc silica, hóa hóa bằng –NH2 với kháng thể đơn dòng kháng CD133 một dấu ấn bề mặt đặc trưng của CSCs.

**Từ khóa:** Tế bào gốc ung thư, kháng thể đơn dòng CD133, phức hệ nano phát quang ET2, CCD-18CO, NTERA-2, Ion Tb3+

**24. Lựa chọn điều kiện tinh chế endodlucanase tái tổ hợp có nguồn gốc từ vi khuẩn dạ cỏ dê ở tế bào Escherichia coli/** Nguyễn Thị Quý, Nguyễn Hồng Dương, Đào Trọng Khoa, Nguyễn Khánh Hoàng Việt, Nguyễn Khánh Hải, Trương Nam Hải, Đỗ Thị Huyền// Sinh học .- 2020 .- Số 42 (1) .- Tr. 74-81.

**Nội dung**: Trình bày kết quả của việc lựa chọn các điều kiện tinh chế enzyme endoglucanase tái tổ hợp có nguồn gốc từ vi khuẩn sống trong dạ cỏ dê đã được biểu hiện thành công ở tế bào Escherichia coli Rosetta2 (DE3).

**Từ khóa:** Escherichia coli Rosetta2, endodlucanase tái tổ hợp, vòng thủy phân cơ chất, tinh sạch protein

**25. Metagenomic analysis of bacterial diversity in two types of microbial fuel cells = Nghiên cứu sự đa dạng vi khuẩn ở hai dạng pin vi sinh sử dụng phương pháp phân tích metagenomic/** Trần Thị Thanh Huyền, Phạm Thế Hải// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (2) .- Tr. 387-392.

**Nội dung**: Sự đa dạng của vi khuẩn trong hai loại MFC (dạng cảm biến BOD – H1 và dạng cảm biến độc tính – E2) được tìm hiểu thông qua phân tích các gen 16S rRNA trong các metagenome tương ứng.

**Từ khóa:** Đa dạng vi khuẩn, quần xã vi sinh vật, pin vi sinh, metagenome, 16S rRNA

**26. Microencapsulation of Lactobacillus fermentum 39-183 by spray drying in the presence of prebiotics = Vi gói vi khuẩn Lactobacillus fermentum 39-183 và các prebiotics bằng phương pháp sấy phun/** Nguyễn Thị Mỹ Lệ, Nguyễn Thúy Hương// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (2) .- Tr. 329-336.

**Nội dung**: Đánh giá ảnh hưởng của các prebiotic đến sự phát triển của vi khuẩn Lactobacillus fermentum 39-183 và hiệu quả bảo vệ của các prebiotic trong quá trình vi gói và bảo quản.

**Từ khóa:** Lactobacillus fermentum, prebiotics, sấy phun, vi gói

**27. Modified techniques in quantification of intracellular Listeria monocytogenes in vitro infection = Kỹ thuật cải biến trong định lượng nhiễm vi khuẩn Listeria monocytogenes nội bào in vitro/** Trần Thanh Thảo, Nguyễn Thị Hà// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (4) .- Tr. 767-774.

**Nội dung**: Đánh giá những tồn tại nhằm cải thiện các phương pháp hiện hành trong định lượng vi khuẩn nội bàoListeria monocytogenes. Xác định thời gian đề Listeria monocytogenes bị thực bào sẽ tùy vào loại tế bào chủ.

**Từ khóa:** Đại thực bào, đơn vị khuẩn lạc, Listeria monocytogenes, nội bào, vi khuẩn

**28. Một số bộ dữ liệu kiểm thử phổ biến cho phát hiện xâm nhập mạng và đặc tính phân cụm**/ Bùi Công Thành, Nguyễn Quang Uy, Hoàng Minh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 1(Tập 62) .- Tr.1-7.

**Nội dung**: Phân tích đặc điểm của các tập dữ liệu kiểm thử phổ biến. Đồng thời, tiến hành thực nghiệm để đánh giá tính phân cụm, xác định số cụm tối ưu mà một bộ dữ liệu được chia ra.

**Từ khóa**: Bộ dữ liệu, hệ thống phát hiện xâm nhập, K-Means

**29. Nghiên cứu áp dụng phương pháp điện di trên gel gradient biến tính để kiểm định thành phần vi khuẩn nhằm phát triển quy trình mới trong đánh giá chất lượng chế phẩm men vi sinh/** Trần Mỹ Hạnh, Cao Thị Dung, Trần Thị Thanh Huyền, Phạm Thế Hải// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (3) .- Tr. 577-588.

**Nội dung**: Tìm hiểu khả năng ứng dụng phương pháp DGGE trong việc đánh giá các chế phẩm vi sinh.

**Từ khóa:** 16S rDNA, điện di trên gel gradient biến tính, men vi sinh, phân lập vi sinh vật, tách chieeys DNA

**30. Nghiên cứu chuyển gen tạo rễ tơ cây xáo tam phân (*Paramignya trimera*) thông qua *Agrobacterium rhizogenes* K599**/ Phí Thị Cẩm Miện, Nguyễn Minh Đức, Kim Anh Tuấn, Nguyễn Đức Bách, Phạm Bích Ngọc, Chu Hoàng Hà, Lê Thị Vân Anh, Dương Phương Thảo// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 2(Tập 62) .- Tr.59-64.

**Nội dung**: Nhằm cảm ứng tạo rễ tơ cây xáo tam phân (*Paramignya trimera*) nhờ vi khuẩn *Agrobacterium rhizogenes* K599 và khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng sinh khối rễ tơ.

**Từ khóa**: *Agrobacterium rhizogenes*, nhân nhanh, phytohormon, rễ tơ

**31. Nghiên cứu đa hình gen CYP3A5 ở người Kinh Việt Nam/** Vũ Phương Nhung, Nguyễn Đăng Tôn, Nguyễn Hải Hà// Sinh học .- 2020 .- Số 42 (1) .- Tr. 111-123.

**Nội dung**: Sử dụng phương pháp giải trình tự trực tiếp để xác định các biến thể quan trọng của gen CYP3A5 bao gồm \*3, \*6, \*8 và \*9 trên 100 người Kinh khỏe mạnh.

**Từ khóa:** CYP3A5, biến thể di truyền, chuyển hóa thuốc, tacrolimus

**32. Nghiên cứu khả năng đánh dấu tế bào ung thư đại trực tràng (HT-29) của tổ hợp vật liệu nano chứa ion đất hiếm Tb3+ với kháng thể kháng CD133/** Lê Nhật Minh, Võ Trọng Nhân, Nguyễn Thị Nga, Trần Thu Hương, Phùng Thị Kim Huệ, Đỗ Thị Thảo// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (3) .- Tr. 427-433.

**Nội dung**: Đánh giá khả năng đánh dấu tế bào ung thư đại trực tràng và khả năng phát quang của vật liệu nano chứa ion Tb3+ trong điều kiện in vitro.

**Từ khóa:** CD133, tế bào ung thư gốc ung thư (CSCs), ung thư đại trực tràng, HT-29, nano đất hiếm, TbPO4

**33. Nghiên cứu tạo sợi polystyrene bằng phương pháp kéo sợi ly tâm (centrifugal spinning)**/ Nguyễn Kim Diện, Phạm Ngọc Sinh, Huỳnh Đại Phú// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 2(Tập 62) .- Tr.50-53.

**Nội dung**: Trình bày sự ảnh hưởng của nồng độ polymer, dung môi và tốc độ ly tâm đến hình dạng và tính chất sợi thu được đã được đánh giá dựa trên sự phân bố màng sợi và hình thái của sợi PS tạo thành, được quan sát dưới kính hiển vi điện tử quét (SEM). Kết quả cho thấy, kéo sợi ly tâm là một kỹ thuật hiệu quả để chế tạo sợi từ dung dịch polymer.

**Từ khóa**: Nồng độ polymer, phương pháp centrifugal spinning, sợi polystyrene, tốc độ ly tâm

**34. Nghiên cứu ứng dụng dịch chiết có hoạt tính sinh học từ gừng (*Zingiber officinale*), riềng (*Alpinia officinarum*) để bảo quản tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*)**/ Phan Thanh Tâm, Nguyễn Mạnh Cường// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 12(Tập 61) .- Tr.51-55.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu bảo quản riêng rẽ tôm thẻ chân trắng sau thu hoạch bằng các phụ gia an toàn cũng như bằng dịch chiết gừng, riềng kết hợp với phụ gia.

**Từ khóa**: Chống oxy hóa, gừng, hoạt tính kháng khuẩn, phụ gia bảo quản, riềng, tôm thẻ chân trắng

**35. Nhận dạng khuôn mặt trong video bằng mạng nơ ron tích chập**/ Đoàn Hồng Quang, Lê Hồng Minh, Thái Doãn Nguyên// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 2(Tập 62) .- Tr.8-12.

**Nội dung**: Nghiên cứu mạng nơ ron tích chập (CNN – Convolutional Neural Network) là một trong những mô hình Deep Learning tiên tiến cho bài toán nhận dạng khuôn mặt từ video.

**Từ khóa**: Mạng nơ ron học sâu, mạng nơ ron tích chập, nhận dạng khuôn mặt

**36. Optimization of medium composition for enhancing chitinase production of Paecilomyces sp. P1 strain by using response surface methodology = Tối ưu hóa môi trường lên men sinh tổng hợp chitinase từ nấm diệt tuyến trùng Paecilomyces sp. P1 bằng phương pháp đáp ứng bề mặt/** Chu Thanh Bình, Trần Văn Tuấn, Bùi Thị Việt Hà// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (2) .- Tr. 319-328.

**Nội dung**: Tối ưu hóa môi trường lên men nhằm thu hàm lượng chitinase cao nhất bằng cách sử dụng thiết kế thí nghiệm Plackett-Burman để kiểm tra mức độ ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau lên hàm lượng chitinase.

**Từ khóa:** Hoạt tính chitinase, Paecilomyces sp. P1,Plackett-Burman, RSM, CCD

**37. Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn acetic chịu nhiệt từ hạt ca cao lên men**/ Huỳnh Xuân Phong, Nguyễn Minh Tiến, Nguyễn Ngọc Thạnh, Toshiharu Yakushi, Kazunobu Matsushita, Ngô Thị Phương Dung, Bùi Hoàng Đăng Long// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 3(Tập 62) .- Tr.54-59.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mục đích phân lập và tuyển chọn vi khuẩn acetic có khả năng chịu nhiệt và lên men từ ca cao.

**Từ khóa**: Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn acetic chịu nhiệt

**38. Phân tích dạng tồn tại của kẽm trong mẫu nấm men/** Nguyễn Thị Trang, Nguyễn Thị Minh Khang, Lê Đức Mạnh, Vũ Kim Thoa, Chu Đình Bính, Phạm Thị Lan Anh// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (3) .- Tr. 519-525.

**Nội dung**: Hợp chất kẽm hữu cơ, vô cơ trong nấm men được tách pha trên nhựa D101 và định lượng bằng phổ khối phổ plasma cảm ứng (ICP-MS).

**Từ khóa:** Hợp chất kẽm, HPLC-ICP-MS, kẽm hữu cơ, nấm men kẽm, nhựa D101

**39. Phân tích phương pháp thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa theo Superpave và một số kết quả nghiên cứu thực nghiệm**/ Lưu Ngọc Lâm, Nguyễn Quang Phúc// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 3(Tập 62) .- Tr.26-30.

**Nội dung**: Phân tích phương pháp thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa theo Superpave và một số kết quả nghiên cứu thực nghiệm trong phòng tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa, Marshall, nhựa đường PG, Superpave, thiết kế hỗn hợp

**40. Phát hiện đột biến mới trên gen NPR2 và ứng dụng trong chuẩn hóa tiền làm tổ bệnh AMDM**/ Cao Hà My// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 1+2(730+731) .- Tr.64-66.

**Nội dung**: Trình bày phát hiện đột biến mới trên gen NPR2 và ứng dụng trong chẩn đoán tiền làm tổ bệnh AMDM. AMDM là bệnh lý di truyền đơn gen hiếm gặp gây ra bởi đột biến gen lặn trên nhiễm sắc thể thường, dẫn đến kiểu hình thấp lùn và bất thường phát triển xương tại các vị trí cẳng tay, cẳng chân và bàn tay, bàn chân. Kết quả nghiên cứu đã góp phần quan trọng vào chẩn đoán tiền làm tổ bệnh AMDM.

**Từ khóa**: Đột biến mới trên gen NPR2, AMDM, đột biến gen lặn

**41. Physiological and molecular comparative analysis of two contrasting rice varieties under jasmonic acid treatment = Phân tích so sánh về biểu hiện sinh lý và phân tử của hai giống lúa có kiểu hình tương phản với đáp ứng jasmonic acid/** Tô Thị Mai Hương, Mai Thị Phương Nga, Ngô Minh Anh, Nguyễn Huyền Ngân, Kiều Thị Hạnh, Nguyễn Thị Trang, Vũ Thị Thu Hiền, Trần Đăng Khánh, Lê Thị Vân Anh, Nguyễn Tràng Hiếu, Antony Champion// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (4) .- Tr. 663-672.

**Nội dung**: Trình bày sự khác nhau trong phản ứng với JA của hai giống lúa trái ngược đồng thời chỉ ra mối liên quan giữa phản ứng với JA và chống chịu với điều kiện môi trường thiếu phốt phát ở lúa.

**Từ khóa:** Stress phi sinh học, axit jasmonic (JA), các gene đáp ứng với JA, thiếu phosphate, lúa (oryza sativa L.)

**42. Regulation of inflammatory response by A20 through STAT-1 signalling in dendritic cells = Vai trò điều hòa phản ứng viêm của A20 thông qua tín hiệu STAT-1 trong tế bào tua/** Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Thu Thủy// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (2) .- Tr. 239-244.

**Nội dung**: Trình bày về vai trò điều hòa phản ứng viêm của A20 thông qua tín hiệu STAT-1 trong tế bào tua

**Từ khóa:** Cytokine, LPS, STAT-1, tế bào tua.

**43. Synthesis and expression of NS1 protein of a Zika virus strain isolated in Vietnam in Escherichia coli = Tổng hợp và biểu hiện protein NS1 từ chủng Zika virus phân lập tại Việt Nam trong Escherichia coli/** Lê Thị Thu Hằng, Trần Khánh Linh, Lê Quang Hòa, Nguyễn Thị Hồng Minh, Phạm Hoàng Nam, Nguyễn Quang Huy, Đồng Văn Quyền// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (2) .- Tr. 369-375.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm sản xuất protein NS1 tái tổ hợp ở Escherichia coli.

**Từ khóa:** Đông Nam Á, Escherichia coli, protein NS1, Zika virus, tinh sạch

**44. The paraffin embedding technique in the study of plant histology = Phương pháp cố định mẫu trong paraffin phục vụ nghiên cứu giải phẫu hình thái thực vật/** Hoàng Thanh Tùng, Edward C Yeung, Lê Kim Cương, Dương Tân Nhựt// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (2) .- Tr. 197-212.

**Nội dung**: Cung cấp một quy trình chi tiết về phương pháp cố định mẫu trong paraffin để khuyến khích việc sử dụng nó, đặc biệt là ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Cắt bằng microtome, cố định mẫu trong paraffin, khử nước, nhuộm

**45. The regulatory role of peripheral blood mononuclear cell function by A20 = Vai trò điều hòa chức năng tế bào đơn nhân máu ngoại vi của A20/** Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Huy Hoàng// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (4) .- Tr. 603-609.

**Nội dung**: Phân tích ảnh hưởng của A20 đến kiểu hình miễn dịch, sự giải phóng các cytokine viêm, sự di cư và sự chết apoptosis trong tế bào PBMC.

**Từ khóa:** A20, apoptosis, cytokine, tế bào đơn nhân máu ngoại vi.

**46. Tính chất điện hóa của điện cực** [**Fe2O3**](https://phuongtrinhhoahoc.com/phuong-trinh/CO%2BFe2O3/Fe%2BCO2)**/Au trong dung dịch kiềm**/ Vũ Mạnh Thuần, Doãn Hà Thắng, Bùi Thị Hằng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 2(Tập 62) .- Tr.13-16.

**Nội dung**: Đánh giá vai trò chất phụ gia của nano vàng trong điện cực sắt, thép đo quét thế tuần hoàn (CV) đã được thực hiện trên các điện cực [Fe2O3](https://phuongtrinhhoahoc.com/phuong-trinh/CO%2BFe2O3/Fe%2BCO2)/Au và [Fe2O3](https://phuongtrinhhoahoc.com/phuong-trinh/CO%2BFe2O3/Fe%2BCO2)/Au/AB (AB – acetylene black) sử dụng lượng nano vàng khác nhau.

**Từ khóa**: Điện cực [Fe2O3](https://phuongtrinhhoahoc.com/phuong-trinh/CO%2BFe2O3/Fe%2BCO2)/Au/AB, nano vàng, pin sắt – khí, vật liệu [Fe2O3](https://phuongtrinhhoahoc.com/phuong-trinh/CO%2BFe2O3/Fe%2BCO2)/Au

**47. Ứng dụng công nghệ hiện đại bảo tồn và phát triển các nguồn gen bản địa quý hiếm**/ Nguyễn Bá Tư, Phạm Trường Duy, Ohạm Minh Chiến, Phạm Quốc Định, Bùi Hồng Thủy, Nguyễn Văn Thuận// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 4(733) .- Tr.34-37.

**Nội dung**: Trình bày một số ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại như tái biệt hóa tế bào, tế bào gốc và công nghệ sinh học sinh sản hiện đại cần thực hiện để góp phần bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen động vật bản địa quý hiếm của Việt Nam bền vững và có hiệu quả hơn.

**Từ khóa**: Công nghệ hiện đại, nguồn gen bản địa, động vật bản địa

**48. Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử và kỹ thuật laser quang đông trong điều trị hội chứng truyền máu song thai và dải xơ buồng ối**/ Nguyễn Thị Sim// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 3(732) .- Tr.35-37.

**Nội dung**: Trình bày ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử và kỹ thuật laser quang đông trong điều trị hội chứng tuyền máu song thai và dải xơ buồng ối. Năm 2019 là lần đầu tiên các nhà khoa học thực hiện thành công phẫu thuật can thiệp bào thai điều trị hội chứng song thai.

**Từ khóa**: Kỹ thuật sinh học phân tử, kỹ thuật laser quang đông, hội chứng truyền máu song thai, dải xơ buồng ối

**49. Vật liệu mới làm từ tơ nhện và gỗ có thể thay thế nhựa**/ Lê Cao Chiến// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 3(732) .- Tr.63-64.

**Nội dung**: Trình bày việc nghiên cứu tạo ra vật liệu làm từ tơ nhện và gỗ có thể thay thế nhựa nhưng lại có khả năng phân hủy sinh học, thân thiện với môi trường.

**Từ khóa**: Vật liệu từ tơ nhện và gỗ, phân hủy sinh học, môi trường

**50. Vật liệu nano trong phòng chống dịch bệnh: Hiệu quả và độc tính**/ Phạm Đức Hùng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 3(732) .- Tr.49-51.

**Nội dung**: Phân tích việc sử dụng vật liệu nano trong phòng chống dịch bệnh, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 đang có diễn biến phức tạp nên việc sử dụng tràn lan các sản phẩm có chứa nano bạc như nước rửa tay, bình xịt,… liệu có khả năng trị được vi rút và có an toàn khi sử dụng?.

**Từ khóa**: Vật liệu nano, phòng chống dịch bệnh, vi rút

**51. Xử lý đồng thời COD, Nitơ, Photpho trong nước thải bằng công nghệ SBR**/ Tăng Thế Cường// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 1+2 (327 + 328) .- Tr. 94 - 96.

**Nội dung:** Ứng dụng công nghệ bể SBR sử dụng bùn hoạt tính dạng hạt trong điều kiện nhiệt độ môi trường ở Hà Nội 28 ±30C. Kết quả cho thấy, việc điều chỉnh thời gian tăng theo hướng giảm dần là cần thiết để hạt bùn có thể thích nghi với môi trường trước khi được lựa chọn bằng việc rút ngắn thời gian lắng.

**Từ khóa:** Nitơ, Photpho, nước thải, công nghệ bể SBR.

**KHOA HỌC SỨC KHỎE**

**1. Aflatoxin – Độc tố nguy hiểm gây ung thư gan**/ Nguyễn Ngọc Kim Vy// Khoa học & Công nghệ Việt Nam .- 2019 .- Số 12 (729) .- Tr. 51 - 52.

**Nội dung:** Một nghiên cứu dịch tễ học, tổng hợp số liệu từ 17 nghiên cứu khác nhau được thực hiện ở Trung Quốc, Đài Loan và khu vực phái nam châu Phi cho thấy, Aflatoxin là nguyên nhân gây ra 17% các ca ung thư gan. Aflatoxin có nhiều trong các loại ngũ cốc bị mốc nhu ngô, lạc, sắn… Aflatoxin nguy hiểm không chỉ vì độc tính của nó mà còn vì sự tồn tại dai dẳng (không mất đi khi xử lý ở nhiệt độ 1000C).

**Từ khóa:** Aflatoxin, độc tố nguy hiểm, ung thư gan

**2. Bệnh whitmore: Hiểu đúng để phòng và điều trị hiệu quả/** Trịnh Thành Trung// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 1+2(730+731) .- Tr.106-108.

**Nội dung:** Trình bày nguy hiểm của bệnh whitmore, một loại bệnh truyền nhiễm do loài vi khuẩn Burkholderia pseudomallei gây nên. Whitmore có triệu chứng lâm sàng đa dạng, tiến triển nhanh và có thể gây tử vong nhanh với tỷ lệ cao nếu bệnh nhân không được chẩn đoán đúng và điều trị kịp thời với kháng sinh phù hợp.

**Từ khóa:** Bệnh whitmore, bệnh truyền nhiễm, vi khuẩn Burkholderia pseudomallei

**3. Bước đầu khảo sát xây dựng quy trình bào chế emugel alpha arbutin 1%/** Trần Thị Hải Yến, Khin Kosol, Nguyễn Thị Thanh Duyên, Vũ Thị Thu Giang// Dược học .- 2020 .- Số 5 (số 529 năm 60) .- Tr. 11-15.

**Nội dung**: Khảo sát xây dựng quy trình bào chế emugel alpha arbutin 1% ở quy mô phòng thí nghiệm.

**Từ khóa:** Emugel, nhũ tương, gel, bào chế

**4. Các hợp chất terpen phân lập từ loài sầu đau cứt chuột (Brucea javanica (L.) Merr.)/** Lê Quốc Khánh, Lê Hồng Phúc, Võ Đức Nhân, Đỗ Quốc Dũng, Bùi Thu Hà, Lê Nguyễn Thành// Dược học .- 2020 .- Số 3 (số 527 năm 60) .- Tr. 50-53.

**Nội dung**: Trình bày cách phân lập và xác định cấu trúc của 5 hợp chất terpen bao gồm: β-caryophyllen oxid, brucojavan 2, brucojavan 3, (+)-dehydrovomifoliol và cucumegastigman I từ mẫu lá và cành nhỏ cây sầu đâu cứt chuột.

**Từ khóa:** Brucea javanica, hợp chất terpen, cây sầu đau cứt chuột

**5. Chảy nước mũi : thông tin dành cho bệnh nhân/** Lương Anh Tùng// Dược và mỹ phẩm .- 2020 .- Số 112 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Nghẹt mũi và chảy nước mũi là các tình trạng thường gặp và có thể xuất hiện quanh năm vì nhiều lý do khác nhau. Đây là bệnh lý nhẹ, thường có thể xử trí tại nhà bằng các biện pháp không dùng thuốc. Tuy nhiên, một số trường hợp cần sử dụng thuốc để điều trị.

**Từ khóa:** Chảy nước mũi, nghẹt mũi, điều trị

**6. Chế độ ăn giàu protein có thể gây hại cho thận ở người khỏe mạnh/** Trần Ngọc Thịnh// Dược và mỹ phẩm .- 2020 .- Số 112 .- Tr. 28-31.

**Nội dung**: Một chế độ ăn giàu protein thường được khuyến cáo là cách giảm cân, nhất là giúp tăng cơ ở những người tập gym. Tuy nhiên, hai nghiên cứu mới gần đây chỉ ra rằng chế độ ăn giàu protein có thể gây hại cho thận, ngay cả ở những người có chức năng thận bình thường.

**Từ khóa:** Chế độ ăn giàu protein, bệnh thận,người khỏe mạnh

**7. Chế độ mỹ phẩm sử dụng thành phần có nguồn gốc thiên nhiên/** Nguyễn Văn Long// Dược và mỹ phẩm .- 2020 .- Số 112 .- Tr. 34-39.

**Nội dung**: Trình bày một số dược liệu sử dụng trong thành phần chế phẩm mỹ phẩm: lô hội, dương cam cúc, bạch quả, rau má, chè xanh, tảo đỏ, cam thảo bắc, xoài, oliu, hương thảo, đậu tương, tảo, nghệ vàng, cà chua, nhân sâm.

**Từ khóa:** Chế độ mỹ phẩm, nguồn gốc thiên nhiên

**8. Đánh giá an toàn và tác dụng của bài thuốc ST2 trong điều trị sỏi tiết niệu/** Vũ Nam, Nguyễn Trọng Ninh// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 61 (1) .- Tr. 26-36.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng của bài thuốc ST2 trong điều trị sỏi tiết niệu. Khảo sát tác dụng không mong muốn của bài thuốc.

**Từ khóa:** Bài thuốc ST2, sỏi tiết niệu

**9. Đánh giá hiệu quả điều trị hội chứng rối loạn lipid máu thể tỳ hưu đàm thấp của bài thuốc Vị linh thang/** Dương Hồng Quân, Nguyễn Thị Thu Hà// Nghiên cứu YDHCT Việt Nam .- 2019 .- Số 62 .- Tr. 77-85.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng điều trị rối loạn lipid máu thể tỳ hưu đàm thấp của bài thuốc Vị linh thang.

**Từ khóa:** Rối loạn lipid máu, tỳ hưu đàm thấp, Vị linh thang

**10. Đánh giá hiệu quả giảm đau bằng phương pháp nhĩ châm ở các huyệt tử cung, nội tiết, giao cảm, gan, bụng trên bệnh nhân đau bụng kinh**/ Ngô Thị Hiếu Hằng, Bùi Phạm Minh Mẫn, Trịnh Thị Diệu Thường// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 12(Tập 61) .- Tr.5-8.

**Nội dung**: So sánh sự thay đổi của thang điểm VAS (visual analog scale) và thời gian ĐBK trước và sau khi nhĩ châm ở sinh viên nữ bị ĐBK.

**Từ khóa**: Đau bụng kinh, nhĩ châm, sinh viên nữ, thang điểm VAS

**11. Đánh giá hiệu quả phục hồi chức năng vận động của phương pháp điện châm kết hợp thuốc Bổ dương hoàn ngũ thang trên bệnh nhân nhồi máu não/** Vương Thị Kim Chi, Lê Thị Hoài Như// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 61 (1) .- Tr. 78-88.

**Nội dung**: Đánh giá hiệu quả điều trị phục hồi chức năng vận động của phương pháp điện châm kết hợp thuốc Bổ dương hoàn ngũ thang trên bệnh nhân nhồi máu não.

**Từ khóa:** Nhồi máu não, thang điểm Orgogozo, Bổ dương hoàn ngũ thang

**12. Đánh giá kết quả cải thiện các triệu chứng thận âm hư và phục hồi vận động trên bệnh nhân đột quỵ sau 3 tháng của phác đồ phối hợp châm cứu cải tiến, vật lý trị liệu, Bổ dương hoàn ngũ thang và Lục vị**/ Nguyễn Văn Tùng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 2(Tập 62) .- Tr.14-21.

**Nội dung**: Nhằm mục tiêu trả lời câu hỏi: nếu sử dụng bài thuốc Lục vị phối hợp với châm cứu cải tiến + vật lý trị liệu + Bổ dương hoàn ngũ thang thì mức độ cải thiện các triệu chứng TAH như thế nào, qua đó có làm tăng hiệu quả phục hồi vận động trên bệnh nhân ĐQ đến trễ sau 3 tháng thuộc hội chứng này hay không?.

**Từ khóa**: Bổ dương hoàn ngũ thang, châm cứu cải tiến, Lục vị, test khéo tay, thang điểm Barthel, thời gian đi bộ 10 m, vật lý trị liệu

**13. Đánh giá nhĩ lượng của bệnh nhân khe hở vòm miệng bị viêm tai giữa ứ dịch**/ Khiếu Hữu Thanh, Nguyễn Đinh Phúc, Lương Thị Minh Hương// Khoa học & Công nghệ Việt Nam .- 2019 .- Số 61 (12) .- Tr. 1-4.

**Nội dung:** Phân tích đặc điểm nhĩ lượng của bệnh nhân khe hở vòm miệng bị viêm tai giữa ứ dịch.

**Từ khóa:** Khe hở vòm miệng, nhĩ lượng đồ, viêm tai giữa ứ dịch

**14. Định lượng đồng thời atorvastatin, amlodipin và perindopril arginin bằng phương pháp HPLC/** Đặng Vy Thảo, Nguyễn Đức Tuấn// Dược học .- 2020 .- Số 1 (số 525 năm 60) .- Tr. 31-37.

**Nội dung**: Xây dựngquy trình định lượng đồng thời atorvastatin, amlodipin và perindopril arginin bằng phương pháp kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao, đáp ứng yêu cầu của một quy trình định lượng trong kiểm nghiệm thuốc.

**Từ khóa:** Atorvastatin, amlodipin, perindopril arginin, phương pháp kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao

**15. Dự đoán của hệ thống Cleveland Clinic về top 10 tiến bộ y khoa cho năm 2020/** Nguyễn Hải Đăng// Dược & Mỹ phẩm .- 2019 .- Số 12 (số 109) .- Tr. 60-65.

**Nội dung**: Trình bày 10 tiến bộ y khoa trong năm 2020: thuốc loãng xương tác dụng kép, tăng cường ứng dụng kỹ thuật xâm lấn tối thiểu trong can thiệp sửa van hai lá qua đường ống thông, thuốc mới được phê duyệt điều trị bệnh lắng đọng transthyretin amyloid cơ tim, trị liệu cho dị ứng đậu phộng, kích thích tủy sống chu kỳ đóng trong điều trị đau mạn tính, công nghệ sinh học trong phẫu thuật chỉnh hình, kháng sinh bao phủ tại chỗ ngăn ngừa nhiễm trùng các thiết bị cấy ghép hỗ trợ tim, axit bempedoic giúp giảm cholesterol ở bệnh nhân không dung nạp statin, thuốc ức chế PARP – điều trị duy trì trong ung thư buồng trứng, hứa hẹn trong điều trị suy tim phân suất tống máu bảo tồn.

**Từ khóa:** Cleveland Clinic, y khoa

**16. Giá trị làm thuốc của các loài thuộc chi Berberis L. (họ Berberidaceae) ở Việt Nam/** Ngô Đức Phương, Nguyễn Trung Thành, Nguyễn Văn Tập, Bùi Văn Thanh// Dược học .- 2020 .- Số 1 (số 525 năm 60) .- Tr. 70-72.

**Nội dung**: Trình bày công dụng làm thuốc của các loài thuộc chi Berberis hiện có ở Việt Nam được cập nhật từ trước tới nay.

**Từ khóa:** Y học cổ truyền, họ Berberis, thuốc, công dụng

**17. Kết quả bước đầu ứng dụng quy trình chẩn đoán di truyền trước chuyển phôi bệnh teo cơ tủy tại Học viện Quân y**/ Nguyễn Đình Tảo, Nguyễn Thị Thanh Nga, Trần Văn Khoa, Nguyễn Thị Hồng Vân, Triệu Tiến Sang, Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Ngọc Khánh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 2(Tập 62) .- Tr.6-9.

**Nội dung**: Từ tháng 2/2015 đến 11/2019, Học viện Quân y đã nghiên cứu xây dựng và áp dụng thành công quy trình chẩn đoán di truyền trước chuyển phôi bệnh teo cơ tủy. Nghiên cứu bước đầu ứng dụng quy trình này được thực hiện trên 6 cặp gia đình mang đột biến mất đồng hợp exon 7 gen SMNt gây bệnh SMA. Máu ngoại vi bố, mẹ được tách AND, sinh thiết 1-2 tế bào từ các phôi thụ tinh trong ống nghiệm phát triển đến ngày 3 hoặc ngày 5 của các cặp gia đình này, nhân toàn bộ gen các mẫu phôi sinh thiết, phát hiện đột biến gây bệnh trên máu bố mẹ và phôi bằng phương pháp PCR-RFLP, chọn phôi lành chuyển vào người mẹ để sinh ra trẻ khỏe mạnh.

**Từ khóa**: Bệnh teo cơ tủy, chẩn đoán trước chuyển phôi, mất đồng hợp exon 7 gen SMBt, tê bào phổi

**18. Khảo sát in vitro hoạt tính kháng oxy hóa và độc tế bào trên dòng tế bào ung thư gan HepG2 của cây hồng quân (Flacourtia rukam Zoll. et Mor.)/** Thái Thị Cẩm, Đỗ Thị Hồng Tươi, Huỳnh Ngọc Thụy// Dược học .- 2020 .- Số 3 (số 527 năm 60) .- Tr. 64-66.

**Nội dung**: Khảo sát hoạt tính chống oxy hóa in vitro và khảo sát tác dụng độc tế bào trên dòng tế bào ung thư gan HepG2 của cao chiết thân cây hồng quân loài Flacourtia rukam ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Flacourtia rukam, cây hồng quân, tế bào ung thư gan HepG2, chất chống oxy hóa

**19. Kỹ thuật mới CRISPR mang lại tiềm năng chữa hầu hết các bệnh về di truyền?/** Nguyễn Mạnh Hùng// Dược & Mỹ phẩm .- 2020 .- Số 110+111 .- Tr. 22-24.

**Nội dung**: CRISPR đóng vai trò quan trọng tạo thành cơ sở cho công nghệ sinh học CRISPR/CAS 9 rất hiệu quả trong việc chỉnh sửa gen ở các sinh vật. CRISPR đem đến một tiềm năng to lớn trong việc chữa lành các bệnh liên quan đến di truyền.

**Từ khóa:** Gen, công nghệ sinh học, di truyền, CRISPR

**20. Nghiên cứu ảnh hưởng của viên nang cứng Anti-U200 lên các chỉ số huyết học trên động vật thực nghiệm/** Phạm Thị Vân Anh, Lê Thị Kim Loan, Đặng Thị Thu Hiên, Mai Phương Thanh// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 61 (1) .- Tr. 68-77.

**Nội dung**: Đánh giá ảnh hưởng của viên nang cứng Anti-U200 lên tình trạng chung và các chỉ số huyết học trên động vật thực nghiệm.

**Từ khóa:** Viên nang cứng Anti-U200, chức năng tạo máu, động vật thực nghiệm

**21. Nghiên cứu bào chế bột hấp phụ tiểu phân nano fenofibrat ethylcellulose/** Nguyễn Ngọc Chiến, Lê Thị Hà// Dược học .- 2020 .- Số 2 (số 526 năm 60) .- Tr. 60-64.

**Nội dung**: Bào chế và hấp phụ được tiểu phân nano fenofibrat ethylcellulose với chất mang ethyl cellulose lên các chất có diện tích bề mặt lớn.

**Từ khóa:** Fenofibrat ethylcellulose, bột hấp phụ, bào chế thuốc

**22. Nghiên cứu bào chế nhũ tương nano curcumin sử dụng β-cyclodextrin/** Dương Thị Hồng Ánh, Nguyễn Thị Tuyết// Dược học .- 2020 .- Số 5 (số 529 năm 60) .- Tr. 7-11.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu với mục tiêu bào chế nhũ tương nano chứa curcumin bằng cách sử dụng β-CD.

**Từ khóa:** Curcumin, nhũ tương nano, bào chế

**23. Nghiên cứu bào chế pellet verapamil hydroclorid giải phóng kéo dài/** Phạm Văn Hùng, Trương Đức Mạnh, Nguyễn Thị Thanh Duyên, Trần Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Hiền// Dược học .- 2020 .- Số 4 (số 528 năm 60) .- Tr. 29-34, 40.

**Nội dung**: Nghiên cứu bào chế pellet verapamil hydroclorid giải phóng kéo dài 24 giờ.

**Từ khóa:** Verapamil hydroclorid, bào chế thuốc

**24. Nghiên cứu bào chế vi nang metronidazol bằng phương pháp tách pha đông tụ/** Nguyễn Nữ Huyền My, Lê Hoàng Hảo, Nguyễn Ngọc Chiến// Dược học .- 2020 .- Số 5 (số 529 năm 60) .- Tr. 65-69.

**Nội dung**: Đánh giá ảnh hưởng một số yếu tố về công thức và phương pháp bào chế đến một số chỉ tiêu chất lượng của vi nang metronidazol.

**Từ khóa:** Vi nang metronidazol, phương pháp tách pha đông tụ, bào chế

**25. Nghiên cứu bào chế viên bao phim phóng thích kéo dài hai pha chứa diltiazem hydroclorid/** Lê Minh Quân, Nguyễn Văn Thao, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Lê Hậu// Dược học .- 2020 .- Số 2 (số 526 năm 60) .- Tr. 29-32.

**Nội dung**: Điều chế viên nén diltiazem hydroclorid 200mg phóng thích dược chất in vitro có kiểm soát theo hai pha tương đương với Herbesser R200.

**Từ khóa:** Diltiazem hydroclorid, bào chế thuốc

**26. Nghiên cứu biến đổi lâm sàng và điện cơ ở bệnh nhân thoái hóa cột sống cổ dưới ảnh hưởng của điện châm/** Phạm Hồng Vân, Vũ Nam// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 61 (1) .- Tr. 1-12.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng của điện châm trong điều trị đau do thoái hóa cột sống cổ trên lâm sàng.

**Từ khóa:** Điện châm, thoái hóa cột sống cổ, điện cơ bề mặt

**27. Nghiên cứu cải thiện hiệu suất chiết xuất rutin từ nụ hoa hòe bằng biến đổi cơ hóa học/** Trần Trọng Biên, Vũ Văn Tuấn, Lê Ngọc Khánh// Dược học .- 2020 .- Số 5 (số 529 năm 60) .- Tr. 58-65.

**Nội dung**: Khảo sát, lựa chọn được các thông số, điều kiện thích hợp cho quá trình chiết xuất rutin từ nụ hoa hòe, sử dụng kỹ thuật biến đổi cơ hóa học để cải thiện hiệu suất chiết xuất. Đồng thời, phương pháp chiết xuất với hỗ trợ cơ hóa được so sánh với một số phương pháp chiết xuất khác.

**Từ khóa:** Hoa hòe, rutin, cơ hóa học, chiết xuất

**28. Nghiên cứu định lượng cycloalliin trong hành đen bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao/** Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Hiển, Hồ Anh Sơn, Vũ Bình Dương// Dược học .- 2020 .- Số 5 (số 529 năm 60) .- Tr. 69-74.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp nghiên cứu định lượng cycloalliin trong hành đen bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao.

**Từ khóa:** Cycloalliin, hành đen, phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao

**29. Nghiên cứu định lượng đồng thời curdion và germacron trong viên nang mềm ngải trắng/** Nguyễn Đức Hạnh, Lê Thị Ngọc Anh, Võ Thanh Hóa// Dược học .- 2020 .- Số 3 (số 527 năm 60) .- Tr. 38-43.

**Nội dung**: Kiểm soát chất lượng viên nang mềm ngải trắng và tăng tính cạnh tranh trên thị trường, tiêu chí định lượng cho sản phẩm viên nang mềm ngải trắng.

**Từ khóa:** Viên nang mềm ngải trắng, curdion, germacron

**30. Nghiên cứu định lượng đồng thời một số glucocorticoid trộn trái phép trong chế phẩm Đông dược bằng sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao/** Đào Thị Cẩm Minh, Phạm Thị Thanh Hà, Nguyễn Thị Kiều Anh// Dược .- 2019 .- Số 12 (số 524 năm 59) .- Tr. 71-76.

**Nội dung**: Xây dựng phương pháp sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao định lượng đồng thời 5 hoạt chất nhómglucocorticoid trộn trái phép trong Đông dược và áp dụng trên số lượng mẫu lớn.

**Từ khóa:** Chế phẩm Đông dược, glucocorticoid, sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao

**31. Nghiên cứu mối liên quan nhân quả và tối ưu hóa công thức giá mang nano lipid chứa quercetin và curcumin/** Nguyễn Đức Hạnh, Nguyễn Thị Quỳnh Trang, Tần Bảo Châu, Đỗ Quang Dương// Dược học .- 2020 .- Số 2 (số 526 năm 60) .- Tr. 23-29.

**Nội dung**: Thiết lập mối liên quan nhân quả và tối ưu hóa công thức giá mang nano lipid chứa quercetin và curcumin.

**Từ khóa:** Quercetin, curcumin, nano lipid, mối liên quan nhân quả

**32. Nghiên cứu sàng lọc ảo các chất có khả năng gắn kết với CXCR2 trên vùng ALLOSTERIC nội bào/** Lê Minh Trí, Đinh Lê Quốc Hoàng, Võ Thanh Hòa, Trần Quế Hương, Ngô Thị Hằng, Nguyễn Thị Thu Hạnh, Nguyễn Hoàng Tiến, Thái Khắc Minh// Dược học .- 2020 .- Số 2 (số 526 năm 60) .- Tr. 9-13.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp sàng lọc tìm kiếm các chất các chất có khả năng gắn kết với CXCR2 trên vùng allosteric nội bào.

**Từ khóa:** CXCR2, mô hình sàng lọc ảo,vùng allosteric nội bào

**33. Nghiên cứu sàng lọc ảo các chất có khả năng hoạt hóa enzym ɣ-secretase /** Trần Thái Sơn, Lê Minh Trí, Võ Lưu Hoàng Tuấn, Nguyễn Hoàng Tiến, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Hoàng Tùng, Đỗ Minh Nguyệt, Thái Khắc Minh// Dược học .- 2020 .- Số 3 (số 527 năm 60) .- Tr. 19-24.

**Nội dung**: Tìm ra các chất hoạt hóa enzym ɣ-secretase mới có thể dùng để phát triển làm thuốc bằng các phương pháp in silico.

**Từ khóa:** Chất hoạt hóa enzym ɣ-secretase, phương pháp in silico, sàng lọc ảo

**34. Nghiên cứu sàng lọc ảo các chất ức chế trực tiếp IRE1α - RNASE/** Lê Minh Trí, Đỗ Thị Minh Xuân, Nguyễn Hoàng Minh, Hoàng Tùng, Thái Ngọc Trâm, Vương Vân Nhi, Thái Khắc Minh// Dược học .- 2020 .- Số 1 (số 525 năm 60) .- Tr. 7-11.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp sàng lọc ảo các chất ức chế trực tiếp IRE1α – RNASE và hướng điều trị mới cho một số bệnh do stress lưới nội chất.

**Từ khóa:** Stress lưới nội chất, sàng lọc ảo, IRE1α – RNASE

**35. Nghiên cứu tác dụng điều trị rối loạn chuyển hóa lipid máu của hai bài thuốc Y học cổ truyền trên mô hình thực nghiệm/** Trần Minh Hiếu, Phạm Thị Vân Anh// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 61 (1) .- Tr. 13-25.

**Nội dung**: So sánh tác dụng hạ lipid máu, chống vữa xơ động mạch của bài thuốc Chỉ thực đạo trệ và bài thuốc Đại an trên thực nghiệm.

**Từ khóa:** Cao lỏng Chỉ thực đạo trệ, Đại an, rối loạn lipid máu

**36. Nghiên cứu tác dụng hạ acid uric máu và giảm đau của viên nang cứng Tam diêu gia vị trên thực nghiệm/** Tạ Đăng Quang, Phạm Văn Trịnh, Phạm Thị Vân Anh, Nguyễn Thùy Dương, Phùng Hòa Bình, Trần Việt Hùng// Dược .- 2019 .- Số 12 (số 524 năm 59) .- Tr. 59-65.

**Nội dung**: Nghiên cứu tác dụng hạ acid uric máu và tác dụng tăng thải acid uric qua nước tiểu của viên nang cứng Tam diêu gia vị trên thực nghiệm. Nghiên cứu tác dụng giảm đau của viên nang cứng Tam diêu gia vị trên thực nghiệm.

**Từ khóa:** Viên nang cứng Tam diêu gia vị, acid uric máu, thực nghiệm

**37. Nghiên cứu và xây dựng mô hình in silico trên các dẫn chất ức chế bơm ngược ABCG2/BCRP/** Thái Khắc Minh, Huỳnh Nguyễn Hoài Phương, Nguyễn Minh Châu, Phạm Xuân Tiên, Vương Vân Nhi, Đỗ Trần Giang Sơn, Lê Minh Trí// Dược học .- 2020 .- Số 1 (số 525 năm 60) .- Tr. 2-7.

**Nội dung**: Xây dựng mô hình 3D-Pharmacophore dựa theo cấu trúc protein và dựa theo ligand; Xây dựng mô hình 2D-QSAR trên các chất có hoạt tính ức chế ABCG2; Xây dựng mô hình tự tổ chức từ các thông số mô tả tương quan với hoạt tính ức chế ABCG2; Xây dựng mô hình mô tả phân tử docking; Ứng dụng các mô hình sàng lọc ảo trên các ngân hàng ZINC12, Drugbank, thư viện các thuốc cổ truyền Trung Hoa.

**Từ khóa:** ABCG2, mô hình in silico, phân tử docking, mô hình 2D-QSAR

**38. Nghiên cứu xác định một số thuốc kháng sinh histamin H1 trộn trái phép trong chế phẩm Đông dược bằng HPLC-PDA/** Trần Thị Lan, Nguyễn Thị Quỳnh, Nguyễn Thị Kiều Anh// Dược học .- 2020 .- Số 4 (số 528 năm 60) .- Tr. 35-40.

**Nội dung**: Xây dựng phương pháp định tính, định lượng đồng thời 5 thuốc kháng sinh histamin H1 phổ biến Cinnarizin, chlorpheniramin maleat, cyproheptadinehydrochlorid, loratadin, promethazin hydroclorid trộn trái phép trong chế phẩm Đông dược bằng HPLC, ứng dụng phát hiện các dược chất này trộn trái phép trong chế phẩm Đông dược đang lưu hành trên thị trường.

**Từ khóa:** Thuốc kháng sinh histamin H1, chế phẩm Đông dược, HPLC-PDA

**39. Nghiên cứu xây dựng mô hình sàng lọc ảo trên các chất ức chế ABCG2/** Lê Minh Trí, Hoàng Viết Nhâm, Trần Quế Hương, Đỗ Trần Giang Sơn, Nguyễn Hoàng Minh, Nguyễn Thị Thu Hạnh, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Đỗ Minh Nguyệt, Thái Khắc Minh// Dược học .- 2020 .- Số 2 (số 526 năm 60) .- Tr. 2-8.

**Nội dung**: Xây dựng mô hình pharmacophore từ các chất có hoạt tính ức chế mạnh bơm ABCG2; Xây dựng mô hình mô tả phân tử docking các chất ức chế bơm ABCG2; Tiến hành sàng lọc các chất ức chế bơm ABCG2 trên tập drugbank và tập TCM.

**Từ khóa:** Mô hình pharmacophore, mô hình sàng lọc ảo,chất ức chế bơm ABCG2

**40. Nghiên cứu xây dựng quy trình chẩn đoán vi khuẩn *Helicobacter pylori* trong mẫu nước bọt bằng phương pháp PCR**/ Triệu Tiến Sang, Trần Văn Khoa, Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Hoàng Hiệp, Nguyễn Thu Huyền, Nguyễn Thị Trang// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 12(Tập 61) .- Tr.9-13.

**Nội dung**: Xây dựng quy trình chẩn đoán vi khuẩn Hp trong mẫu nước bọt bằng phương pháp PCR thông qua việc xác định hai gen đặc hiệu *ureC* và *hsp60* của vi khuẩn Hp.

**Từ khóa**: *Helicobacter pylori*, không xâm lấn, nước bọt, PCR

**41. Nghiên cứu xây dựng quy trình định lượng acid salvianolic B trong viên nén bao phim có chứa đan sâm bằng phương pháp HPLC/** Trần Minh Phương, Hà Minh Hiển// Dược học .- 2020 .- Số 3 (số 527 năm 60) .- Tr. 43-47.

**Nội dung**: Cung cấp một quy trình phân tích bằng kỹ thuật HPLC để định lượng acid salvianolic B trong viên nén bao phim có chứa đan sâm Radix et Rhizoma Salviae miltiorrhizae và 12 dược liệu khác.

**Từ khóa:** Acid salvianolic B, viên nén bao phim, đan sâm Radix et Rhizoma Salviae miltiorrhizae

**42. Nuôi cấy hoạt hóa, tăng sinh tế bào gamma delta T trên bệnh nhân ung thư phổi**/ Nguyễn Qúy Linh, Tạ Thành Đạt, Lê Văn Toàn, Trần Vân Khánh, Hoàng Thị Mỹ Nhung, Trần Huy Thịnh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 2(Tập 62) .- Tr.1-5.

**Nội dung**: Hoàn thiện quy trình tách chiết, nuôi cấy hoạt hóa tế bào gamma delta T trên bệnh nhân ung thư phổi.

**Từ khóa**: Liệu pháp miễn dịch tự thân, tế bào gamma delta T, ung thư phổi

**43. Phân lập và sàng lọc xạ khuẩn từ đất có tiềm năng sản xuất kháng sinh/** Nguyễn Xuân Lộc, Đinh Thị Lan Linh, Trần Quốc Vượng, Nguyễn Thị Ngọc Yến, Lê Thị Thanh Thảo, Nguyễn Tú Anh, Phan Cảnh Trình// Dược .- 2019 .- Số 12 (số 524 năm 59) .- Tr. 49-55.

**Nội dung**: Thu thập mẫu đất từ một số địa điểm tại Tp. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương, phân lập và sàng lọc xạ khuẩn có tiềm năng đối kháng với một số vi khuẩn, vi nấm gây bệnh.

**Từ khóa:** Xạ khuẩn, vi khuẩn, vi nấm, kháng sinh

**44. Phân tích đa dạng di truyền của Morinda officinalis ở Việt Nam dựa trên các gene ITS và các gene matK, rbcL và đoạn chèn trnH-psbA trên chloroplast/** Phạm Văn Kiền, Đoàn Cao Sơn, Bùi Hồng Cường, Trần Minh Ngọc, Phạm Thị Minh Tâm, Trần Việt Hùng// Dược học .- 2020 .- Số 1 (số 525 năm 60) .- Tr. 24-30.

**Nội dung**: Trình bày tính đa dạng loài và xác định tên khoa học của các mẫu ba kích thu thập được bằng phương pháp hình thể học phối hợp phương pháp giải trình tự gene nhằm mục đích tìm một vùng gene thích hợp cho việc thiết lập DNA barcoding.

**Từ khóa:** Di truyền, Morinda officinalis, gene ITS

**45. Phát triển vaccin ngừa Covid-19/** Nguyễn Hải Đăng// Dược và mỹ phẩm .- 2020 .- Số 112 .- Tr. 8-10.

**Nội dung**: Covid-19 phát triển rất nhanh, nhanh hơn gấp nhiều lần so với các chủng virus tiền nhiệm là Mers và Sars, cả thế giới đang kỳ vọng vào các nỗ lực y khoa để phát triển một loại vaccin hiệu quả trong phòng ngừa chủng Covid-19.

**Từ khóa:** Covid-19, vaccin

**46. Phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp**/ Đông Phương// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 3 (329) .- Tr. 10 - 11.

**Nội dung:** Ngày 1/2/2020, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên & Môi trường Võ Tuấn Nhân đã ký ban hành Công văn số 483/BTNMT-VP gửi các đơn vị trực thuộc Bộ yêu cầu thực hiện phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra.

**Từ khóa:** Bệnh viêm đường hô hấp cấp, chống dịch bệnh

**47. Quyền sở hữu trí tuệ thuốc mới & chiến lược sản xuất generic/** Lê Văn Truyền// Dược & Mỹ phẩm .- 2020 .- Số 110+111 .- Tr. 8-12.

**Nội dung**: Trình bày tình hình nghiên cứu phát triển thuốc mới trong những thập kỷ gần đây, chiến lược kéo dài quyền sở hữu trí tuệ và chiến lược khai thác các thuốc hết quyền sở hữu trí tuệ để sản xuất generic.

**Từ khóa:** Quyền sở hữu trí tuệ, thuốc generic

**48. Sản xuất thành công vắc xin phòng bệnh cúm A/H5N1 cho gia cầm do các biến chủng mới ở quy mô công nghiệp**/ Trần Xuân Hạnh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 4(733) .- Tr.41-42.

**Nội dung**: Trình bày công nghệ sản xuất vắc xin vô hoạt nhũ dàu quy mô công nghiệp phòng chống bệnh cúm A/H5N1 và A/H5N6 cho gia cầm do các biến chủng mới gây ra tại Việt Nam, góp phần quan trọng vào phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta nói chung, chăn nuôi gia cầm nói riêng.

**Từ khóa**: Vắc xin, vắc xin phòng bệnh cúm A/H5N1, AH5N6, cúm gia cầm

**49. Sàng lọc mảnh liên kết với ion kẽm trong nghiên cứu phát triển thuốc mới ức chế glutaminyl cyclase hướng điều trị bệnh Alzheimer/** Trần Phương Thảo, Hoàng Văn Hải, Trần Thị Thu Hiền// Dược học .- 2020 .- Số 3 (số 527 năm 60) .- Tr. 24-29.

**Nội dung**: Sàng lọc khả năng ức chế glutaminyl cyclase của các mảnh liên kết với ion kẽm nhằm mở rộng tính đa dạng, mở ra hướng mới trong nghiên cứu các chất ức chế glutaminyl cyclase.

**Từ khóa:** Ion kẽm, glutaminyl cyclase, bệnh Alzheimer

**50. So sánh hiệu quả điều trị rối loạn lipid máu, chống vữa xơ động mạch của bài thuốc Đại an và bài Tam tử dưỡng tâm trên thực nghiệm/** Trần Minh Hiếu, Phạm Thị Vân Anh// Nghiên cứu YDHCT Việt Nam .- 2019 .- Số 62 .- Tr. 15-26.

**Nội dung**: So sánh tác dụng hạ lipid máu, chống vữa xơ động mạch của bài thuốc Đại an và bài Tam tử dưỡng tâm trên thực nghiệm.

**Từ khóa:** Đại an, Tam tử dưỡng tâm, rối loạn lipid máu

**51. Tác dụng của bài Sinh tân cam lộ ẩm kết hợp metformin trong điều trị đái tháo đường type 2/** Nguyễn Kim Ngọc, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Đình Tập// Nghiên cứu YDHCT Việt Nam .- 2019 .- Số 62 .- Tr. 39-46.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng của bài Sinh tân cam lộ ẩm kết hợp metformin trong điều trị đái tháo đường type 2.

**Từ khóa:** Sinh tân cam lộ ẩm, đái tháo đường type 2

**52. Tác dụng giảm đau và cải thiện tầm vận động cột sống cổ của liệu pháp kinh cân trên bệnh nhân đau vai gáy do thoái hóa cột sống cổ/** Bùi Thị Lệ Ninh, Nguyễn Thị Thu Hà// Nghiên cứu YDHCT Việt Nam .- 2019 .- Số 62 .- Tr. 67-76.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng giảm đau của liệu pháp kinh cân trên bệnh nhân đau vai gáy do thoái hóa cột sống cổ; Đánh giá tác dụng cải thiện tầm vận động cột sống cổ của liệu pháp kinh cân trên bệnh nhân đau vai gáy do thoái hóa cột sống cổ.

**Từ khóa:** Thoái hóa cột sống cổ, đau vai gáy, liệu pháp kinh cân

**53. Tác dụng giảm đau và chống viêm của viên nang cứng TD0019 trên thực nghiệm/** Trịnh Thị Lụa, Nguyễn Thị Thu Hà, Đinh Thị Thu Hằng, Phạm Thị Vân Anh// Nghiên cứu YDHCT Việt Nam .- 2019 .- Số 62 .- Tr. 27-38.

**Nội dung**: Nghiên cứu tác dụng chống viêm của viên nang cứng TD0019 trên thực nghiệm; Nghiên cứu tác dụng giảm đau của viên nang cứng TD0019 trên thực nghiệm.

**Từ khóa:** TD0019, giảm đau, chống viêm, động vật thực nghiệm

**54. Tác dụng hỗ trợ giảm đau, cải thiện vận động cột sống thắt lưng của viên nang Totcos trong điều trị đau thần kinh hông to/** Vũ Nam, Nguyễn Hải Nam, Hán Huy Truyền// Nghiên cứu YDHCT Việt Nam .- 2019 .- Số 62 .- Tr. 1-14.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng hỗ trợ điều trị giảm đau, cải thiện vận động cột sống thắt lưng ở bệnh nhân đau thần kinh hông to của viên nang Totcos.

**Từ khóa:** Totcos, đau thần kinh hông to, điện châm, xoa bóp bấm huyệt

**55. Thiết kế và tổng hợp các dẫn chất 5,7-dibromobenzofuran-2-carbohydrazon hướng tác dụng kháng Staphylococcus aureus/** Nguyễn Đức Tri Thức, Thái Minh Quân, Phạm Ngọc Tuấn Anh// Dược học .- 2020 .- Số 2 (số 526 năm 60) .- Tr. 17-23.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp thiết kế và tổng hợp các dẫn chất 5,7-dibromobenzofuran-2-carbohydrazon hướng tác dụng kháng Staphylococcus aureus.

**Từ khóa:** 5,7-dibromobenzofuran-2-carbohydrazon, Staphylococcus aureus, thuốc kháng sinh

**56. Thuốc trị tăng huyết áp gây ho và cách ứng phó/** Kim Thành// Dược & Mỹ phẩm .- 2020 .- Số 110+111 .- Tr. 48-49.

**Nội dung**: Thuốc trị tăng huyết áp thường gây ra một số tác dụng phụ cho người dùng, một trong số đó là gây ho mạn tính dai dẳng.

**Từ khóa:** Tăng huyết áp, thuốc, điều trị

**57. Tía tô : một số tác dụng mới phát hiện/** Đỗ Tất Hùng// Dược & Mỹ phẩm .- 2019 .- Số 12 (số 109) .- Tr. 44-49.

**Nội dung**: Trình bày một số hoạt chất và tác dụng tốt của lá tía tô đối với sức khỏe.

**Từ khóa:** Tía tô, tác dụng

**58. Tối ưu hóa các yếu tố ảnh hưởng đến việc điều chế tiểu phân nano poly-(D,L-lactid-co-glycolid) tải ethambutol**/ Nguyễn Thái Dương, Phạm Đình Duy// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2020 .- Số 2(Tập 62) .- Tr.22-28.

**Nội dung**: Thiết kế và tối ưu hóa công thức tiểu phân nano tải ethambutol. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc điều chế tiểu phân nano poly-(D,L-lactid-co-glycolid) tải ethambutol được tối ưu hóa thành công với sự trợ giúp của phần mềm Design-Expert.

**Từ khóa**: Design-Expert, ethambutol, thuốc kháng lao, tiểu phân nano

**59. Tổng hợp và đánh giá tác động ức chế lipase tụy của các dẫn chất 4’-N-(4-hydroxybenzylamino)chalcon/** Võ Thị Cẩm Vân, Nguyễn Ngọc Minh, Lê Thị Mỹ Chi, Trương Văn Đạt, Trần Thành Đạo// Dược học .- 2020 .- Số 1 (số 525 năm 60) .- Tr. 20-23, 56.

**Nội dung**: Trình bày quy trình tổng hợp và đánh giá tác động ức chế lipase tụy in vitro của các dẫn chất 4’-N-(4-hydroxybenzylamino)chalcon.

**Từ khóa:** Ức chế lipase tụy, dẫn chất 4’-N-(4-hydroxybenzylamino)chalcon

**60. Tổng hợp và khảo sát hoạt tính gây độc tế bào một số dẫn chất amind của khung 1,3,4-oxadiazol-2-amin/** Nguyễn Đinh Thị Thanh Tuyền, Lê Hồng Phúc, Trương Ngọc Tuyền// Dược học .- 2020 .- Số 5 (số 529 năm 60) .- Tr. 19-24.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp tổng hợp và khảo sát hoạt tính gây độc tế bào một số dẫn chất amind của khung 1,3,4-oxadiazol-2-amin.

**Từ khóa:** 1,3,4-oxadiazol-2-amin, amind của khung 1,3,4-oxadiazol-2-amin, độc tế bào

**61. Tổng hợp và khảo sát hoạt tính kháng khuẩn, kháng nấm của một số dẫn chất 5-methylbenzimidazol-2-thion/** Ngô Duy Túy Hà, Trần Quang Phương Nam, Trương Phương, Nguyễn Ngọc Đan Thùy// Dược học .- 2020 .- Số 4 (số 528 năm 60) .- Tr. 57-64.

**Nội dung**: Nghiên cứu tổng hợp và sàng lọc những chất có hoạt tính kháng khuẩn, kháng nấm tốt và dựa trên những kết quả đạt được, chọn hướng nghiên cứu tổng hợp các dẫn chất 5-methylbenzimidazol-2-thion.

**Từ khóa:** Kháng khuẩn, kháng nấm, dẫn chất 5-methylbenzimidazol-2-thion

**62. Tổng hợp và thử tác dụng ức chế acetylcholin esterase của một số dẫn chất hydroxyiminoindolin-2-on/** Tạ Thu Lan, Nguyễn Thị Thuận// Dược học .- 2020 .- Số 5 (số 529 năm 60) .- Tr. 24-27.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp tổng hợp và thử tác dụng ức chế acetylcholin esterase của một số dẫn chất hydroxyiminoindolin-2-on.

**Từ khóa:** Hydroxyiminoindolin-2-on,acetylcholin esterase

**63. Tổng hợp và thử tác dụng ức chế acetylcholin esterase của một số dẫn chất indolin-2,3-dion mới/** Tạ Thu Lan, Nguyễn Thị Thuận// Dược học .- 2020 .- Số 2 (số 526 năm 60) .- Tr. 13-16.

**Nội dung**: Tổng hợp 6 dẫn chất indolin-2,3-dion mới và thử tác dụng ức chế AchE của các chất đã được tổng hợp.

**Từ khóa:** Indolin-2,3-dion, acetylcholin esterase, tác dụng ức chế

**64. Tổng hợp và thử tác dụng ức chế enzym glutaminyl cyclase của một số hợp chất amid hướng điều trị bệnh Alzheimer/** Trần Phương Thảo, Hoàng Văn Hải// Dược học .- 2020 .- Số 4 (số 528 năm 60) .- Tr. 18-22.

**Nội dung**: Thiết kế các chất ức chế glutaminyl cyclase mới mang cấu trúc amid với mục tiêu giảm độ phân cực, giảm số liên kết hydro không cần thiết và cố định bộ khung.

**Từ khóa:** Glutaminyl cyclase, hợp chất amid, bệnh Alzheimer

**65. Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp D của carvedilol/** Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Thị Như Ngọc, Phan Tấn Vương, Trần Hữu Dũng, Nguyễn Đức Tuấn, Trương Ngọc Tuyền// Dược học .- 2020 .- Số 5 (số 529 năm 60) .- Tr. 28-32.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp D của carvedilol, định lượng thiết lập chất đối chiếu.

**Từ khóa:** Carvedilol, tạp D

**66. Tổng quan về chế phẩm rửa tay sát khuẩn (rửa tay khô)/** Nguyễn Ngọc Hưng// Dược và mỹ phẩm .- 2020 .- Số 112 .- Tr. 11-15.

**Nội dung**: Giới thiệu kỹ về sản phẩm rửa tay sát khuẩn và các nghiên cứu thực hiện tại Hoa Kỳ.

**Từ khóa:** Rửa tay khô, chế phẩm rửa tay sát khuẩn

**67. Ứng dụng giản đồ pha hệ hai cấu tử để tối ưu hóa thành phần hệ phân tán rắn nhằm tăng độ hòa tan của fenofibrat/** Võ Quốc Ánh, Nguyễn Anh Vũ// Dược học .- 2020 .- Số 4 (số 528 năm 60) .- Tr. 23-28.

**Nội dung**: Ứng dụng giản đồ pha đông đặc hệ hai cấu tử là hai chất rắn tan hoàn toàn vào nhau ở trạng thái nóng chảy để tối ưu hóa thành phần hệ phân tán rắn nhằm tăng độ hòa tan của fenofibrat.

**Từ khóa:** Fenofibrat, hệ phân tán rắn,hệ hai cấu tử

**68. Ứng dụng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới (NGS) để nghiên cứu Covid-19 (nCoV)/** Đặng Thị Thu Hiền, Phạm Thị Minh Tâm, Trần Việt Hùng// Dược học .- 2020 .- Số 3 (số 527 năm 60) .- Tr. 3-7, 58.

**Nội dung**: Giới thiệu về các ứng dụngkỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới (NGS) để nghiên cứu Covid-19.

**Từ khóa:** Covid-19, gen thế hệ mới

**69. Xây dựng phương pháp định lượng tetrahydrocurcumin trong chế phẩm nanoemulgel/** Lê Đình Chi, Tống Thị Thanh Vượng, Phan Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Lê, Lê Ngọc Duy, Lê Thị Kim Vân// Dược học .- 2020 .- Số 3 (số 527 năm 60) .- Tr. 67-70.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp định lượng tetrahydrocurcumin sử dụng kỹ thuật HPLC trong chế phẩm nanoemulgel.

**Từ khóa:** Tetrahydrocurcumin, chế phẩm nanoemulgel, HPLC

**70. Xây dựng quy trình khuếch đại đẳng nhiệt Recombinase polymerase amplification (RPA) phát hiện *Leptospira* spp. gây bệnh**/ Hồ Hữu Thọ, Lê Thị Thúy, Nguyễn Đình Ứng, Hồ Anh Sơn, Hoàng Văn Lương, Nguyễn Văn Chuyên, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Trọng Chính// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 12(Tập 61) .- Tr.14-19.

**Nội dung**: Xây dựng quy trình khuếch đại đẳng nhiệt Recombinase polymerase amplification (RPA) phát hiện chính xác một số loài *Leptospira* spp. gây bệnh chỉ với thời gian 30 phút.

**Từ khóa**: Độ đặc hiệu, độ nhạy, khuếch đại đẳng nhiệt, *Leptospira* spp., Việt Nam

**71. Xây dựng quy trình phân tích đồng phân quang học levocetirizin bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao/** Lê Thị Thu Cúc, Trần Mỹ Thiên Thanh// Dược học .- 2020 .- Số 1 (số 525 năm 60) .- Tr. 38-41.

**Nội dung**: Trình bày kết quả phân tích đồng phân quang học levocetirizin bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.

**Từ khóa:** Đồng phân quang học, levocetirizin, phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao

**72. Xây dựng quy trình phân tích đồng thời acid chlorogenic, acid ferulic, scopolein, xanthotoxin và ligustilid trong dược liệu đương quy/** Phạm Thị Minh Tâm, Lê Thị Thu Cúc, Nguyễn Văn Thanh// Dược .- 2019 .- Số 12 (số 524 năm 59) .- Tr. 17-21.

**Nội dung**: Giới thiệu kết quả phân tích đồng thời 5 thành phần acid chlorogenic, acid ferulic, scopolein, xanthotoxin và ligustilid của đương quy bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng với đầu dò PDA.

**Từ khóa:** Acid chlorogenic, acid ferulic, scopolein, xanthotoxin, ligustilid, dược liệu đương quy

**73. Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng đồng thời quercetin và curcumin I trong giá mang nanolipid bằng phương pháp HPLC/** Nguyễn Đức Hạnh, Nguyễn Thị Quỳnh Trang// Dược học .- 2020 .- Số 5 (số 529 năm 60) .- Tr. 74-79.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp xây dựng và thẩm định quy trình định lượng đồng thời quercetin và curcumin I trong giá mang nanolipid bằng phương pháp HPLC.

**Từ khóa:** Quercetin, curcumin I, phương pháp HPLC, giá mang nanolipid

**74. Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng eurycomanon trong cao khô sấy phun mật nhân bằng phương pháp HPLC-UV/** Nguyễn Đức Hạnh, Huỳnh Trần Quốc Dũng, Phạm Ngọc Thạc, Nguyễn Ngọc Thạch, Nguyễn Phương Nam// Dược học .- 2020 .- Số 4 (số 528 năm 60) .- Tr. 85-88.

**Nội dung**: Xây dựng quy trình định lượng eurycomanon trong cao khô sấy phun mật nhân (CMN) hướng đến tiêu chuẩn hóa CMN và các sản phẩm từ nguồn nguyên liệu này.

**Từ khóa:** Eurycomanon, cao khô sấy phun mật nhân, phương pháp HPLC-UV

**ĐIỆN TỬ - VIẾN THÔNG**

**1. Big data và ứng dụng trong bảo mật thông tin**/ Lò Thị Phương Nhung, Nguyễn Mai Phương// Khoa học & Công nghệ Việt Nam .- 2019 .- Số 12 (729) .- Tr. 57 - 59. 005

**Nội dung:** Big data đã và đang là một trong những vấn đề trung tâm, nhận được nhiều sự quan tâm trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Big data chính là cốt lõi để sử dụng, phát triển internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo. Theo dự báo, cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tạo ra một lượng lớn dữ liệu (đến năm 2020, lượng dữ liệu sẽ tăng gấp 50 lần hiện nay). Thông qua thu nhập, phân tích và xử lý lượng dữ liệu lớn này sẽ tạo ra những tri thức mới, hỗ trợ tích cực trong quản lý, sản xuất kinh doanh và nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có bảo mật thông tin.

**Từ khóa:** Big data, ứng dụng, bảo mật thông tin

**2. Định luật Ampere trong “điện động lực học logic”/** Nguyễn Tiến Dũng// Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 229 .- Tr. 17-22.

**Nội dung**: Trình bày cách thức sử dụng phương pháp đề xuất với mục đích thu được các hiệu ứng và mô hình thích hợp khi nghiên cứu trường từ và trường điện.

**Từ khóa:** Định luật Ampere, trường từ, trường điện

**3. Dự đoán các mối nguy hiểm về bảo mật cho năm 2020/** // Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 229 .- Tr. 6-7.

**Nội dung**: Công ty Fortinet chuyên gia về an ninh mạng đưa ra dự toán và phân tích tỉ mỉ về tội phạm mạng đang sử dụng một phương pháp tiếp cận đa mũi nhọn cho các chiến lược tấn công; tội phạm mạng có xu hướng nhắm vào lỗ hỏng từ năm 2007 nhiều hơn là các lỗ hỏng từ năm 2018-2019; sử dụng càng nhiều phương thức tấn công càng tốt,....

**Từ khóa:** Bảo mật thông tin, an ninh mạng, mối nguy hiểm

**4. Forti AI: ứng dụng giúp phát hiện mối đe dọa trên mạng trong tích tắc/** Fortinet Việt Nam// Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 230+231 .- Tr. 10-11.

**Nội dung**: Trình bày về các tổ chức đang phải đối mặt với một cuộc chiến cam go, FortiAI giúp cân bằng cuộc chơi, khả năng bảo vệ on-premises dành cho hệ thống mạng air-gaooed, ứng dụng AI để tự động hóa khả năng bảo vệ khỏi các mối đe dọa.

**Từ khóa:** FortiAI, an ninh mạng

**5. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý**/ Thảo Nguyễn// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 4 (330) .- Tr. 53 - 54.

**Nội dung:** Trong những năm qua, công nghệ thông tin có những bước phát triển mạnh mẽ, ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của lĩnh vực đo đạc và bản đồ. Các tổ chức quốc tế, khu vực và quốc gia trên thế giới đã triển khai các chương trình nghị sự phát triển và thức đẩy thông tin không gian địa lý để giải quyết những thách thức về phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường.

**Từ khóa:** Kinh nghiệm quốc tế, phát triển hạ tầng, dữ liệu không gian địa lý

**6. Mô phỏng Matlab/Simulink cho hệ thống quang điện/** Hoàng Thuyên// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 5 (kỳ 2) .- Tr. 29-31.

**Nội dung**: Trình bày một mô hình mô phỏng hệ thống quang điện (PV) tổng quát trong môi trường Matlab/Simulink. Mô hình đề xuất dựa trên hành vi tế bào PV chuyển hóa bức xạ mặt trời để thành điện năng và giao diện trình điều khiển công suất tới hạn của hệ thống.

**Từ khóa:** Hệ thống quang điện, Matlab/Simulink, tế bào PV

**7. Nghiên cứu tích hợp hệ thống INS/GPS với dữ liệu đo GPS\_RTK sử dụng trạm tham chiếu ảo (VRS) nâng cao độ chính xác trong công tác định vị điểm**/ Đỗ Văn Dương, Lê Anh Cường// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 22 (324) .- Tr. 36 - 38.

**Nội dung:** Nghiên cứu các phương pháp tích hợp hệ thống INS/GPS hiện nay trên thế giới, thực nghiệm và xử lý số liệu hệ thống theo các phương pháp tích hợp, kết quả sau đó sẽ được phân tích và so sánh để đưa ra lựa chọn tích hợp tối ưu hệ thống INS/GPS nâng cao độ chính xác trong định vị điểm.

**Từ khóa:** Tích hợp, hệ thống INS/GPS, dữ liệu đo GPS\_RTK, trạm tham chiếu ảo (VRS), độ chính xác, định vị điểm

**8. Nghiên cứu ứng dụng cơ sở dữ liệu phân tán trong GIS**/ Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Thị Hữu Phương// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 3 (329) .- Tr. 16 - 18.

**Nội dung:** Trình bày việc lưu trữ dữ liệu GIS trên mô hình phân mảnh thuộc tính, cốt lõi của mô hình là cây PF dùng để lưu trữ và duy trì thông tin sử dụng.

**Từ khóa:** Cơ sở dữ liệu phân tán, GIS

**9. Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Visual SVN server trong quản lý cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính số**/ Phạm Thị Mai// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 5 (331) .- Tr. 22 - 24.

**Nội dung:** Nghiên cứu, cải tiến phần mềm SVN server để sử dụng phù hợp hơn trong quản lý dữ liệu đến từng đối tượng trên bản đồ địa chính số, khắc phục công nghệ của phần mềm SVN server trước đây chỉ quản lý đến file dữ liệu.

**Từ khóa:** Ứng dụng phần mềm, Visual SVN server, cơ sở dữ liệu, bản đồ địa chính số

**10. Phương pháp xác định góc pha của điện áp lưới trong điều kiện lưới mất cân bằng/** Nguyễn Anh Tân// Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 230+231 .- Tr. 19-20.

**Nội dung**: Chỉ ra phương pháp xác định góc pha của điện áp lưới sử dụng hệ thống PLL dựa vào thành phần thứ tự dương.

**Từ khóa:** Hệ thống vòng khóa pha, hệ thống PLL, điện áp

**11. Sử dụng thiết bị FACTS điều khiển bằng thyristor - Giải pháp thân thiện với môi trường**/ Nguyễn Văn Liêm// Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 23 (325) .- Tr. 46 - 48.

**Nội dung:** Trình bày thiết bị FACTS thuộc nhóm thứ nhất hy vọng sẽ được sử dụng cho hệ thống điện Việt Nam để thích ứng trong bối cảnh Việt Nam đang đối mặt với biến đổi khí hậu khắc nghiệt.

**Từ khóa:** Thiết bị FACRS, điều khiển, thân thiện môi trường, biến đổi khí hậu

**12. Thị trường công nghệ in 3D trong năm 2019 và xu hướng phát triển/** Lê Văn Thảo// Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 227 .- Tr. 40-45.

**Nội dung**: Trình bày về thị trường công nghệ in 3D trong năm 2019 và các xu hướng thị trường công nghệ in 3D trong tương lai.

**Từ khóa:** Công nghệ in 3D, xu hướng phát triển

**13. Thiết kế bộ xử lý ảnh nhận diện dưa lưới baby chín/** Nguyễn Kim Dung, Phạm Thị Lan Anh, Đặng Thị Thúy Huyền, SV. Lục Văn Quý// Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 230+231 .- Tr. 41-43.

**Nội dung**: Trình bày về đặc điểm của dưa lưới và đặc trưng của dưa lưới baby chín.

**Từ khóa:** Dưa dưới, xử lý ảnh

**14. Thiết kế chế tạo thiết bị điện tử điều chỉnh các biến đầu vào hệ thống phun xăng điện tử để tiết kiệm nhiên liệu cho xe sinh thái**/ Trương Mạnh Hùng, Trịnh Lương Miên, Nguyễn Văn Tiềm// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 117-120.

 **Nội dung**: Trình bày tổng quát về xe sinh thái UTC và hệ thống phun xăng điện tử được cải tiến cho động cơ Honda wave 110cc. Sau đó, bài báo trình bày các thiết kế, chế tạo thiết bị điện tử điều chỉnh các biến đầu vào EFI trên xe sinh thái UTC, cuối cùng là các kết quả thử nghiệm và kết luận.

**Từ khóa:** Lái xe sinh thái, lái xe tiết kiệm nhiên liệu, phun xăng điện tử

**15. Tổng quan về hệ thống điều khiển tàu dựa trên truyền thông/** Trịnh Lương Miên, Đặng Minh Tú// Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 227 .- Tr. 51-54.

**Nội dung**: Sự cần thiết của điều khiển tàu tự động; Cấu trúc hệ thống ATC dựa trên truyền thông CBTC (ATC/CBTC); Đặc điểm nổi bật của hệ thống ATC dựa trên CBTC và đóng đường di động; Kết luận.

**Từ khóa:** Hệ thống điều khiển tàu, truyền thông

**16. Tự động hóa xanh với IoT cho năng lượng, hạ tầng và môi trường/** Hà Quang Phúc// Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 227 .- Tr. 48-50, 54.

**Nội dung**: Sơ lược về các thách thức và cơ hội liên quan giữa các vấn đề về năng lượng, hạ tầng và môi trường với tác động trực tiếp đến đời sống con người.

**Từ khóa:** Công nghệ IoT, tự động hóa xanh

**17. Ứng dụng cảm biến không dây Sub-Ghz trong công nghiệp/** Nguyễn Vĩnh Lộc, Phan Văn Lực// Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 227 .- Tr. 55-56.

**Nội dung**: Trình bày các ứng dụng cảm biến không dây Sub-Ghz trong công nghiệp.

**Từ khóa:** Cảm biến không dây Sub-Ghz, công nghiệp

**18. Vai trò của công nghệ digital TWIN trong sản xuất thông minh/** Dương Xuân Biên// Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 227 .- Tr. 57-58.

**Nội dung**: Trình bày vai trò của công nghệ digital TWIN trong sản xuất thông minh 4.0.

**Từ khóa:** Công nghệ digital TWIN, công nghiệp 4.0

**19. Xây dựng Bộ công cụ phân tích và xử lý dữ liệu ảnh quang học và radar**/ Lương Thị Hoàng Hoa, Lưu Quang Thắng, Bùi Quang Hưng, Nguyễn Thị Nhật Thanh, Nguyễn Thanh Thủy, Doãn Minh Chung// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 3 (329) .- Tr. 28 - 30.

**Nội dung:** Trình bày việc nghiên cứu xây dựng Bộ công cụ phân tích và xử lý dữ liệu ảnh quang học và radar hỗ trợ các chuyên gia trong việc xử lý dữ liệu ảnh viễm thám.

**Từ khóa:** Bộ công cụ phân tích, xử lý dữ liệu, ảnh quang học, radar

**XÂY DỰNG**

**1. Ảnh hưởng của cơ cấu tiêu tán năng lượng đến ứng xử của tấm phân lớp chức năng trên nền hai thông số chịu tải trọng di động**/ Cao Tấn Ngọc Thân, Lương Văn Hải, Nguyễn Xuân Vũ// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 123-129.

**Nội dung**: Trình bày ảnh hưởng của cơ cấu tiêu tán năng lượng đến ứng xử của tấm phân lớp chức năng trên nền hai thông số chịu tải trọng di động.

**Từ khóa**: Tấm phân lớp chức năng, cơ cấu tiêu tán năng lượng, nền hai thông số, phương pháp phần tử chuyển động

**2. Ảnh hưởng của điều kiện dưỡng hộ ẩm đến khả năng kháng co ngót của bê tông tự lèn**/ Nguyễn Hoàng Phúc, Trần Văn Miền, Cù Thị Hồng Yến// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 108-111.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu mức độ kháng co ngót của bê tông tự lèn trong điều kiện dưỡng hộ ẩm 1 ngày, 3 ngày và 7 ngày. Thêm vào đó, sử dụng hàm lượng tro bay loại F thay thế hàm lượng xi măng từ 0%, 15% và 25% để đánh giá hiệu quả của việc sử dụng này.

**Từ khóa**: Bê tông tự lèn, dưỡng hộ ẩm, tro bay, khả năng kháng co ngót, thí nghiệm vòng kiềm chế

**3. Ảnh hưởng của hàm lượng cốt dọc đến khả năng kháng cắt của dầm bê tông cốt thép được gia cường kháng cắt bằng tấm GFRP dạng U**/ Lã Hồng Hải, Nguyễn Minh Long// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 29-32.

**Nội dung**: Trình bày một nghiên cứu thực nghiệm về ảnh hưởng của hàm lượng cốt dọc và số lớp tấm GFRP dạng U gia cường kháng cắt đến khả năng kháng cắt và chuyển vị của dầm bê tông cốt thép. Chương trình thực nghiệm được thực hiện trên tám mẫu dầm tiết diện chữ nhật có cùng kích thước (200x500x3400mm), có hàm lượng cốt dọc thay đổi (1.71% và 2.08%) và số lớp tấm GFRP dạng U dùng để gia cường kháng cắt khác nhau (một, hai và ba lớp).

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép, tấm GFRP, khả năng kháng cắt, hàm lượng cốt dọc

**4. Ảnh hưởng của hàm lượng sợi thép đến các đặc trưng chịu kéo dọc trục của bê tông sợi thép**/ Nguyễn Ngọc Tân// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 50-54.

**Nội dung**: Nghiên cứu giới thiệu những kết quả thực nghiệm xác định các đặc trưng chịu kéo của bê tông cốt sợi thép bằng phương pháp kéo trực tiếp. Các mẫu thử được chế tạo trong phòng thí nghiệm bằng bê tông và bê tông sợi thép có cấp độ bền thiết kế B45, và sợi thép Dramix với hàm lượng thay đổi lần lượt là 25, 50, 75 và 100 kg/m3. Những kết quả thực nghiệm cho phép phân tích ảnh hưởng của các hàm lượng sợi thép khác nhau đến cường độ chịu kéo và biến dạng tương đối giới hạn của bê tông khi kéo dọc trục.

**Từ khóa**: Bê tông sợi thép, hàm lượng sợi thép, thí nghiệm kéo trực tiếp, cường độ chịu kéo dọc trục, biến dạng giới hạn khi kéo

**5. Ảnh hưởng của hàm lượng sợi thép đến cường độ kéo khi uốn của bê tông sợi thép**/ Nguyễn Ngọc Tân// Xây dựng .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 95-100.

**Nội dung**: Bê tông cốt sợi thép được chế tạo vằng cách trộn lẫn các sợi thép cường độ cao vào hỗn hợp bê tông để cải thiện cường độ chịu kéo của vật liệu và khả năng làm việc của kết cấu bê tông và bê tông cốt thép sau khi bị nứt. Trong nghiên cứu này, một chương trình thực nghiệm bao gồm các thí nghiệm nén và thí nghiệm uốn ba điểm đã được thực hiện trên các mẫu bê tông thường và bê tông sợi thép có hàm lượng thay đổi lần lượt là 20, 50, 75 và 100kg/m3.

**Từ khóa**: Bê tông sợi thép, hàm lượng sợi thép, cường độ kéo khi uốn, biểu đồ tải trọng – chuyển vị, dạng phá hoại

**6. Ảnh hưởng của hàm lượng tro bay đến cường độ chịu nén và nhiệt thủy hóa của bê tông nhiều tro bay**/ Lê Thu Trang, Trương Văn Quyết, Phạm Minh Trang// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 73-77.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu sử dụng tro bay (FA) thay thế xi măng từ 20 đến 60% để chế tạo bê tông chất lượng cao nhiều tro bay. Cường độ chịu nén và nhiệt thủy hóa của các loại bê tông với hàm lượng tro bay thay thế khác nhau được thí nghiệm. Cường độ chịu nén của các loại bê tông được thí nghiệm ở các tuổi 3, 7, 28. 56 và 90 ngày. Nhiệt độ thủy hóa được đo trong 72 giờ đầu tính từ lúc đổ bê tông sử dụng thiết bị đo nhiệt độ Pico Technology PT104.

**Từ khóa**: Bê tông nhiều tro bay, cường độ chịu nén, nhiệt thủy hóa

**7. Ảnh hưởng của hàm lượng tro trấu đến chất lượng của bê tông nhựa**/ TS. Nguyễn Mạnh Tuấn, KS. Trần Trung Hiếu// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 69-73.

**Nội dung**: Tìm hiểu ảnh hưởng của tro trấu thay thế một phần bột khoáng thông qua các thí nghiệm cơ bản trong phòng thí nghiệm như ổn định Marshall, ép chẻ và mô đun đàn hồi. Hai hàm lượng tro trấu được sử dụng trong bài này là 0,4% và 1,2% cũng như mẫu đối chứng là bê tông nhựa chặt thông thường (O%) không sử dụng tro trấu cũng được đánh giá.

**Từ khóa**: Bột tro trấu, bê tông nhựa, độ ổn định Marshall, cường độ ép chẻ, mô đun đàn hồi

**8. Ảnh hưởng của kích thước kết cấu bê tông khối lớn đến sự hình thành trường nhiệt độ và vết nứt ở tuổi sớm ngày**/ Đỗ Thị Mỹ Dung, Nguyễn Trọng Chức, Lâm Thanh Quang Khải// Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 11-14.

**Nội dung**: Trong quá trình xây dựng, sự hình thành vết nứt nhiệt trong kết cấu bê tông khối lớn là vấn đề được quan tâm và giải quyết. Sự phát triển vết nứt nhiệt trong kết cấu bê tông khối lớn tuổi sớm ngày phần lớn là do nhiệt thủy hóa xi măng gây ra. Do vậy, việc kiểm soát và dự đoán sự hình thành trường nhiệt độ trong cấu kiện bê tông khối lớn là hết sức cần thiết. Trong bài báo này, nhóm tác giả nghiên cứu sự ảnh hưởng của kích thước kết cấu bê tông khối lớn đến sự hình thành trường nhiệt độ và đánh giá nguy cơ hình thành vết nứt ở tuổi sớm ngày.

**Từ khóa**: Trường nhiệt độ, nhiệt độ lớn nhất, chênh lệch nhiệt độ, bê tông khối lớn, vết nứt nhiệt

**9. Ảnh hưởng của lực dọc trục đến khả năng chịu lực của một số cấu kiện bê tông cốt thép cơ bản**/ Phạm Thị Lan// Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 33-36.

**Nội dung**: Trình bày sự ảnh hưởng của lực dọc lên khả năng chịu lực của một số cấu kiện cơ bản như cấu kiện chịu nén và cấu kiện chịu uốn bằng bê tông cốt thép.

**Từ khóa**: Lực dọc trục, biểu đồ tương tác, khả năng chịu lực, cấu kiện chịu nén, cấu kiện chịu uốn

**10. Ảnh hưởng của muội silic đối với đặc tính của bê tông xi măng trong các công trình ở khu vực biển**/ ThS. Nguyễn Long Khánh, PGS. TS. Nguyễn Thị Tuyết Trinh, TS. Nguyễn Đức Thị Thu Định// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 64-68.

**Nội dung**: Tổng hợp các kết quả nghiên cứu trên thế giới về ảnh hưởng của muội silic tới đặc tính bê tông, từ đó đưa ra các khuyến cáo cho việc sử dụng và nghiên cứu bê tông muội silic tại Việt Nam nhằm nâng cao độ bền, tuổi thọ cho các công trình đặc biệt trong môi trường khí hậu biển.

**Từ khóa**: Bê tông, muội silic, ăn mòn, độ bền, tuổi thọ công trình

**11. Ảnh hưởng của quy đổi tiết diện thực tế về tiết diện tròn đến độ tin cậy của kết cấu vỏ hầm Đèo Cả**/ Đỗ Nhật Tân// Xây dựng .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 25-30.

**Nội dung**: Trình bày việc tính toán, phân tích đưa ra lựa chọn phương pháp tính toán độ tin cậy cũng như ảnh hưởng của việc quy đổi tiết diện vỏ hầm thực tế về tiết diện tròn đến độ tin cậy của kết cấu vỏ hầm Đèo Cả. Tác giả đã sử dụng phương pháp tính gần đúng tích phân Monte Carlo hàm mật độ xác suất trong trường hợp các biến cơ bản là độc lập thống kê và phân bố chuẩn để tính độ tin cậy của kết cấu vỏ hầm với mô hình tiền định của Duddeck. Kết quả bài báo đưa ra những đánh giá, phân tích về độ tin cậy của kết cấu vỏ hầm Đèo Cả.

**Từ khóa**: Độ tin cậy, kết cấu vỏ hầm Đèo Cả, Monte Carlo làm mật độ xác suất

**12. Ảnh hưởng của tro bay đến cường độ nén của chất kết dính ở nhiệt độ cao**/ Đỗ Thị Phương, Vũ Minh Đức// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 86-88.

**Nội dung**: Đánh giá ảnh hưởng của tro bay đến cường độ nén của chất kết dính sử dụng OPC ở nhiệt độ cao. Các biến trong thí nghiệm bao gồm hàm lượng FA thay thế OPC từ 20 đến 50% (theo khối lượng), nhiệt độ từ 25oC đến 1000oC và một cách làm nguội mẫu (trong không khí). Nhìn chung, ở nhiệt độ 400oC đến 800oC, mẫu FA25 cho giá trị cường độ nén cao nhất. Phân tích vi cấu trúc bởi các phương pháp như Rơnghen (XRD) và kính hiển vi điện tử quét (SEM) được thể hiện trong nghiên cứu này.

**Từ khóa**: Tro bay, chất kết dính, nhiệt độ cao, cường độ nén, vi cấu trúc

**13. Ảnh hưởng của tro bay và silica fume đến sự phát triển nhiệt độ trong quá trình hydrate hóa của bê tông trong điều kiện bán đoạn nhiệt độ**/ Trần Văn Miền, Châu Ngọc Vinh, Võ Thị Thu Thảo, Cù Khắc Trúc// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 16-19.

**Nội dung**: Khảo sát đặc trưng nhiệt của bê tông có hàm lượng lớn tro bay kết hợp với silica fume bằng thí nghiệm đo nhiệt trong điều kiện bán – đoạn nhiệt độ. Môi trường bán đoạn nhiệt độ là môi trường đảm bảo sự thất thoát nhiệt không vượt quá 100 J/h/K (Rilem, 1997) và được monhg đợi sẽ giúp đánh giá nhanh các đặc trưng về nhiệt độ của cấp phối bê tông nhằm mục đích giảm chi phí và thời gian thí nghiệm cũng như tối ưu cấp phối.

**Từ khóa**: Tro bay, silicafume, nhiệt độ, bê tông

**14. Ảnh hưởng của tro bay và silicafume đến tính công tác của bê tông tự lèn sử dụng cho công trình siêu cao tầng**/ Cù Thị Hồng Yến, Trần Văn Miền, Hồ Hữu Chỉnh, Lê Văn Hải Châu, Lên Ngọc Thiện// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 60-64.

**Nội dung**: Hiện nay, bê tông tự lèn được sử dụng trong thi công các công trình siêu cao tầng, nhờ hỗn hợp BTTL có tính công tác tốt mà vẫn đảm bảo độ ổn định và đồng nhất. Việc sử dụng tro bay và silicafume thay thế cho một phần khối lượng xi măng để cải thiện tính công tác và cường độ cơ lý của bê tông tự lèn. Hàm lượng tro bay từ 20% đến 25 % và hàm lượng silicafume từ 6% đến 8% là tối ưu cho BTCT vẫn đảm bảo cường độ yêu cầu là 60MPa.

**Từ khóa**: Bê tông tự lèn, tính công tác, bơm, siêu cao tầng

**15. Ảnh hưởng của việc thay thế một phần xi măng bằng tro bay đến các đặc tính kỹ thuật của bê tông bọt siêu nhẹ**/ Huỳnh Trọng Phước, Phạm Văn Hiền, Lê Thị Thanh Tâm, Ngỗ Sĩ Huy, Nguyễn Trọng Chức// Xây dựng .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 67-71.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá những ảnh hưởng của việc thay thế một phần xi măng bằng phế thải tro bay từ nhà máy nhiệt điện đốt than đến các đặc tính kỹ thuật của vật liệu bê tông bọt siêu nhẹ bao gồm: cường độ chịu nén, khối lượng thể tích khô, độ hút nước và khả năng hấp thụ nhiệt.

**Từ khóa**: Bê tông bọt siêu nhẹ, tro bay, cường độ chịu nén, khả năng hấp thụ nhiệt, phân bố nhiệt

**16. Ảnh hưởng hiệu ứng phụ thuộc tỉ lệ lên giao động tự do của tấm composite nhiều lớp chiều dày micro**/ Lê Thanh Cường// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 14-19.

**Nội dung**: Trên cơ sở lý thuyết ứng suất cặp hiệu chỉnh mới và phương pháp số đẳng hình học, bài báo này trình bày một mô hình số được thiết lập để phân tích ảnh hưởng của hiện tượng phụ thuộc kích thước lên giao động tự do của tấm composite nhiều lớp với dạng hình học phức tạp với kích thước micro. Phương trình tổng quát được thiết lập dựa trên lý tấm Reissner-Mindlin và lý thuyết ứng suất couple hiệu chỉnh mới và được giải bằng phương pháp phần tử hữu hạn đẳng hình học. Một tham số kích thước tỉ lệ được dùng để tính toán ứng xử của tấm micro. Độ chính xác của phương pháp được kiểm tra thông qua sự so sánh kết quả đạt được với các phương pháp tham khảo. Thêm vào đó một số ví dụ số được thực hiện để kiểm tra sự ảnh hưởng của tham số tỉ lệ, hướng sợi điều kiện biên lên tần số dao động của tấm micro nhiều lớp.

**Từ khóa**: Giao động tự do, tấm micro, tham số tỉ lệ, điều kiện biên

**17. Áp dụng phương pháp phần tử biên trong phân tích dao động hệ thanh phẳng biến dạng đàn hồi**/ Trần Thị Thúy Vân// Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 66-70.

**Nội dung**: Trình bày cách áp dụng phương pháp phần tử biên trong phân tích tính toán dao động của hệ thanh phẳng. Từ đó đưa ra trình tự giải và viết chương trình tính toán tần số dao động riêng và nội lực cho hệ thanh phẳng chịu tải trọng động bằng phương pháp phần tử biên sử dụng phần mềm lập trình MathCad.

**Từ khóa**: Phân tích dao động, phương pháp phần tử biên, hệ thanh phẳng biến dạng đàn hồi, phần mềm lập trình tình toán MathCad

**18. Áp dụng phương pháp taguchi để thiết kế thí nghiệm nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của nhóm trụ xi măng đất**/ Nguyễn Thanh Ngà, Dương Hồng Thẩm// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 46-50.

**Nội dung**: Bài báo sử dụng phương pháp Taguchi để có thể giúp tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của nhóm trụ xi măng đất, thông qua bài toán cụ thể. Sử dụng phương pháp mô phỏng Phần tử hữu hạn, thông qua phần mềm Plaxis 3D kết hợp với phương pháp Taguchi để mô phỏng thực nghiệm nén nhóm trụ xi măng đất với cấp độ khác nhau về cấu hình (đường kính, khoảng cách, số lượng và chiều dài trụ).

**Từ khóa**: Thiết kế thí nghiệm, tỷ số tín hiệu/nhiễu S/N, phân tích biến lượng (ANOVA), phần tram đóng góp

**19. Áp dụng thuật toán ma trận trong phân tích ổn định hệ thanh bằng phần mềm Mathcad**/ Trần Thị Thúy Vân// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 133-136.

**Nội dung**: Trình bày cách áp dụng thuật toán ma trận và sử dụng phần mềm lập trình tính toán MathCad để triển khai tính toán trong phân tích ổn định hệ thanh. Từ quy trình tính toán do tác giả đề xuất đã thiết lập được chương trình con để áp dụng cho các bài toán với các số liệu đầu vào khác nhau.

**Từ khóa**: Phân tích ổn định, thuật toán ma trận, phần mềm lập trình tính toán MathCad

**20. Bài toán tối ưu khung thép phẳng phi tuyến có xét đến thiết kế panel zone**/ Hà Mạnh Hùng, Trương Việt Hùng// Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 8-10.

**Nội dung**: Trình bày bài toán tối ưu khung thép phẳng có xét đến chi phí gia cường panel zone trong quá trình tối ưu. Hàm mục tiêu của bài toán tối ưu là tổng giá thành của các cột, dầm và panel zone được đơn giản hóa như hàm tổng khối lượng. Các điều kiện ràng buộc gồm các yêu cầu về cấu tạo, cường độ và sử dụng. Thuật toán tiến hóa vi phân được sử dụng để giải bài toán tối ưu đề ra. Khung thép phẳng 1 nhịp 10 tầng được xem xét để minh họa cho bài toán tối ưu được đặt ra.

**Từ khóa**: Khung thép, tối ưu, tiến hóa vi phân, panel zone, phân tích trực tiếp

**21. Bước đầu sử dụng nano carbon làm phụ gia để cải thiện cường độ cho bê tông nhựa**/ ThS. Võ Hồng Lâm, PGS. TS. Lê Văn Bách, TS. Lê Văn Phúc// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 39-42.

**Nội dung**: Các nguyên liệu gốc thực vật như cây dó bầu, tầm vông, bã cà phê, vỏ trấu, bã mía... có thể dùng để chế tạo nano carbon. Đây là nguồn nguyên liệu có rất nhiều trong sinh học nhiệt đới Việt Nam, nếu tận dụng được loại vật liệu này không những giải quyết được vấn đề kinh tế mà còn giải quyết được vấn đề môi trường. Bài báo giới thiệu kết quả bước đầu sử dụng nano carbon để làm phụ gia nhằm tăng cường độ cho bê tông nhựa.

**Từ khóa**: Nano carbon, bê tông nhựa, phụ gia, cường độ

**22. Các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý chất lượng bảo trì dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tại Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh**/ Phạm Phú Cường, Nguyễn Thanh Phong// Xây dựng .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 3-6.

**Nội dung**: Hiện nay có không ít công trình kém chất lượng, đưa vào sử dụng thời gian ngắn đã hư hỏng gây tốn kém, phải sữa chữa và phải phá đi để làm lại. Chính vì vậy, bài báo này trình bày một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý chất lượng bảo trì công trình giao thông tại Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Dự án đầu tư, bảo trì, giao thông, quản lý dự án, quản lý xây dựng

**23. Các giải pháp tổ chức giao thông xe đạp trong đô thị**/ PGS. TS. Đỗ Quốc Cường, TS. Trần Khắc Dương// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 05 .- Tr. 47-50.

**Nội dung**: Đề xuất các giải pháp tổ chức giao thông xe đạp trên đường phố trong đô thị, qua đó phân tích làm rõ thêm một số vấn đề qui định về giao thông xe đạp trong tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 104:2007 – Đường đô thị, yêu cầu thiết kế.

**Từ khóa**: Giao thông xe đạp, quy hoạch đô thị

**24. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ điện trong căn hộ chung cư**/ Trần Đức Học, Đỗ Trung Hậu, Lê Tấn Tài// Xây dựng .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 31-35.

**Nội dung**: Việc sử dụng năng lượng điện nói chung và sử dụng năng lượng điện trong căn hộ nói riêng ở Việt Nam là vấn đề đang được quan tâm nhiều trong bối cảnh giá điện tăng cùng với nhiệt độ tăng, khí hậu khắc nghiệt – hệ quả của hiệu ứng nhà kính. Mức sử dụng điện trong căn hộ phụ thuộc vào đặc điểm căn hộ thiết bị trong căn hộ và cả người sử dụng. Bài báo này đưa ra những nhân tố và mức độ ảnh hưởng của chúng đến việc sử dụng năng lượng điện trong căn hộ bằng cách tổng hợp những nhân tố từ nhiều nguồn, khảo sát ý kiến các chuyên gia và thông qua khảo sát những người có liên quan trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng, năng lượng.

**Từ khóa**: Kiến trúc năng lượng, nhân tố năng lượng, tiết kiệm năng lượng, sử dụng điện trong căn hộ

**25. Các quan điểm xây dựng báo cáo ngân lưu dự án đầu tư xây dựng**/ Vương Thị Thùy Dương// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 223-227.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nêu lên sự khác nhau của ngân lưu dự án đầu tư xây dựng được thiết lập theo ba quan điểm Tổng đầu tư, Chủ đầu tư và Toàn bộ vốn chủ sỡ hữu. Xác định đúng suất chiết khấu tài chính của dự án theo từng quan điểm.

**Từ khóa**: Báo cáo ngân lưu, ngân lưu ròng

**26. Các vấn đề bất cập trong quá trình thực hiện lập, phê duyệt và thực hiện khung chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với các dự án ĐTXD CTGT đường bộ**/ KS. Phạm Thế Giang, ThS. Nguyễn Thanh Chính// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 43-47.

**Nội dung**: Nghiên cứu, đánh giá thực trạng của công tác lập, phê duyệt báo cáo khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Từ đó xác định được các tồn tại, bất cập trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ.

**Từ khóa**: Lập – phê duyệt báo cáo tái định cư trong các dự án ĐTXD CTGT đường bộ

**27. Chiếu sáng tự nhiên tuân thủ Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả - Quy trình tích hợp thiết kế và mô phỏng**/ Nguyễn Hoàng Minh Vũ, Nguyễn Lê Duy Luân, Võ Viết Cường, Đinh Ngọc Sang, Phạm Anh Tuấn// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 118-123.

**Nội dung**: Trên cơ sở đánh giá thực trạng rào cản, bài báo đề xuất quy trình tích hợp thiết kế - mô phỏng mới dựa trên các yêu cầu của quy chuẩn và tận dụng ưu điểm hỗ trợ của các phần mềm hỗ trợ thiết kế, mô phỏng công trình. Tính khả thi của quy trình thiết kế mới sẽ được chứng minh trong các nghiên cứu ứng dụng điển hình sau. Nội dung công việc của từng hạng mục trong quy trình đề xuất được trình bày một cách ngắn gọn nhưng bao quát; trong đó các nội dung quan trọng nhất được trình bày chi tiết với hướng dẫn cụ thể.

**Từ khóa**: Chiếu sáng tự nhiên, sử dụng năng lượng hiệu quả, hướng dẫn thiết kế, mô phỏng hiệu quả năng lượng

**28. Chống ăn mòn cho cốt thép đặt trong bê tông nhẹ kết cấu cách nhiệt**/ TS. Hoàng Minh Đức// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 04 .- Tr. 27-32.

**Nội dung**: Ứng dụng bê tông nhẹ trong chế tạo các cấu kiện bê tông cốt thép đòi hỏi phương án khả thi bảo vệ chống ăn mòn cho cốt thép. Nghiên cứu trong bài báo này cho thấy khả năng bảo vệ cốt thép của bê tông nhẹ tăng đáng kể khi tăng khối lượng thể tích của bê tông…

**Từ khóa**: Chống ăn mòn, cốt thép, bê tông nhẹ cách nhiệt

**29. Cơ sở khoa học cho việc kết nối các phương thức giao thông với điểm trung chuyển vận tải hành khách công cộng**/ Tống Ngọc Tú, Nguyễn Hùng Thắng// Xây dựng .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 72-78.

**Nội dung**: Điểm trung chuyển ngoài chức năng chính là chức năng giao thông thì còn có các chức năng hỗ trợ khác là chức năng không gian và chức năng thương mại. Ba chức năng này có tác động qua lại, tương hỗ với nhau để làm nên sự thành công của một điểm trung chuyển. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài báo này, tác giả chỉ tập trung các nghiên cứu của mình về chức năng giao thông, cụ thể là tính chuyển giao, tiếp cận và kết nối giữa các phương tiện giao thông khác nhau đến điểm trung chuyển và ngược lại.

**Từ khóa**: Điểm trung chuyển, vận tải hành khách công cộng, kết nối

**30. Công nghệ bê tông tự đầm trong thi công nhà cao tầng**/ Tường Minh Hồng// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 104-108.

**Nội dung**: Thực tiễn xây dựng tại Việt Nam đang phát triển thi công các công trình cao tầng ở nhiều thành phố lớn. Vấn đề nâng cao chất lượng, đẩy nhanh tiến độ thi công, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả đầu tư, hạn chế tối đa các rủi ro, tai nạn lao động trong quá trình thi công…luôn được các đơn vị liên quan tìm hiểu và đưa ra các giải pháp tích cực. Một trong số các yếu tố ảnh hưởng lớn đến việc này là công nghệ thi công bê tông. Bài báo này sẽ giới thiệu công nghệ bê tông tự đầm với nhiều ưu điểm có thể giải quyết một số vấn đề nêu trên.

**Từ khóa:** Bê tông tự đầm, thi công nhà cao tầng

**31. Công nghệ in bê tông 3D trong xây dựng và những thách thức**/ Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Tiên Hồng, Doãn Thị Thùy Hương// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 123-126.

**Nội dung**: Từ những báo cáo nghiên cứu trên thế giới, bài báo này tổng hợp các vấn đề về mối quan hệ giữa vữa và sự ảnh hưởng của các tính chất của vữa đến hình học của đối tượng được tạo ra bằng phương pháp in 3D bằng vật liệu bê tông. Kết quả thu được góp phần làm phong phú thêm tài liệu cho các nghiên cứu liên quan về lĩnh vực này tại Việt Nam, hạn chế được các rủi ro trong quá trình thực hiện các dự án tương tự trong tương lai.

**Từ khóa**: Công nghệ in 3D, vữa bê tông, tính lưu biến, vữa trạng thái ướt, khả năng tạo hình, ép đùn

**32. Đặc tính cường độ nén và uốn kéo của bê tông tính năng siêu cao sử dụng cốt liệu lớn**/ Bùi Đức Vinh, Chu Thị Hải Vinh, Lê Văn Phước Nhân// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 20-25.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này, cát thạch anh và đá nghiền kích thước từ 2,5mm – 8,0mm được sử dụng làm cốt liệu chính, hàm lượng sợi thép thay đổi tương ứng là 1,5%; 2,0% và 3,0% thể tích. Các tính chất của bê tông tươi và đặc trưng cơ học của bê tông cứng bao gồm cường độ nén, kéo khi uốn, mô đun đàn hồi, ứng xử chịu nén đơn trục của vật liệu được khảo sát. Kết quả thực nghiệm được cung cấp dữ liệu cần thiết cho thiết kế kết cấu.

**Từ khóa**: UHPC – Bê tông tính năng siêu cao, bê tông sợi thép, sợi thép

**33. Đặc trưng hóa các tính chất phá hủy của bê tông sợi thép tính năng siêu cao sử dụng cốt liệu lớn**/ Chu Thị Hải Vinh, Bùi Đức Vinh, Nguyễn Thanh Hải// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 13-18.

**Nội dung**: Bê tông tính năng siêu cao sử dụng sợi thép là loại bê tông tiên tiến có nhiều ưu điểm vượt trội về độ bền và khả năng chịu lực. Sợi thép được bổ sung vào thành phần cấp phối để giảm thiểu độ giòn và tăng độ dai của vật liệu. Trong nghiên cứu này các khảo sát thực nghiệm được tiến hành trên các nhóm có mẫu hàm lượng sợi thép thay đổi tương ứng là 1,5%; 2,0% và 3,0% thể tích. Các tính chất phá hủy bao gồm chỉ số dẻo dai, năng lượng phá hủy, ứng xử CMOD…của vật liệu được khảo sát chi tiết. Chương trình thí nghiệm được áp dụng theo các qui định của tiêu chuẩn hiện hành. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra mức độ ảnh hưởng của hàm lượng sợi thép đến tính công tác của hỗn họp và tính chất cơ học phá hủy của bê tông.

**Từ khóa**: Bê tông tính năng siêu sao, sợi thép, năng lượng phá hủy

**34. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chi phí của chủ đầu tư trong giai đoạn thi công nhà cao tầng – trường hợp nghiên cứu ở TP. Hồ Chí Minh**/ Hoàng Văn Ngọc, Đỗ Tiến Sỹ, Chu Việt Cường// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 18-22.

**Nội dung**: Trình bày kết quả cuộc khảo sát về nguyên nhân ảnh hưởng đến quản lý chi phí của chủ đầu tư trong giai đoạn thi công nhà cao tầng – trường hợp nghiên cứu ở TP. HCM. Cuộc khảo sát được thực hiện thông qua bảng câu hỏi khảo sát và phân tích số liệu thống kê. Kết quả khảo sát đã xếp hạng được các nguyên nhân gây ảnh hưởng đến quản lý chi phí. Đồng thời sử dụng phương pháp phân tích nhân tố (EFA), sau khi phân tích đã tìm ra được các nhóm nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến việc quản lý chi phí của chủ đầu tư trong giai đoạn thi công nhà cao tầng như: Năng lực, Bên ngoài, Chủ đầu tư, Thi công.

**Từ khóa**: Nhà cao tầng, quản lý chi phí, EFA, giai đoạn thi công

**35. Đánh giá chất lượng mặt đường bán mềm sử dụng vữa tự chèn trong phòng thí nghiệm**/ TS. Nguyễn Mạnh Tuấn, KS. Nguyễn Duy Phương// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 72-76.

**Nội dung**: Đưa ra những đánh giá trong phòng thí nghiệm của mặt đường bán mềm sử dụng khung bê tông nhựa cấp phối hở với nhựa đường có phụ gia Tafpack Super, kết hợp các loại vữa tự chèn gốc Styrene Butadiene. Bên cạnh đó, bài báo còn nghiên cứu thử nghiệm, xem xét ảnh hưởng số lần đầm nén đến sự xâm nhập vữa xi măng vào trong lỗ rỗng dư của khung bê tông nhựa rỗng.

**Từ khóa:** Mặt đường bán mềm, vữa tự chèn, bê tông nhựa rỗng, tafpack super, độ chảy

**36. Đánh giá độ nhám mặt đường bê tông nhựa chặt ngoài hiện trường**/ Nguyễn Mạnh Tuấn, Nguyễn Phương Nhi, Huỳnh Lê Huy , Trần Văn Hồng Phúc, Hà Xuân Khang// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 114-117.

**Nội dung**: Nghiên cứu, đánh giá độ nhám thực tế của một số mặt đường bê tông nhựa chặt thông qua hai thiết bị thí nghiệm có sẵn ở nhiều phòng thí nghiệm ở Việt Nam là con lắc Anh và rắc cát.

**Từ khóa**: Độ nhám mặt đường, độ nhám vi mô, độ nhám vĩ mô, rắc cát, bê tông nhựa chặt

**37. Đánh giá độ tin cậy kết cấu đường sắt dưới sự tấn công ăn mòn**/ Phạm Mỹ, Đặng Công Thuật// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 112-117.

**Nội dung**: Đánh giá độ tin cậy của kết cấu thép trong hệ thống cầu đường sắt trên khu vực Miền Trung, Việt Nam dựa vào kết quả khảo sát và mô phỏng số. Từ đó có thể đánh giá dự đoán được độ tin cậy, khả năng chịu lực còn lại của kết cấu để đề ra được những biện pháp sữa chữa, nâng cấp hay thay mới hợp lý, nhằm đảm bảo các yêu cầu về an toàn và kỹ thuật trong quá trình khai thác sử dụng, đồng thời giảm chi phí khai thác vận hành hệ thống cầu đường sắt.

**Từ khóa**: Độ tin cậy, cầu đường sắt, kết cấu thép, ăn mòn

**38. Đánh giá hiệu quả của công nghệ phụt vữa thân cọc qua việc phân tích thí nghiệm Osterberg Cell của cọc**/ Vũ Bạch Hoàng Lan// Xây dựng .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 13-17.

**Nội dung**: Phân tích kết quả thí nghiệm nén tĩnh cọc có kết hợp đo biến dạng tại 10 cao trình khác nhau của cọc barette có phụt vữa (kích thước tiết diện 800mm x 2800mm) cho thấy hiệu quả rõ rệt của công nghệ phụt vữa thân cọc, khi sức chịu tải của cọc tăng khoảng 40% so với cọc trơn (không phụt vữa), sức kháng thành của các đoạn cọc phụt vữa tăng từ 2 đến 2,5 lần so với đại lượng tương ứng của các đoạn cọc lân cận không phụt vữa nằm trong cùng một lớp đất.

**Từ khóa**: Cọc barette phụt vữa, thử tĩnh cọc, phân tích kết quả đo biến dạng cọc

**39. Đánh giá hiệu quả của thí nghiệm thử động cọc truyền thống ở khu vực huyện Cần Đước, tỉnh Long An**/ Võ Nguyễn Phú Huân, Võ Thế Anh// Xây dựng .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 90-94.

**Nội dung**: So sánh, đối chiếu kết quả sức chịu tải cọc tính toán từ độ chối thử động với sức chịu tải cọc từ thí nghiệm PDA (với số lượng 4 cọc thử trên một chương trình), so sánh với kết quả sức chịu tải cọc mô phỏng bằng phần mềm Plaxis 2D. Từ đó đánh giá, kết luận về mức độ tin cậy của sức chịu tải cọc tính toán từ độ chối thử động truyền thống.

**Từ khóa**: Thử động cọc, phương pháp thử động biến dạng lớn, sức chịu tải cọc, độ chối cọc.

**40. Đánh giá hiệu quả sử dụng bê tông nhựa tái chế nguội tại chỗ bằng xi măng và nhũ tương trong xây dựng đường ô tô**/ TS. Lê Văn Phúc, KS. Đỗ Thanh Triều, ThS. Nguyễn Bá Ngọc Thảo// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 69-71.

**Nội dung**: Trên cơ sở kết quả thí nghiệm trong phòng của bê tông nhựa nguội tại chỗ bằng xi măng và nhũ tương nhựa đường và kết quả phân tích tuổi thọ của các giải pháp nâng cấp, cải tạo mặt đường cũ sử dụng giải pháp bê tông nhựa nguội tái chế tại chỗ bằng phương pháp cơ học thực nghiệm, bài báo đánh giá hiệu quả kinh tế và kỹ thuật khi sử dụng giải pháp bê tông nhựa nguội trong xây dựng đường ô tô, làm cơ sở cho việc sử dụng rộng rãi trong điều kiện khai thác hiện nay ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa nguội, mi măng, nhũ tương, phương pháp cơ học thực nghiệm, tuổi thọ

**41. Đánh giá khả năng sử dụng lưới địa kỹ thuật để gia cường mặt đường bê tông nhựa trong điều kiện Việt Nam**/ PGS. TS. Nguyễn Văn Hùng, TS. Nguyễn Văn Long// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 43-46.

**Nội dung**: Một trong những giải pháp góp phần giải quyết tình trạng xuất hiện sớm các biến dạng, hư hỏng và kéo dài tuổi thọ của kết cấu áo đường là sử dụng lưới địa kỹ thuật để gia cường mặt đường bê tông nhựa. Công nghệ này đã được sử dụng thành công ở nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, ở Việt Nam, công nghệ này còn rất mới, mới chỉ bước đầu được thử nghiệm ở một số công trình. Bài báo phân tích khả năng và phạm vi áp dụng có hiệu quả công nghệ này trong điều kiện Việt Nam.

**Từ khóa**: Mặt đường bê tông nhựa, lưới địa kỹ thuật, gia cường, thời gian khai thác

**42. Đánh giá khả năng tiếp cận và sử dụng các mỏ vật liệu phục xây dựng cầu dân sinh tại các tỉnh miền núi phía Bắc**/ Nguyễn Đức Thị Thu Định, Trần Minh Long, Đào Tùng// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 23-30.

**Nội dung**: Xây dựng sơ đồ vị trí các mỏ được khảo sát trên một số tuyến đường chính và xây dựng sơ đồ các cầu thuộc chương trình 135 và dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) đã được xây dựng ở khu vực các khu vực vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc. Đồng thời phân tích và đề xuất một số vị trí cần thiết xây dựng công trình cầu để kết nối đến các điểm trường học và khu vực tập trung cư dân. Trên cơ sở sơ đồ mạng thiết lập, bài báo đánh giá khả năng cung ứng nguồn vật liệu tại các mỏ trong khu vực đến các công trình cầu dự kiến xây dựng phục vụ giáo dục, một số vị trí vượt suối ở vùng sâu vùng xa chưa có hệ thống cầu nối qua để kết nối đến các điểm trường học được đưa vào dự kiến kiến nghị xây dựng và đánh giá khả năng sử dụng vật liệu địa phương như một ví dụ minh họa.

**Từ khóa**: Mỏ vật liệu xây dựng, cầu dân sinh, miền núi phía Bắc

**43. Đánh giá một số biện pháp quan trắc xói dưới cầu và khả năng áp dụng cho cảnh báo sớm xói tại trụ cầu ở vùng núi phía Bắc Việt Nam**/ Đặng Thu Thủy// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 5-8.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá một số biện pháp đo xói cục bộ tại trụ cầu và kiến nghị áp dụng cảnh báo sớm xói cục bộ tại trụ cho công trình giao thông trong điều kiện thiên tai bất thường ở vùng núi phía Bắc Việt Nam.

**Từ khóa**: Xói cục bộ, quan trắc xói, phía bắc Việt Nam

**44. Đánh giá mức độ quan trọng của các nhân tố ảnh hưởng đến tuổi thọ mặt đường bê tông nhựa công trình giao thông đường bộ khu vực miền Trung – Tây Nguyên**/ TS. Nguyễn Văn Châu, KS. Đặng Văn Kỳ// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 82-87.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp đánh giá mức độ quan trọng của các nhóm nhân tố chính và các nhân tố con trong mỗi nhóm nhân tố chính ảnh hưởng đến tuổi thọ mặt đường bê tông nhựa công trình giao thông đường bộ khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

**Từ khóa**: Mặt đường bê tông nhựa, nhân tố, mức độ quan trọng, mức độ ảnh hưởng, giao thông đường bộ, AHP

**45. Đánh giá quan hệ yếu tố hình học đường cong bằng vận tốc xe container theo điều kiện đảm bảo kháng lật**/ / TS. Dương Tất Sinh, KS. Hoàng Chiến Thắng// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 47-52.

**Nội dung**: Trình bày về kết quả nghiên cứu quan hệ yếu tố hình học đường cong bằng – Vận tốc xe container theo điều kiện đảm bảo kháng lật, sau đó đánh giá sự tương thích của các tiêu chuẩn thiết kế đường và đường ô tô đang khai thác với vận tốc xe container cho phép hiện nay ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Đường cong, thiết kế đường

**46. Đánh giá sơ bộ chất lượng nền đất yếu gia cố bằng cọc cát đầm từ các kết quả thí nghiệm xuyên động**/ Đỗ Minh Ngọc// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 3-8.

**Nội dung**: Cọc cát đầm hiện nay được sử dụng khá phổ biến trong gia cố nền đất yếu. Tuy nhiên, Việt Nam chưa có tiêu chuẩn cụ thể trong thi công và nghiệm thu. Do vậy, việc đánh giá nhanh chất lượng thi công cọc cát ngoài hiện trường là cần thiết. Bài báo thông qua việc so sánh kết quả tính toán lý thuyết và kết quả các thí nghiệm xuyên động ngoài hiện trường để đánh giá nhanh hiệu quả xử lý nền sau gia cố. Từ đó đưa ra những kiến nghị có giá trị tham khảo cho các công trình tương tự.

**Từ khóa**: Cọc cát dầm, nền đất yếu, thí nghiệm xuyên động

**47. Đánh giá sự ảnh hưởng của nano SiO2 đến các tính chất bê tông chất lượng cao**/ ThS. Ngô Văn Thức, PGS. TS. Bùi Tiến Thành, TS. Nguyễn Văn Hậu// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 100-104.

**Nội dung**: Phân tích và đánh giá sự ảnh hưởng của nano SiO2 đến một số tính chất hỗn hợp bê tông tươi và bê tông chất lượng cao. Đưa ra một số thí nghiệm về bê tông sử dụng nano SiO2 trong điều kiện thực tế Việt Nam nhằm đánh giá tác dụng thực tế của nano nano SiO2 làm cơ sở nghiên cứu ứng dụng đại trà về sau.

**Từ khóa**: Nano SiO2, bê tông chất lượng cao

**48. Đánh giá sự hiệu quả trong giai đoạn vận hành của những dự án được cấp chứng chỉ công trình xanh tại Việt Nam**/ Trần Quyết, Nguyễn Anh Thư// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 65-72.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu liên quan đến hiệu quả trong giai đoạn vận hành của những dự án được cấp chứng chỉ công trình xanh tại Việt Nam. Đã có nhiều nhà nghiên cứu bàn về vận hành hiệu quả những dự án được cấp chứng chỉ công trình xanh, kế thừa các kết quả của các nghiên cứu trước đây. Từ kết quả nghiên cứu, bài báo đưa ra các nhóm chỉ tiêu và chỉ tiêu cụ thể, xây dựng khung chỉ tiêu cho thấy mối quan hệ tương quan giữa các nhóm chỉ tiêu giúp các bên liên quan có mô hình khoa học để đánh giá khách quan các hiệu quả thực tiễn công trình xanh mang lại trong quá trình vận hành.

**Từ khóa**: Công trình xanh, hiệu quả trong giai đoạn vận hành của công trình xanh

**49. Đánh giá sự làm việc của dầm cao khoét lỗ thiết kế theo mô hình giàn ảo**/ Hồ Hữu Trị// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 26-32.

**Nội dung**: Phân tích dầm cao khoét lỗ theo 2 mô hình giàn ảo và thí nghiệm để so sánh sự lựa chọn mô hình giàn ảo trong thiết kế dầm cao khoét lỗ. Hiện các tiêu chuẩn chưa có hướng dẫn cụ thể cho việc thiết kế dầm cao khoét lỗ cũng như xác thực giữa thiết kế dầm cao khoét lỗ theo mô hình giàn ảo với các kết quả thí nghiệm. Ngoài ra, với cùng một dầm cao khoét lỗ ta có thể đưa ra rất nhiều mô hình giàn ảo khác nhau dẫn đến sự bố trí cốt thép và sự làm việc của dầm cũng khác nhau và hiện chưa có nhiều tài liệu đánh giá sự làm việc của dầm cao khoét lỗ được thiết kế theo các mô hình giàn ảo khác nhau.

**Từ khóa**: Mô hình giàn ảo, dầm cao khoét lỗ

**50. Đánh giá sự tương quan của tải trọng gió và động đất tác động lên kết cấu nhà nhiều tầng tại TP. HCM**/ Đồng Tâm Võ Thanh Sơn, Lê Minh// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 89-93.

**Nội dung**: Đánh giá sự tác động của gió và động đất lên kết cấu công trình dạng chung cư nhiều tầng (15 đến 35 tầng) tại thành phố Hồ Chí Minh. Đối tượng trong bài viết này là những công trình nhiều tầng ở thành phố Hồ Chí Minh với hệ kết cấu phổ biến hiện nay là khung vách kết hợp lõi cứng.

**Từ khóa**: Tải trọng gió, động đất, nhà cao tầng

**51. Đánh giá ứng xử của kết cấu nhịp cầu dây văng có 3 tháp thấp do co ngót từ biến**/ Nguyễn Đức Thị Thu Định// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 36-45.

**Nội dung**: Trình bày ứng xử do co ngót, từ biến của kết cấu cầu dây văng có 3 tháp thiết kế thông thường – thiết kế với tỷ lệ chiều cao tháp với chiều dài nhịp chính đúng theo khuyến nghị như nhiều nghiên cứu đã chỉ ra và trường hợp có 3 tháp thấp. Các kết quả phân tích ứng xử của kết cấu nhịp dầm của 2 trường hợp được so sánh và đánh giá.

**Từ khóa**: Cầu dây văng, kết cấu nhịp cầu, tháp thấp, co ngót từ biến

**52. Đề xuất một số công cụ hỗ trợ quản lý quy mô dự án sử dụng cho công trình bệnh viện**/ Lê Hoài Long, Trương Quang Linh// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 175-178.

**Nội dung**: Đề xuất một công cụ hỗ trợ quản lý quy mô dự án sử dụng cho công trình bệnh viện, để giúp cho chủ đầu tư, nhà thầu và tư vấn trong việc lập kế hoạch ban đầu dự án bệnh viện. Cụ thể là mô tả và liệt kê các yếu tố định nghĩa quy mô cho công trình xây dựng bệnh viện.

**Từ khóa**: Quản lý quy mô dự án, công trình bệnh viện, công cụ định nghĩa quy mô dự án tòa nhà (PDRI-Building)

**53. Đổi mới phương pháp luận quy hoạch và quản lý phát triển đô thị - Từ thực tiễn đến yêu cầu đổi mới (Phần 1)**/ PGS. TS. KTS. Lưu Đức Cường, TS. KTS. Nguyễn Trung Dũng// Quy hoạch Xây dựng .- 2019 .- Số 100 .- Tr. 10-18.

**Nội dung**: Phân tích những nhân tố yêu cầu phải đổi mới. Nhận diện và định hướng đối mới một số vấn đề tồn tại trong quy hoạch và phát triển đô thị hiện nay như: quy trình và phương pháp lập quy hoạch đô thị, tính tích hợp trong quy hoạch đô thị, cơ sở dữ liệu đô thị trong quy hoạch – quản lý phát triển đô thị, kiểm soát phân vùng phát triển, hệ thống chỉ tiêu quy hoạch, kiểm soát phát triển không gian cao tầng….

**Từ khóa**: Quy hoạch, phát triển, đô thị, đổi mới

**54. Dự báo tiến độ thi công đào cọc barrette theo lý thuyết độ tin cậy**/ Phạm Hoàng// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 103-109.

**Nội dung**: Trình bày kết quả dự báo tiến độ thi công của quá trình đào cọc barrette theo lý thuyết độ tin cậy.

**Từ khóa**: Dự báo tiến độ thi công, đào cọc barrette

**55. Dự đoán khả năng phun vữa của vữa xi măng mịn tự hút dựa trên các kỹ thuật trí tuệ nhân tạo**/ Trần Đức Học// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 118-120.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nỗ lực dự đoán khả năng phun vữa bằng cách sử dụng các kỹ thuật trí tuệ nhân tạo khác nhau, một số mô hình dự đoán đã được tạo ra như máy vector hỗ trợ, kỹ thuật cây quyết định CHAID, cây phân loại và hồi quy (C&R) để kiểm nghiệm độ chính xác của các mô hình hiện tại.

**Từ khóa**: Dự đoán, trí tuệ nhân tạo, phun vữa

**56. Giải pháp hạn chế răn nứt trên khối xây sử dụng gạch xi măng cốt liệu**/ Trần Văn Miền, Cù Khắc Trúc, Cù Thị Hồng Yến,…// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 67-70.

**Nội dung**: Trình bày các giải pháp để hạn chế răn nứt trên khối xây sử dụng gạch xi măng cốt liệu, giải pháp tập trung vào việc cải thiện chất lượng gạch không nung và giải pháp về quy trình xây tô cho khối xây dựng sử dụng gạch xi măng cốt liệu.

**Từ khóa**: Răn nứt, gạch xi măng cốt liệu, co nở

**57. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo về kiến thức thực tế cho kỹ sư cầu đường sân bay ở Học viện Kỹ thuật quân sự**/ Phạm Đức Phong// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 39-44.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý luận, đi sâu vào phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng về đào tạo về kiến thức thực tế cho kỹ sư cầu đường sân bay. Thông qua các phân tích, nghiên cứu đã làm rõ nội dung cần phải đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng chuyên sâu phù hợp với chuẩn đầu ra nhằm đáp ứng được yêu cầu của thực tế. Nâng cao năng lực thực hành cho kỹ sư cầu đường sân bay thông qua điều chỉnh chương trình đào tạo, tăng nội dung thí nghiệm, thực hành, thực tập, thực hiện đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp…

**Từ khóa**: Kiến thức thực tế, chất lượng đào tạo, kỹ sư cầu đường sân bay

**58. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước – trường hợp nghiên cứu điển hình tại Ban quản lý các Dự án xây dựng công trình y tế thuộc Sở Y tế Nghệ An**/ Nguyễn Duy Khánh// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 89-98.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn nhà nước tại Ban quản lý dự án. Phân tích thực trạng công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và Ban quản lý các Dự án xây dựng công trình y tế thuộc Sở Y tế Nghệ An. Giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa**: Vốn ngân sách Nhà nước, đầu tư xây dựng, công trình y tế, quản lý dự án, Sở Y tế Nghệ An

**59. Giải pháp xử lý sạt lở cho đường ven sông Cổ Chiên thành phố Trà Vinh**/ Đỗ Hữu Đạo, Huỳnh Văn Hiền, Phan Khắc Hải// Xây dựng .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 18-24.

**Nội dung**: Bài báo nghiên cứu các nguyên nhân gây sạt lở đường ven sông khu vực cù lao Long Trị để tìm ra các giải pháp xử lý phù hợp với điều kiện ở Trà Vinh. Cùng với sự hỗ trợ của phương pháp số phần mềm Plaxis 2D phiên bản 8.2, các biện pháp kiên cố hóa công trình bờ kè được tính toán kỹ lưỡng đảm bảo ổn định lâu dài đáp ứng nhu cầu sử dụng cho địa phương, nhằm giảm thiểu thiệt hại và tiết kiệm chi phí cho ngân sách Nhà nước.

**Từ khóa**: Sạt lở, kè, bờ sông, đất yếu, giải pháp, gia cố, xử lý

**60. Hiệu quả của vải cốt sợi Bazan (BCF) trong gia cường kết cấu xây dựng**/ Nguyễn Thị Ngọc Quyên// Xây dựng .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 53-58.

**Nội dung**: Trình bày về sự ra đời của sợi Bazan-BCF, quy trình sản xuất sợi Bazan, các sản phẩm được tạo ra từ gốc sợi Bazan, vật liệu composite có nguồn gốc sợi Bazan, phân tích các đặc trưng cơ học tấm gia cường có nguồn gốc cốt sợi Bazan (BFRP); Trình tự sữa chữa kết cấu bê tông cốt thép bằng phương pháp gia cường sợi Bazan-BFRP.

**Từ khóa**: Sợi Bazan, vật liệu tổng hợp FRP, sợi có nguồn gốc Bazan BCF, BFRP, BFRCM, BFRC, kết cấu bê tông cốt thép

**61. Kết cấu tạm trong thi công: Kiểm định xác định nguyên nhân sự cố hệ dàn giáo – ván khuôn trượt**/ TS. Nguyễn Đại Minh, TS. Vũ Thành Trung, TS. Đỗ Tiến Thịnh, KS. Trần Thế Anh// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 04 .- Tr. 3-8.

**Nội dung**: Bài báo này trình bày kết quả kiểm định nguyên nhân sự cố hệ giàn giáo – ván khuôn trượt đã nhập và sử dụng ở nước ta khi thi công đúc thùng giếng chìm.

**Từ khóa**: Hệ giàn giáo-ván khuôn trượt, cột ray nâng hạ kích, ổn định

**62. Kết hợp dữ liệu đám mây điểm từ các thiết bị 3D laser scanning và phương tiện bay không người lái (UAV) nhằm thu thập thông tin mô hình công trình xây dựng**/ Đỗ Tiến Sỹ, Nguyễn Anh Thư, Hoàng Hiệp,…// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 39-42.

**Nội dung**: Nghiên cứu sẽ tập trung vào quy trình kết hợp dữ liệu đám mây điểm trên mặt đất từ ba loại thiết bị khác nhau (Faro Focus S350A, Leica RTC 360, Leica Station P50) và dữ liệu đám mây điểm trên không (aerial laser scanning data) thu được từ việc kết hợp thiết bị bay không người lái UAV Stormbee S20 và Faco Focus S350A. Quy trình đề xuất đạt được những dữ liệu tích hợp có giá trị và có thể đề xuất sử dụng trong công tác khảo sát, thiết kế và kiểm định công trình.

**Từ khóa:** 3D laser Scanning, BIM, Scan to BIM, Point Cloud, Faro Focus S350A, Leica RTC 360, Leica Station P50, Stormbee UAV S20

**63. Kết hợp mạng neural nhân tạo và địa thống kê để dự báo ứng suất ngang nhỏ nhất của đá**/ Phạm Sơn Tùng, Nguyễn Đắc Nhật// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 97-102.

**Nội dung**: Giới thiệu phương pháp dự báo ứng suất ngang nhỏ nhất (Shmin) của đá bằng phương pháp mạng neural nhân tạo. Phương pháp địa thống kê Cokriging cũng sẽ được áp dụng để nội suy ứng suất ngang nhỏ nhất thông qua các mô hình 2D.

**Từ khóa**: Mạng neural nhân tạo, địa thống kê, ứng suất ngang nhỏ nhất, địa vật lý giếng khoan

**64. Khái quát về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình (QCVN 06:2010/BXD) và một số điểm mới trong dự thảo sau khi soát xét/** TS. Nguyễn Đại Minh, TS. Nguyễn Cao Dương, ThS. Hoàng Anh Giang// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 04 .- Tr. 64-69.

**Nội dung**: Giới thiệu tổng quan về nội dung kỹ thuật của quy chuẩn hiện hành cùng một số điểm mới trong dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, dự kiến ban hành trong năm 2019.

**Từ khóa**: An toàn cháy, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

**65. Khai thác công nghệ thực tế ảo thông qua phần mềm Lumion trong thiết kế công trình ở Việt Nam**/ Nguyễn Văn Giang, Hà Trần Hoàng Phi Long// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 59-62.

**Nội dung**: Giới thiệu tổng quát về ứng dụng thực tế ảo trong đời sống thực. Mô tả các ứng dụng tiềm năng cho ngành xây dựng, đặc biệt trong việc khai thác các chức năng tuyệt vời của phần mềm Lumion trong thiết kế công trình.

**Từ khóa**: Thực tế ảo, vấn đề xây dựng, mô hình đám mây trong BIM, dựng hình bằng Lumion

**66. Khảo sát hiệu quả giảm phản ứng của hệ cản cột chất lỏng khi kết cấu chịu tải trọng động, so sánh với tác dụng của hệ cản khối lượng tương ứng**/ Ngô Ngọc Cường, Đoàn Huỳnh Thuận// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Nghiên cứu về hiệu quả giảm phản ứng của hệ cản cột chất lỏng khi kết cấu chịu tải trọng động, so sánh với hiệu quả của hệ cản khối lượng tương ứng. Tìm ra đặc điểm tốt nhất của hệ cản bị động và đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hệ cản cột chất lỏng trong lĩnh vực điều khiển kết cấu.

**Từ khóa**: Hệ cản cột chất lỏng

**67. Khảo sát thực nghiệm khả năng kháng cắt của nút khung biên sử dụng bê tông cốt sội thép tính năng siêu cao (UHPSFRC) chịu tải trọng lặp theo chu kì**/ Trần Trung Hiếu// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 87-91.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu khả năng kháng cắt của nút khung biên được thiết kế theo tiêu chuẩn Eurocode 8 với cấp độ dẻo cao. Kết quả thực nghiệm này đưa ra ý tưởng về việc tăng cường cho nút khung, cung cấp thêm dữ liệu thực nghiệm và hỗ trợ công tác thực hành thiết kế theo tiêu chuẩn kháng chấn của Việt Nam.

**Từ khóa**: Nút khung biên, DCH, UHPSFRC, EC8, tải trong lặp

**68. Khảo sát ứng xử của dầm có lỗ mở nhỏ bằng phương pháp số**/ Lê Minh Hoàng, Lê Văn Bình, Ngô Hữu Cường// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 58-62.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm lỗ mở nhỏ trong dầm và ứng xử của dầm có lỗ mở khi chịu tải trọng, khảo sát dầm có lỗ mở nhỏ bằng phương pháp tính toán thực hành, khảo sát dầm có lỗ mở nhỏ bằng phương pháp mô phỏng số, khảo sát dầm có nhiều lỗ mở nhỏ bằng phương pháp mô phỏng số.

**Từ khóa**: Ứng xử phi tuyến của bê tông, mô phỏng số, thí nghiệm dầm xuất hiện lỗ mở, sự suy giảm độ cứng, mô hình phá hoại dẻo của bê tông

**69. Kiến trúc bền vững cho nhà ở nông thôn tĩnh Vĩnh Long – Đánh giá thực trạng và định hướng giải pháp**/ Lê Thị Hồng Na, Đặng Hải Đăng// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 79-84.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng kiến trúc nhà ở nông thôn tỉnh Vĩnh Long, những vấn đề về tính bản địa, tổ chức không gian nhà ở, các giải pháp định hướng cho thiết kế nhà ở nông thôn bền vững, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

**Từ khóa**: Kiến trúc bền vững, nhà ở nông thôn, biến đổi khí hậu

**70. Mặt tương tác 3D của cấu kiện BTCT tiết diện hình chữ nhật theo tiêu chuẩn Eurocode 2 của Châu Âu**/ Nguyễn Việt Hưng// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 124-130.

**Nội dung**: Trình bày chi tiết phương pháp thiết lập biểu đồ tương tác giữa sức kháng nén và sức kháng uốn của cấu kiện BTCT tiết diện chữ nhật theo tiêu chuẩn Eurocode 2 của châu Âu trong trường hợp tổng quát khi mặt phẳng uốn nghiêng với trục chính của tiết diện một góc bất kỳ. Dựa trên cơ sở đó, bài báo cũng trình bày cách thức thiết lập mặt tương tác 3D giữa sức kháng nén và sức kháng uốn theo hai phương của tiết diện bằng cách thay đổi góc nghiêng của mặt phẳng uốn và thể hiện các biểu đồ tương tác trong hệ trục tọa độ không gian ba chiều. Một ví dụ cụ thể và chi tiết về việc thiết lập mặt tương tác 3D của cột BTCT tiết diện chữ nhật cũng được trình bày trong bài báo.

**Từ khóa**: Biểu đồ tương tác, mặt tương tác, cấu kiện chịu nén, cột bê tông cốt thép, Eurocode 2

**71. Mô hình phần tử hữu hạn cho cột ống thép tròn nhồi bê tông chịu tải trọng nén dọc trục**/ Phạm Đức Duy, Nguyễn Phú Cường// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 112-115.

**Nội dung**: Trình bày một mô hình phân tích phần tử hữu hạn (FEA) cho cột ống thép tròn nhồi bê tông chịu tải trọng nén dọc trục dùng phần mềm phần tử hữu hạn ABAQUS. Các dữ liệu thực nghiệm thu thập được từ những công bố quốc tế góp phần xây dựng và phát triển quan hệ ứng suất biến dạng mới cho vật liệu bê tông. Mô hình bê tông phá hoại dẻo – Concrete Damaged Plasticity Model được dùng trong phân tích này. Trong đó, giai đoạn mềm hóa mới được phát triển cho bê tông chịu ép ngang, nghiên cứu sẽ giới thiệu thêm các thông số mới cho mô hình hệ bê tông khi khai báo vào phần mềm ABAQUS.

**Từ khóa**: Ống thép nhồi bê tông, nén dọc trục, quan hệ ứng suất biến dạng, ép ngang bị động, ABAQUS

**72. Mối tương quan cường độ chịu kéo gián tiếp của vật liệu bê tông nhựa tái sinh nguội trong phòng thí nghiệm và hiện trường**/ TS. Nguyễn Mạnh Tuấn, KS. Nguyễn Mạnh Cường// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 56-59.

**Nội dung**: Trình bày mối tương quan giữa các chỉ tiêu cường độ chịu kéo gián tiếp của hỗn hợp bê tông nhựa tái sinh nguội thiết kế trong phòng và hỗn hợp thi công ngoài hiện trường tại dự án thuộc tỉnh Ninh Thuận với công nghệ của hãng Wirgent (Đức).

**Từ khóa**: Tái sinh nguội tại hiện trường, bê tông nhựa, cường độ chịu kéo gián tiếp

**73. Một cách tiếp cận về quản lý rủi ro trong các dự án xây dựng**/ Nguyễn Văn Có, Lê Thị Bích Thủy// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 57-59.

**Nội dung**: Đề cập đến vấn đề quản lý rủi ro trong các dự án xây dựng bằng cách tiếp cận các nguồn tri thức hiện tại và đề xuất một phương pháp dựa trên sự sắp xếp mô hình hóa chức năng quản lý rủi ro, đánh giá tính thực tiễn của mô hình. Kết luận sơ bộ của nghiên cứu này là thực tế quản lý rủi ro trong các dự án xây dựng ở Việt Nam vẫn còn rất kém hiệu quả và nguyên nhân chính của tình trạng này là do thiếu hiểu biết, thiếu quan tâm đến quản lý rủi ro khi bắt đầu dự án. Việc áp dụng phương pháp quản lý rủi ro ngay từ khi dự án bắt đầu sẽ cho phép chủ đầu tư và nhà thầu phát triển dự án tốt nhất, giảm thiểu tối đa rủi ro trong quá trình thực hiện dự án xây dựng.

**Từ khóa**: Quản lý rủi ro, kiến thức, phương pháp tập luyện, đánh giá

**74. Một phương pháp thiết kế cột khung bê tông cốt thép chịu cắt có xét tới tương tác với tường chèn theo quan niệm kháng chấn hiện đại**/ Phan Văn Huệ// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 66-72.

**Nội dung**: Giới thiệu một phương pháp thiết kế cột khung bê tông cốt thép chịu cắt theo quan niệm kháng chấn hiện đại, có xét tới tương tác với tường chèn, qua đó làm rõ một số vấn đề liên quan tới việc thiết kế hệ kết cấu này ở Việt Nam và thế giới.

**Từ khóa**: Cột khung BTCT, tường chèn, tác động động đất, tương tác, thiết kế theo khả năng, lực cắt yêu cầu, khả năng chịu cắt

**75. Một số đặc điểm của vết nứt trên dầm bê tông cốt thép bị ăn mòn trong môi trường xâm thực clorua**/ Trần Hoài Anh, Nguyễn Ngọc Tân, Nguyễn Hoàng Giang// Xây dựng .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 101-107.

**Nội dung**: Trình bày các kết quả thực nghiệm về các đặc điểm của vết nứt bê tông do ăn mòn cốt thép trong môi trường xâm thực clorua và do tải trọng tác dụng gây ra trên 8 dầm bê tông cốt thép có các kích thước 150x200x2200 mm. Các dầm này được chia làm bốn nhóm mẫu, gồm một nhóm dầm không ăn mòn, và ba nhóm dầm ăn mòn với các mức độ ăn mòn cốt thép lần lượt là 5-6%, 9-10% và 13-15%. Sơ đồ vết nứt được vẽ lại trên các bề mặt dầm, nhằm xác định hình dạng, số lượng, và khoảng cách giữa các vết nứt. Đồng thời, bề rộng của các vết nứt cũng được đo đạc để xác định mối liên hệ với mức độ ăn mòn cốt thép.

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép, mức độ ăn mòn cốt thép, vết nứt bê tông, bề rộng vết nứt

**76. Một số giải pháp kết nối nhà ga đường sắt đô thị với các phương thức giao thông đô thị khác, áp dụng thực tế cho nhà ga “vành đai 3” trên tuyến đường sắt đô thị 2a Hà Nội**/ Tống Ngọc Tú// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 94-101.

**Nội dung**: Trên cơ sở nghiên cứu về điểm trung chuyển, bài báo đưa ra một số giải pháp kết nối các phương thức giao thông đô thị với nhà ga “vành đai 3” thuộc tuyến đường sắt đô thị 2A Cát Linh – Hà Đông. Giải pháp được đề xuất tương ứng với từng phương thức giao thông gồm đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô và mô hình bãi đỗ xe trung chuyển Park-and-Ride.

**Từ khóa**: Kết nối, đường sắt đô thị, vận tải hành khách công cộng, điểm trung chuyển, bãi đỗ xe trung chuyển

**77. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**/ Trần Ngọc Long, Nguyễn Duy Khánh, Phan Hải Trường// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 154-163.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

**Từ khóa**: Vốn ngân sách nhà nước, đầu tư xây dựng, quản lý dự án, thành phố Vinh

**78. Một số lưu ý trong tính toán thiết kế vỏ lò phản ứng hạt nhân bằng bê tông cốt thép ứng lực trước**/ Trần Thị Thúy Vân// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr.165-167.

**Nội dung**: An toàn hạt nhân luôn là một yêu cầu khắt khe nhất trong tính toán thiết kế và vận hành các nhà máy điện nguyên tử. Nhằm ngăn chặn rỏ rỉ phóng xạ khi có sự cố, các lò phản ứng hạt nhân hiện nay được thiết kế với các lớp bảo vệ liên tiếp. Bài báo này trình bày một số vấn đề liên quan tới lớp bảo vệ ngoài cùng của lò phản ứng và vỏ lò được làm từ bê tông cốt thép ứng lực trước.

**Từ khóa**: Nhà máy điện nguyên tử, vỏ lò phản ứng hạt nhân, bê tông cốt thép ứng lực trước, an toàn hạt nhân

**79. Một số tác động ảnh hưởng của nước ngầm đến ổn định mái dốc đường ô tô**/ Nguyễn Huy Hùng// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 59-62.

**Nội dung**: Sụt trượt mái dốc nói chung và mái dốc đường ô tô nói riêng là hiện tượng xảy ra thường xuyên, gây thiệt hại nặng nề về nhiều mặt đối với đời sống xã hội. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này, trong đó nước ngầm được xác định là một trong nguyên nhân chính. Bài báo sẽ chỉ ra một số tác động ảnh hưởng của nước ngầm đến ổn định của mái dốc đường ô tô.

**Từ khóa**: Nước ngầm, ổn định mái dốc

**80. Một số vấn đề kỹ thuật và chất lượng cần được quan tâm khi triển khai xây dựng một dự án đường cao tốc**/ PGS. TS. Hoàng Tùng, PGS. TS. Bùi Phú Doanh, GS. TS. Dương Ngọc Hải, ThS. NCS. Ngô Lâm// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 60-63.

**Nội dung**: Đường cao tốc có yêu cầu rất cao về chất lượng để đảm bảo giao thông liên tục, an toàn. Để đạt được yêu cầu này, trong công tác thiết kế, xây dựng và khai thác đường cao tốc, các vấn đề điển hình liên quan tới kỹ thuật và chất lượng của đường cao tốc phải được cập nhật, làm rõ để tránh mắc phải hoặc khắc phục kịp thời các tồn tại liên quan tới chất lượng của công trình.

**Từ khóa**: Cao tốc, quản lý, khai thác, chất lượng

**81. Một số vấn đề trong nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị tạo nhám và thu hồi hạt nhỏ trên bề mặt lớp cấp phối đá dăm mặt đường ô tô trước khi thi công lớp bê tông nhựa**/ TS. Lê Quý Thủy, TS. Nguyễn ;;. Thịnh, ThS. Đinh Trọng Thân// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 32-36.

**Nội dung**: Trình bày tổng quan một số vấn đề trong nghiên cứu thiết kế, chế tạo đã được giải quyết để cho ra đời thiết bị tạo nhám và thu hồi hạt nhỏ trên bề mặt lớp cấp phối đá dăm mặt đường ô tô trước khi thi công lớp bê tông nhựa, kịp thời đáp ứng yêu cầu thi công và góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở nước ta.

**Từ khóa**: Lớp móng đường, thiết bị làm sạch mặt đường, xe quét đường

**82. Một số vấn đề trong thiết kế liên kết bu lông theo các tiêu chuẩn châu Âu, Nga và Việt Nam**/ Nguyễn Ngọc Linh// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 45-49.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp và quy trình thiết kế liên kết bu long trong kết cấu thép, phân tích và so sánh sự tương đồng và khác biệt trong việc tính toán, thiết kế liên kết bu long theo tiêu chuẩn của Eurocode với tiêu chuẩn của Nga và Việt Nam. Nôi dung trình bày chủ yếu tập trung phân tích, so sánh thiết kế liên kết bản bích sử dụng bu long, là dạng liên kết bu long được sử dụng phổ biến trong kết cấu thép ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Nút liên kết trong kết cấu thép, liên kết bản bích dung bu long, liên kết bu long chịu cắt

**83. Nghiên cứu ảnh hưởng của chiều dài bảo vệ cốt thép bằng vữa cường độ cao cốt sợi thép đến khả năng chịu lực của dầm bê tông cốt thép thường**/ TS. Nguyễn Đình Hùng, KS. Võ Thanh Quân// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 88-91.

**Nội dung**: Bài báo sử dụng vữa cường độ cao cốt sợi thép để bảo vệ cốt thép trong chiều dài nhỏ được thực hiện để đánh giá khả năng bảo vệ cốt thép và sức kháng của dầm.

**Từ khóa**: Vữa cường độ cao cốt sợi thép, mô hình phá hủy cắt kéo, vết nứt uốn, vết nứt cắt, bề rộng vết nứt, khoảng cắt vết nứt, vết nứt cắt

**84. Nghiên cứu ảnh hưởng của cốt liệu xỉ thép đến tính chất của bê tông cường độ cao**/ Trần Văn Miền, Nguyễn Thành Thái, Nguyễn Văn Chánh// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 12-15.

**Nội dung**: Nghiên cứu này mục đích là thay thế xỉ thép cho cốt liệu đá và cát để chế tạo bê tông có cường độ 70MPa. Thông qua đó, so sánh hiệu quả cường độ của bê tông xỉ thép trong các điều kiện dưỡng hộ và nghiên cứu ảnh hưởng của cốt liệu xỉ thép đến độ co ngót của bê tông.

**Từ khóa**: Cốt liệu xỉ thép, co ngót, bê tông

**85. Nghiên cứu ảnh hưởng của đệm cát và vải địa kỹ thuật đến cường độ CBR hiện trường của đất sét yếu gia cường**/ Nguyễn Minh Đức, Đặng Hoàng Đa, Nguyễn Minh Đức// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 104-108.

**Nội dung**: Đề xuất mô hình thí nghiệm hiện trường khảo sát chỉ số cường độ California Bearing Ratio (CBR) của đất sét bùn yếu gia cường đệm cát và vải địa kỹ thuật. Trong đó, vải địa kỹ thuật có tính thấm tốt sẽ đóng vai trò tăng cường sự thoát nước, giảm áp lực nước lỗ rỗng, huy động khả năng chịu kéo của vải, từ đó gia tăng cường độ của đất gia cường. Nghiên cứu cũng chỉ ra vai trò của vải địa kỹ thuật gia cường đất bùn nạo vét trong các điều kiện khác nhau về độ ẩm, loại cát và bề dày của đệm cát.

**Từ khóa**: CBR hiện trường, đệm cát, vải địa kỹ thuật, đất bùn gia cường

**86. Nghiên cứu ảnh hưởng của dòng bùn cát đến điều kiện làm việc của cống thoát nước trên đường ô tô**/ Phạm Thị Thảo// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số +2 .- Tr. 50-53.

**Nội dung**: Trình bày những phân tích về quá trình vận tải bùn cát dưới cống, đánh giá những ảnh hưởng của chúng đến điều làm việc của cống. Một ví dụ về trình tự đánh giá khả năng tải bùn cát của cống tròn cũng được phân tích trong bài báo này.

**Từ khóa**: Cống thoát nước, trầm tích, vận chuyển bùn cát

**87. Nghiên cứu ảnh hưởng hàm lượng Alumino-Silicate trong xỉ lò cao đến ứng xử cơ học của bê tông geopolymer**/ Lê Anh Tuấn, Nguyễn Ninh Thụy, Nguyễn Tấn Khoa, Lê Hữu Quốc Phong// Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 15-19.

**Nội dung**: Nghiên cứu này sử dụng thành phần hoạt tính trong xỉ lò cao để thay thế tro bay trong việc khảo sát các tính chất cơ học của bê tông geopolymer. Bên cạnh đó, dung dịch hoạt hóa và môi trường dưỡng hộ khác nhau cũng được thay đổi nhằm đánh giá sự khác biệt trong hoạt hóa bê tông geopolymer sử dụng xỉ lò cao.

**Từ khóa**: Xỉ lò cao, cường độ nén, mô đun đàn hồi, bê tông geopolymer

**88. Nghiên cứu áp dụng phương pháp gia tốc để đánh giá mức độ ăn mòn cốt thép trong bê tông cát nhiễm mặn**/ ThS. Phan Văn Chương, TS. Phạm Văn Khoan, TS. Nguyễn Nam Thắng// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 04 .- Tr. 33-38.

**Nội dung**: Theo các nghiên cứu trong và ngoài nước, khi sử dụng cát nhiễm mặn có hàm lượng ion Cl vượt ngưỡng cho phép thì ăn mòn cốt thép có nguy cơ xảy ra sớm. Để đánh giá quá trình ăn mòn cốt thép theo các tiêu chuẩn thử nghiệm thông thường, thời gian thử có thể kéo dài nhiều năm. Trong nghiên cứu này, phương pháp gia tốc quá trình ăn mòn cốt thép theo NT Build 356 đã được áp dụng.

**Từ khóa**: Phương pháp gia tốc quá trình ăn mòn cốt thép, cát nhiễm mặn

**89. Nghiên cứu biến thiên nhiệt độ trong mặt đường bê tông xi măng với bối cảnh biến đổi khí hậu tại khu vực Nam Bộ**/ PGS. TS. Hoàng Quốc Long// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 21-26.

**Nội dung**: Sự làm việc và khả năng chịu lực cũng như tuổi thọ của mặt đường bê tông xi măng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ yếu tố nhiệt độ môi trường. Khu vực Nam Bộ là vùng chịu tác động mạnh của Biến đổi khí hậu, mặt khác trên địa bàn này hiện đang xây dựng nhiều đường BTXM phục vụ phát triển kinh tế và xã hội, quốc phòng an ninh. Do đó, cần có sự khảo sát biến thiên nhiệt độ trong mặt đường BTXM dưới tác động của biến đổi khí hậu để đưa ra được sự làm việc, chịu lực của mặt đường BTXM một cách chính xác.

**Từ khóa**: Mặt đường, bê tông xi măng, biến đổi khí hậu, khu vực Nam Bộ, nhiệt độ

**90. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thiết bị tại công ty thi công xây dựng**/ Trần Tuyết Mai, Nguyễn Anh Thư// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 82-88.

**Nội dung**: Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc quản lý thiết bị và đề xuất giải pháp phù hợp. Tiến hành cuộc khảo sát với 32 nhân tố ảnh hưởng đến việc quản lý thiết bị tại các công ty ở TP. Hồ Chí Minh được chia thành 6 nhóm: Tổ chức công trường; Quản lý; Chủ đầu tư; Nhà cung cấp; Pháp lý; Điều kiện công trường; Ngoại cảnh. Bảng khảo sát được hỏi trực tiếp những cá nhân, chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành xây dựng để thu thập và phân tích số liệu, tìm ra những nhân tố xảy ra thường xuyên và có mức độ ảnh hưởng lớn đến việc quản lý thiết bị và mối quan hệ giữa các nhóm nhân tố với nhau. Từ đó khuyến nghị đến các công ty những nhân tố ảnh hưởng việc quản lý thiết bị và đề xuất giải pháp phù hợp.

**Từ khóa**: Quản lý thiết bị, chi phí thiết bị, công ty thi công

**91. Nghiên cứu các nhân tố gây gia tăng chi phí các dự án cao tầng thực hiện theo phương thức thiết kế - thi công**/ Lê Quang Vinh, Nguyễn Anh Thư// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 68-74.

**Nội dung**: Nghiên cứu các nhân tố gây gia tăng chi phí các dự án cao tầng thực hiện theo phương thức thiết kế - thi công nhằm chỉ chỉ ra các nhân tố để các bên lưu ý và xem xét trong suốt quá trình thực hiện. Sau khi thực hiện khảo sát và dùng phương pháp phân tích thành tố chính và xác định nhân tố gây gia tăng chi phí. Tác giả so sánh lại với các nghiên cứu liên quan để so sánh và đưa ra kết luận cùng phương hướng để quản lý dòng chi phí cho dự án.

**Từ khóa**: Thiết kế - thi công, chi phí gia tăng, dự án cao tầng

**92. Nghiên cứu chế tạo cốt liệu nhẹ từ tro bay của nhà máy nhiệt điện than và nhà máy xử lý rác công nghiệp**/ Bùi Lê Anh Tuấn, Nguyễn Văn Thanh// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 4-7.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá khả năng sản xuất cốt liệu nhẹ từ nguồn tro bay và rác ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long bằng phương pháp liên kết nguội. Hỗn hợp tro bay và tro rác kết hợp với xi măng với 11 tỷ lệ khác nhau được hình thành trong quy trình máy tạo viên sau đó được bảo dưỡng trong môi trường nước trong 24 giờ và tiến hành kiểm tra các tính chất cơ lý của cốt liệu.

**Từ khóa**: Tro bay, cốt liệu nhẹ, tro rác, phương pháp liên kết nguội, cường độ chịu nén

**93. Nghiên cứu cường độ của đất sét yếu gia cường vải địa kỹ thuật trong điều kiện thí nghiệm CBR hiện trường**/ Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Văn Được, Nguyễn Thế Anh// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 194-197.

**Nội dung**: Khảo sát chỉ số cường độ CBR từ thí nghiệm hiện trường của đất gia cường vải địa kỹ thuật. Kết quả thí nghiệm được sử dụng để kiểm nghiệm mô hình sử dụng phần mềm Plaxis 2D mô phỏng đất gia cường nhằm tìm ra tương quan lực kéo trong vải và cường độ CBR của đất gia cường vải địa kỹ thuật.

**Từ khóa**: CBR hiện trường, đệm cát, vải địa kỹ thuật, đất bùn gia cường

**94. Nghiên cứu đánh giá khả năng chống nứt của bê tông nhựa theo mô hình uốn dầm bán nguyệt SCB**/ ThS. NCS. Lưu Ngọc Lâm, PGS. TS. Nguyễn Quang Phúc// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 37-42.

**Nội dung**: Trình bày một số kết quả nghiên cứu đánh giá khả năng chống nứt của bê tông nhựa theo mô hình uốn dầm bán nguyệt SCB theo AASHTO TP 124.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa, sức kháng nứt, uốn dầm bán nguyệt, chỉ số mềm

**95. Nghiên cứu đáp ứng động của hệ khung – tấm composite làm việc đồng thời với nền đàn hồi**/ Nguyễn Thanh Hưng// Xây dưng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 20-24.

**Nội dung**: Trình bày các phương pháp cơ bản, thuật toán phần tử hữu hạn và chương trình tính nhằm phân tích tương tác động lực học giữa hệ liên hợp tấm composite – khung không gian và nền đàn hồi, chịu tác dụng của tải trọng dộng dạng điều hòa, sử dụng mô hình kết cấu và nền đàn hồi làm việc đồng thời. Chương trình tính được viết trong môi trường Matlab cho phép giải phương trình mô tả dao động của hệ và phân tích động lực bài toán đặt. Kết quả bài toán có thể mở rộng nghiên cứu ổn định động của các kết cấu hệ thanh làm việc đồng thời với nền, trong đó vật liệu.

**Từ khóa**: Tấm composite, tải trọng động, khung, nền đàn hồi

**96. Nghiên cứu đề xuất các yêu cầu kỹ thuật cơ bản và quy trình triển khai hệ thống đường sắt tốc độ cao tại Việt Nam**/ TS. Nguyễn Thị Hoài An, ThS. Lê Hoàng// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 77-81.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu các yêu cầu kỹ thuật cơ bản đối với từng thành phần và hệ thống con (subsystem) của hệ thống đường sắt tốc độ cao, từ đó đề xuất các bước cơ bản trong quy trình triển khai dự án đường sắt tốc độ cao tại Việt Nam trên cơ sở áp dụng nguyên lý toàn bộ hệ thống đường sắt tốc độ cao và tổng kết từ các nghiên cứu và thực tế đường sắt tốc độ cao ở các nước trên thế giới.

**Từ khóa**: Hệ thống đường sắt tốc độ cao, yêu cầu kỹ thuật cơ bản, các bước triển khai dự án đường sắt tốc độ cao

**97. Nghiên cứu dự đoán lực căng còn lại của dầm cầu Bầu km 1096+713 QL1A – Quảng Ngãi bằng thực nghiệm**/ ThS. Nguyễn Hoàng Vĩnh, TS. Cao Văn Lâm// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 64-68.

**Nội dung**: Cầu Bầu km 1096+713 QL1A – Quảng Ngãi thuộc huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi được thiết kế với tải trọng HS20-44 theo quy trình AASHT092, đoàn người 3 KN/m2. Đây là một cầu không đáp ứng được nhu cầu tải trọng trên QL1A hiện nay. Trong nghiên cứu sẽ tập trung xác định lực căng còn lại trong dầm cũ sử dụng số liệu chuyển vị thực tế khi đo đạc nhằm làm cơ sở nâng cấp công trình cầu Bầu đáp ứng nhu cầu đồng bộ hóa tải trọng là hết sức cấp bách hiện nay.

**Từ khóa**: Dự đoán lực căng, năng lực chịu tải của kết cấu bê tông, đánh giá cầu

**98. Nghiên cứu dưỡng hộ bên trong cho bê tông cường độ cao sử dụng hạt cát keramzit**/ Bùi Phương Trinh, Lê Huỳnh Sang, Vũ Quốc Hoàng// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 4-8.

**Nội dung**: Đánh giá ảnh hưởng của hạt cát keramzit (EC) thay thế cát sông như một vật liệu dưỡng hộ từ bên trong, đến cường độ nén của bê tông cường độ cao với tỷ lệ nước trên xi măng là 0,30. Hàm lượng EC ở trạng thái bão hòa nước – khô bề mặt thay thế cát sông là 0, 10, 20 và 30% theo thể tích. Kết quả chỉ ra rằng việc sử dụng EC ở trạng thái bão hòa nước – khô bề mặt đã làm tăng độ sụt của hỗn hợp bê tông. Mặc dù cường độ của bê tông chứa EC thấp hơn hoặc tương đương so với bê tông đối chứng chứa 100% cát sông ở độ tuổi sớm (3 và 7 ngày tuổi) nhưng được cải thiện đáng kể ở các độ tuổi về sau (28 và 91 ngày tuổi). Kết luận rằng dưỡng hộ bên trong góp phần cải thiện đáng kể cường độ nén về sau cho bê tông cường độ cao khi sử dụng 20% EC ở trạng thái bão hòa nước – khô bề mặt.

**Từ khóa**: Bê tông cường độ cao, cát keramzit, dưỡng hộ bên trong, cường độ nén, độ sụt

**99. Nghiên cứu dưỡng hộ từ bên trong cho bê tông bằng việc tận dụng cốt liệu gạch phế thải**/ Bùi Phương Trinh, Nguyễn Ngọc Thành, Nguyễn Văn Chánh// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 5-8.

**Nội dung**: Nghiên cứu dưỡng hộ từ bên trong cho bê tông bằng việc tận dụng gạch từ phế thải xây dựng thay thế một phần cát sông. Nghiên cứu này vừa làm giảm việc khai thác và sử dụng cát sông, vừa giảm thiểu diện tích các bãi chôn lấp phế thải xây dựng đang gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, hai chế độ dưỡng hộ từ bên ngoài cũng được nghiên cứu trong đề tài này.

**Từ khóa**: Dưỡng hộ bên trong, gạch phế thải, độ sụt, cường độ nén, bê tông

**100. Nghiên cứu giải pháp quy hoạch – kiến trúc các khu dân cư thích ứng với biến đổi khí hậu tại Đồng bằng Tây Nam Bộ**/ Lê Kim Thư// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 55-57.

**Nội dung**: Bài viết đóng góp một số vấn đề mang tính lập luận khoa học đồng thời đề xuất một số biện pháp cụ thể về giải pháp quy hoạch – kiến trúc các khu dân cư thích ứng với biến đổi khí hậu tại Đồng bằng Tây Nam Bộ nhằm hy vọng sớm tạo lập cho các vùng dân cư Đồng bằng sông Cửu Long một môi trường sống ổn định và phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Quy hoạch, kiến trúc, thích ứng, dân cư, môi trường

**101. Nghiên cứu hiệu quả gia cường trong công trình cao tầng bê tông cốt thép bằng tấm CFRP**/ Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Quang Tùng// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 51-56.

**Nội dung**: Trình bày kết quả tính toán khả năng chịu lực cho cấu kiện cột bê tông cốt thép chịu tải nén-uốn kết hợp được bọc với số lớp (bề dày) CFRP khác nhau. Phạm vi nghiên cứu giới hạn với cột BTCT có tiết diện hình vuông trong nhà cao tầng có thay đổi công năng, sử dụng phương pháp biểu đồ tương tác theo hướng dẫn ACI 440.2R-08. Từ đó rút ra các kết luận về hiệu quả của phương pháp gia cường CFRP.

**Từ khóa**: Gia cường, CFRP, nhà cao tầng, cột bê tông cốt thép, khả năng chịu lực, biểu đồ tương tác

**102. Nghiên cứu một số đặc tính của vữa tự chảy cường độ cao sử dụng cát nghiền**/ TS. Nguyễn Tiến Dũng// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 63-65.

**Nội dung**: Phân tích ảnh hưởng của cát nghiền từ đá và tro bay đến một số đặc tính của vữa tự chảy xuống cường độ cao. Tro bay được thay thế cho xi măng với tỷ lệ 10%, 20% và 30% theo khối lượng. Các kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tro bay có ảnh hưởng đáng kể đến tính công tác và cường độ chịu nén của vữa tự chảy. Sử dụng cát nghiền thay thế cát tự nhiên làm giảm tính công tác nhưng có thể cải thiện cường độ chịu nén của vữa tự chảy.

**Từ khóa**: Vữa tự chảy cường độ cao, cát nghiền, tro bay, cát tự nhiên

**103. Nghiên cứu một số tính chất bê tông cường độ rất cao sử dụng phụ gia khoáng Silica Fume và tro bay**/ Lưu Văn Sáng, Phạm Hữu Hanh, Nguyễn Văn Tuấn// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 158-161.

**Nội dung**: Trình bày những kết quả nghiên cứu hiệu quả việc sử dụng tổ hợp phụ gia khoáng SF-FA đến một số tính chất bê tông VHSC. Kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại hiệu ứng tương hỗ của SF và FA trong việc cải thiện tính công tác, cường độ, độ bền lâu của bê tông VHSC.

**Từ khóa**: Bê tông cường độ rất cao, silica fume, tro bay, hiệu ứng tương hỗ

**104. Nghiên cứu một số tính chất bê tông cường độ rất cao sử dụng phụ gia khoáng Silica Fume và tro bay**/ Lưu Văn Sáng, Phạm Hữu Hanh, Nguyễn Văn Tuấn// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 158-161.

**Nội dung**: Trình bày những kết quả nghiên cứu hiệu quả việc sử dụng tổ hợp phụ gia khoáng SF-FA đến một số tính chất bê tông VHSC. Kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại hiệu ứng tương hỗ của SF và FA trong việc cải thiện tính công tác, cường độ, độ bền lâu của bê tông VHSC.

**Từ khóa**: Bê tông cường độ rất cao, silica fume, tro bay, hiệu ứng tương hỗ

**105. Nghiên cứu phương pháp thiết kế kết cấu mặt đường áp dụng cho Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**/ Khamkhanpom Phouxay, Deuanhaksa Surya, Lã Văn Chăm, Nguyễn Quang Tuấn// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 27-30.

**Nội dung**: Đánh giá một số phương pháp thiết kế kết cấu áo đường phổ biến trong khu vực và trình bày các đặc điểm, sự lưu ý khi áp dụng các phương pháp này tại CHDCND Lào. Thông qua đó, bài báo nhấn mạnh một số định hướng nghiên cứu có thể triển khai làm cơ sở ban đầu cho việc xây dựng quy trình tính toán thiết kế kết cấu mặt đường tại Lào.

**Từ khóa**: Mặt đường, phương pháp thiết kế mặt đường, CHDCND Lào

**106. Nghiên cứu quản lý xây dựng công trình chống ngập áp dụng cho địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**/ Lê Trung Phong// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 51-56.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này tác giả sẽ dùng phương pháp mô hình thống kê hiện đại – SPSS, để phân tích, đánh giá một cách hệ thống các thông tin liên quan đến quản lý xây dựng công trình chống ngập ở TP. HCM, từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể và nâng cao công tác quản lý xây dựng công trình chống ngập. Nghiên cứu sử dụng 5 biến: Quản lý/chủ đầu tư, nhà thầu, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nguyên nhân khác để đánh giá mức độ ảnh hưởng lên biến phụ thuộc “Mức độ chậm trễ các công trình chống ngập trên địa bàn TP. HCM”. Xếp hạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố lần lượt là: Nguyên nhân khác, quản lý/chủ đầu tư, tư vấn giám sát, nhà thầu, tư vấn thiết kế với hệ số β tương ứng là 0.365, 0.306, 0.252, 0.181, 0.156.

**Từ khóa**: Công trình chống ngập, Hồ Chí Minh

**107. Nghiên cứu so sánh một số mô hình thanh chống chéo tương đương áp dụng phân tích khung bê tông cốt thép có khối xây chèn**/ Nguyễn Kim Lữ, Nguyễn Trung Hiếu, Lý Trần Cương// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 43-48.

**Nội dung**: So sánh một số mô hình toán học để tính toán chiều rộng thanh chống chéo chịu nén tương đương. Dựa trên kết quả thu được cho phép đánh giá khả năng áp dụng của mô hình này trong việc phân tích ứng xử kết cấu khung bê tông cốt thép có khối xây chèn.

**Từ khóa**: Thanh chống chép chịu nén tương đương, khung bê tông cốt thép có khối xây chèn

**108. Nghiên cứu sử dụng bê tông xi măng rỗng thoát nước mặt đường cho đường nội bộ và vỉa hè đường**/ Vũ Việt Hưng, Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hữu Duy, Nguyễn Mai Chí Nghĩa/ Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 124-128.

**Nội dung**: Nghiên cứu chế tạo loại bê tông xi măng rỗng vừa có khả năng thấm nước cao đồng thời đảm bảo yêu cầu về cường độ tối thiểu để có thể ứng dụng vào các công trình xây dựng ở Việt Nam, điển hình là cho đường nội bộ và vỉa hè đường nhằm đảm bảo thoát nước mặt bền vững.

**Từ khóa**: Bê tông xi măng, thoát nước mặt bền vững, độ rỗng, cường độ, hệ số thấm

**109. Nghiên cứu sử dụng phụ gia trong hỗn hợp bê tông nhựa để tăng cường khả năng kháng hư hỏng của hỗn hợp**/ Nguyễn Thị Quỳnh Trang// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 14-20.

**Nội dung**: Giới thiệu về phụ gia PR Plast S sử dụng trong hỗn hợp bê tông nhựa, đưa ra thiết kế thành phần hỗn hợp và kết quả thử nghiệm trong phòng thí nghiệm cũng như ngoài hiện trường. Từ đó cho thấy hỗn hợp bê tông nhựa sử dụng phụ gia PR Plast S có khả năng kháng hằn lún vệt bánh xe và có các chỉ tiêu cơ lý khác tốt hơn so với hỗn hợp bê tông nhựa sử dụng nhựa đường 60/70.

**Từ khóa**: Phụ gia PR Plast, hỗn hợp bê tông nhựa, kháng hằn lún vệt bánh xe

**110. Nghiên cứu sử dụng polyolefin cải thiện chất lượng bi-tun và bê tông asphalt nâng cao khả năng kháng hằn vệt bánh xe**/ TS. Trần Ngọc Hưng, ThS. Vũ Thế Thuần, NCS. Vũ Trung Hiếu// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 58-63.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu khả năng phối trộn và cải thiện chất lượng bi-tum của 4 loại polyolefin tại Việt Nam (HDPE, LDPE, LLDPE, PP). Bi-tum với 5% HDPE nâng cao khả năng làm việc ở nhiệt độ cao, đạt phân cấp PG76, tuy nhiên có độ ổn định lưu trữ thấp. Sử dụng Bi-tum-5%HDPE nâng cao độ ổn định Marshall, mô đun đàn hồi, mô đun phục hồi và khả năng kháng hằn vệt bánh xe của bê tông asphalt.

**Từ khóa**: Bê tông asphalt, hằn vệt bánh xe, polyolefin, HDPE

**111. Nghiên cứu sử dụng vải địa kỹ thuật bằng sợi đay thay thế vải địa tổng hợp ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Ngọc Quyên// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 203-208.

**Nội dung**: Hiện nay môi trường trái đất xuống cấp nghiêm trọng vì sự hiện diện của các chất không phân hủy do con người tạo ra được chôn lấp trong đất, trong số đó sử dụng vải địa kỹ thuật bằng các sợi polymer là một chất gây ô nhiễm và không tiêu hủy trong đất. Việc tìm kiếm một vật liệu mới thân thiện mới môi trường đang trở thành vấn đề cấp thiết trong phát triển đô thị ở Việt Nam hiện nay. Sợi đay là một giải pháp tạo ra một loại vải địa kỹ thuật mới thay thế rất có tiềm năng cho tương lai. Các nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra rằng tuổi thọ và tính chất kỹ thuật của vải địa kỹ thuật đay có thể được cải tiến để phù hợp với mục đích sử dụng và hoàn toàn đáng tin cậy cho các loại vải địa kỹ thuật polymer truyền thống đang được sử dụng rất nhiều trong xây dựng cơ bản ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Vải địa kỹ thuật, vải địa kỹ thuật đay, vải địa kỹ thuật tổng hợp, khả năng phân hủy sinh học

**112. Nghiên cứu sử dụng vôi hủy hóa làm phụ gia cải thiện đặc tính cơ học của bê tông nhựa trong điều kiện ẩm ướt**/ TS. Lê Văn Phúc, KS. Đặng Đình Tải, ThS. Nguyễn Minh Quang// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 96-99.

**Nội dung**: Trên cơ sở các kết quả thí nghiệm trong phòng của bê tông nhựa chặt 12,5 có sử dụng vôi thủy hóa thay thế một phần bột khoáng, bài báo phân tích và đánh giá đặc tính cơ học của bê tông nhựa có sử dụng vôi thủy hóa làm phụ gia trong điều kiện ẩm ướt.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa, vôi thủy hóa, đặc tính cơ học, điều kiện ẩm ướt

**113. Nghiên cứu sử dụng xỉ thép kết hợp đá mi (O-MM) dùng trong xây dựng móng đường ô tô**/ TS. Nguyễn Đức Trọng, KS. Nguyễn Trường An// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 11-15.

**Nội dung**: Trình bày giải pháp sử dụng xỉ thép kết hợp với đá mi (0.5mm) để cải thiện một số tính chất cơ lý của cấp phối. Kết quả thực nghiệm chỉ ra rằng khi kết hợp với một số hàm lượng hợp lý đá mi đã cải thiện một số tính chất chất cơ lý của xỉ thép, đảm bảo các tính chất cần thiết trong xây dựng móng trên của kết cấu áo đường ô tô.

**Từ khóa**: Xỉ thép, giải pháp sử dụng xỉ thép

**114. Nghiên cứu sự phân bố ứng suất trong nền đất yếu được gia cố bằng trụ đất xi măng kết hợp với vải địa kỹ thuật dưới công trình đắp cao ở Tiền Giang**/ Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Ngọc Thắng, Trần Thanh Tài/ Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 78-82.

**Nội dung**: Phương pháp gia cố đất, phương pháp trộn sâu, thường được sử dụng để gia cố nền đất yếu trong đất phù sa ở đồng bằng, ví dụ như đất ở Đồng bằng Sống Cửu Long. Trong nghiên cứu này, phương pháp phần tử hữu hạn bằng phần mềm plaxis được dùng để phân tích sự phân bố ứng suất lên trụ và đất nền của hệ trụ đất xi măng kết hợp với vải địa kỹ thuật trong gia cố nền đất yếu dưới công trình đắp cao ở tình Tiền Giang. Bằng phương pháp này, các ứng xử của cột đất xi măng trong xử lý nền đất yếu được chỉ rõ bằng sự phân bố ứng suất và độ lún của cột đất xi măng và các lớp đất yếu. Đồng thời, quá trình lún của công tác xây dựng nền đường được quan sát. Sự phân bố ứng suất trong cột đất xi măng và độ lún cũng được rút ra từ sự phân tích của phương pháp phần tử hữu hạn.

**Từ khóa**: Phân bố ứng suất, công trình đắp cao, Đồng bằng Sông Cửu Long

**115. Nghiên cứu tận dụng tro bay và xỉ đáy từ nhà máy đốt rác phát điện trong sản xuất gạch lót vỉa hè không nung**/ Nguyễn Văn Tuyến, Huỳnh Trọng Phước// Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 37-40.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá khả năng ứng dụng tro bay kết hợp với xỉ đáy từ nhà máy đốt rác để phát điện ở thành phố Cần Thơ trong sản xuất gạch lót vỉa hè không nung.

**Từ khóa**: Gạch lót vỉa hè không nung, tro bay, xỉ đáy, cường độ chịu uốn, độ mài mòn, độ hút nước

**116. Nghiên cứu thực nghiệm đánh giá lực dính bám của bê tông geopolymer tro bay khi bị xâm thực**/ TS. Đào Sỹ Đán, TS. Tạ Duy Hiển, TS. Bùi Thanh Quang// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 34-38.

**Nội dung**: Trình bày chi tiết thực nghiệm quá trình chế tạo mẫu thí nghiệm, cách gây ăn mòn sunfat cưỡng bức lên mẫu và thí nghiệm xác định lực bám giữa bê tông GP tro bay và cốt thép thường trong điều kiện thực tế ở Việt Nam. Kết quả cho thấy sự ăn mòn sunfat cưỡng bức làm giảm đáng kể lực dính bám giữa bê tông GP tro bay và cốt thép mỏng.

**Từ khóa**: Bê tông, geopolymer, cường độ dính bám, ăn mòn sunfat

**117. Nghiên cứu thực nghiệm giải pháp gia cố nền đất yếu có cát san lấp bằng túi đất D – BOX**/ Nguyễn Sỹ Hùng, Hoàng Anh// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 85-89.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực nghiệm giải pháp túi đất D-BOX để gia cường đất yếu có lớp cát san lấp. Cát san lấp lấy tại vị trí thí nghiệm cho vào trong các bao D-BOX, đặt xuống hố móng và đầm chặt.

**Từ khóa**: D-BOX, cát san lấp, đất yếu, thí nghiệm bàn nén

**118. Nghiên cứu thực nghiệm khả năng chịu lực của dầm bê tông cốt thép bị ăn mòn trong môi trường xâm thực clorua**/ Trần Hoài Anh, Nguyễn Ngọc Tân, Nguyễn Hoàng Giang// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 81-86.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này, tám dầm bê tông cốt thép có các kích thước BXHXL = 150x200x2200 mm đã được chế tạo trong phòng thí nghiệm bằng bê tông có cấp độ bền B30, các thanh cốt thép dọc có đường kính danh nghĩa 12 mm thuộc nhóm thép CB300-V. Các dầm thí nghiệm được tiến hành gia tốc ăn mòn cốt thép và chia làm bốn nhóm dầm có mức độ ăn mòn cốt thép lần lượt là 5-6%, 9-10% và 13-15%, dựa trên khối lượng kim loại bị mất đi do ăn mòn so với khối lượng kim loại ban đầu. Tiếp theo, thí nghiệm uốn bốn điểm đã được tiến hành trên các mẫu dầm cho đến phá hoại. Các kết quả thực nghiệm cho phép so sánh sự làm việc chịu uốn của dầm bị ăn mòn so với dầm không bị ăn mòn, và xác định ảnh hưởng của mức độ ăn mòn cốt thép dọc đến khả năng chịu lực giới hạn của dầm bê tông cốt thép.

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép, khả năn chịu lực giới hạn, ăn mòn cốt thép, ăn mòn điện hóa, Ion clorua

**119. Nghiên cứu thực nghiệm về vật liệu nhẹ geo foam ứng dụng cho việc giảm lún nền đường đầu cầu đắp cao ở khu vực miền núi**/ Đỗ Hữu Đạo, Nguyễn Đức Tài// Xây dựng .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 78-85.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực nghiệm về vật liệu Geo Foam để tìm ra các thông số, các chỉ tiêu cơ lý của chúng ở trạng thái nhẹ nhất mà vẫn đảm bảo về ổn định nền đường. Vật liệu cho Geo Foam vẫn sử dụng vật liệu địa phương tại tỉnh Gia Lai và từ đó làm cơ sở ứng dụng cho việc giảm lún nền đường đầu cầu đắp cao ở khu vực miền núi ở đây. Tác giả đã nghiên cứu thực nghiệm cho 2 cấp phối bê tông nhẹ D800 và D1100, các đặc điểm về cường độ chịu nén, cường độ chịu uốn, và độ co ngót của mẫu đạt được khá ấn tượng và thõa mãn các điều kiện yêu cầu về kỹ thuật theo TCVN.

**Từ khóa**: Geo Foam, vật liệu nhẹ, giảm lún nền đường, khu vực miền núi

**120. Nghiên cứu thực nghiệm xác định ứng xử chịu cắt của vách liên hợp thép hình bê tông cốt thép**/ TS. Nguyễn Hoàng Quân, PGS. TS. Nguyễn Xuân Huy, ThS. Lê Đăng Dũng, KS. Nguyễn Thành Tâm, TS. Trần Hùng// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 04 .- Tr. 19-26.

**Nội dung**: Trình bày thí nghiệm vách liên hợp thép hình bê tông cốt thép, trong đó 3 thép hình chữ l được đặt trong vách bằng bê tông cốt thép. Mẫu thí nghiệm chịu đồng thời tải trọng nén, cắt và uốn nhằm nghiên cứu ứng xử chịu cắt của vách…

**Từ khóa**: Vách liên hợp thép hình bê tông cốt thép, chịu cắt, mô hình giải tích

**121. Nghiên cứu tiêu chuẩn hướng dẫn BIM trên thế giới và đề xuất các nội dung trong tiêu chuẩn BIM áp dụng tại Việt Nam**/ Nguyễn Ngọc Cường, Phạm Hồng Luân// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 54-59.

**Nội dung**: Nghiên cứu đề xuất xây dựng bộ khung tiêu chuẩn BIM trong giai đoạn thiết kế thông qua việc khảo sát các nội dung tài liệu hướng dẫn và tiêu chuẩn quốc tế về BIM hiện tại đang được áp dụng. Ngoài ra, bài báo còn đưa ra các lý do tại sao Việt Nam và các tổ chức xây dựng khác vẫn chưa bắt đầu giải quyết các vấn đề bất cập khi áp dụng BIM. Bộ khung tiêu chuẩn đưa ra trong bài báo này là cơ sở cho nghiên cứu trong tương lai về việc áp dụng tiêu chuẩn BIM trên thế giới vào Việt Nam và xây dựng một tiêu chuẩn BIM phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước. Nghiên cứu này đề xuất cấu trúc lý thuyết truyền thông qua việc thu thập, tham khảo, đối chiếu các tài liệu, tiêu chuẩn của các quốc gia và lựa chọn các nhân tố phù hợp để xây dựng tiêu chuẩn và áp dụng BIM vào ngành xây dựng Việt Nam trong tương lai.

**Từ khóa**:BIM, Tiêu chuẩn, kỹ thuật, thiết kế, cộng tác, Việt Nam

**122. Nghiên cứu tính toán khe dãn mặt đường bê tông xi măng đường ô tô – sân bay khu vực Nam Bộ**/ PGS. TS. Hoàng Quốc Long// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 16-22.

**Nội dung**: Mặt đường bê tông xi măng trong quá trình xây dựng và khai thác chịu ảnh hưởng mạnh từ yếu tố nhiệt độ môi trường. Trên địa bàn Nam Bộ hiện nay đã và đang xây dựng nhiều tuyến đường bê tông xi măng cho đường ô tô – sân bay phục vụ Quốc phòng an ninh. Mặt khác, địa bàn này cũng là địa bàn chịu tác động mạnh của Biến đổi khí hậu. Với điều kiện khí hậu nắng nóng tăng do biến đổi khí hậu có lượng nhiệt do bức xạ gây ra cao, nên đã gây ra trong tấm bê tông xi măng mặt đường nhiệt độ rất lớn gây nên hiện tượng uốn vồng có thể gây ra sự phá hoại tấm. Để giảm thiểu sự phá hoại của tấm với điều kiện nêu trên cần thiết bố trí khe dãn với khoảng cách hợp lý. Tuy nhiên, hiện nay trong các quy trình thiết kế mặt đường bê tông xi măng chưa được đưa ra quy định cụ thể nên trong tính toán mặt đường bê tông xi măng còn nhiều vướng mắc. Bài báo đưa ra nội dung nghiên cứu về vấn đề này.

**Từ khóa**: Mặt đường, bê tông xi măng, biến đổi khí hậu, khu vực Nam Bộ, nhiệt độ

**123. Nghiên cứu tính toán thành phần hạt mịn cho bê tông có sử dụng cát mịn phối trộn đá xay trong xây dựng cầu**/ ThS. Nguyễn Đức Dũng, PGS. TS. Nguyễn Duy Tiến, TS. Thái Khắc Chiến// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 66-72.

**Nội dung**: Trình bày kết quả khảo sát một số mỏ cát mịn và đá xay ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long đồng thời tiến hành thí nghiệm cường độ cơ bản của bê tông sử dụng cát hỗn hợp.

**Từ khóa**: Cát mịn, đá xay, cát nghiền, đá mi, cường độ nén bê tông

**124. Nghiên cứu tối ưu hóa dầm bê tông cốt thép ứng lực trước bằng thuật toán di truyền theo tiêu chuẩn Việt Nam 5574-2012**/ Bùi Phương Huỳnh, Trần Tuấn Kiệt// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 118-122.

**Nội dung**: Nghiên cứu ứng dụng thuật toán di truyền để thiết kế tối ưu dầm bê tông ứng lực trước nhằm làm giảm chi phí trong xây dựng, nâng cao hiệu quả kinh tế, đã được sự quan tâm đặc biệt của các nhà thiết kế. Bài báo sẽ nghiên cứu ứng dụng ngôn ngữ lập trình Matlab, xây dựng chương trình tự động tính toán thiết kế tối ưu dầm BT DƯL sử dụng thuật toán di truyền kết hợp lý thuyết tính toán thiết kế kết cấu BT ƯLT theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5574:2012, với dữ liệu đầu vào do người thiết kế khai báo.

**Từ khóa:** Dầm bê tông cốt thép, ứng lực trước, tối ưu hóa, thuật toán di truyền

**125. Nghiên cứu ứng dụng cọc xi măng đất thay thế sàn giảm tải đường đầu cầu**/ Trần Lô Kinl, Hồng Chương, Trần Nguyễn Hoàng Hùng// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 148-153.

**Nội dung**: Nghiên cứu phương án gia cố đường đầu cầu thay thế sàn giảm bằng cọc xi măng. Phương án được thiết kế dựa trên việc thu thập hồ sơ thiết kế kỹ thuật kết hợp phương pháp giải tích xét đến khả năng chịu tải khối gia cố, độ ổn định tổng thể, và độ lún công trình. Việc nghiên cứu cọc xi măng đất thay thế sàn giảm tải là nền tảng nghiên cứu thực nghiệm ở thực tế hiện trường.

**Từ khóa**: Cọc xi măng đất, sàn giảm tải, đường đầu cầu, mố cầu, lún đầu cầu

**126. Nghiên cứu ứng dụng mạng nơ-ron nhân tạo ANN đánh giá rủi ro dự án công trình giao thông**/ ThS. Lê Thái Hòa, TS. Nguyễn Anh Đức, TS. Lê Quang Trung// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 43-47.

**Nội dung**: Nghiên cứu về mạng nơ-ron nhân tạo ANN và ứng dụng nó để đánh giá ảnh hưởng của 17 yếu tố rủi ro cho 30 dự án công trình giao thông xét trên khía cạnh chi phí và tiến độ thực hiện dự án, từ đó cho kết quả dự báo và sắp xếp mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến chi phí và tiến độ thực hiện dự án công trình giao thông nói chung.

**Từ khóa**: Mạng nơ-ron nhân tạo ANN, quản lý rủi ro, chi phí, tiến độ

**127. Nghiên cứu ứng dụng mạng nơ-ron nhân tạo RBF dự báo phân loại dự án bot giao thông dựa trên yếu tố vượt chi phí trong giai đoạn thi công**/ Lê Thái Hòa, Lê Hồng Hà, Vũ Anh Tuấn// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 32-36.

**Nội dung**: Giới thiệu một nghiên cứu ứng dụng mạng nơ ron nhân tạo hàm cơ sở xuyên tâm RBF trong việc dự báo phân loại các dự án BOT công trình giao thông tại Việt Nam dựa trên yếu tố “vượt chi phí”. Kết quả nghiên cứu cho thấy tính khả quan trong việc áp dụng RBF vào phân tích và đánh giá rủi ro dự án xây dựng.

**Từ khóa**: Mạng nơ-ron nhân tạo ANN, mạng xuyên tâm RBF, quản lý rủi ro, BOT, chi phí

**128. Nghiên cứu ứng dụng mô hình thông tin công trình trong thiết kế đường đô thị**/ Trần Quốc Hiệp, Huỳnh Ngọc Thi// Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 71-77.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích các nghiên cứu trước đây, bài báo đề xuất một quy trình về ứng dụng BIM trong thiết kế đường đô thị. Quy trình này sau đó được áp dụng vào một dự án thực tế và thông qua sự so sánh với phương pháp thiết kế truyền thống để đánh giá sự hiệu quả mà quy trình mang lại trong thiết kế đường đô thị.

**Từ khóa**: Mô hình thông tin công trình (BIM), BIM cho cơ sở hạ tầng, đường đô thị

**129. Nghiên cứu ứng xử của sàn rỗng Bubble deck bằng phương pháp phần tử hữu hạn**/ Dương Phương Khanh, Nguyễn Quang Tùng// Xây dựng .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 49-52.

**Nội dung**: Khảo sát chiều dày sàn thích hợp với kích thước nhịp công trình, qua đó đề xuất chiều dày hợp lý cho công trình vượt nhịp lớn. Trên cơ sở chọn được chiều dày sàn rỗng hợp lý, bài báo phân tích hiệu quả sử dụng sàn rỗng so với phương án sàn phẳng dầm bẹt thông thường.

**Từ khóa**: Sàn bubbledeck, sàn phẳng dầm bẹt, vượt nhịp lớn, phần tử hữu hạn, trọng lượng bé

**130. Nghiên cứu ứng xử của tấm bê tông cốt thép được gia cường bằng vật liệu FRP chịu tác dụng của tải trọng nổ bằng phần mềm Ansys Explicit Dynamics**/ Ngô Ngọc Thủy, Bùi Ngọc Dung, Nguyễn Quốc Hội// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 23-26.

**Nội dung**: Trình bày kết quả xác định giá trị ứng suất, biến dạng lớn nhất của sóng nổ tác dụng lên tấm bê tông cốt thép trong các trường hợp thay đổi chiều dày lớp vật liệu FRP gia cường, bằng cách sử dụng phần mềm Ansys Explicit Dynamics, và rút ra một số nhận xét.

**Từ khóa**: Sóng nổ, FRP

**131. Nghiên cứu ứng xử tường vây tầng hầm gia cường bằng cọc xi măng đất**/ Nguyễn Sỹ Hùng, Võ Thanh Hoan// Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 84-87.

**Nội dung**: Phân tích giải pháp dùng cọc xi măng đất phun vữa cao áp để giảm chuyển vị ngang hố đào. Đất trong khu vực đáy hồ đào được gia cố một phần bằng cọc xi măng đất nhằm tăng sức kháng bị động. Tác giả mô phỏng bài toán bằng 2 phương pháp là RAS (Cọc vật liệu rời) và EMS (Nền tương đương) cho các mật độ cọc khác nhau, đồng thời cũng phân tích hiệu quả của phương án giảm dần chiều dài cọc từ ngoài vào trong.

**Từ khóa**: Cọc đất xi măng, hố đào sâu, plaxis

**132. Nghiên cứu xác định các đặc trưng cơ học phá hủy của dầm bê tông cốt thép bằng phương pháp DIC**/ Lê Anh Thắng// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 43-46.

**Nội dung**: Phương pháp DIC (phương pháp tương quan ảnh kỹ thuật số) là một tiến bộ khoa học kỹ thuật. Đây là một phương pháp rẻ tiền, giúp xác định được biến dạng trên bề mặt của vật thể trong quá trình thí nghiệm. Trong nghiên cứu này, các đặc trưng cơ học phá hủy của dầm bê tông cốt thép với hai mác bê tông khác nhau sẽ được xác định và khảo sát. Để xác được năng lượng cần cho sự phát triển một vết nứt cụ thể, lực gây ra sự phát triển vết nứt trong dầm bê tông cốt thép được xác định bằng mô hình mô phỏng phần tử hữu hạn. Biến dạng thực tế và các thông số vết nứt được xác định từ phương pháp DIC. Kết quả của sự kết hợp này cho thấy sự khác biệt rõ rệt về các thông số cơ học phá hủy cho cùng một loại dầm có hai mác bê tông là khác nhau.

**Từ khóa**: Tương quan ảnh kỹ thuật số, dầm bê tông cốt thép, thí nghiệm uốn dầm, năng lượng phá hủy

**133. Nghiên cứu xử lý bãi chôn lấp bùn thải bằng phương pháp tách nước trên mô hình thực nghiệm**/ Phan Huy Đông// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 63-67.

**Nội dung**: Trình bày các nghiên cứu trên mô hình thực nghiệm về giải pháp xử lý bãi chứa bùn lỏng được thải ra từ nạo vét ao hồ trong thành phố bằng phương pháp tách nước. Hai mô hình thực nghiệm bằng lắng bùn tự nhiên dựa vào trọng lượng bản thân của các hạt bùn và tách nước cưỡng bức bằng hút chân không đã được thiết lập.

**Từ khóa**: Bãi chứa bùn, tái chế bùn, hút chân không.

**134. Nghiên cứu, phân tích, đánh giá ma sát âm của đất lên cọc bê tông cốt thép khu vực đô thị trung tâm thành phố Hà Nội**/ ThS. Nguyễn Văn Vũ, PGS. TSKH. Trần Mạnh Liễu, PGS. TS. Nguyễn Huy Phương// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 04 .- Tr. 39-48.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý thuyết, nguyên tắc đánh giá ma sát âm và lập bản đồ ma sát âm khu đô thị Trung tâm thành phố Hà Nội do khai thác nước ngầm, phục vụ cho quy hoạch, tính toán thiết kế xây dựng trên móng cọc bê tông cốt thép.

**Từ khóa**: Ma sát âm, lập bản đồ ma sát âm, móng cọc

**135. Những yếu tố ảnh hưởng đến thuộc tính nứt của bê tông**/ ThS. Bùi Công Độ// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 78-81.

**Nội dung**: Đề cập tới các nghiên cứu liên quan và giới thiệu một số kết quả thực nghiệm đã được thực hiện bởi nhóm tác giả. Sự phụ thuộc của các đặc trưng nứt vào nhóm thông tin cơ bản như cốt liệu, tỷ lệ nước/ xi măng, cường độ nén và tuổi của bê tông sẽ được thảo luận. Ngoài ra, ảnh hưởng của vi nứt trong các điều kiện khác nhau của bê tông cũng là một nội dung được quan tâm của bài báo.

**Từ khóa**: Năng lượng – gẫy, chiều dài đặc trưng, dạng nứt của bê

**136. Phân tích ảnh của tường vây đến nội lực và độ lún móng bè cọc**/ Võ Nhật Hoàng, Huỳnh Quốc Thiện, Lại Văn Quí// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 23-28.

**Nội dung**: Tròng bài báo này, tác giả sử dụng phương pháp phần tử hữu hạn (Plaxis 3D) để phân tích ứng xử của bè và cọc cho một dự án, được thiết kế theo phương án móng bè cọc trong tầng địa chất cát chặt vừa đến chặt tại thành phố Hồ Chí Minh. Các trường hợp phân tích bao gồm: Móng bè cọc không xem xét ảnh hưởng của tường vây, móng bè cọc có xem xét ảnh hưởng của tường vây với độ cứng liên kết giữa bè và tường vây khác nhau.

**Từ khóa**: Tường vây, móng bè cọc, ảnh hưởng đến nội lực bè, phản lực đầu cọc

**137. Phân tích ảnh hưởng của công tác xử lý nền đất yếu bằng hút chân không đến cọc của kết cấu lân cận bằng PTHH**/ Phan Huy Đông// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 99-103.

**Nội dung**: Trình bày một số cải tiến trong phương pháp mô phỏng và phân tích ứng xử của cọc bê tông cốt thép dưới ảnh hưởng của xử lý nền bằng phương pháp cố kết chân không tại khu vực lân cận, giúp cho công tác thiết kế và thi công được hiệu quả hơn.

**Từ khóa**: Chuyển vị ngang của cọc, hút chân không, phần tử hàng cọc, plaxis 2D.

**138. Phân tích ảnh hưởng phi tuyến hình học, phi tuyến vật liệu đến khả năng chịu lực của dầm, cột bê tông cốt thép (BTCT)**/ Phan Hồng Tâm, Nguyễn Văn Giang// Xây dựng .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 59-62.

**Nội dung**: Nghiên cứu ứng xử phi tuyến của vật liệu bê tông theo mô hình được đề xuất bởi tiến sĩ Hognestad và các cộng sự đối với dầm BTCT chịu uốn có tiết diện chữ T và cột BTCT có tiết diện vuông được bố trí thép hợp lý.

**Từ khóa**: Bê tông cốt thép, phi tuyến hình học, phi tuyến vật liệu, phân tích kết cấu phi tuyến, tuyến tính

**139. Phân tích các nguyên nhân gây chậm trễ tiến độ dự án nhà ở xã hội vùng ven thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Hồng Tuyên, Lương Đức Long// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 71-75.

**Nội dung**: Trình bày kết quả cuộc khảo sát về những nhân tố gây chậm trễ dự án xây dựng nhà ở xã hội vùng ven Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc khảo sát được thực hiện thông qua bảng câu hỏi khảo sát và phân tích số liệu thống kê.

**Từ khóa**: Chậm trễ tiến độ, dự án xây dựng, nhà ở xã hội, nguyên nhân, EFA

**140. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự quản lý vật liệu kém trong các dự án xây dựng**/ Hồ Văn Cường, Nguyễn Thanh Việt// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 33-38.

**Nội dung:** Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự quản lý vật liệu kém trong các dự án xây dựng dân dụng và công nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh. Dựa trên các nghiên cứu trước đây và ý kiến chuyên gia, 34 yếu tố ảnh hưởng đến sự quản lý vật liệu kém đã được xác định. Phân tích các yếu tố đã được xác định.

**Từ khóa**: Quản lý vật liệu, quản lý vật liệu kém, nhà thầu thi công, dự án xây dựng

**141. Phân tích chuyển vị của tường vây và lún nền công trình lân cận khi thi công hố đào sâu bằng mô phỏng plaxis 2D**/ Trần Văn Thân, Trần Thanh Danh, Tô Thanh Sang// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 92-96.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu tính toán chuyển vị hệ tường vây và lún nền đường trong quá trình thi công bằng phương pháp PTHH ứng dụng Plaxis 2D 8.5 & Plaxis 2D 2018, kết quả tính toán sẽ cho phép dự báo chuyển vị ngang của tường vây và mức độ lún của nền đường khi thi công hố đào sâu. Ứng dụng phân tích chuyển bị tường vây hố đào sâu và lún nền đường một công trình tại khu vực Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh kết hợp với phương pháp phân tích ngược so sánh số liệu quan trắc ngoài hiện trường cho thấy đáng tin cậy.

**Từ khóa**: Công trình ngầm, tường vây, hố đào sâu, chuyển vị, lún nền, PTHH, Plaxis 2D, phân tích ngược

**142. Phân tích cơ sở lý thuyết và cách tính toán sức chịu tải cọc thông qua thí nghiệm động trên nền đất yếu khu vực phía Nam**/ Nguyễn Mạnh Tường// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 109-117.

**Nội dung**: Nghiên cứu phương pháp xác định sức chịu tải cọc bằng phương pháp thử động biến dạng lớn (PDA) nhằm nghiên cứu lý thuyết truyền sóng, nghiên cứu thực nghiệm các công trình thực tế, cách thức tiến hành. So sánh đơn giá các phương pháp thử trong một số công trình cụ thể tại Việt Nam. Thông qua các công trình nghiên cứu thực tiễn để có sự xác định nhanh chóng về phương pháp và các ưu điểm về thời gian và giá thành hạ so với phương pháp thử tĩnh truyền thống ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Thí nghiệm nén tĩnh, phương pháo thử động biến dạng lớn, Pile Driving Analyzer (PDA), sức kháng mũi, lý thuyết truyền sóng, sóng ứng suất

**143. Phân tích đặc điểm chịu lực và chỉ dẫn lựa chọn các kích thước cơ bản cho kết cấu cấu treo có trụ tháp thấp được sử dụng làm các cầu dân sinh địa bàn khu vực các tỉnh miền núi**/ Trần Thế Truyền, Bùi Thanh Tùng, Đoàn Bảo Quốc, Hồ Xuân Nam// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 5-10.

**Nội dung**: Trình bày đề xuất một loại công trình cầu có dạng kết cấu giảm thiểu được sự phức tạp trong xây dựng cũng như tận dụng được các loại vật liệu địa phương. Bài báo cũng đề cập, phân tích đặc điểm chịu lực và chỉ dẫn lựa chọn các kích thước cơ bản cũng như vị trí đặt cắt bộ phận kết cấu phần dưới của công trình cầu dạng này.

**Từ khóa**: Cầu treo, cầu dân sinh, cầu treo dân sinh

**144. Phân tích dạng phá hoại của ống thép nhồi bê tông chịu tải nén dọc trục**/ Lê Đình Quốc, Cao Văn Vui// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 9-12.

**Nội dung**: Trình bày kết quả thực nghiệm và phân tích dạng phá hoại của ống thép nhồi bê tông (CFST) chịu nén dọc trục. Kết quả thí nghiệm cho thấy rằng, dưới tác dụng của tải nén dọc trục, ống CFST bị phá hoại nhưng vẫn giữ được hình dáng và bê tông không bị bong tách như trong trường hợp không có ống thép…

**Từ khóa**: Ống thép nhồi bê tông, nén dọc trục, kháng nở hông, dạng phá hoại

**145. Phân tích đánh giá rủi ro tác động đến chất lượng thi công công trình cầu cảng trường hợp nghiên cứu cảng Long An**/ Đỗ Thới Thiện, Đinh Công Tịnh// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 9-17.

**Nội dung**: Trình bày kết quả cuộc khảo sát về các nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng thi công công trình. Cuộc khảo sát được thực hiện thông qua bảng câu hỏi khảo sát và phân tích số liệu thống kê. Kết quả khảo sát đã xếp hạng được các nguyên nhân gây ảnh hưởng đến sự phối hợp. Bên cạnh đó, thông qua các phương pháp phân tích nhân tố (EFA), bài báo đã chỉ ra các nhóm nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng thi công công trình. Sau đó, khảo sát các chuyên gia để xác định trọng số của các nhân tố sau đó phân tích BNNs nhằm mô phỏng mối tương quan và xác xuất xảy ra các nhân tố xác định được kết quả mong muốn trong quá trình nghiên cứu.

**Từ khóa**: Phân tích đánh giá rủi ro tác động đến chất lượng thi công công trình cầu cảng, EFA, BNNs

**146. Phân tích đáp ứng động của cọc dưới tải trọng động tại khu vực thành phố Hồ Chí Min**h/ Nguyễn Mạnh Tường// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 38-44.

**Nội dung**: Nghiên cứu áp dụng mô hình đất phù hợp lựa chọn các thông số mô hình của đất nền để mô phỏng trạng thái ứng suất – biến dạng của cọc và ứng xử của nền đất trong vùng có biến dạng dẻo của cọc. Từ kết quả nén tĩnh hiện trường cọc, so sánh, đánh giá và tìm ra thông số hợp lý trong việc áp dụng thiết kế nền móng. Việc mô phỏng phân tích được thực hiện nhờ sự trợ giúp của phần mềm FEM sau khi phân tích ngược thí nghiệm tìm ra các thông số đất nền phù hợp kết quả nén tĩnh có gắn đầu đo ứng suất biến dạng trong thân cọc. Phân tích ứng xử của nền đất dưới móng cọc chịu tác động của sóng ứng suất gây ra, cụ thể là phân tích trường ứng suất, biến dạng thể tích, biến dạng dẻo, sự gia tăng áp lực nước lỗ rỗng trong vùng biến dạng dẻo cực hạn xung quanh cọc và đầu mũi cọc.

**Từ khóa**: Tải trọng động, trạng thái ứng suất – biến dạng cọc, sóng ứng suất.

**147. Phân tích độ tin cậy của khung thép phẳng có kể đến ảnh hưởng biến dạng nút khung**/ Trần Xuân Hà, Lê Trung Kiên// Xây dựng .- 2019 .- Số 83-89.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này, biến dạng của các nút khung được kể đến trong quá trình phân tích khung thép phẳng chịu uốn moment SMRF khi chịu động đất. Kết quả phân tích từ từ các trận động đất được sử dụng để xem xét độ trôi tầng lớn nhất (C) mà kết cấu chịu được và độ trôi tầng yêu cầu (D), từ đó sẽ đưa ra tham số về độ tin cậy của công trình…

**Từ khóa**: Phân tích động phi tuyến theo lịch sử thời gian, phân tích động đẩy dần, khung thép chịu mômen, độ tin cậy

**148. Phân tích động lực học khớp dẻo bậc 2 đối với khung thép phẳng**/ Nguyễn Văn Tú// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 127-132.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp phân tích khớp dẻo bậc hai đối với khung thép phẳng chịu tác dụng của tải trọng động. Vật liệu kết cấu biến dạng theo mô hình Clough tổng quát có kể đến ảnh hưởng của lực dọc và lực cắt đến trạng thái giới hạn dẻo của tiết diện…

**Từ khóa**: Phân tích động lực học, khớp dẻo, mô hình Clough

**149. Phân tích lựa chọn tải trọng thiết kế cho cầu giao thông nông thôn khu vực phía Bắc**/ TS. Hoàng Việt Hải, KS. Trần Quang Minh, KS. Phạm Văn Hải// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 1+2 .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Phân tích đánh giá các loại tải trọng phục vụ thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế cầu giao thông nông thôn đã được áp dụng trước đây và một số dự án đã, đang triển khai từ đó đưa ra các dạng tải trọng phù hợp đối với cầu giao thông nông thôn khu vực phía Bắc nước ta hiện nay.

**Từ khóa**: Tải trọng thiết kế, giao thông nông thôn.

**150. Phân tích mất ổn định Flutter của kết cấu bảng quảng cáo tấm lớn bằng phương pháp trị riêng phức**/ Võ Thanh Lương, Nguyễn Lệ Thủy, Nguyễn Hồng Sơn// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 80-84.

**Nội dung**: Phương pháp trị riêng phức là một trong các phương pháp tính được sử dụng để phân tích mất ổn định flutter của kết cấu chịu tác động của các lực khí động. Trong bài báo này áp dụng phương pháp trị phức xây dựng thuật toán và chương trình tính toán tần số và vận tốc flutter của kết cấu bảng quảng cáo chịu tác động của gió, chương trình được lập trong môi trường phần mềm MATLAB. Tác động của gió lên bảng quảng cáo kích thước (3x6)m được nghiên cứu trên quan điểm ổn định flutter với các chuyển vị uốn và chuyển vị xoắn.

**Từ khóa**: Mất ổn định flutter, phương pháp trị riêng phức, khí động học, mô phỏng số, dao động của bảng quảng cáo.

**151. Phân tích mô men bản liên tục nhiệt do chuyển vị cưỡng bức dầm chủ gây ra**/ Lê Trung Hậu, Nguyễn Duy Liêm// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 214-217.

**Nội dung**: Bản liên tục nhiệt là giải pháp đơn giản và thông dụng nhằm giảm các khe co giãn nhờ đó tăng độ êm thuận cho xe chạy. Hiện nay chưa có tài liệu hướng dẫn cách tính bản liên tục nhiệt theo tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017 mới ban hành. Tuy một số sách giáo khoa có trình bày cách tính nội lực bản liên tục nhiệt nhưng tác giả nhận thấy chưa xét hết trường hợp nội lực nguy hiểm do chuyển vị cưỡng bức từ dầm chủ. Vì vậy bài báo này tiến hành phân tích mô men bản liên tục nhiệt do chuyển vị cưỡng bức từ dầm chủ gây ra. Kết quả nghiên cứu giúp kỹ sư thiết kế cầu, đặc biệt là các em sinh viên tham khảo, thuận tiện áp dụng.

**Từ khóa**: Mô men bản liên tục nhiệt, chuyển vị cưỡng bức

**152. Phân tích nội lực sàn tầng hầm trong quá trình thi công tầng hầm bằng phương pháp top-down**/ To Thanh Sang, Trần Văn Thân, Trần Thanh Danh// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 73-77.

**Nội dung**: Phân tích nội lực sàn tầng hầm trong quá trình thi công tầng hầm theo phương pháp thi công top-down. Tác giả dựa vào số liệu quan trắc thực tế công trình “Rivergate Residence” với quy mô 4 tầng hầm, 33 tầng cao được thi công theo phương pháp top-down. Diện tích sàn tầng hầm là 6280m2, nằm tại Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Qua đó sử dụng phần mềm Plaxis 3D Foundation để mô phỏng bài toán so sánh với kết quả quan trắc thực tế để đánh giá.

**Từ khóa**: Nội lực, sàn tầng hầm, Plaxis 3D Foundation.

**153. Phân tích so sánh tính toán sức kháng uốn dầm thép liên hợp theo tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN 11823:2017 và 22TCN 272-05**/ KS. Nguyễn Hải Thành, PGS. TS. Nguyễn Ngọc Long, TS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung, KS. Trần Quang Minh// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 9-13.

**Nội dung**: Phân tích và so sánh về vấn đề tính toán kết cấu dầm thép liên hợp bản bê tông của dầm có mặt cắt đặc chắc trong tính toán đánh giá kết cấu theo trạng thái giới hạn cường độ I giữa hai tiêu chuẩn.

**Từ khóa**: So sánh tiêu chuẩn thiết kế cầu, TCVN 11823:2017 và 22TCN 272-05

**154. Phân tích sự làm việc của dầm liên hợp thép-bê tông khoét lỗ bản bụng bằng phương pháp mô phỏng số**/ Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Trần Hiếu, Nguyễn Như Hoàng// Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 29-32.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu ứng xử của dầm liên hợp có bản bụng khoét lỗ trong đó tập trung vào kỹ thuật xây dựng mô hình phân tử hữu hạn thông qua phần mềm ABAQUS từ đó phân tích hiện tượng mất ổn định cục bộ ở bản bụng thông qua mô hình ba chiều phi tuyến.

**Từ khóa**: Dầm liên hợp, dầm khoét lỗ, bản bụng khoét lỗ, phân tích PTHH, mô phỏng số

**155. Phân tích sức chịu tải của cọc đơn dựa trên kết quả thí nghiệm nén tĩnh cọc và công thức lý thuyết áp dụng cho điều kiện địa chất trường đại học Xây dựng Miền Tây – Vĩnh Long**/ Lê Thị Bình Phương, Nguyễn Thị Quỳnh Như, Trương Quang Thành// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 179-183.

**Nội dung**: Nghiên cứu về sức chịu tải cực hạn của cọc ép bê tông cốt thép làm móng công trình trường Đại học Xây dựng Miền Tây. Các phân tích tính toán sức chịu tải cực hạn của cọc dựa trên công thức tính sức chịu tải theo chỉ tiêu cơ học vật lý của đất nền và theo chỉ số SPT của Viện Kiến trúc Nhật Bản trong tiêu chuẩn TCVN 10304-2014...

**Từ khóa**: Sức chịu tải giới hạn của cọc, kết quả thí nghiệm nén tĩnh cọc

**156. Phân tích tĩnh kết cấu dàn phẳng trong trường hợp có một thanh dàn sai lệch chiều dài đo chế tạo theo phương pháp phần tử hữu hạn**/ Phạm Văn Đạt// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 76-81.

**Nội dung**: Hiện nay, để phân tích nội lực kết cấu dàn có rất nhiều phương pháp khác nhau, nhưng một trong những phương pháp quan trọng và không thể thiếu được đối với người kỹ sư đó là phương pháp phần tử hữu hạn. Để phân tích kết cấu dàn có sự sai lệch chiều dài do chế tạo theo phương pháp phần tử hữu hạn, các tài liệu thường giới thiệu phương pháp tải trọng nhiệt tương đương. Nội dung bài bào này sẽ trình bày áp dụng phương pháp thừa số Lagrange để phân tích tĩnh bài toán này.

**Từ khóa**: Kết cấu sàn, sai lệch do chế tạo, phân tích tính, phương pháp thừa số Lagrange

**157. Phân tích tính toán hợp lý móng bè cọc theo sự phân bố tải trọng**/ Lê Bá Vinh, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Huynh, Lê Thị Như Quỳnh// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 26-32.

**Nội dung**: Mục tiêu chính của đề tài là nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân phối tải trọng giữa cọc và bè trong hệ móng bè cọc. Từ đó đưa ra thiết kế tối ưu cho công trình sử dụng bè cọc.

**Từ khóa**: Phân chia tải bè cọc, tính toán bè cọc hợp lý, ứng xử tải bè cọc.

**158. Phân tích ứng xử của đất nền dưới tác dụng của tải trọng trên diện tròn**/ Nguyễn Thị Khánh Ngân, Hoàng Công Duy// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 90-93.

**Nội dung**: Trên cơ sở các phương pháp tính toán theo các tiêu chuẩn và mô phỏng bằng phần mềm Plaxis (mô hình đối xứng và 3D) để đánh giá khả năng chịu tải và độ lún của đất nền dưới móng tròn. Kết quả tính toán và mô phỏng được phân tích và so sánh với móng vuông.

**Từ khóa**: Móng nông, ứng xử của đát nền dưới móng tròn, plaxis, độ lún, sức chịu tải

**159. Phân tích ứng xử của tấm mỏng nổi trên vùng nước nông chịu tải trọng di chuyển sử dụng phương pháp phần tử chuyển động**/ Nguyễn Xuân Vũ, Cao Tấn Ngọc Thân, Lương Văn Hải// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 129-135.

**Nội dung**: Trong bài báo này, phương pháp phần tử chuyển động (MEM) lần đầu được áp dụng cho bài toán phân tích ứng xử thủy đàn hồi của tấm mỏng rộng vô hạn nổi trên vùng nước nông chịu tải trọng di chuyển. Phần kết cấu tấm được mô hình sử dụng lý thuyết tấm mỏng của Kirchhoff-Love, trong khi đó lý thuyết sóng nước nông tuyến tính được sử dụng để mô phỏng bài toán thủy động lực học của chất lỏng….

**Từ khóa**: Phương pháp phần tử chuyển động, tải di chuyển, thủy đàn hồi, vùng nước nông, biến đổi Fourier

**160. Phân tích, tính toán sức chịu tải của cọc khoan nhồi dựa trên thí nghiệm Osterberg bằng mô phỏng Plaxis 2D**/ Trần Văn Thân, Lê Minh Hoàng, Tô Thanh Sang// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 8-11.

**Nội dung**: Phân tích tính toán sức chịu tải của một cọc khoan nhồi tại một công trình ở khu vực Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh ứng dụng phương pháp PTHH Plaxis 2D. Kết quả phân tích được so sánh với dữ liệu quan trắc ngoài hiện trường, từ đó đánh giá được sự phù hợp của phương pháp nghiên cứu.

**Từ khóa**: Osterberg, cọc barette, cọc khoan nhồi, sức chịu tải, PTHH, Plaxis 2D, phân tích ngược

**161. Phát triển thuật toán lai ghép đom đóm (HFA) để tối ưu vị trí lắp cặt cần trục tháp**/ Phạm Vũ Hồng Sơn, Trương Minh Luận// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 95-100.

**Nội dung**: Cần trục tháp là công cụ thiết yếu cần có trong những công trình xây dựng. Việc bố trí cần trục tháp cần thõa mãn được những ràng buộc trong công trường và từ đó sẽ làm giảm thiểu chi phí xuống mức thấp nhất. Ngược lại, vị trí cần trục tháp không hợp lý sẽ dẫn tới việc tiến độ bị chậm trễ, năng suất kém và gia tăng chi phí. Nghiên cứu này đề xuất một mô hình lai ghép Meta-heuristic mới, bao gồm thuật toán đom đóm (FA) với tối ưu hóa bầy đàn (PSO), phân phối Levy Flights và thuật toán tiến hóa vi phân (DE). Thuật toán đề xuất được đặt tên là HFA – Hybrid of firefly algorithm giúp cân bằng được khả năng tìm kiếm cục bộ và toàn cục. Hơn nữa, nghiên cứu này so sánh kết quả hảu HFA các thuật toán EBCO, EVPS, từ đó đánh giá được sự hiệu quả của thuật toán đề xuất trong việc tối ưu hóa vị trí cần trục tháp.

**Từ khóa**: Bố trí cần trục tháp, tối ưu hóa, thuật toán đom đóm, Levy Flights, thuật toán tiên tiến hóa vi phân, tối ưu hóa bầy đàn, lai ghép thuật toán

**162. Phương pháp điều khiển chuyển vị tổng quát hóa cho phân tích phi tuyến khung thép**/ Nguyên Phú Cường, Huỳnh Bích Nhung, Hà Bửu Thục, Nguyễn Huy Phước// Xây dựng .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 44-48.

**Nội dung**: Trình bày chi tiết phương pháp giải phi tuyến tĩnh có tên gọi là phương pháp điều khiển chuyển vị tổng quát hóa, áp dụng cho bài toán phân tích tĩnh phi tuyến kết cấu khung thép có xét đến các yếu tố: phi tuyến hình học, phi tuyến vật liệu, hiện tượng sai lệch hình học ban đầu và ứng suất dư cũng được kể đến. Phương pháp giải điều khiển chuyển vị tổng quát hóa được trình bày chi tiết công thức cho bài toán khung và cả thuật toán để giải từng bước cũng được mô tả cụ thể…

**Từ khóa**: Phân tích tuyến tính, thiết kế kết cấu, phân tích phi tuyến, phương pháp điều khiển chuyển vị tổng quát hóa, khung thép

**163. Phương pháp phần tử chuyển động cho phân tích ứng xử tấm nổi nhiều lớp chịu tải trọng di chuyển trên vùng nước nông**/ Nguyễn Xuân Vũ, Cao Tấn Ngọc Thân, Bùi Hà Việt, Lương Văn Hải// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 118-122.

**Nội dung**: Trong bài báo này, ứng xử thủy đàn hồi học của một tấm nhiều lớp nổi trên mặt nước nông yên tĩnh được mô phỏng bằng phương pháp phần tử chuyển động (MEM). Theo phương pháp này, phần kết cấu tấm được mô hình sử dụng lý thuyết tấm nhiều lớp với lõi đàn hồi, trong khi đó lý thuyết sóng nước nông tuyến tính được sử dụng để mô phỏng bài toán thủy động lực học của chất lỏng. Cả hai miền tính toán của kết cấu và chất lỏng được rời rạc hóa đồng thời bằng nhiều “phần tử chuyển động” nằm trong hệ trục tạo độ di chuyển cùng với tải trọng. Thông qua đó, mô hình lý thuyết này giúp loại bỏ hoàn toàn việc cập nhật lại vector tải trọng do sự thay đổi vị trí của điểm tiếp xúc so với các phần tử. Kết quả mô phỏng được thực hiện để đánh giá tính hiệu quả của lõi đàn hồi trong việc giảm ảnh hưởng của sóng nước lên bề mặt đường bên trên kết cấu nổi.

**Từ khóa**: Tấm nhiều lớp, dầm thép, phương pháp phần tử chuyển động, tải di chuyển, thủy đàn hồi, vùng nước nông

**164. Rào cản áp dụng sản xuất tinh gọn để giảm thiểu tai nạn lao động trong xây dựng**/ Nguyễn Quốc Toản, Hoàng Thị Khánh Vân, Giáp Thị Hồng Ngân, Trần Văn Nam// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 108-113.

**Nội dung**: Phân tích tình hình an toàn lao động trong sản xuất xây dựng ở Việt Nam hiện nay, khẳng định tai nạn lao động là một loại lãng phí có thể giảm thiểu được khi áp dụng xây dựng tinh gọn vì an toàn là một phần của xây dựng tinh gọn; chỉ ra những rào cản khiến cho xây dựng tinh gọn chưa được áp dụng phổ biến ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Xây dựng tinh gọn, an toàn lao động, tai nạn lao động, nguy cơ tai nạn, lãng phí

**165. So sánh ảnh hưởng của cốt thép dọc chịu kéo và chịu nén đến độ võng của dầm bê tông cốt thép tính theo tiêu chuẩn Úc AS 3600:2018**/ Nguyễn Hữu Anh Tuấn// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 76-79.

**Nội dung**: Khảo sát hiệu quả điều chỉnh độ võng của dầm bê tông cốt thép bằng cách thay đổi lượng cốt thép dọc bố trí trong dầm. Các tính toán về độ cứng chống uốn và độ võng được thực hiện theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu của Úc AS 3600:2018.

**Từ khóa**: Dầm, bê tông cốt thép, độ cứng, độ võng ngắn hạn, độ võng dài hạn, tiêu chuẩn Úc

**166. So sánh cường độ bám dính của cốt GFRP và cốt thép với bê tông cốt sợi phân tán trong điều kiện môi trường đặc trưng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long**/ Nguyễn Lê Thi, Hoàng Đức Thảo, Nguyễn Hải Châu, Đỗ Thắng// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 9-13.

**Nội dung**: Trình bày các kết quả thực nghiệm so sánh cường độ bám dính của cốt GFRP và cốt thép với bê tông cốt sợi phân tán trong điều kiện môi trường đặc trưng của Đồng bằng sông Cửu Long.

**Từ khóa**: Bê tông, cường độ bám dính, cốt GFRP, cốt thép, điều kiện môi trường

**167. So sánh đánh giá mô hình tính lún cho nhóm cọc (SDF) và kết quả thí nghiệm đo lún nhóm cọc tại Hà Nam**/ Dương Diệp Thúy, Phạm Việt Anh, Lê Thiết Trung// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Có rất nhiều phương pháp tính lún cho móng cọc đang được sử dụng ở Việt Nam hiện nay. Trong phạm vi bài báo các tác giả dựa vào thí nghiệm nén tĩnh có gắn các đầu đo dọc thân cọc cho trường hợp cọc đơn và nhóm 4 cọc so sánh với kết quả tính toán thu được theo phương pháp tính lún SDF.

**Từ khóa**: Thí nghiệm nén tĩnh, phương pháp SDF, thí nghiệm nhóm cọc

**168. So sánh sức chịu tải cực hạn của cọc bê tông cốt thép đúc sẵn dựa trên kết quả thí nghiệm nén tĩnh cọc và công thức lý thuyết áp dụng cho nền đất tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp**/ Lê Trọng Nghĩa, Trương Quang Thành// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 97-103.

**Nội dung**: Sức chịu tải cực hạn của cọc bê tông cốt thép đúc sẵn làm móng một số công trình xây dựng tại thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp được nghiên cứu trong bài báo này. Các phân tích tính toán sức chịu tải cực hạn của cọc dựa trên công thức trong tiêu chuẩn TCXD 205-1998 và TCVN 10304-2014. Kết quả tính toán sức chịu tải cục hạn của cọc theo công thức lý thuyết có so sánh với số liệu thí nghiệm nén tĩnh cọc tại hiện trường.

**Từ khóa**: Sức chịu tải cực hạn của cọc, kết quả thí nghiệm nén tĩnh cọc, tiêu chuẩn Việt Nam thiết kế móng cọc

**169. Sự cần thiết phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật đường bộ của ngành GTVT Việt Nam**/ PGS. TS. Doãn Minh Tâm// Cầu đường Việt Nam .-2019 .- Số 11 .- Tr. 31-38.

**Nội dung**: Nêu lên sự cần thiết và cách tiến hành xây dựng hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành GTVT nói chung và hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật đường bộ nói riêng cho Việt Nam dựa vào cơ sở khoa học và tham khảo mô hình hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật của Mỹ và các nước khác trên thế giới.

**Từ khóa**: Hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật đường bộ

**170. Sự cố và biện pháp thi công cọc khoan nhồi trên nền đá**/ Nguyễn Ngọc Thắng// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 55-58.

**Nội dung**: Trình bày một số sự cố điển hình gặp phải khi thi công cọc khoan nhồi trong điều kiện địa chất có nền đá và hang casto ở độ sâu không lớn; một số các giải pháp ứng dụng thực tế từ kinh nghiệm thi công cọc khoan nhồi trên nền đá ở dự án cụ thể được trình bày tóm tắt quy trình, thiết bị và ưu nhược điểm của từng biện pháp.

**Từ khóa**: Cọc khoan nhồi, hang casto, sự cố thi công, giải pháp ứng dụng

**171. Sử dụng mô hình mạng nơ-ron nhân tạo (ANN) dự đoán độ sụt và cường độ của mẫu bê tông**/ VanTuan-Vu, NhatSon-Bui// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 5-8.

**Nội dung**: Phát triển một mạng nơ-ron nhân tạo (ANN) để dự đoán độ sụt và cường độ của mẫu bê tông khi sử dụng phụ gia khoáng hỗn hợp. Độ chính xác của mô hình sẽ được đánh giá qua hai chỉ số: hệ số tương quan bội (R squared) và sai số toàn phương trung bình (MSE). So sánh kết quả dự đoán và kết quả thí nghiệm cho thấy: mạng nơ-ron nhân tạo hoàn toàn có thể sử dụng để dự báo một lúc đồng thời độ sụt và cường độ của mẫu bê tông.

**Từ khóa**: Dự đoán, mẫu bê tông, độ sụt, cường độ, mạng nơ-ron nhân tạo (ANN)

**172. Sử dụng thuật toán sói xám đa mục tiêu để kết hợp nhiều trạm trộn bê tông thành một chuỗi cung ứng bê tông thương phẩm và đưa ra lịch trình tối ưu trong việc phân phối các xe chở bê tông đến các công trình xây dựng có quy mô lớn và nhỏ**/ Phạm Vũ Hồng Sơn, Đỗ Tiến Sỹ// Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 96-101.

**Nội dung**: Nghiên cứu tập trung vào việc tìm ra được chuỗi cung ứng cho vấn đề phân phối bê tông thương phẩm bằng xe chuyên dụng từ nhiều trạm trộn khác nhau đến các công trình bao gồm cả đại công trình sao cho tổng thời gian chờ đợi của xe bê tông tại công trường là thấp nhất.

**Từ khóa**: Bê tông trộn sẵn, mô phỏng sự kiện rời rạc, phân tích khách quan, sói xám, không bị vượt trội, tối ưu hóa lịch trình phân phối, nhiều trạm trộn bê tông

**173. Tăng cường độ bền bê tông geopolymer trong môi trường acid bằng silica fume**/ Trương Thanh Hùng, Nguyễn Hồng Đức, Phan Đức Hùng// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 218-222.

**Nội dung**: Nghiên cứu tăng cường khả năng chống ăn mòn trong môi trường acid cho bê tông geopolymer (GPC) bằng silica fume, nhằm đánh giá độ bền của GPC có sử dụng hàm lượng silica fume từ 5 đến 15% thay thế tro bay.

**Từ khóa**: Bê tông geopolymer, silica fume, môi trường acid, cường độ chịu nén, khối lượng mẫu

**174. Thí nghiệm mô hình cải tiến vật liệu làm lõi nhằm giảm giá thành vật liệu lớp phủ đá cho đê biển**/ Nguyễn Đăng Trình, Trần Đức Học, Hà Tấn Phát// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 77-80.

**Nội dung**: Các tác động của tính thấm nội tại của lớp lõi đối với sự ổn định của đê chắn sóng được nghiên cứu thực nghiệm. Một số luật về tính thấm lịch sử được thảo luận, đặc biệt là mô hình Ward, và sau đó hệ thống đo độ thấm xác định tính thấm của môi trường xốp được sử dụng trong lớp lõi đã được mô tả. Kể từ đó, thử nghiệm mô hình vật lý về tính ổn định của đê chắn sóng gò được xây dựng.

**Từ khóa**: Đê biển, lõi đê, vật liệu thấm, mô hình thí nghiệm

**175. Thiết kế thành phần bê tông cường độ cao sử dụng tổ hợp phụ gia khoáng Silica fume – tro bay và các vật liệu sẵn có ở Việt Nam**/ Lưu Văn Sáng, Phạm Hữu Hanh, Nguyễn Văn Tuấn// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 154-157.

**Nội dung**: Hiện nay phương pháp thiết kế thành phần bê tông cường độ rất cao (VHSC) với cường độ nén 100-150 MPa chưa được thống nhất trên thế giới và ở Việt Nam. Bài báo trình bày đề xuất phương pháp thiết kế thành phần bê tông này trên cơ sở tối ưu hóa thành phần hạt và phương pháp quy hoạch thực nghiệm.

**Từ khóa**: Bê tông cường độ rất cao, thiết kế, tối ưu, thành phần hạt, phương pháp quy hoạch thực nghiệm

**176. Thực nghiệm xác định cường độ chịu nén của bê tông khi sử dụng đồi cát ở thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam thay thế một phần cát sông**/ Nguyễn Thành Đức, Đặng Công Thuật// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 143-148.

**Nội dung**: Giới thiệu kết quả nghiên cứu sử dụng cát đồi tại các xã vùng Đông – Tam Kỳ, Quảng Nam để thay thế một phần cát sông trong chế tạo bê tông nhằm tiến hành nghiên cứu sự phát triển cường độ chịu nén của bê tông sử dụng xi măng PCB40 với vật liệu được khai thác tại chỗ, sẽ là tiền đề cho việc thiết kế thành phần cấp phối chính xác cho bê tông khi sử dụng cát đồi thay thế một phần cát sông (suối), góp phần trong việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả hơn nguồn tài nguyên cát sông, cát suối ngày càng khan hiếm, đáp ứng nhu cầu xây dựng ngày càng lớn của khu vực thành phố Tam Kỳ nói riêng và tỉnh Quảng Nam nói chung.

**Từ khóa**: Bê tông, cát sông, cát đồi, Tam Kỳ, Quảng Nam

**177.Thực nghiệm xác định nhiệt độ đoạn nhiệt từ quá trình thủy hóa của xi măng cho bê tông thông thường dùng trong công trình cầu**/ Đỗ Anh Tú, Nguyễn Xuân Lam, Thẩm Quốc Thắng, Hoàng Thị Tuyết, Nguyễn Văn Trường// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 1+2 .- Tr. 54+58.

**Nội dung**: Trình bày kết quả thực nghiệm nhiệt độ đoạn nhiệt của một số hỗn hợp bê tông thông thường được sử dụng trong các bộ phận móng, mố, trụ cầu ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Bệ móng, mố - trụ cầu, nhiệt độ đoạn nhiệt, tham số nhiệt thủy hóa, mức độ thủy hóa

**178. Tính áp lực dưới đế móng công trình biển trọng lực**/ Đinh Quang Cường// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 104-113.

**Nội dung**: Đề xuất dùng phương pháp phần tử hữu hạn để tính áp lực dưới đế móng trọng lực, áp dụng cho các móng tròn và vuông. So sánh kết quả với cách tính theo tiêu chuẩn {5}, {6} và đưa ra lời khuyên để khi dùng phương pháp phần tử hữu hạn để tính áp lực dưới đế móng trọng lực có hình dáng bất kỳ.

**Từ khóa**: Áp lực dưới đế móng, phần tử hữu hạn

**179. Tính toán tải trọng gió tác dụng lên công trình ở Việt Nam theo tiêu chuẩn ASCE 7 của Hoa Kỳ**/ Nguyễn Việt Hưng// Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 88-95.

**Nội dung**: Trình bày chi tiết phương pháp xác định tải trọng gió và các trường hợp tác dụng của tải trọng gió lên công trình theo tiêu chuẩn ASCE 7-10 của Hoa Kỳ. Để có thể áp dụng tiêu chuẩn Hoa Kỳ khi thiết kế công trình xây dựng ở Việt Nam, bài báo cũng quy đổi vận tốc gió cơ sở có chu kỳ lặp 20 năm trên các phân vùng lãnh thổ Việt Nam sang các chu kỳ lặp khác phù hợp với tiêu chuẩn Hoa Kỳ. Một ví dụ cụ thể về tính toán áp lực gió tác dụng lên công trình nhà cao tầng cũng đã được trình bày một cách chi tiết trong bài báo.

**Từ khóa**: Tải trọng gió, áp lực gió, vận tốc gió cơ sở, ASCE7.

**180. Tối ưu vị trí xây dựng nhà máy điện mặt trời tại Việt Nam sử dụng phương pháp ra quyết định đa tiêu chí**/ Trần Đức Học, Đỗ Doãn Tuyền// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 136-142.

**Nội dung**: Nghiên cứu đề xuất các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn vị trí xây dựng nhà máy điện mặt trời tại Việt Nam. Các yếu tố này được thu thập từ các bài báo trong và ngoài nước, những chuyên gia trong lĩnh vực năng lượng, xây dựng, có am hiểu về năng lượng tái tạo nói chung và năng lượng mặt trời nói riêng. Từ đó, mô hình phân tích thứ bậc AHP được áp dụng để đề xuất vị trí xây dựng phù hợp nhất.

**Từ khóa**: Năng lượng, nhà máy điện mặt trời, mô hình phân tích thứ bậc

**181. Ứng dụng BIM trong công nghệ bê tông lắp ghép tấm tường chịu lực ở Việt Nam**/ Thạch Phi Hùng, Trần Đức Học// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 102-107.

**Nội dung**: Trình bày sự kết hợp BIM vào quy trình sản xuất bê tông lắp ghép tấm lớn, các phương pháp sử dụng để tạo ra một mô hình số hóa mới, cũng như tạo ra các bản vẽ thi công từ mô hình đã tạo. Hai phương pháp được sử dụng để tạo dựng mô hình Revit bao gồm: sử dụng mô hình tham biến, sử dụng thuật toán đồ họa mã nguồn mở Dynamo.

**Từ khóa**: mô hình thông tin xây dựng, bê tông lắp ghép, quản lý xây dựng, Dynamo

**182. Ứng dụng BIM trong công nghệ bê tông lắp ghép tấm tường chịu lực ở Việt Nam**/ Trần Phi Hùng, Trần Đức Học// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 135-140.

**Nội dung**: Trình bày sự kết hợp BIM vào quy trình sản xuất bê tông lắp ghép tấm lớn, các phương pháp sử dụng để tạo ra một mô hình số hóa mới, cũng như tạo ra các bản vẽ thi công từ mô hình tạo ra. Hai phương pháp được sử dụng để tạo dựng mô hình Revit bao gồm: sử dụng mô hình tham biến, sử dụng thuật toán đồ họa mã nguồn mở Dynamo.

**Từ khóa**: Mô hình thông tin xây dựng, bê tông lắp ghép, quản lý xây dựng, Dynamo

**183. Ứng dụng công nghệ thi công TOP-DOWN tại hạng mục phòng bơm, bể lắng xoáy – Dự án thép Hòa Phát, Dung Quất**/ ThS. Nguyễn Văn Nội// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 04 .- Tr. 49-57.

**Nội dung**: Giới thiệu công nghệ top – down được sử dụng trong thi công công trình ngầm hạng mục “Phòng bơm, bể lắng xoáy” với chiều sâu hố đào dưới độ cao -20.0m so với mặt đất tự nhiên tại dự án Hòa Phát, Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.

**Từ khóa**: Công nghệ top-down, hố đào, công trình ngầm

**184. Ứng dụng động học hệ thống mô phỏng nguyên nhân dẫn đến hành vi không an toàn của công nhân xây dựng**/ Trần Văn Dũng, Phạm Hồng Luân// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 89-94.

**Nội dung**: Bài báo này coi việc quản lý an toàn hệ thống và tìm cách sử dụng động học hệ thống để chứng minh hệ thống ảnh hưởng như thế nào đến các hành vi không an toàn của công nhân xây dựng.

**Từ khóa**: Động học hệ thống, an toàn, hành vi không an toàn, an toàn xây dựng, tư duy hệ thống

**185. Ứng dụng Kriging Metamodels và phân tích độ nhạy Sobol trong nghiên cứu dao động ngẫu nhiên của kết cấu**/ Nguyễn Duy Mỹ, Đặng Công Thuật// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 137-142.

**Nội dung**: Khảo sát ứng xử động của kết cấu chịu tải ngẫu nhiên dựa trên mô hình Kriging metamodels. Sự chính xác của phương pháp này sẽ được so sánh với kết quả của mô phỏng Monte Carlo. Bên cạnh đó, tác giả ứng dụng phân tích độ nhạy Sobol nhằm phân tích ảnh hưởng của các tham số ngẫu nhiên đầu vào ảnh hưởng đến ứng xử của kết cấu.

**Từ khóa**: Kriging, metamodels, Sobol, phân tích độ nhạy, tải trọng ngẫu nhiên

**186. Ứng dụng mạng BBNS dự báo rủi ro an toàn cần trục tháp trên công trường xây dựng**/ Lê Thanh Phúc, Lương Đức Long// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 33-38.

**Nội dung**: Phân tích định tính các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn cần trục tháp trên công trường xây dựng. Phân tích định lượng rủi ro an toàn cần trục tháp trên công trường xây dựng bằng mô hình BBNs. Áp dụng mô hình BBNs vào một dự án nhà cao tầng đang triển khai ở tỉnh Bình Dương để kiểm chứng sự phù hợp với thực tế.

**Từ khóa**: Cần trục tháp, công trường xây dựng, dự báo rủi ro, mạng BBNs, rủi ro an toàn

**187. Ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM) và công nghệ 3D laser scanning quản lý khối lượng thực hiện dự án xây dựng**/ Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Anh Thư// Xây dựng .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 45-50.

**Nội dung**: Trong giai đoạn hiện nay, tình trạng quản lý khối lượng thực hiện dự án xây dựng bằng các phương pháp truyền thống đang gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian và độ chính xác chưa cao. Từ những ưu điểm của mô hình BIM và công nghệ 3D laser scanning, nghiên cứu đã đề xuất quy trình ứng dụng các công nghệ này nhằm nâng cao chất lượng cũng như tiến độ trong tác quản lý khối lượng thực hiện. Nghiên cứu áp dụng quy trình vào dự án thực tế với một số công tác điển hình nhằm so sánh với phương pháp truyền thống và đưa ra kết luận, tạo tiền đề phát triển các hướng nghiên cứu trong tương lai.

**Từ khóa**: Mô hình thông tin công trình, thu thập dữ liệu laser 3D, quản lý khối lượng thi công, đo bóc khối lượng

**188. Ứng dụng mô hình thông tin công trình trong quản lý an toàn lao động – trường hợp nghiên cứu: thi công tầng hầm theo phương pháp bottom up**/ Trần Thị Ngọc Nhi, Phạm Hồng Luân// Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 41-46.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xây dựng một quy trình ứng dụng mô hình thông tin công trình để hỗ trợ công tác quản lý an toàn lao động. Bước đầu tiên của quy trình là xây dựng mô hình BIM 4D, chứa thông tin tiến độ, thông tin không gian làm việc của các công tác. Sau đó, mô hình BIM 4D được sử dụng để xác định xung đột không gian làm việc giữa các công tác. Bước tiếp theo của quy trình là tích hợp các thông tin đánh giá mối nguy công tác – job Hazard Analysis (JHA) vào từng công tác thi công trong mô hình BIM 4D. Quy trình này hỗ trợ cập nhật các thông tin an toàn trên công trường kịp thời.

**Từ khóa**: Quản lý an toàn lao động, mô hình thông tin công trình, thi công tầng hầm, phương pháp botton up

**189. Ứng dụng phương pháp carota lỗ khoan để đánh giá chất lượng nước ngầm**/ Nguyễn Thị Như Dung, Nguyễn Thanh Hằng, Nguyễn Thị Thu Trang// Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 25-28.

**Nội dung**: Địa vật lý hố khoan có vai trò quan trọng trong việc phát hiện các lớp chứa nước và xác định định lượng một số thông số chứa nước, cùng với việc phân tích mẫu nước cho kết quả chính xác khá cao trong việc đánh giá chất lượng nước ngầm tại nơi nghiên cứu. Đánh giá chất lượng nước ngầm rất quan trọng trong việc chủ động sử dụng, phòng chống, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước và phát triển bền vững. Địa vật lý giếng khoan carota là một trong những phương pháp hữu ích và mang lại hiệu quả cao trong việc đánh giá chất lượng nguồn nước hiện nay.

**Từ khóa**: Nước ngầm, ô nhiễm, chất lượng nước, phương pháp địa vật lý, carota lỗ khoan

**190. Ứng dụng tấm nhựa trong việc giảm ảnh hưởng của hiện tượng co ngót lên kết cấu lỗ mở của tường bê tông cốt thép**/ Nguyễn Lục Hoàng Hiệp, Nguyễn Xuân Vũ, Nguyễn Phúc Bình An, Bùi Quang Thái,…// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 61-66.

**Nội dung**: Trong bài báo này, một giải pháp sử dụng các tấm nhựa với hình dạng đặc biệt được đề xuất nhằm giảm ứng suất cục bộ do quá trình co ngót của bê tông tác động lên vị trí các góc của các lỗ mở trên tường bê tông cốt thép.

**Từ khóa**: Lỗ mở, tường bê tông cốt thép, tấm nhựa gia cường, co ngót, vết nứt, SAP2000, ABAQUS, phần tử hữu hạn, PTHH

**191. Ứng xử thủy đàn hồi học của một tấm nổi dưới tác động của hệ nhiều bậc tự do di chuyển sử dụng phương pháp kết hợp giữa phần tử biên và phần tử chuyển động**/ Phan Nhật Tân, Nguyễn Xuân Vũ, Cao Tấn Ngọc Thân, Lương Văn Hải// Xây dựng .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 143-150.

**Nội dung**: Phân tích ứng xử động lực học của kết cấu nổi dưới tác động của hệ nhiều bậc tự do di chuyển gồm thân xe, giá chuyển hướng và bánh xe, sử dụng phương pháp kết hợp giữa phần tử biên và phần tử chuyển động. Ngoài ra, sự ảnh hưởng của những yếu tố quan trọng đến ứng xử của kết cấu tấm nổi và hệ nhiều bậc tự do sẽ được nghiên cứu thông qua việc triển khai các ví dụ số.

**Từ khóa**: Kết cấu tấm nổi, hệ nhiều bậc tự do di chuyển, MEM, BEM, hydroelastic, VLFS

**192. Ước lượng chi phí thực hiện công trình mạng lưới cấp nước trong giai đoạn lập dự án**/ Lê Hoài Long, Tống Dương Châu// Xây dựng .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 144-147.

**Nội dung**: Xác định các yếu tố quyết định đến giá xây dựng công trình mạng lưới cấp nước. Từ đó, đề xuất một phương thức mới để ước lượng giá xây dựng công trình mạng lưới cấp nước và phân tích xác suất khoảng chi phí đó thông qua mô hình hồi quy, kỹ thuật Bootstrap trước khi có thiết kế chi tiết. Kết quả nghiên cứu giúp cho chủ đầu tư, các nhà quản lý dự án, nhà thầu có cơ sở để ước lượng giá xây dựng công trình mạng lưới cấp nước một cách nhanh chóng và chính xác để đánh giá tính khả thi trong giai đoạn lập dự án tại thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Ước lượng chi phí, dự án mạng lưới cấp nước, hồi quy tuyến tính, kỹ thuật Bootstrap

**193. Xác định các yếu tố thành công cho các nhà thầu thi công xây dựng vừa và nhỏ tại Thành phố Hồ Chí Minh**/ Huỳnh Văn Quang, Nguyễn Thanh Việt// Xây dựng .- 2019 .- Số 03 .- Tr. 31-37.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xác định các yếu tố thành công cho các nhà thầu thi công xây dựng vừa và nhỏ tại thành phố Hồ Chí Minh. Dựa trên các nghiên cứu trước đây và ý kiến chuyên gia, nghiên cứu xác định được 35 yếu tố thành công. Bằng cách xếp hạng các yếu tố, nghiên cứu nhận dạng được 5 yếu tố thành công quan trọng nhất là tổ chức và lập kế hoạch thi công tốt, ban lãnh đạo công ty, cấp quản lý có năng lực, tay nghề cao và kiểm soát dòng tiền và chi phí tốt. Nghiên cứu này hy vọng giúp các nhà thầu thi công xây dựng vừa và nhỏ có thể đưa ra các chiến lược phù hợp để nâng cao sự thành công của họ.

**Từ khóa**: Yếu tố thành công, nhà thầu thi công xây dựng vừa và nhỏ, dự án xây dựng

**194. Xác định hệ số khí động của các dạng nhà cao tầng với tiết diện ngang hình chữ H, T, U, L theo điều kiện Việt Nam**/ TS. Vũ Thành Trung, ThS. Đỗ Văn Mạnh, KS. Nguyễn Ngọc Huy// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 04 .- Tr. 9-18.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu để xác định hệ số khí động của các dạng nhà cao tầng với tiết diện ngang hình chữ H, T, U, L trong ống thổi khí động theo điều kiện Việt Nam. Các kết quả này được kiến nghị sử dụng trong tiêu chuẩn tải trọng và tác động của Việt Nam.

**Từ khóa**: Tải trọng gió, ống thổi khí động, nhà cao tầng, hệ số khí động

**195. Xác định mô hình Geoid thích hợp cho khu vực nghiên cứu thuộc vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam**/ Đỗ Minh Tuấn, Huỳnh Nguyễn Định Quốc// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 19-22.

**Nội dung**: Cùng với sự phát triển của khoa học và kỹ thuật, ngày nay đã có nhiều mô hình Geoid được công bố, mỗi mô hình có độ chính xác, mức độ phù hợp khác nhau cho mỗi khu vực, lãnh thổ. Mục đích bài báo này là khảo sát, tính toán nhằm chọn ra mô hình thích hợp nhất cho khu vực nghiên cứu trên lãnh thổ miền Trung Việt Nam từ các nhóm mô hình EGM, EIGEN6, GOCE TIM và GOCE DIR. Tiêu chí đánh giá là độ lệch trung phương trung bình tại các điểm khảo sát với bộ số liệu 41 điểm song trùng độ cao thủy chuẩn hình học và độ cao GPS. Kết quả cho thấy tổ hợp mô hình EGM 2008 (0-150) + GOCE TIMR2 (151-250) là lựa chọn phù hợp nhất cho khu vực nghiên cứu.

**Từ khóa**: EGM, EIGEN6, GOCE TIM, GOCE DIR

**196. Xác định thông số làm việc hợp lý thiết bị công tác máy đào hầm mini trong các điều kiện địa chất khác nhau**/ Trần Đức Hiếu// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 73-76.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích ảnh hưởng của các thông số kết cấu, thông số động học và điều kiện địa chất đến công suất dẫn động đầu cắt, đề tài tiến hành khảo sát bằng số trên một máy cụ thể để tìm ra chế độ vận hành hợp lý của thiết bị, mà chủ yếu là mối tương quan giữa tốc độ quay và tốc độ tịnh tiến của đầu cắt trong các điều kiện địa chất cho trước đảm bảo năng suất đào lớn nhất và tận dụng hết công suất động cơ được trang bị.

**Từ khóa**: Đĩa cắt, đầu cắt

**197. Xây dựng “Hướng dẫn thiết kế kết cấu thép theo tiêu chuẩn châu Âu Eurocode 3”**/ Nguyễn Hồng Sơn và nhóm nghiên cứu// Xây dựng .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 34-37.

**Nội dung**: Trình bày một số kết quả việc xây dựng “Hướng dẫn thiết kế kết cấu thép theo tiêu chuẩn châu Âu Eurocode 3”, phục vụ cho các nhà thiết kế và nhà quản lý xây dựng đối với việc thiết kế, thẩm tra kết cấu thép của các công trình xây dựng tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Thiết kế kết cấu thép, tiêu chuẩn châu Âu EN 1993

**198. Xây dựng cơ sở tính toán tấm mặt đường bê tông xi măng hai lớp liền khối (dính chặt)**/ TS. Dương Tất Sinh, KS. Dương Tất Minh Anh// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 83-86.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu và xây dựng cơ sở tính toán tấm mặt đường bê tông xi măng hai lớp liền khối (dính chặt).

**Từ khóa**: Mặt đường bê tông xi măng, tấm hai lớp, tấm bê tông xi măng

**199. Xây dựng tinh gọn: Một phương pháp hiệu quả để quản lý dự án**/ Phạm Duy Hiếu// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 208-211.

**Nội dung**: Bài viết nhằm chỉ ra rằng, xây dựng tinh gọn (LC) là một cách tiếp cận mới và mạnh mẽ để giải quyết sự lãng phí trong ngành công nghiệp xây dựng, điều mà các mô hình quản lý dự án hiện tại thực hiện không hiệu quả.

**Từ khóa**: Xây dựng tinh gọn, sản xuất tinh gọn, lãng phí, quản lý dự án

**200. Xử lý lưới quan trắc lún công trình bằng phương pháp bình sai tuần tự**/ Huỳnh Nguyễn Quốc Định Quốc, Trần Thị Bảo Trâm// Xây dựng .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 27-30.

**Nội dung**: Quan trắc lún công trình là công tác rất quan trọng và rất cần thiết để đánh giá độ ổn định của công trình. Tuy nhiên, công tác xử lý số liệu mạng lưới quan trắc qua các chu kỳ làm tăng khối lượng công việc tính toán khi sử dụng phương pháp bình sai tiêu chuẩn (bình sai tham số hoặc bình sai điều kiện). Chính vì vậy, việc ứng dụng phương pháp bình sai tuần tự (bình sai truy hồi) trong công tác xử lý mạng lưới quan trắc lún công trình được chia nhỏ khối lượng tính toán qua các chu kỳ khi mạng lưới có số lượng trị đo khổng lồ. Phương pháp bình sai tuần xử lý từ trị đo hoặc từng nhóm trị đo, sau đó quy nạp từng trị đo tiếp theo giúp cho việc nghịch đảo ma trận, tính toán các ma trận trở nên dễ dàng.

**Từ khóa**: Bình sai tuần tự (bình sai truy hồi), bình sai tiêu chuẩn (bình sai tham số hoặc bình sai điều kiện)

**KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**1. Các nghiên cứu trên thế giới về ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ đến hiệu quả hoạt động quản lý tài chính cũng như ảnh hưởng của việc ứng dụng công nghệ thông tin đến hiệu quả hoạt động của đơn vị**/ Mai Thị Hoàng Minh, Trương Thị Anh Đào// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 186 tháng 3 .- Tr. 12-15.

**Nội dung:** Giới thiệu: các nghiên cứu có liên quan về hệ thống kiểm soát nội bộ; ảnh hưởng của KSNB đến hiệu quả hoạt động quản lý tài chính; nghiên cứu ảnh hưởng của việc ứng dụng CNTT đến hiệu quả hoạt động của đơn vị; các nghiên cứu trong nước liên quan.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính, công nghệ thông tin

**2. Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động đến lao động ngành kế toán Việt Nam**/ Vũ Thị Phương Thảo, Huỳnh Thị Thúy Phượng// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 186 tháng 3 .- Tr. 53-55.

**Nội dung:** Đề cập đến những tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đến người lao động và người sử dụng lao động trong lĩnh vực kế toán VN, cụ thể bài viết trình bày tác động tích cực, tiêu cực đến người lao động và ngưởi sử dụng lao động trong lĩnh vực kế toán. Qua các tác động đó, tác giả đưa ra các giải pháp để lao động kế toán VN hội nhập và phát triển với cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khoá**: Việc làm, ngành kế toán, cách mạng 4.0

**3. Đánh giá tác động của cấu trúc kiểm soát nội bộ đến sự hữu hiệu của kiểm soát nội bộ trong các đơn vị sự nghiệp công lập**/ Nguyễn Thị Hoàng Lan// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 186 tháng 3 .- Tr. 85-89.

**Nội dung**: Đánh giá tác động của cấu trúc kiểm soát nội bộ đến sự hữu hiệu của kiểm soát nội bộ trong các đơn vị sự nghiệp công lập và nhận diện biến điều tiết thuộc đặc tính của đơn vị có tác động đến mối quan hệ này.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, đơn vị sự nghiệp công lập

**4. Giải pháp khắc phục sai lệch số liệu giữa sổ sách kế toán và tờ khai thuế**/ Cao Mai Quỳnh// tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Trình bày về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Sổ sách kế toán, kế toán

**5. Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần Đức Hạnh Marphavet**/ Trần Tuấn Anh// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 186 tháng 3 .- Tr. 34-35.

**Nội dung**: Tập trung phân tích các yêu cầu cần thiết, để Công ty tiến hành hoàn thiện kế toán quản trị chi phí, làm cơ sở đưa ra các giải pháp phù hợp và hiệu quả.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, Kế toán quản trị chi phí

**6. Kinh nghiệm áp dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị công tại một số quốc gia và bài học cho Việt Nam**/ Trần Thị Thắm// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 186 tháng 3 .- Tr. 74-75.

**Nội dung**: Trình bày kinh nghiệm của Australia, Indonesia và bài học cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán công quốc tế, kế toán thu – chi

**7. Kinh nghiệm tổ chức kiểm toán nội bộ của các doanh nghiệp bảo hiểm trên thế giới và bài học cho Việt Nam**/ Nguyễn Thị Phương Thảo// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 186 tháng 3 .- Tr. 39-42.

**Nội dung:** Nghiên cứu kinh nghiệm tổ chức kiểm toán nội bộ tại hai Tập đoàn tài chính - bảo hiểm hàng đầu thế giới Prudential PLC và Manulife Financial Corpporation, từ đó đưa ra bài học kinh nghiệm tổ chức kiểm toán nội bộ cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam.

**Từ khoá:** Tổ chức kiểm toán nội bộ, doanh nghiệp bảo hiểm

**8. Mối quan hệ giữa các nhân tố tổ chức đến chất lượng thông tin kế toán trong các doanh nghiệp áp dụng ERP tại Việt Nam**/ Lương Đức Thuận// Kinh tế và Phát triển .- 2019 .- Số 270 .- Tr. 20-30.

**Nội dung**: Xem xét, đánh giá mối quan hệ của các nhân tố tổ chức bao gồm cam kết tổ chức, cơ cấu tổ chức đến chất lượng thông tin kế toán trong môi trường ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) ở các doanh nghiệp Việt Nam. Mẫu nghiên cứu gồm 242 đối tượng, đang làm việc ở các vị trí khác nhau trong các doanh nghiệp, bao gồm nhân viên kế toán và các nhân viên ở các bộ phận khác trong doanh nghiệp. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát bằng bảng câu hỏi (từ tháng 1 năm 2019 – tháng 4 năm 2019), sau đó được dùng để phân tích thống kê mô tả và kiểm định giả thuyết nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chất lượng hệ thống thông tin kế toán ảnh hưởng tích cực đến chất lượng thông tin kế toán, các yếu tố tổ chức gồm cam kết tổ chức và cơ cấu tổ chức có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán.

**Từ khoá**: Cam kết tổ chức, cơ cấu tổ chức, chất lượng hệ thống thông tin kế toán, chất lượng thông tin kế toán, hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)

**9. Một số vấn đề vướng mắc trong hạch toán kế toán tại đơn vị hành chính, sự nghiệp**/ Đặng Quỳnh Trinh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương- 2019 .- Số 540 .- Tr. 90-92.

**Nội dung:** Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập được ban hành kèm theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính. Trải qua nhiều năm áp dụng, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp đã bộc lộ nhiều bất cập. Đặc biệt, năm 2015, sau khi Luật kế toán, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định 16/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập... được ban hành, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp đã không còn đáp ứng được tình hình thực tế của các đơn vị sự nghiệp công lập.

**Từ khoá:** Quản lý, Kế toán, Hạch toán, Vướng mắc, Hành chính, Sự nghiệp

**10. Phân tích hành vi điều chỉnh lợi nhuận của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Phan Thị Đỗ Quyên// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 186 tháng 3 .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Đo lường và phân tích hành vi điều chỉnh lợi nhuận của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Dựa trên dữ liệu của các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong giai đoạn 2007 đến 2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhà quản trị có thực hiện hành vi điều chỉnh lợi nhuận trong giai đoạn nghiên cứu. ..

**Từ khoá**: Hành vi điều chỉnh lợi nhuận, thị trường chứng khoán Việt Nam, biến dồn tích tùy ý

**11. Thiết kế cấu trúc hệ thống kế toán chi phí trong mối quan hệ với sự đo lường chất lượng thông tin**/ Vũ Thị Thanh Huyền// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 186 tháng 3 .- Tr. 82-84.

**Nội dung**: Khái quát về hệ thống kế toán chi phí, tổng quan các nghiên cứu về cấu trúc hệ thống kế toán chi phí; các nghiên cứu về đo lường chất lượng thông tin chi phí; tóm lược một số nghiên cứu về mối quan hệ giữa cấu trúc hệ thống kế toán chi phí với chất lượng thông tin chi phí trong thời gian gần đây; kết luận và định hướng nghiên cứu về hệ thống kế toán chi phí - CAS.

**Từ khoá:** Kế toán chi phí, Thiết kế cấu trúc hệ thống kế toán chi phí

**12. Tìm hiểu về kế toán quản trị toàn cầu và khả năng áp dụng trong điều kiện cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0**/ Dương Thị Thanh Hiền// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 186 tháng 3 .- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Giới thiệu kế toán quản trị toàn cầu, khả năng áp dụng KTQT toàn cầu trong cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0

**13. Vai trò của kế toán quản trị trong việc thúc đẩy học tập tổ chức, năng lực đổi mới và kết quả hoạt động kinh doanh ở các doanh nghiệp tại Việt Nam**/ Trần Thị Yến, Nguyễn Phong Nguyên// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2019 .- Số 5 .- Tr. 61-88.

**Nội dung**: Sử dụng lý thuyết cơ sở nguồn lực (RBV), lý thuyết dựa trên kiến thức (KBV) và lý thuyết bất định, nghiên cứu này kiểm định vai trò điều tiết của MAS đến mối quan hệ giữa học tập tổ chức và năng lực đổi mới của doanh nghiệp. Ngoài ra, nghiên cứu này cũng đánh giá vai trò truyền dẫn của năng lực đổi mới cho mối quan hệ giữa học tập tổ chức và kết quả hoạt động kinh doanh (KQHĐKD) của các doanh nghiệp Việt Nam. Dữ liệu khảo sát được thu thập từ 288 nhà quản lý cấp trung và cấp cao làm việc các doanh nghiệp lớn ở Việt Nam. Kết quả kiểm định bằng PLS-SEM cho thấy: (1) Mức độ sử dụng MAS theo bốn khía cạnh: Phạm vi rộng, kịp thời, tổng hợp, thống nhất/đồng bộ đóng vai trò điều tiết cho mối quan hệ giữa học tập tổ chức và năng lực đổi mới; (2) Năng lực đổi mới và mức độ sử dụng MAS đều có tác động dương và đáng kể đến KQHĐKD của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu đem lại một số hàm ý lý thuyết và quản trị cho các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình vận dụng kế toán quản trị nhằm nâng cao năng lực đổi mới và KQHĐKD.

**Từ khoá**: Học tập tổ chức; Năng lực đổi mới; Hệ thống kế toán quản trị

**QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**1. Ảnh hưởng của các chiến thuật marketing quan hệ tới mong đợi quyền được phục vụ đặc biệt của khách hàng**/ Trần Thị Bích Hạnh, Vũ Anh Dũng// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 3 tháng 3 .- Tr. 50-67.

**Nội dung:** Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của các chiến thuật marketing quan hệ của doanh nghiệp bao gồm gửi thư điện tử hoặc tin nhắn, thưởng quà, giao tiếp cá nhân, và đối xử đặc biệt đến mong đợi quyền được phục vụ đặc biệt của khách hàng. Số liệu được lấy từ 283 khách hàng ở 12 cửa hàng mỹ phẩm và spa tại Hà Nội. Kết quả phân tích cho thấy gửi thư điện tử hoặc tin nhắn không có ảnh hưởng lên mong đợi quyền được phục vụ đặc biệt của khách hàng. Chiến thuật thưởng quà, giao tiếp cá nhân, và đối xử đặc biệt có ảnh hưởng tích cực tới mong đợi quyền được phục vụ đặc biệt của khách hàng. Kết quả nghiên cứu mở rộng thêm cơ sở lý thuyết của marketing quan hệ và hành vi khách hàng đồng thời có đóng góp về thực tiễn trong việc quản lý mối quan hệ với khách hàng cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tại Việt Nam.

**Từ khoá**: chiến thuật marketing quan hệ; quyền được phục vụ đặc biệt; gửi thư điện tử/ tin nhắn; thưởng quà; giao tiếp cá nhân; đối xử đặc biệt

**2. Ảnh hưởng của các công ty zombie đến hiệu quả hoạt động tài chính: Kết quả nghiên cứu thực nghiệm trên các công ty niêm yết nhóm ngành vật liệu xây dựng tại Việt Nam**/ Vũ Thị Thu Hương, Tạ Quang Bình, Hồ Thị Mai Sương, Lương Thị Ngân//Khoa học Thương mại.- 2020 .- Số 137+138 .- Tr. 100-108.

**Nội dung:** Nghiên cứu này tập trung xem xét hai vấn đề chính là: xây dựng các tiêu chí xác định công ty zombie (doanh nghiệp xác sống) và xem xét ảnh hưởng của nhóm các công ty này đến hiệu quả hoạt động tài chính của các công ty trong cùng nhóm ngành. Trong đó, các công ty zombie được xác định là các công ty làm ăn thua lỗ và có lợi nhuận trước lãi vay và thuế không đủ trả tiền lãi vay trong ba năm liên tiếp. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm trên số liệu của 65 công ty niêm yết nhóm ngành vật liệu xây dựng, hoạt động trong giai đoạn 2008-2016, cho thấy: (1) Trung bình trong giai đoạn nghiên cứu, tỷ lệ zombie trong các công ty niêm yết nhóm ngành vật liệu xây dựng chiếm 18% và tỷ lệ zombie cao nhất là 29,23% vào năm 2013, đỉnh điểm của giai đoạn doanh nghiệp khủng hoảng vốn và làm ăn thua lỗ; (ii) Kết quả kiểm định sự khác biệt nhóm cho thấy: nhóm các tiêu chí phản ánh hiệu quả hoạt động tài chính bao gồm: khả năng thanh toán; tình hình sử dụng vốn và khả năng sinh lời của nhóm công ty zombie đều thấp hơn so với nhóm khỏe mạnh, và các mức khác biệt này đều có ý nghĩa thống kê. Điều này giúp khẳng định nhóm zombie làm ăn kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài và ẩn chứa nhiều rủi ro tài chính; (iii) Kết quả phân tích hồi quy cho biết: Nhóm các công ty zombie có ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả hoạt động tài chính, đại diện bởi ROA của các công ty niêm yết trong nhóm ngành vật liệu xây dựng. Từ các kết quả nghiên cứu thực nghiệm, các tác giả đã đề xuất một số khuyến nghị mang hàm ý chính sách nhằm giảm ảnh hưởng tiêu cực từ nhóm các công ty zombie đến hiệu quả hoạt động chung của toàn ngành và nền kinh tế.

**Từ khoá**: Công ty niêm yết; công ty zombie; hiệu quả hoạt động; vật liệu xây dựng

**3. Ảnh hưởng của các yếu tố nội sinh tới năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam**/ Phùng Minh Thu Thủy, Trần Thọ Đạt// Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 269 .- Tr. 10-20.

**Nội dung:** Năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong việc tạo ra sản phẩm đổi mới, quy trình đổi mới liên tục được cho là khởi đầu của lợi thế cạnh tranh bền vững. Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu tác động của những yếu tố nội sinh tới từ chính bên trong tổ chức. Tìm hiểu mức độ tác động của những nhân tố này tới năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Kết quả của nghiên cứu định tính cho thấy những yếu tố như hoạt động nghiên cứu và phát triển, kinh nghiệm của nhà quản lý và năng lực của đội ngũ lao động có tác động tới năng lực đổi mới sáng tạo. Mặc dù vậy kết quả của nghiên cứu định lượng cho thấy chỉ có hoạt động nghiên cứu và phát triển có tương quan dương với năng lực đổi mới và phát triển.

**Từ khoá**: Đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp đổi mới, yếu tố nội sinh, năng lực

**4. Ảnh hưởng của đại dịch COVID- 19 đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp: Nghiên cứu thực tiễn ở miền Bắc Việt Nam**/ Nguyễn Thành Hiếu, Trương Tuấn Anh, Đỗ Thị Đông, Hà Sơn Tùng// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 274 .- Tr. 54-63.

**Nội dung**: Bài viết này tìm hiểu những ảnh hưởng của dịch viêm phổi cấp tính COVID-19 đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ở Miền Bắc Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy các doanh nghiệp đang gặp các khó khăn chủ yếu về đầu ra, đứt gãy nguồn cung, khó khăn tài chính và nguồn nhân lực không ổn định. Dựa trên kết quả phân tích, bài viết gợi ý các giải pháp đối với doanh nghiệp để vượt qua giai đoạn khủng hoảng vì dịch bệnh này, trong đó, đàm phán với các bên hữu quan, tái cơ cấu, tăng cường chuyển đổi số là những vấn đề đặc biệt cần quan tâm. Bài viết cũng đưa ra một số kiến nghị đối với Chính phủ Việt Nam trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh để vượt qua giai đoạn khó khăn.

**Từ khoá**: Dịch viêm phổi cấp tính COVID-19, ảnh hưởng của dịch bệnh, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

**5. Ảnh hưởng của khác biệt thể chế đến hối lộ của các công ty đa quốc gia tại Việt Nam : vai trò của cấu trúc quyền sở hữu/** Võ Văn Dứt// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 8(495) .- Tr. 21-29.

**Nội dung**: Nghiên cứu sử dụng dữ liệu tại 82 công ty con đang hoạt động tại Việt Nam được trích từ dữ liệu của Ngân hàng Thế giới để kiểm định các giả thuyết. Kết quả hồi quy OLS cho biết rằng, các công ty con đến từ nước có nền thể chế khác biệt lớn được thành lập với hình thức sở hữu độc quyền hoàn toàn thì hối lộ nhiều hơn so với các công ty con được thành lập hình thức sở hữu liên doanh. Những hàm ý về quản trị được cung cấp trong bài viết.

**Từ khoá**: Khoảng cách thể chế, hối lộ, công ty con, cấu trúc quyền sở hữu

**6. Ảnh hưởng của năng lực cảm xúc đến động lực làm việc của nhà quản trị cấp trung tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở khu vực Bắc Trung Bộ**/ Trần Quang Bách, Ngô Kim Thanh// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 274 .- Tr. 103-112.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm kiểm định sự tác động của năng lực cảm xúc đến động lực làm việc của nhà quản trị cấp trung tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở khu vực Bắc Trung Bộ. Với quy mô bao gồm 486 mẫu, kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực cảm xúc bên cạnh có sự tác động gián tiếp thông qua sự hài lòng và gắn kết thì yếu tố này còn có tác động trực tiếp và thuận chiều đến động lực làm việc của nhà quản trị cấp trung trong các doanh nghiệp. Nghiên cứu cũng chỉ ra có sự tác động của các yếu tố sự hài lòng và gắn kết trong công việc đến động lực làm việc của nhà quản trị cấp trung. Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm tăng động lực làm việc của nhà quản trị cấp trung thông qua việc cải thiện năng lực cảm xúc của họ tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở khu vực Bắc Trung Bộ.

**Từ khoá**: Năng lực cảm xúc; Động lực làm việc; Sự hài lòng; Doanh nghiệp nhỏ và vừa

**7. Ảnh hưởng của quản trị quan hệ khách hàng và quản trị trải nghiệm khách hàng đến sự hài lòng và lòng trung thành khách hàng: Trường hợp các siêu thị tại Thành phố Cần Thơ**/ Lê Thị Thu Trang, Lưu Tiến Thuận// Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 135 .- Tr. 51-60.

**Nội dung**: Quản trị quan hệ khách hàng (QTQHKH) và quản trị trải nghiệm khách hàng (QTTNKH) là một trong những chiến lược quan trọng để gia tăng lợi thế cạnh tranh. Nghiên cứu được thực hiện tại các siêu thị ở thành phố Cần Thơ qua việc phỏng vấn 460 khách hàng nhằm phân tích ảnh hưởng của các nhân tố QTQHKH và QTTNKH đến sự hài lòng và lòng trung thành khách hàng. Các phương pháp phân tích như Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố và mô hình cấu trúc tuyến tính được sử dụng trong nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, QTQHKH và QTTNKH có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng và lòng trung thành khách hàng. Trong đó, nhân tố QTTNKH có tác động mạnh nhất đến sự hài lòng khách hàng. Ngoài ra, nghiên cứu cho thấy rằng, việc kết hợp QTQHKH và QTTNKH trong doanh nghiệp bán lẻ giúp gia tăng sự hài lòng, lòng trung thành khách hàng.

**Từ khoá:** Quản trị quan hệ khách hàng, quản trị trải nghiệm, sự hài lòng, lòng trung thành

**8. Ảnh hưởng của rủi ro đến tiền lương, tiền công của hộ gia đình nông thôn Việt Nam**/ Nguyễn Thị Mai, Hạ Thị Thiều Dao// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 272 .- Tr. 32-41.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu rút trích từ bộ dữ liệu Điều tra Tiếp cận Nguồn lực của Hộ gia đình được khảo sát các năm 2008, 2010, 2012, 2014, 2016 gồm 1.872 hộ gia đình nông thôn Việt Nam. Thông qua mô hình hồi quy hiệu ứng cố định cùng với các biến tương tác, kết quả nghiên cứu cho thấy: (1) rủi ro do tự nhiên, sâu, dịch bệnh, hoặc kinh tế ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiền lương, tiền công; đặc biệt tập trung ở những hộ bị rủi ro tự nhiên hay kinh tế, cá nhân có đa dạng hóa thu nhập, hộ bị sâu, dịch bệnh và có giá trị khoản vay tích lũy cao, hoặc có vay trong năm bị rủi ro, hoặc hộ có tham gia bảo hiểm nhưng thiệt hại do rủi ro cá nhân lớn; (2) ngược lại, hộ bị rủi ro tự nhiên và có giá trị tiết kiệm tích lũy cao, hoặc bị rủi ro cá nhân mà có tham gia bảo hiểm sẽ có tiền lương, tiền công cao hơn.

**Từ khoá:** Rủi ro, thu nhập nông hộ Việt Nam, sốc

**9. Ảnh hưởng của sự tự nhiên chào đón, sự cam kết cộng đồng và lợi ích kinh tế cá nhân đến thái độ và hành vi ủng hộ sự phát triển du lịch của người dân tại Việt Nam**/ Phạm Tô Thục Hân// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 6 tháng 6 .- Tr. 66-88.

**Nội dung**: Trên nền tảng lý thuyết trao đổi xã hội, thuyết liên đới cảm xúc và thuyết hành động hợp lý, nghiên cứu này khám phá một bức tranh toàn diện về mối quan hệ giữa các yếu tố kinh tế và phi kinh tế với thái độ và hành vi ủng hộ sự phát triển du lịch của người dân địa phương ở 10 trong 63 tỉnh thành phát triển du lịch của Việt Nam. Nghiên cứu được tiến hành qua hai giai đoạn: định tính và định lượng. Mô hình cấu trúc tuyến tính SEM được sử dụng để kiểm định sự phù hợp của mô hình và các giả thuyết nghiên cứu. Kết quả thu được qua dữ liệu thu thập từ 534 người dân địa phương khẳng định mối quan hệ tích cực giữa các yếu tố Sự tự nhiên chào đón, Sự cam kết cộng đồng, Lợi ích kinh tế cá nhân đến Thái độ và Hành vi ủng hộ sự phát triển du lịch (ngoại trừ Sự cam kết cộng đồng không ảnh hưởng đến Hành vi ủng hộ sự phát triển du lịch), cũng như giữa Thái độ ủng hộ sự phát triển du lịch đến Hành vi ủng hộ sự phát triển du lịch.

**Từ khoá:** Thái độ ủng hộ; Hành vi ủng hộ; Phát triển du lịch; Tự nhiên chào đón; Cam kết cộng đồng; Lợi ích kinh tế

**10. Ảnh hưởng của thuê ngoài dịch vụ đến hiệu quả phi tài chính của doanh nghiệp - nghiên cứu trường hợp các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Đồng bằng Sông Cửu Long**/ Đinh Công Thành, Lê Tấn Nghiêm và Nguyễn Hồng Gấm//Khoa học Thương mại.- 2020 .- Số 137+138 .- Tr. 109-118.

**Nội dung:** Nghiên cứu xác định các yếu tố tác động đến việc thuê ngoài dịch vụ cũng như nghiên cứu tác động của việc thuê ngoài đến hiệu quả phi tài chính của các DNNVV ở ĐBSCL. Dữ liệu được thu thập là 379 DNNVV sử dụng dịch vụ thuê ngoài. Nghiên cứu sử dụng công cụ kiểm định Cronbach’s alpha, nhân tố khám phá EFA, nhân tố khẳng định CFA và mô hình cấu trúc tuyến tính SEM. Kết quả cho thấy, thuê ngoài dịch vụ đã tác động tích cực đến hiệu quả phi tài chính doanh nghiệp. Trong đó, thuê ngoài tác động đáng kể nhất đến hiệu quả thu hút khách hàng và nhân viên, cũng như hiệu quả xử lý công việc nội bộ, đổi mới và phát triển tổ chức.

**Từ khoá**: Thuê ngoài dịch vụ, hiệu quả phi tài chính, Đồng bằng sông Cửu Long

**11. Ảnh hưởng của tổ chức công đoàn đến hoạt động đào tạo tại nơi làm việc: bằng chứng từ số liệu khớp nối giữa người lao động và doanh nghiệp**/ Bạch Ngọc Thắng// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 12(499) .- Tr. 28-36.

**Nội dung:** Nghiên cứu về ảnh hưởng của tổ chức công đoàn đến hoạt động đào tạo tại nơi làm việc, đặc biệt là ở một quốc gia đang phát triển và chuyển đổi như VN thông qua sử dụng số liệu khớp nối giwuax người lao động và doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, công đoàn không những làm gia tăng cơ hội tham gia đào tạo mà còn làm tăng số lần tham gia đào tạo của người lao động tại nơi làm việc; kết quả này không chịu ảnh hưởng bởi các đặc điểm cá nhân của người lao động và đặc điểm của doanh nghiệp. ...

**Từ khoá**: Công đoàn, đào tạo tại nơi làm việc, nguồn vốn con người, doanh nghiệp vừa và nhỏ, cấu trúc thị trường lao động

**12. Ảnh hưởng của việc mua bảo hiểm y tế và ô nhiễm không khí lên chỉ tiêu y tế ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Tuyết// Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 136 .- Tr. 11-19.

**Nội dung**: Nghiên cứu xem xét mức chi tiêu y tế tại Việt Nam từ năm 2010 đến năm 2016 đồng thời đánh giá ảnh hưởng của việc mua bảo hiểm y tế và ô nhiễm môi trường lên cầu y tế của các cá nhân trong mẫu điều tra. Kết quả trước tiên chỉ ra chi phí y tế trung bình của các cá nhân tăng từ 1,36 triệu đồng năm 2010 lên 2,76 triệu đồng năm 2016. Mức chi tiêu y tế của các hộ gia đình trong giai đoạn nghiên cứu chiếm khoảng 3-4% tổng thu nhập của các hộ. Thứ hai, nghiên cứu tìm thấy rằng việc mua bảo hiểm y tế làm gia tăng chi tiêu y tế của người mua. Thứ ba, ô nhiễm không khí tác động nghiêm trọng đối với sức khỏe cộng đồng và gây áp lực chi phí y tế hiện nay.

**Từ khoá**: Cầu y tế, chi tiêu y tế, bảo hiểm y tế, ô nhiễm không khí

**13. Ảnh hưởng đến nhận biết thương hiệu và hoạt động truyền miệng cho sản phẩm trà Oolong Cầu Đất Farm, tỉnh Lâm Đồng**/ Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Văn Anh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 10(497) .- Tr. 76-86.

**Nội dung**: Đánh giá các yếu tố tác động đến nhận biết thương hiệu và hoạt động truyền miệng cho sản phẩm trà Oolong Cầu Đất Farm, tỉnh Lâm Đồng. Bằng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, khảo sát 275 khách hàng đã sử dụng sản phẩm trà Oolong của công ty trà Cầu Đất Farm, kết quả nghiên cứu cho thấy có 3 yếu tố ảnh hưởng đến nhận biết thương hiệu của trà Oolong xếp theo mức độ giảm dần gồm: uy tín, sự hài lòng và truyền thông, đồng thời, nhận biết thương hiệu ảnh hưởng cùng chiều đến hoạt động truyền miệng. Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đã đưa ra một số hàm ý quản trị để gia tăng hoạt động truyền miệng thông qua nhận biết thương hiệu bằng cách cải thiện 3 yếu tố trên.

**Từ khoá**: Nhận biết thương hiệu, hoạt động truyền miệng, trà Oolong

**14. Bằng chứng hiệu ứng ngược vị thế tại Việt Nam thông qua phân tích sinh tồn**/ Phan Trần Trung Dũng, Nguyễn Quang Lộc// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 10(497) .- Tr. 36-45.

**Nội dung:** Cung cấp cơ sở lý giải cho hành vi của nhà đầu tư cá nhân Việt Nam. Thay vì sử dụng phương pháp truyền thống của Odean (1988), nghiên cứu sử dụng hàm phân tích sinh tồn và mô hình hồi quy logistic nhị biến với nhiều ưu điểm nổi trội. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự tồn tại của hiệu ứng ngược vị thế tại VN.

**Từ khoá**: Tài chính hành vi, hiệu ứng ngược vị thế, hồi quy logistic

**15. Bất ổn vĩ mô, nắm giữ tiền mặt và giá trị cổ đông của doanh nghiệp Việt Nam**/ Lâm Bình Xuyên, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Thanh Vinh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 10(497) .- Tr. 25-35.

**Nội dung**: Đánh giá tác động của bất ổn kinh tế vĩ mô lên quyết định nắm giữ tiền mặt và giá trị cổ đông của các doanh nghiệp niêm yết phi tài chính tại Việt Nam. Sử dụng bộ dữ liệu các doanhn ghiệp niêm yết phi tài chính của Việt Nam gồm 4741 quan sát doanh nghiệp theo năm bao gồm 628 doanh nghiệp phi tài chính trong giai đoạn năm 2005-2015, với biến kiểm định là bất ổn kinh tế vĩ mô ước lượng bởi dao động của GDP thực, kết quả nghiên cứu cho thấy khi bất ổn xảy ra thì tiền mặt gia tăng vì không được đưa vào đầu tư và do vậy làm giảm giá trị cổ đông.

**Từ khoá**: Bất ổn vĩ mô, nắm giữ tiền mặt, giá trị cổ đông, doanh nghiệp Việt Nam

**16. Các mô hình dự báo tỷ giá trong ngắn hạn**/ Đào Minh Thắng// Ngân hàng .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 14-20.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý thuyết, mô hình ngang giá sức mua, mô hình ngang giá lãi suất, mô hình hành vi,kết quả nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Mô hình dự báo, tỷ giá, ngắn hạn

**17. Các nhân tố ảnh hưởng đến đình công trong doanh nghiệp FDI tại thành phố Hồ Chí Minh** / Trần Văn Hưng// Nghiên cứu kinh tế .- 2019 .- Số 494 .- Tr. 74-86.

**Nội dung:** Trên cơ sở tiếp cận định tính, định lượng và kết quả phân tích đa nhóm của 613 phiêu điều tra, các đối tượng được khảo sát là công nhân lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất Lê Minh Xuân, Linh Trung 1, .. bài viết cho thấy nhóm công nhân có thu nhập thấp thì phúc lợi có tác động lớn đến ý định đình công và tác động này là tác động dương, hoạt động công đoàn có tác động lớn thứ 2 đến đình công , sau đó đến yếu tố lôi kéo và cuối cùng là yếu tố năng lực lãnh đạo; ...

**Từ khóa:** Tranh chấp lao động, đình công, công đoàn, quan hệ lao động

**18. Các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**/ Phạm Hùng Cường// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 8(495) .- Tr. 65-75.

**Nội dung:** Nghiên cứu xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến giá trị thương hiệu các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; được tiến hành qua hai giai đoạn: nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng, từ đó đưa ra hàm ý quản trị cho nhà quản lý nhằm nâng cao giá trị thương hiệu cho các doanh nghiệp bán lẻ.

**Từ khoá**: Giá trị thương hiệu, doanh nghiệp bán lẻ, nhân tố ảnh hưởng

**19. Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi quản trị lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết**/ Đỗ Thị Vân Trang// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 8(495) .- Tr. 30-38.

**Nội dung:** Xác định các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi quản trị lợi nhuận và đề xuất mô hình nghiên cứu tác động của các nhân tố tới hành vi quản trị lợi nhuận của doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán VN.

**Từ khoá**: Quản trị lợi nhuận, Hành vi quản trị lợi nhuận

**20. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thành lập các tiểu ban trực thuộc hội đồng quản trị của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Ngô Mỹ Trân, Dương Trọng Nhân//Khoa học Thương mại.- 2020 .- Số 137+138 .- Tr. 75-85.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu phân tích sự ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến khả năng thành lập các tiểu ban trực thuộc hội đồng quản trị (HĐQT) của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Số liệu sử dụng được thu thập từ 602 công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) trong giai đoạn 2015 - 2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố gồm tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư là tổ chức và quy mô công ty có ảnh hưởng tích cực đến khả năng thành lập các tiểu ban trực thuộc hội đồng quản trị. Tuy nhiên, chưa có bằng chứng thống kê cho thấy quy mô HĐQT, tỷ lệ thành viên HĐQT là người nước ngoài, tỷ lệ thành viên HĐQT không điều hành, hiệu quả hoạt động của công ty, công ty có sử dụng dịch vụ kiểm toán của Big-4 và số năm niêm yết có ảnh hưởng đến xu hướng thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

**Từ khoá:** Hội đồng quản trị, tiểu ban kiểm toán, tiểu ban đề cử, tiểu ban lương thưởng

**21. Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin tự nguyện của doanh nghiệp niêm yết tại Hose**/ Nguyễn Thị Loan, Tô Thị Thư Nhàn// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 5(542) .- Tr. 26-29,46.

**Nội dung:** Trình bày 2 mục tiêu: tìm ra các nhân tố ảnh hưởng mức độ công bố thông tin tự nguyện của doanh nghiệp niêm yết tại HOSE; đề xuất các khuyến nghị nhằm nâng cao mức độ công bố thông tin tự nguyện của doanh nghiệp niêm yết tại HOSE.

**Từ khoá**: Nhân tố, HOSE

**22. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định liên kết giữa hộ nuôi với các tác nhân tham gia chuỗi cung ứng cá hồng Mỹ tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Nga, Hồ Huy Tựu// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 6 tháng 6 .- Tr. 46-65.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mục đích giải thích ý định liên kết giữa hộ nuôi với các tác nhân khác tham gia chuỗi cung cá hồng Mỹ tại Việt Nam. Nghiên cứu mở rộng lý thuyết hành vi dự định (TPB) bằng việc tích hợp 5 biến sự tin tưởng, văn hóa liên kết, chính sách Chính phủ, kiến thức liên kết, sự bất định của liên kết để giải thích cho các biến của mô hình TPB gốc là thái độ, chuẩn mực xã hội, kiểm soát hành vi và ý định liên kết chuỗi. Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô hình phương trình cấu trúc dựa trên kỹ thuật phân tích bình phương tối thiểu bán phần (PLS-SEM) để kiểm tra độ tin cậy, độ giá trị các thang đo dựa trên mẫu khảo sát 170 hộ nuôi cá hồng Mỹ tại 5 tỉnh Kiên Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu, Khánh Hòa, Phú Yên và Nghệ An. Kết quả cho thấy các giả thuyết đề xuất đều được ủng hộ bởi dữ liệu. Nghiên cứu định lượng giải thích cho động cơ liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi cung sản phẩm sử dụng lý thuyết TPB là khá hiếm hiện nay. Tính hiệu lực của lý thuyết này được khẳng định trong bối cảnh chuỗi cá hồng Mỹ, một đối tượng nuôi mới tại Việt Nam, là quan trọng để tạo nên những đóng góp ý nghĩa cả về học thuật lẫn các hàm ý chính sách.

**Từ khoá**: Chuỗi cung ứng, lý thuyết TPB, ý định liên kết, Cá hồng Mỹ, Việt Nam

**23. Các nhân tố tác động đến sự sáng tạo: cơ chế trung gian của tự điều chỉnh nhiệm vụ**/ Lê Công Thuận, Nguyễn Hữu Ngọc, Nguyễn Đăng Hạ Huyên, Cao Văn Tâm, Nguyễn Du Hạ Long, Nguyễn Văn Phúc, Đặng Thị Thanh Hà// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 272 .- Tr. 73-81.

**Nội dung**: Dựa vào lý thuyết sự chủ động trong công việc (Carpini & cộng sự, 2017; Griffin & cộng sự, 2007; Parker & Collins, 2010), nghiên cứu đề xuất rằng động lực nội tại, kỹ năng sáng tạo và chuyên môn tác động trực tiếp đến tự điều chỉnh nhiệm vụ và ảnh hưởng gián tiếp đến sự sáng tạo thông qua tự điều chỉnh nhiệm vụ. Nghiên cứu chính thức đã khảo sát 331 chuyên viên, kỹ thuật viên và kỹ sư đang làm việc tại các doanh nghiệp công nghệ thông tin. Kết quả cho thấy động lực nội tại, kỹ năng sáng tạo và chuyên môn tác động trực tiếp dương đến tự điều chỉnh nhiệm vụ. Hơn nữa, tự điều chỉnh nhiệm vụ là trung gian liên kết tác động của (a) động lực nội tại, (b) kỹ năng sáng tạo, (c) chuyên môn lên sự sáng tạo.

**Từ khoá**: Chuyên môn; động lực nội tại; kỹ năng sáng tạo; sự sáng tạo; tự điều chỉnh nhiệm vụ

**24. Các nhân tố tác động đến tính hấp dẫn của điểm đến trong việc thu hút vốn đầu tư vào du lịch – nghiên cứu tại vùng duyên hải Nam Trung Bộ**/ Trần Thanh Phong, Thân Trọng Thụy// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 273 .- Tr. 53-62.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng lý thuyết địa điểm sản xuất quốc tế, áp dụng vào lĩnh vực du lịch để chỉ ra các nhân tố chính ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của điểm đến. Đồng thời lý thuyết động cơ đầu tư cũng được sử dụng để sắp xếp lại các nhóm nhân tố ảnh hưởng theo động cơ đầu tư mà các nghiên cứu trước đây rất ít đề cập. Nghiên cứu sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) trên một mẫu 356 nhà quản lý các khách sạn và khu du lịch thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ để kiểm định mối quan hệ giữa các cấu trúc bậc một. Kết quả kiểm định chỉ ra rằng có 5 nhóm nhân tố chính tác động đến tính hấp dẫn của điểm đến đó là: (1) thị trường du lịch tiềm năng; (2) lợi thế tài nguyên du lịch; (3) lợi thế chi phí; (4) lợi thế cơ sở hạ tầng du lịch và (5) môi trường đầu tư (PCI). Kết quả kiểm định cũng chỉ ra: chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và nhân tố tài nguyên văn hóa là 2 nhân tố mới, đóng góp 1 phần trong việc tạo nên tính hấp dẫn của điểm đến đầu tư du lịch.

**Từ khoá**: Tính hấp dẫn điểm đến, FDI trong du lịch, các yếu tố quyết định vị trí, lý thuyết địa điểm sản xuất quốc tế

**25. Các yếu tố ảnh hưởng đến liên kết đào tạo giữa trường đại học và doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Quyết Thắng, Nguyễn Thị Thu Hòa// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 10(497) .- Tr. 46-56.

**Nội dung:** Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến liên kết đào tạo giữa trường đại học và doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch tại thành phố Hồ Chí Minh. Sử dụng phương phân tích định tính kết hợp với định lượng, với 300 mẫu điều tra tại các trường đại học có đào tạo ngành du lịch tại thành phố Hồ Chí Minh, kết quả nghiên cứu cho thấy lợi ích và công tác liên kết bị ảnh hưởng bới 4 yếu tố: tổ chức, hoàn cảnh, triển khai và quan điểm liên kết (trường đại học). Từ đó, nghiên cứu đưa ra giải pháp nhằm đẩy mạnh liên kết đào tạo, phát triển du lịch của Thành phố.

**Từ khoá**: Liên kết đào tạo, yếu tố ảnh hưởng, trường đại học và doanh nghiệp

**26. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận biết thương hiệu của sinh viên đối với các công ty thương mại điện tử trên phương tiện truyền thông xã hội**/ Nguyễn Thu Hà// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 139 .- Tr. 55-61.

**Nội dung:** Nằm trong xu hướng số hóa của thế giới, thương mại điện tử tại Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Theo báo cáo của Hiệp hội Thương mại Điện tử Việt Nam (VECOM), tốc độ phát triển thương mại điện tử của Việt Nam năm 2019 lên đến 30% và mạng xã hội là một trong những nền tảng được các doanh nghiệp đánh giá là đem lại hiệu quả cao trong hoạt động quảng bá trực tuyến với tỷ lệ tương ứng là 52%. Bài viết tập trung phân tích ảnh hưởng của các yếu tố đến nhận biết thương hiệu của sinh viên đối với các công ty thương mại điện tử trên phương tiện truyền thông xã hội. Thông qua dữ liệu thu được từ 286 sinh viên trên địa bàn Hà nội, bài viết đã cho thấy các yếu tố thông tin công ty chia sẻ, quảng cáo trực tuyến, chia sẻ của người dùng, và nhu cầu của người dùng có ảnh hưởng tích cực đến nhận biết thương hiệu của sinh viên.

**Từ khoá**: Nhận biết thương hiệu, thương mại điện tử, truyền thông xã hội

**27. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn chuỗi cửa hàng cà phê của người tiêu dùng: trường hợp nghiên cứu khu vực TP. Hồ Chí Minh**/ Hà Minh Hiếu// Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 135 .- Tr. 41-50.

**Nội dung**: Hành vi lựa chọn của khách hàng là thước đo quan trọng để quyết định năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp đặc biệt là kinh doanh dịch vụ ăn uống cụ thể là cửa hàng cà phê. Vì vậy, mục tiêu của nghiên cứu là xác định, đánh giá các yếu tố then chốt ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn chuỗi cửa hàng cà phê để từ đó giúp các doanh nghiệp kinh doanh chuỗi cửa hàng cà phê nâng cao năng lực cạnh tranh của mình. Với phương pháp định tính kết hợp với định lượng, sử dụng thang đo likert 5 điểm, kết quả nghiên cứu cho thấy 6 yếu tố: sản phẩm, vị trí, giá cả, dịch vụ khách hàng, thương hiệu, không gian ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn chuỗi cửa hàng cà phê của người tiêu dùng từ đó giúp cho các doanh nghiệp kinh doanh chuỗi cửa hàng cà phê có các chính sách và quyết định để nâng cao năng lực cạnh tranh.

**Từ khoá**: Lựa chọn khách hàng, chuỗi cà phê, cạnh tranh, cửa hàng cà phê

**28. Các yếu tố ảnh hưởng tới cơ cấu vốn của các doanh nghiệp ngành sản xuất thực phẩm niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam**/ Trần Đức Thắng// Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 136 .- Tr. 30-38.

**Nội dung:** Cơ cấu vốn là yếu tố quyết định tới giá trị của doanh nghiệp. Vì vậy, việc nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố tới cơ cấu vốn sẽ là cơ sở để các nhà quản trị quyết định lựa chọn cơ cấu vốn cho doanh nghiệp. Nghiên cứu này nhằm đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố tới cơ cấu vốn của các doanh nghiệp ngành sản xuất thực phẩm tại Việt Nam. Nghiên cứu đã chỉ ra cơ cấu vốn của các doanh nghiệp ngành sản xuất thực phẩm Việt Nam tuân theo lý thuyết trật tự phân hạng, theo đó, có 5 yếu tố có ảnh hưởng rõ rệt đến cơ cấu vốn là hiệu quả kinh doanh, tuổi doanh nghiệp, quy mô doanh nghiệp, tốc độ tăng trưởng và cơ cấu tài sản.

**Từ khoá**: Cơ cấu vốn, doanh nghiệp niêm yết, hiệu quả kinh doanh

**29. Các yếu tố tác động đến hiệu quả kỹ thuật trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam**/ Huỳnh Thế Nguyễn// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 43-65.

**Nội dung:** Nghiên cứu này phân tích các yếu tố tác động đến hiệu quả kỹ thuật trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam. Bài viết sử dụng hàm sản xuất biên ngẫu nhiên Battese – Coelli (1995) và phương pháp MLE (Maximum Likelihood Equation) để phân tích bộ dữ liệu được trích xuất từ Điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê giai đoạn 2013 - 2016. Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả kỹ thuật của các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn nhiều hạn chế, chỉ đạt mức trung bình là 75,08%. Ngoài ra, bài viết phát hiện doanh nghiệp nhỏ và vừa ở địa phương có hiệu quả kỹ thuật cao hơn các doanh nghiệp đô thi, các doanh nghiệp không nhận sự hỗ trợ của Chính phủ có hiệu quả cao hơn các doanh nghiệp nhận được hỗ trợ của Chính phủ. Đồng thời, các yếu tố như: quy mô và tuổi của doanh nghiệp, sở hữu nước ngoài trong doanh nghiệp, tham gia hoạt động xuất khẩu và năng suất lao động có tác động tích cực đến việc cải thiện hiệu quả kỹ thuật trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa; hàm sản xuất biên ngẫu nhiên; hiệu quả kỹ thuật

**30. Các yếu tố tác động đến phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam/** Lưu Tiến Dũng// Nghiên cứu kinh tế .- 2019 .- Số 496 .- Tr. 40-50.

**Nội dung**: Phân tích các yếu tố tác động đến phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cung cấp nền tảng lý luận khoa học và thực tiễn quan trọng cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà khoa học và doanh nghiệp đảm bảo cho sự phát triển bền vững của ngành dệt may, tận dụng hiệu quả cơ hội từ hội nhập kinh tế quốc tế.

**Từ khóa**: Công nghiệp hỗ trợ, ngành dệt may, SEM, TPP

**31. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc: những tác động qua kênh tỷ giá**/ Đào Hoàng Tuấn, Trần Thị Thu Hà// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 10(497) .- Tr. 12-24.

**Nội dung:** Trình bày bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc; nhận định về tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc; Cơ chế tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc đến tỷ giá hối đoái và biến động tỷ giá các đồng tiền trong bối cảnh chiến tranh thương mại.

**Từ khoá**: Chiến tranh thương mại, tỷ giá, cơ chế tác động đến tỷ giá

**32. Đa dạng hóa thu nhập và việc áp dụng giống lúa cải tiến trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam**/ Phạm Tiến Thành, Phạm Bảo Dương// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 273 .- Tr. 22-32.

**Nội dung:** Thực hiện quyết sách Tam Nông, những năm qua kinh tế hộ có sự phát triển mạnh mẽ theo hướng đa dạng hóa thu nhập và áp dụng công nghệ cho năng suất cao trong sản xuất nông nghiệp. Sử dụng dữ liệu bảng từ cuộc điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình nông thôn Việt Nam (VARHS), nghiên cứu này thảo luận quá trình đa dạng hóa kinh tế của nông hộ và mối quan hệ tương hỗ của quá trình này với việc áp dụng các giống lúa cải tiến. Kết quả phân tích cho thấy hộ có thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp sẽ tích cực đổi mới, sử dụng các giống lúa cải tiến, nhất là đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nghiên cứu cũng gợi mở các hàm ý chính sách để tiếp tục thúc đẩy đa dạng hóa thu nhập, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, thực hiện tốt chính sách tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

**Từ khoá**: Đa dạng hóa thu nhập, giống cải tiến, nông hộ

**33. Đại dịch COVID-19: Cơ hội và thách thức cho Giáo dục Đại học Việt Nam**/ Trần Thị Vân Hoa, Phạm Thị Huyền, Nguyễn Quỳnh Hoa// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 274 .- Tr. 64-74.

**Nội dung**: Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng sâu rộng tới tất các quốc gia trên thế giới, mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục. Gần 200 quốc gia đóng cửa các trường học, hơn 1.5 tỷ người học trên thế giới không được đến trường. Tại Việt Nam, hơn 1.7 triệu sinh viên không thể học tập trung trong bối cảnh giãn cách xã hội. Để người học có thể dừng đến trường nhưng không dừng học, các trường đại học Việt Nam đã và đang ứng phó với đại dịch theo nhiều cách khác nhau. Cuộc khảo sát nhanh trên Google doc. từ 9 - 11/4/2020, với mẫu nghiên cứu 826 phần tử là các cán bộ, giảng viên của các trường đại học Việt Nam, cho thấy dù gặp nhiều khó khăn, song các trường đã dần chủ động hơn trong việc vượt qua thách thức. Ở một góc nhìn tích cực, các trường đã và đang tìm cách khai thác cơ hội do sức ép từ Covid19, trở thành các trường đại học thông minh, tận dụng lợi thế của Cách mạng Công nghiệp 4.0 nhằm xóa khoảng cách không gian, không phụ thuộc vào thời gian thực và tiệm cận chất lượng giáo dục thế giới. Tất nhiên, còn nhiều việc phải làm, mà chủ thể thực hiện sẽ không chỉ là các cơ sở giáo dục đại học mà cần có sự vào cuộc của Bộ Giáo dục Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông cùng các bộ ngành khác. Sự đồng bộ hóa trong quy định, hướng dẫn, vận hành, quản lý và kiểm soát là những điều kiện không thể thiếu cho áp dụng giảng dạy trực tuyến, không chỉ ở giáo dục đại học mà cho cả ngành giáo dục nói chung.

**Từ khoá:** Thách thức, Covid-19, giáo dục đại học, cơ hội

**34. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên/** Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Vân Anh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương- 2019 .- Số 540 .- Tr. 97-99.

**Nội dung**: Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã (HTX) tỉnh Thái Nguyên được thành lập và đi vào hoạt động chính thức từ tháng 8 năm 2010, hoạt động của Quỹ hỗ trợ đã đem lại hiệu quả tích cực cho sự phát triển kinh tế tập thể của tỉnh Thái Nguyên nói chung và các HTX, Tổ hợp tác (THT) nói riêng. Trong lúc các THT, HTX tiếp cận vốn vay của các ngân hàng thương mại còn khó khăn, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại không ổn định, thì việc Quỹ HTX, THT, các tổ chức kinh tế tập thể vay kịp thời với lãi suất ưu đãi đã giúp cho các HTX, THT giảm đi những khó khăn về vốn đầu tư máy móc, thiết bọ, phương tiện vận chuyển, mở rộng thị trường, cải tiến sản phẩm mới, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống, thu nhập cho thành viên HTX/THT, người lao động khu vực nông thôn.

**Từ khoá**: Quỹ hỗ trợ, Hợp tác xã, Ngân sách, Nhà nước, Vay vốn

**35. Đánh giá nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh ngành chè xuất khẩu Việt Nam**/ Nguyễn Lương Long//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương- 2019 .- Số 540 .- Tr. 67-69.

**Nội dung**: Việt Nam được xem là cái nôi của cây chè thế giới. Chúng ta đã sản xuất chè từ thời xa xưa, nhưng việc xây dựng thương hiệu nổi tiếng cho ngành chè Việt Nam chưa được chú trọng. Mỗi năm Việt Nam xuất khẩu trên dưới 130.000 tấn chè, đứng thứ 5 trên thế giới về sản xuất và xuất khẩu chè. Các nghiên cứu sức cạnh tranh chè xuất khẩu của Việt Nam đã chỉ ra được những điểm mạnh và những điểm yếu so với đối thủ trong ngành. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, việc đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao sức cạnh tranh là một việc làm hết sức cần thiết, rất có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

**Từ khoá**: Kinh tế, Cạnh tranh, Chè, Xuất khẩu, Thị trường

**36. Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với website thương mại điện tử của doanh nghiệp - Một nghiên cứu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG Thái Nguyê**n/ Nguyễn Văn Huân, Nguyễn Thị Hằng, Bùi Thị Thu// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 140 .- Tr. 22-32.

**Nội dung:** Bài báo tập trung nghiên cứu về một số nhân tố, ảnh hưởng tới mức độ hài lòng của khách hàng về website thương mại điện tử của doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thông qua nghiên cứu các yếu tố như Hình thức giao diện của website, nội dung của website, mức độ cập nhật thông tin của website, mức độ liên kết của website với các trang web khác. Để thực hiện được tác giả đã nghiên cứu hồ sơ,tài liệu, cộng với thu thập số liệu thông qua phiếu khảo sát, bảng hỏi và phỏng vấn trực tiếp. Sau đó thống kê, phân tích số liệu thu được bằng phương pháp phân tích hệ số tin cậy Cronbach’s alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích dựa trên mô hình cấu trúc tuyến tính SEM. Từ đó, tác giả đưa ra những kết quả và kiến nghị, giúp doanh nghiệp khắc phục những điểm bất cập của website, giúp doanh nghiệp có một website chất lượng, đầy đủ thông tin, tạo ấn tượng tốt cho khách hàng, nhằm thu hút các khách hàng đến với doanh nghiệp, nâng cao doanh số và doanh thu trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thí điểm trường hợp cụ thể tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG Thái Nguyên.

**Từ khoá:** Sự hài lòng, khách hàng, website, doanh nghiệp

**37. Đề xuất mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực y tế trình độ cao ở địa phương**/ Nguyễn Thị Minh Nhàn, Bùi Thị Ánh Tuyết// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 139 .- Tr. 13-23.

**Nội dung:** Mục tiêu nguồn nhân lực y tế (NNLYT) là bao phủ, năng lực và động lực tạo cơ sở mang lại tính công bằng, hiệu quả và phát triển của hệ thống y tế, từ đó đảm bảo chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Sự xuất hiện của Nhà nước với vai trò điều tiết trong phát triển nguồn nhân lực y tế (PTNNLYT) trình độ cao góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu nêu trên. Nghị quyết số 46/NQ-TW, ngày 23/02/2005, của Bộ Chính trị đã nêu rõ nguyên tắc chỉ đạo trong phát triển NNLYT Nghề y là một nghề đặc biệt, cần được tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt…. Trong những năm qua, mặc dù đã có rất nhiều cải cách, nhưng quản lý nhà nước (QLNN) về PNNLYT trình độ cao vẫn còn nhiều bất cập trong tất cả các khía cạnh từ quy hoạch, chính sách; tổ chức quản lý đến kiểm soát PTNNLYT ở cả cấp trung ương và địa phương. Làm thế nào để nâng tầm chất lượng QLNN về PTNNLYT trình độ cao ở địa phương? Câu hỏi đặt ra chỉ có thể giải quyết thấu đáo khi nhận diện được các yếu tố ảnh hưởng đến công tác này một cách có cơ sở khoa học và thực chứng.

**Từ khoá**: Phát triển nguồn nhân lực y tế, quản lý nhà nước, y tế trình độ cao

**38. Động lực và tiềm năng đào tạo đại học trực tuyến tại Việt Nam trong thời đại 4.0**/ Nguyễn Hoàng, Ngô Thanh Hà// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 139 .- Tr. 62-71.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu động lực và tiềm năng đào tạo đại học trực tuyến tại Việt Nam trong thời đại 4.0 hiện nay. Sử dụng phương pháp thu thập, thống kê thông tin và phỏng vấn, tác giả đã chỉ ra động lực và thách thức đối với các bên liên quan; cũng như tiềm năng và thực trạng đào tạo trực tuyến đại học tại Việt Nam hiện nay. Đào tạo đại học trực tuyến cho phép sinh viên, giảng viên dễ dàng tiếp cận công nghệ mới, tiết kiệm thời gian, chi phí, đặc biệt trong bối cảnh khoảng cách địa lý và khủng hoảng an sinh xã hội, dịch bệnh. Trong thời gian qua, mặc dù có tiềm năng lớn, đào tạo đại học trực tuyến tại Việt Nam chưa được khai thác rộng rãi và triệt để. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp và kiến nghị thúc đẩy triển khai đào tạo đại học trực tuyến tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Đào tạo, đại học, Đào tạo đại học trực tuyến, thời đại 4.0, Việt Nam

**39. Dự đoán rủi ro kinh doanh: ứng dụng mô hình Z-score của Altman với các công ty được niêm yết của Bulgarie**/ Marcellin Yovogan// Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 136 .- Tr. 52-62.

**Nội dung**: The aim of this paper is an attempt of application of the Altman’s model to publicly traded companies on the Bulgarian stock exchange. The companies have been selected from different industries (manufacturing, non-manufacturing), following the approach suggested by the models.

**Từ khoá**: Altman’s Z-score, bankruptcy, public companies

**40. Định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**/ Quang Anh// Tài nguyên & Môi trường .- 2020 .- Số 4 (330) .- Tr. 7 - 9.

**Nội dung:** Giới thiệu những nội dung quan trọng của Nghị quyết liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

**Từ khóa:** Chiến lược phát triển, năng lượng quốc gia, Việt Nam

**41. Entrepreneurship and Credit Crunch in Vietnam: A Recurring Reality? = Doanh nghiệp và thắt chặt tín dụng ở Việt Nam: thực trạng tái xuất hiện?/** Hervé B. BOISMERY//Khoa học Thương mại.- 2020 .- Số 137+138 .- Tr. 119-132.

**Nội dung:** This paper examines whether and to what extent the Vietnamese economy have been suffering and is still suffering from a credit crunch in the context of its dynamic growth. The paper employs a systematic framework in the tradition of the credit view literature to assess the occurrence and the magnitude of the credit crunch considered like a major obstacle to the development of an endogenous entrepreneurship in Vietnam By using a consistent approach based on several topics (interest rates, exchange rate, dollarization, monetary policy), the paper goes beyond acroeconomic indicators and anecdotal evidence. The framework also allows assessing how the credit crunch affects differently across the various sectors of the economy. The main results of the study show that the credit crunch is a widespread and permanent reality in Vietnam and its negative impact affects particularly the profitability of enterprises’ productive investments Furthermore, a protracted and heavy reliance on tight monetary policy, entailing high real interest rates, appears inappropriate for restoring a long-term market confidence. Therefore, it would be desirable to consider alternative policy instruments aiming new paradigms and that do not place further stress on the banking sector and on its lending to the corporate sector.

**Từ khoá:** Credit crunch; interest rates; exchange rates; monetary policy; firms investments; dollarization; Asian countries; Vietnam

**42. FTA ASEAN - Trung Quốc: những ảnh hưởng đến phúc lợi ngành sợi dệt Việt Nam**/ Lê Thị Kim Chung// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 9(496) .- Tr. 71-84.

**Nội dung**: Bài viết đa lượng hóa tác động của việc cắt giảm Thuế quan đối với ngành sợi dệt; đồng thời, đưa ra một số khuyến nghị nhằm giúp các doanh nghiệp ngành sợi dệt phát triển và tăng khả năng cạnh tranh với các sản phẩm nước ngoài.

**Từ khoá:** FTA ASEAN - Trung Quốc, giảm thuế quan, phúc lợi, ngành sợi dệt Việt Nam

**43. Ghi nhận và công bố thông tin về lợi thế thương mại và tài sản vô hình khác trong hợp nhất kinh doanh - trường hợp của tập đoàn Vingroup**/ Nguyễn Công Phương, Lê Thị Thu Hiền// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 272 .- Tr. 52-62.

**Nội dung:** Sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp, bài báo nhằm đánh giá vận dụng chuẩn mực kế toán hợp nhất kinh doanh theo hai khía cạnh: ghi nhận và công bố thông tin các tài sản sinh ra từ hợp nhất kinh doanh. Vingroup được chọn do công ty có nhiều giao dịch hợp nhất kinh doanh và tiên phong trong việc lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Kết quả phân tích cho thấy vẫn còn một khoảng cách khá lớn giữa yêu cầu và thực tế áp dụng các chuẩn mực kế toán hợp nhất kinh doanh tại công ty trong việc ghi nhận và công bố thông tin về lợi thế thương mại và tài sản vô hình khác khi lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực Việt Nam và theo chuẩn mực quốc tế. Kết quả này ngụ ý rằng, minh bạch thông tin giao dịch hợp nhất kinh doanh ở Việt Nam còn chưa đáp ứng kỳ vọng và điều này có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến nhà đầu tư.

**Từ khoá:** Công bố thông tin; ghi nhận; hợp nhất kinh doanh; lợi thế thương mại; tài sản vô hình khác

**44. Giá trị cảm nhận và ý định sử dụng thương mại di động: Vai trò của giá trị tri thức và giá trị dựa trên điều kiện**/ Nguyễn Hữu Khôi// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 3 tháng 3 .- Tr. 35-49.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đóng góp vào sự hiểu biết toàn diện hơn liên quan đến các mối quan hệ giữa các thành phần giá trị cảm nhận và giữa giá trị cảm nhận với ý định hành vi trong bối cảnh thương mại di động. Theo đó, giá trị tri thức và giá trị dựa trên điều kiện được giả thuyết có tác động đến giá trị tiện ích, giá trị tiêu khiển và giá trị xã hội. Bên cạnh đó, các giá trị này được giả thuyết có tác động tích cực đến ý định sử dụng thương mại di động. Kết quả kiểm định giả thuyết bằng phần mềm SmartPLS trên một mẫu 350 người tiêu dùng dịch vụ di động cho thấy ngoại trừ tác động của giá trị xã hội đến ý định hành vi và tác động của giá trị dựa trên điều kiện đến giá trị tiêu khiển, các giả thuyết còn lại đều được ủng hộ bởi dữ liệu. Với kết quả đáng chú ý trên, nghiên cứu có những đóng góp về cả khía cạnh học thuật và thực tiễn.

**Từ khoá:** Giá trị cảm nhận; giá trị tri thức, giá trị dựa trên điều kiện; ý định sử dụng; thương mại di động

**45. Giải pháp chính sách nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp Hải Phòng trong thời gian tới**/ Nguyễn Văn Thành, Đặng Thành Lê// Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 135 .- Tr. 2-9.

**Nội dung:** Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đặc biệt là trong bối cảnh sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt trên quy mô toàn cầu. Để nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, ngoài nỗ lực tự thân của doanh nghiệp thì sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà nước cũng là một yếu tố quyết định. Bài viết này đánh giá khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp công nghiệp Hải Phòng và những nhân tố tác động đến khả năng cạnh tranh từ đó đề xuất một số giải pháp chính sách mà chính quyền thành phố Hải Phòng nên áp dụng trong thời gian tới nhằm giúp nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

**Từ khoá:** Khả năng cạnh tranh, doanh nghiệp công nghiệp, chính sách, Hải Phòng

**46. Giải pháp chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam theo hướng gia tăng tỷ trọng thu nhập dịch vụ**/ Lê Hoàng Tùng// Ngân hàng .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 26-34.

**Nội dung:** Cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại Việt Nam 5 năm qua và giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập đối với các NHTM Việt Nam.

**Từ khoá**: Chuyển dịch cơ cấu thu nhập, ngân hàng thương mại, Việt Nam, thu nhập dịch vụ

**47. Giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp Nhật Bản đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam**/ Phạm Hồng Chương, Trần Công Thắng// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 8 (168) .- Tr. 44 - 54.

**Nội dung:** Trình bày tổng quan về quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản trong lĩnh vực nông nghiệp, phân tích các rào cản hạn chế doanh nghiệp Nhật Bản đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Đầu tư vào nông nghiệp, doanh nghiệp, Việt Nam, Nhật Bản

**48. Giải thích ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách quốc tế bằng lý thuyết hành vi dự định mở rộng**/ Nguyễn Hữu Khôi// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 273 .- Tr. 43-52.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhằm điền vào khoảng trống trong việc khám phá các nhân tố tác động đến ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách quốc tế. Theo đó, nghiên cứu này mở rộng lý thuyết hành vi dự định bằng việc bổ sung quy chuẩn hình mẫu bên cạnh thái độ, kiểm soát hành vi cảm nhận và quy chuẩn quy phạm và giả thuyết các biến số này tác động đến ý định của du khách. Hơn nữa, quy chuẩn quy phạm và quy chuẩn hình mẫu cũng được giả thuyết có tác động đến thái độ của du khách. Áp dụng phương pháp bình phương bé nhất riêng phần với phần mềm SmartPLS trên một mẫu 200 du khách quốc tế, kết quả cho thấy các giả thuyết đều được ủng hộ. Vì vậy, nghiên cứu có những đóng góp về mặt học thuật và thực tiễn.

**Từ khoá**: Ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa, lý thuyết hành vi dự định, quy chuẩn quy phạm, quy chuẩn hình mẫu

**49. Giải thích ý định giảm thiểu túi nhựa và gia tăng túi thân thiện môi trường dựa trên lý thuyết hành vị dự định mở rộng**/ Nguyễn Hữu Khôi// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 12(499) .- Tr. 37-46.

**Nội dung**: Nghiên cứu giải thích ý định giảm thiểu túi nhựa và gia tăng túi thân thiện môi trường của du khách quốc tế từ khía cạnh lý thuyết hành vi dự định mở rộng. Theo đó, thái độ, áp lực xã hội và kiểm soát hành vi cảm nhận đối với việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa được giả thuyết có tác động tích cực đến ý định hành vi của du khách. Hai biến số mở rộng gồm quan tâm môi trường và niềm tin đạo đức cũng được giả thuyết có tác động đến 2 ý định hành vi của họ. Nghiên cứu sử dụng PLS-SEM với phần mềm SmartPLS trên một mẫu 200 du khách quốc tế ...

**Từ khoá**: Giảm thiểu túi nhựa, gia tăng túi thân thiện, quan tâm môi trường, niềm tin đạo đức

**50. Giám đốc điều hành và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp : bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam/** Hoàng Dương Việt Anh, Lê Thùy Dung// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 12(499) .- Tr. 57-63.

**Nội dung:** Nghiên cứu ảnh hưởng của giám đốc điều hành đến tỷ suất sinh lời của công ty. Kết quả nghiên cứu cho thấy: tỷ suất sinh lời của công ty có xu hướng tăng cao hơn khi giám đốc điều hành không kiêm nhiệm chủ tịch hội đồng quản trị; mức độ sở hữu của giám đốc điều hành càng cao càng có ảnh hưởng tiêu cực đến tỷ suất sinh lời của các công ty; ...

**Từ khoá:** Giám đốc điều hành, CEO, tỷ suất sinh lời, thị trường chứng khoán Việt Nam

**51. Giảm thiểu rủi ro liên quan các dự án đầu tư theo hình thức quan hệ đối tác công - tư ở Việt Nam**/ Lê Xuân Sang// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 7(494) .- Tr. 32-42.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhận dạng các loại hình rủi ro, nguyên nhân gây rủi ro tài khóa từ các dự án PPP ở Việt Nam theo cách tiếp cận về rủi ro của LMF và kinh nghiệm giám sát, khảo sát thực tiến các dự án BOT/PPP oqr miền Trung Việt Nam; qua đó, đề xuất các định hướng giảm thiểu rủi ro từ hình thức đầu tư này trong tương lai.

**Từ khoá**: Rủi ro tài khóa, dự án PPP, Việt Nam

**52. Hành vi bán hàng phi đạo đức: Khám phá vai trò của sự tập trung phúc lợi của khách hàng/** Nguyễn Thị Hồng// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 4 tháng 4 .- Tr. 43-64.

**Nội dung**: Kiểm định sự tác động của các thuộc tính mục tiêu công việc (tính thách thức, tính cụ thể và áp lực đạt được mục tiêu), các yếu tố nhận thức phản ánh năng lực kiểm soát bản thân của cá nhân (sự tập trung vào phúc lợi của khách hàng, sự ngụy biện đạo đức), và các yếu tố môi trường công việc (hành vi phi đạo đức của đồng nghiệp, và sự thúc đẩy sáng tạo trong nhóm) đối với hành vi bán hàng phi đạo đức của nhân viên kinh doanh. Dữ liệu được thu thập bằng cách khảo sát các nhân viên kinh doanh đang làm việc tại Việt Nam. Mô hình cấu trúc tuyến tính bình phương nhỏ nhất từng phần (PLS-SEM) và phần mềm SmartPLS 3 được sử dụng để kiểm định mô hình nghiên cứu. Kết quả cho thấy các thuộc tính của mục tiêu công việc tác động tiêu cực đến sự tập trung vào phúc lợi của khách hàng, đồng thời tác động tích cực đến hành vi bán hàng phi đạo đức của nhân viên kinh doanh. Qua đó, nghiên cứu nhấn mạnh vai trò điều tiết và vai trò trung gian của sự tập trung vào phúc lợi của khách hàng, từ đó góp phần làm rõ những xói mòn trong nhận thức đạo đức của cá nhân, và đưa ra những hàm ý quản trị cho các tổ chức doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Phúc lợi của khách hàng; Ngụy biện; Đạo đức; Đồng nghiệp; Sáng tạo

**53. Hành vi tiêu dùng bền vững trong lĩnh vực ăn uống của giới trẻ: nghiên cứu so sánh các nhóm sinh viên trên địa bàn Hà Nội**/ Phạm Tuấn Anh, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh// Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 136 .- Tr.20-29.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhằm đo lường hành vi tiêu dùng bền vững của nhóm sinh viên, sau đó khám phá có hay không sự khác biệt trong lựa chọn hành vi tiêu dùng bền vững giữa các nhóm sinh viên đang theo học tại các trường đại học tại Hà Nội, được phân theo các biến kiểm soát bao gồm giới tính, năm học vấn, tôn giáo, tình trạng quan hệ, tình trạng cư trú, chi tiêu trung bình. Thông qua phân tích dữ liệu thu thập được từ 791 sinh viên từ những hành vi thường ngày trong tiêu dùng cho mục đích ăn uống, kết quả nghiên cứu không tìm thấy bằng chứng về sự khác biệt trong tiêu dùng bền vững cho mục đích ăn uống của các nhóm sinh viên phân theo giới tính, năm học, tôn giáo, tình trạng cư trú và mức chi tiêu trung bình, nhưng có sự khác biệt về lựa chọn tiêu dùng bền vững giữa các nhóm sinh viên phân theo tình trạng quan hệ gồm: (i) độc thân, (ii) có người yêu và (iii) đã kết hôn trong đó, nhóm sinh viên có người yêu có mức độ lựa chọn tiêu dùng bền vững trong ăn uống cao hơn so với các sinh viên còn độc thân, chưa có người yêu.

**Từ khoá**: Tiêu dùng bền vững, sinh viên, nghiên cứu so sánh, ăn uống

**54. Hệ số CAR và Rủi ro của Ngân hàng - Nghiên cứu thực nghiệm tại ngân hàng Việt Nam**/ Đào Thanh Bình// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 140 .- Tr. 65-72.

**Nội dung:** Sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, kiểm soát ngân hàng đã trở thành một trong những hoạt động trọng tâm nhất mà cả thế giới đang tập trung vào. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thắt chặt chính sách quản lý và kiểm soát trong ngành ngân hàng, trong đó hệ số an toàn vốn là một công cụ hữu ích để đánh giá và kiểm soát hiệu suất hoạt động của ngành. Bài báo này nhằm mục đích trình bày một cái nhìn về mối quan hệ giữa mức độ an toàn vốn, rủi ro của ngân hàng và những chỉ số lợi nhuận của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Sử dụng dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu đánh giá tác động của một số biến độc lập đối với CAR của ngân hàng. Nghiên cứu tìm thấy mối quan hệ rủi ro về vốn, vốn chủ sở hữu, tài sản rủi ro, lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu và lợi nhuận trên tổng tài sản có ảnh hưởng đáng kể về mặt thống kê đối với CAR của ngân hàng Việt Nam.

**Từ khoá:** Hệ số an toàn vốn - CAR, rủi ro của ngân hàng, hiệu suất hoạt động, dữ liệu bảng

**55. Hỗ trợ tài chính để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa: kinh nghiệm từ Hàn Quốc**/ Đào Thị Thu Giang, Nguyễn Thuý Anh, Cao Đinh Kiên// Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 136 .- Tr. 63-72.

**Nội dung**: Sự phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò sống còn đối với nền kinh tế Hàn Quốc. Tuy nhiên, vấn đề huy động vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa này luôn là vấn đề trăn trở của các doanh nghiệp này cũng như của các nhà quản lý vĩ mô. Chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện khá nhiều biện pháp hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tiếp cận các nguồn vốn, từ vốn vay đến vốn chủ sở hữu. Các biện pháp này cho dù vẫn có một số hạn chế nhưng quan trọng hơn đã tạo ra bước đệm lớn để các doanh nghiệp nhỏ và vừa Hàn Quốc phát triển. Từ những kinh nghiệm này, bài viết đã rút ra các bài học mà các cơ quan quản lý Nhà nước cũng như các doanh nghiệp Việt Nam có thể học hỏi nhằm giải quyết vấn đề vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ tài chính, thị trường trái phiếu, đầu tư mạo hiểm

**56. Hoàn thiện yếu tố marketing địa phương nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Bình Dương**/ Lê Mai Hải, Trần Thị Hồng Xiêm// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 71-77.

**Nội dung**: Tổng hợp kết quả từ nghiên cứu điều tra, trên cơ sở xác định được những điểm mạnh, điểm yếu của địa phương qua đánh giá toàn diện của các nhà đầu tư, bài viết sẽ đưa ra một số giải pháp để khắc phục những hạn chế đó bằng việc xây dựng và hoàn thiện các yếu tố marketing địa phương nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Bình Dương

**Từ khoá**: Yếu tố marketing địa phương, FDI, Bình Dương

**57. Hoạt động thương mại giữa Việt Nam và Nhật Bản ở Nam Bộ thế kỷ XVII - XVIII**/ Phạm Đức Thuận, Trịnh Quốc Gia// Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 12 (85) .- Tr. 46 - 51.

**Nội dung:** Góp phần làm sáng tỏ những thuận lợi mà hai nước có được trong quan hệ ngoại giao hiện nay.

**Từ khóa:** Nhật Bản, thế kỷ XVII – XVIII, thương mại, Việt Nam

**58. Kinh nghiệm phát triển xuất khẩu bền vững mặt hàng rau quả sang thị trường EU của một số nước và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam**/ Phạm Nguyên Minh, Đinh Công Hoàng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 9 (228) .- Tr. 20 - 32.

**Nội dung:** Phân tích những kinh nghiệm xuất khẩu bền vững mặt hàng rau quả của Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ và các nước ở Châu Phi sang thị trường EU, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm.

**Từ khóa:** Xuất khẩu, bền vững, mặt hàng rau quả, thị trường EU, Việt Nam

**59. Khởi nghiệp trên thế giới : xu hướng và hàm ý cho Việt Nam**/ Vũ Ngọc Quyên// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 8(495) .- Tr. 76-85.

**Nội dung**: Dựa trên các số liệu thống kê toàn cầu về doanh nghiệp khởi nghiệp, bài viết trình bày một số xu hướng nổi bật về thực trạng phát triển khởi nghiệp trên thế giới và Việt Nam hiện nay, qua đó đưa ra một số phân tích ban dầu và hàm ý cho phát triển khởi nghiệp ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Xu hướng khởi nghiệp, khởi nghiệp, Việt Nam

**60. Khuôn khổ pháp lý đối với sự phát triển của Mobile money: kinh nghiệm thế giới và gợi ý chính sách cho Việt Nam**/ Trần Hùng Sơn, Hoàng Công Gia Khánh, Huỳnh Thị Ngọc Lý// Ngân hàng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 37-45.

**Nội dung**: Phân tích các khuôn khổ quản lý liên quan đến mobile money của các quốc gia thế giới. kết quả phân tích này sẽ đưa ra các hàm ý chính sách cho VN trong việc xây dựng các quy định đối với hoạt động của mobile money.

T**ừ khóa**: Mobile money, Khuôn khổ pháp lý

**61. Kinh nghiệm sử dụng các hệ thống thanh toán nhanh trên thế giới và khuyến nghị với Việt Nam**/ Hà Thị Tuyết Minh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 51-59.

**Nội dung**: Phân tích kinh nghiệm quốc tế về thành lập và sử dụng các hệ thống thanh toán nhanh, các phương pháp tiếp cận và nguyên tắc ứng dụng công nghệ để triển khai thực hiện, đồng thời nêu một số khuyến nghị về ứng dụng các hệ thống thanh toán nhanh ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Hệ thống thanh toán nhanh

**62. Kinh tế Việt Nam 2016-2018 : nổ lực cải thiện môi trường kinh doanh phục vụ doanh nghiệp**/ Lý Hoàng Mai// Nghiên cứu kinh tế .- 2019 .- Số 496 .- Tr. 13-21.

**Nội dung**: Tổng quan một số quan điểm về Môi trường kinh doanh; phân tích thực trạng Môi trường kinh doanh của VN giai đoạn 2016-2018 trên góc độ ban hành và thực thi chính sách phục vụ doanh nghiệp; qua đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm cái thiện Môi trường kinh doanh đặt trong bối cảnh mới khi VN đã tham gia hai FTA thê hệ mới là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên CPTPP và Hiệp định thương mại tự do giữa VN và Liên minh Châu Âu.

**Từ khóa**: Môi trường kinh doanh, doanh nghiệp, kinh tế Việt Nam

**63. Liên kết phát triển chuỗi giá trị du lịch sinh thái ở vùng đồng bằng sông Cửu Long**/ Phạm Trung Lương, Bùi Quang Tuấn// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 10(497) .- Tr. 66-75.

**Nội dung:** Phân tích tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch sinh thái, đặc biệt là sự tham gia của các bên vào chuỗi giá trị du lịch sinh thái ở vùng Tây Nam Bộ, xác định những bất cập và những vấn đề đặt ra đối với phát triển chuỗi giá trị; đề xuất một số giải pháp nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên tham gia và đẩy mạnh sự phát triển du lịch sinh thái trong mối quan hệ liên kết giữa các bên liên quan ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**Từ khoá:** Du lịch, du lịch sinh thái, chuỗi giá trị du lịch, đồng bằng sông Cửu Long

**64. Lợi ích từ áp dụng chứng chỉ rừng bền vững FSC: Trường hợp nghiên cứu ở huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế**/ Trần Đoàn Thanh Thanh, Nguyễn Đức Kiên, Trần Văn Hòa// Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 269 .- Tr. 63-71.

**Nội dung**: Phát triển trồng rừng sản xuất theo hướng có chứng chỉ bền vững FSC là một xu thế tất yếu nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội về nguồn gỗ nguyên liệu hợp pháp và bền vững. Kết quả nghiên cứu này cho thấy, về mặt kinh tế rừng trồng có chứng chỉ FSC mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn rừng trồng không có chứng chỉ FSC. Về mặt xã hội và môi trường, thực hiện 10 nguyên tắc và 56 tiêu chí của FSC giúp nhóm hộ đóng góp tích cực cho xã hội và quản lý rừng bền vững. Nghiên cứu này cũng đã chỉ ra những khó khăn chính cản trở mở rộng áp dụng FSC như 1) năng lực sản xuất của hộ thấp; 2) chu kỳ trồng rừng dài; 3) khó khăn về giống cây trồng đạt chuẩn; 4) liên kết yếu giữa doanh nghiệp và người sản xuất; 5) khung pháp lý chưa hoàn thiện cho phát triển và quản lý rừng có chứng chỉ.

**Từ khoá**: Chứng chỉ rừng; FSC, quản lý rừng bền vững; hiệu quả kinh tế-xã hội-môi trường, huyện Phú Lộc

**65. Môi trường kinh doanh thúc đẩy đầu tư thiên thần tại Việt Nam từ giác độ cán bộ quản lý**/ Nguyễn Thị Kim Anh// Châu Phi & Trung Đông .- 2019 .- Số 10 (170) .- Tr. 42 - 49. 658

**Nội dung:** Trình bày các mục như sau: 1. Khái quát chung về hoạt động và vai trò của đầu tư thiên thần tại Việt Nam; 2. Quan điểm, chủ trương, chính sách thu hút vốn đầu tư thiên thần nước ngoài vào phát triển startup ở Việt Nam và 3. Những thuận lợi và khó khăn trong việc ban hành và thực hiện chính sách thu hút vốn đầu tư thiên thần nước ngoài vào phát triển startup ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Đầu tư thiên thần, khởi nghiệp sáng tạo (startup), môi trường kinh doanh tại Việt Nam

**66. Mối quan hệ của cạnh tranh, chiến lược, thông tin kế toán quản trị và kết quả hoạt động kinh doanh**/ Lê Mộng Huyền, Trần Thị Quanh, Đỗ Huyền Trang// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 274 .- Tr. 54-63.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm kiểm tra mối quan hệ trực tiếp và gián tiếp giữa hai nhân tố bối cảnh (mức độ cạnh tranh và sự thay đổi chiến lược), thông tin kế toán quản trị phạm vi rộng và kết quả hoạt động kinh doanh (bao gồm cả kết quả tài chính và phi tài chính) của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Kết quả phân tích dữ liệu thu thập từ 236 doanh nghiệp nhỏ và vừa bằng phần mềm SmartPLS 3 cho thấy: (1) Mức độ cạnh tranh và sự thay đổi chiến lược có ảnh hưởng cùng chiều với thông tin kế toán quản trị phạm vi rộng, từ đó nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh; (2) Thông tin kế toán quản trị phạm vi rộng đóng vai trò trung gian toàn phần cho mối quan hệ giữa cạnh tranh và kết quả hoạt động tài chính, trung gian một phần cho mối quan hệ giữa cạnh tranh và kết quả hoạt động phi tài chính. Bên cạnh đó, nó còn là trung gian một phần cho mối quan hệ giữa sự thay đổi chiến lược và kết quả hoạt động kinh doanh.

**Từ khoá:** Thông tin kế toán quản trị phạm vi rộng, mức độ cạnh tranh, kết quả hoạt động kinh doanh, sự thay đổi chiến lược, doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam

**67. Mối quan hệ giữa giá vàng, chỉ số thị trường chứng khoán và tỷ giá ở Việt Nam: Tiếp cận bằng phương pháp CANONICAL – VINE COPULA**/ Trần Ngọc Tuấn, Vũ Việt Quảng// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 3 tháng 3 .- Tr. 5-34.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu này dùng cách tiếp cận Canonical Vine-copula để nghiên cấu mối quan hệ giữa giá vàng, chỉ số VNindex và tỷ giá USD/VND ở Việt Nam. Việc mô hình hóa cấu trúc phụ thuộc bằng cách sử dụng Vine-copula (cụ thể là Cvine-copula) mang đến sự linh động hơn và cho phép việc xây dựng cấu trúc phụ thuộc phức tạp đối với các phân phối có số chiều bậc cao. Bằng cách sử dụng mẫu dữ liệu tỷ suất sinh lời theo tuần trong hơn 10 năm của giá vàng, chỉ số Vnidnex và tỷ giá USD/VND ở Việt Nam, bài nghiên cứu này đã tìm thấy bằng chứng cho thấy tỷ giá USD/VND có liên quan mạnh đến giá vàng trong nước và VNindex cụ thể: • Tỷ giá USD/VND và giá vàng, cũng như cặp VNindex và giá vàng có điều kiện theo tỷ giá USD/VND, không phụ thuộc với nhau khi thị trường hoạt động bình thường. • Sự gia tăng của tỷ giá USD/VND dẫn đến chỉ số VNindex sụt giảm khi thị trường hoạt động bình thường. • Các kết quả ước lượng của các giai đoạn con cho thấy rằng cấu trúc phụ thuộc và mức độ phụ thuộc của các cặp tài sản thay đổi trong hầu hết các khoản thời gian xem xét. Đặc biệt nhất là giai đoạn khủng hoảng tài chính 2008 làm thay đổi cấu trúc phụ thuộc của các chuỗi tỷ suất sinh lợi được xem xét dẫn đến sự dịch chuyển đồng thời trong giá vàng và tỷ giá USD/VND khi thị trường biến động mạnh.

**Từ khoá:** Giá vàng, chỉ số thị trường chứng khoán

**68. Mối quan hệ giữa hiệu quả hoạt động và cấu trúc vốn của Các doanh nghiệp tại Việt Nam**/Lý Phương Thùy, Vương Quốc Duy, Phạm Lê Thông// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 6 tháng 6 .- Tr. 28-45.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm xác định mối quan hệ tương tác đồng thời giữa cấu trúc vốn và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp, sử dụng mô hình hệ phương trình đồng thời được ước lượng bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất ba bước (3SLS) với hiệu ứng cố định của doanh nghiệp. Bài viết sử dụng dữ liệu bảng của 19.453 doanh nghiệp với 33.415 quan sát thuộc các ngành: nông, lâm, thủy sản; công nghiệp chế biến, chế tạo; xây dựng; và bất động sản được trích từ Điều tra Doanh nghiệp Việt Nam do Tổng cục Thống kê thực hiện giai đoạn 2010 – 2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiệu quả hoạt động và cấu trúc vốn có sự tương tác qua lại lẫn nhau. Các doanh nghiệp có xu hướng sử dụng nợ nhiều hơn khi hiệu quả đạt được càng cao, và ở chiều ngược lại, tỷ lệ nợ tác động lên HQHĐ theo hình chữ U ngược. Bên cạnh đó kết quả nghiên cứu còn cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng đến HQHĐ bao gồm: tài sản hữu hình, thời gian hoạt động, qui mô và loại hình doanh nghiệp. Ngoài ra, cấu trúc vốn của doanh nghiệp còn phụ thuộc vào: tài sản hữu hình, đặc điểm riêng của tài sản, lợi ích thuế phi nợ vay, quy mô và loại hình của doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp; hiệu quả hoạt động; cấu trúc vốn; Việt Nam; 3SLS

**69. Mối quan hệ giữa khả năng hấp thu và sự gắn kết của sinh viên: Vai trò điều tiết của tính bền bỉ**/ Nguyễn Thị Đoan Trân// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 3 tháng 3 .- Tr. 68-88.

**Nội dung**: Bài báo là một nghiên cứu thực nghiệm chứng minh mối quan hệ giữa khả năng hấp thu và sự gắn kết của sinh viên ở trường đại học mà họ theo học. Đồng thời, nghiên cứu phát hiện tính bền bỉ vừa là tiền tố của khả năng hấp thu, vừa đóng vai trò điều tiết hỗn hợp làm gia tăng mối quan hệ giữa khả năng hấp thu với sự gắn kết của sinh viên. Kết quả này có thể đóng góp vào lý thuyết nghiên cứu về sự gắn kết của sinh viên, tính bền bỉ và khả năng hấp thu. Nghiên cứu đã sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính để xử lý mô hình lý thuyết với ba biến tiềm ẩn và bốn giả thuyết cho mối quan hệ giữa các biến. Kết quả tìm thấy có ba giả thuyết được chấp nhận ở mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,1% và một giả thuyết được chấp nhận ở mức ý nghĩa 5% với dữ liệu thu thập chính thức từ 1.263 sinh viên của năm trường đại học đào tạo về kinh tế, kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội.

**Từ khoá:** Sự gắn kết của sinh viên; Khả năng hấp thu; Tính bền bỉ

**70. Mối quan hệ giữa tỷ giá và kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam**/ Trương Đông Lộc// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 12(499) .- Tr. 47-56.

**Nội dung:** Sử dụng chuỗi dữ liệu thời gian thu thập theo tần suất tháng trong giai đoạn từ năm 2009-2017. Sử dụng mô hình kiểm định đường bao phân phối trễ tự hồi quy, kết quả nghiên cứu cho thấy: trong dài hạn sự mất giá của đồng VN có tác động tích cực đến kim ngạch xuất khẩu thủy sản của VN trong ngắn hạn sự mất giá của đồng VN lại có tác động tiêu cực đến kim ngạch xuất khẩu thủy sản...

**Từ khoá:** Xuất khẩu thủy sản, tỷ giá, ARDL, Việt Nam

**71. Môi trường thông tin của công ty và hành vi nâng giá cổ phiếu trong thị trường M&A Việt Nam** / Đặng Hữu Mẫn, Hoàng Dương Việt Anh, Lê Thùy Dung, Tràn Thanh Toàn// Nghiên cứu kinh tế .- 2019 .- Số 496 .- Tr. 28-39.

**Nội dung**: Mẫu nghiên cứu 486 thương vụ trong giai đoạn 2005-2018. Dựa trên các kỹ thuật ước lượng thích hợp, kết quả nghiên cứu khẳng định sự bất đối xứng thông tin nói riêng và hiệu quả thị trường chứng khoán nói chung ảnh hưởng mạnh đến lợi tức cổ phiếu của các công ty mục tiêu và đóng một vai trò qaun trọng trong quá trình lập kế hoạch chào mua của các công ty thâu tóm; ..

**Từ khóa**: Môi trường thông tin, sáp nhập và mua lại. hành vi nâng giá cổ phiếu

**72. Một số giải pháp và kiến nghị xây dựng khung chính sách, pháp luật về kinh tế vùng ở Việt Nam**/ Đặng Thị Phương Hoa, Phạm Thị Tâm// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 10(497) .- Tr. 87-96.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng khung chính sách pháp luật về kinh tế vùng của Việt Nam, đánh giá hạn chế của khung chính sách kinh tế vùng và đề xuất một số giải pháp xây dựng khung chính sách pháp luật kinh tế vùng phù hợp với bối cảnh mới và góp phần nhanh chóng triển khai Luật Quy hoạch 2017.

**Từ khoá:** Kinh tế vùng, chính sách kinh tế vùng, Luật quy hoạch 2017

**73. Một số nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên đại học**/ Trương Đức Thao, Nguyễn Trung Thùy Linh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 8(495) .- Tr. 86-95.

**Nội dung**: Dựa trên 397 phiếu khảo sát ý kiến của sinh viên đang theo học tại Trường đại học Thăng Long, nghiên cứu đã chỉ ra ý định khởi nghiệp của sinh viên nhà trường hiện nay đang ở trung bình với 3.66 điểm và có 8 nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên đại học Thăng Long theo thứ tự giảm dần từ (1) cảm nhận về tính khả thi khi khởi nghiệp; (2) tác động từ phía nhà trường, (3) cảm nhận năng lực bản thân với khởi nghiệp, (4) thái độ với khởi nghiệp, (5) kỳ vọng bản thân với khởi nghiệp, (6) vốn tài chính, (7) chuẩn mực niềm tin đến, (8) vồn thể chế. Nghiên cứu cũng đề xuất một số gợi ý chính sách nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp cho sinh viên Đại học Thăng Long trong những năm tới.

**Từ khoá:** Khởi nghiệp, ý định khởi nghiệp, khởi nghiệp sinh viên, sinh viên Đại học Thăng Long

**74. Một số yếu tố tác động đến hành vi đổi mới, sáng tạo trong công việc của nhân viên**/ Cao Quốc Việt, Nguyễn Văn Chương// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 9(496) .- Tr. 51-60.

**Nội dung**: Khảo sát hành vi đổi mới sáng tạo của nhân viên và các yếu tố tác động bao gồm: sự tự chủ trong công việc, sự bất ổn trong công việc, sự gắn kết trong công việc; qua đó đưa ra một gợi ý giải pháp có ý nghĩa cho hoạt động quản trị nguồn nhân lực của các tổ chức và doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Sáng tạo trong công việc, sự gắn kết của nhân viên đối với công việc, sự bất ổn trong công việc

**75. Mức độ tuân thủ trong công bố thông tin lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Đoàn Thị Hồng Nhung// Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 269 .- Tr. 82-92.

**Nội dung**: Những công ty tuân thủ các yêu cầu của chuẩn mực kế toán tạo ra thông tin tài chính chất lượng cao để giúp người sử dụng báo cáo tài chính đưa ra quyết định kinh tế phù hợp (Trần Mạnh Dũng, 2014). Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá mức độ tuân thủ trong công bố thông tin lợi thế thương mại và sự biến động của mức độ tuân thủ trong công bố thông tin lợi thế thương mại của các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Dữ liệu thông tin lợi thế thương mại được thu thập từ báo cáo tài chính hợp nhất của 35 công ty trong 8 năm liên tiếp từ năm 2010 đến năm 2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ tuân thủ trong công bố thông tin lợi thế thương mại của các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam còn thấp nhưng có sự cải thiện theo chiều hướng tích cực. Điều này chứng tỏ các công ty ngày càng chú trọng hơn vào việc công bố thông tin về lợi thế thương mại, đồng thời kinh nghiệm và trình độ của các kế toán viên về lợi thế thương mại ngày càng được nâng cao.

**Từ khoá:** Lợi thế thương mại, công bố thông tin lợi thế thương mại, mức độ tuân thủ

**76. Mức sẵn lòng trả phí bảo hiểm cho sản xuất lúa của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang**/ Nguyễn Văn Tạc, Nguyễn Tri Khiêm// Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 269 .- Tr. 72-81.

**Nội dung:** Nghiên cứu nhằm mục tiêu ước lượng mức phí sẵn lòng trả (WTP) của nông hộ trồng lúa ở tỉnh Hậu Giang cho kịch bản bảo hiểm cây lúa do rủi ro về thời tiết, khí hậu và bệnh dịch gây ra bằng phương pháp định giá ngẫu nhiên (CVM) tham số dưới dạng lựa chọn nhị phân kép (DBDC). Bên cạnh đó, nghiên cứu còn xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chi trả tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ. Số liệu trong bài viết được thu thập từ phỏng vấn trực tiếp 138 nông hộ trồng lúa ở tỉnh Hậu Giang trong tháng 11 năm 2018. Thực tế có khoảng 60% trong số hộ phỏng vấn sẵn lòng chi trả khi được hỏi mức giá đầu tiên và từ kết quả mô hình hồi quy cho thấy WTP trung bình là 83.500đ/1000m2/vụ. Các yếu tố ảnh hưởng đến WTP gồm số thành viên phi nông nghiệp, vay vốn, chi phí sản xuất lúa trung bình trên 1000m2 và lịch sử từng bị thiệt hại của nông hộ.

**Từ khoá**: Bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm cây lúa, mức sẵn lòng trả

**77. Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tăng cường sự hài lòng của khách hàng tại ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Viết Lâm// Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 135 .- Tr. 2-9.

**Nội dung**: Trong khuôn khổ đề tài cấp Bộ mã số: B2018-KHA.28, mục tiêu đầu tiên của nghiên cứu này là tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng chất lượng dịch vụ của những ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chất lượng dịch vụ của các ngân hàng theo đánh giá của khách hàng còn thấp, chỉ mới đạt mức trên trung bình với thang đo Likert 5 bậc. Bởi vậy, mục tiêu thứ hai đặt ra cho nghiên cứu là tìm kiếm các giải pháp hữu hiệu giúp các ngân hàng nâng cao chất lượng dịch vụ của mình, hướng tới việc tăng cường sự hài lòng của khách hàng nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Chất lượng dịch vụ, sự hài lòng khách hàng, năng lực cạnh tranh

**78. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**/ Nguyễn Như Quỳnh, Lê Thị Thanh Thương, Dương Thị Huyền Trang//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương- 2019 .- Số 540 .- Tr. 79-81.

**Nội dung**: Theo tổng cục Thống kê, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm trên 97% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động, đóng góp khoảng 40% GDP, 31% xuất khẩu, 29% các khoản thu vào ngân sách nhà nước và tạo việc làm cho hơn 5 triệu lao động. Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với nền kinh tế là vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, dù thể hiện vai trò động lực tăng trưởng của nền kinh tế, nhưng thực tiễn khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn khó khăn, đối mặt với nhiều thách thức trong cạnh tranh và hội nhập.

**Từ khoá**: Kinh doanh, Doanh nghiệp, Cạnh tranh, Thị trường, Nâng cao

**79. Năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên Đại học: một nghiên cứu đối với nhóm giảng viên giảng dạy các ngành ngoài sư phạm tại Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội**/ Hoàng Văn Hảo, Phạm Hoàng Điệp// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 273 .- Tr. 93-102.

**Nội dung:** Năng lực nghiên cứu khoa học là một yếu tố quan trọng đối với giảng viên đại học bởi nó ảnh hưởng tới chất lượng giảng dạy, hoạt động khoa học - công nghệ của mỗi cơ sở đào tạo. Nghiên cứu về năng lực này ở các giảng viên càng có ý nghĩa trong quản trị đại học ở các trường mở ngành đào tạo mới, chuyển sang đào tạo đa ngành, lĩnh vực. Bài viết này đề xuất thang đo về năng lực nghiên cứu khoa học và áp dụng đánh giá về thực trạng năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên giảng dạy các ngành ngoài sư phạm ở Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Bài viết nghiên cứu sự ảnh hưởng của các đặc điểm cá nhân tới năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trên cơ sở dữ liệu khảo sát thu thập được để từ đó đưa ra những hàm ý cho việc nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên ngoài sư phạm tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Giảng viên, năng lực, năng lực nghiên cứu khoa học

**80. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các khách sạn 4-5 sao trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Quyết Thắng, Đỗ Thị Ninh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 12(499) .- Tr. 64-71.

**Nội dung:** Tiến hành kháo sát 308 khách du lịch đã và đang lưu trú tại các khách sạn 4-5 sao trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy có 5 yếu tố tác động đến năng lực cạnh tranh: 1. giá cả, 2. sản phẩm dịch vụ, 3. uy tín và hình ảnh, 4. cơ sở vật chất kỹ thuật, 5. trình độ tổ chức và phục vụ khách. Từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các khách sạn 4-5 sao trên địa bàn thành phố trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Ngành khách sạn, năng lực cạnh tranh, khách sạn 4-5 sao thành phố Hồ Chí Minh

**81. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của bảo hiểm trực tuyến tại Việt Nam - Nghiên cứu điển hình tại thành phố Hà Nội**/ Nguyễn Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thanh Phương, Trần Thị Thu Trang và Lê Thanh Huyền// Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 135 .- Tr. 29-40.

**Nội dung**: Cùng với sự phát triển vô cùng mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, bảo hiểm trực tuyến (BHTT) đã và đang trở thành xu hướng mới trong việc cung cấp các sản phẩm bảo hiểm trên khắp thế giới. Ở Việt Nam, một số doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) đã mạnh dạn áp dụng công nghệ mới trong hoạt động kinh doanh của mình, trong đó có BHTT. Tuy nhiên, BHTT hiện vẫn còn phát triển khá khiêm tốn và cũng chưa có nghiên cứu nào tìm hiểu về mức độ chấp nhận của khách hàng đối với dịch vụ này. Do đó, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát nhu cầu sử dụng BHTT của khách hàng đồng thời tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng và hành vi sử dụng dịch vụ BHTT của khách hàng thông qua mô hình hợp nhất chấp nhận và sử dụng công nghệ (UTAUT). Nhóm nghiên cứu đã sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) để đánh giá mối quan hệ giữa các nhân tố trong mô hình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhân tố nhận thức rủi ro, niềm tin, ảnh hưởng xã hội và hiệu quả mong đợi có tác động đến ý định sử dụng BHTT và mối quan hệ tác động giữa ý định sử dụng và hành vi sử dụng BHTT.

**Từ khoá**: Bảo hiểm trực tuyến, UTAUT

**82. Nghiên cứu chuỗi cung ứng thịt lợn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**/ Phan Thị Vân Giang, Phạm Bảo Dương// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 12(499) .- Tr. 72-81.

**Nội dung**: Bài viết đưa ra các thảo luận về hướng phát triển các kênh tiêu thụ lợn thịt và gợi ý chính sách về phát triển bền vững chuỗi cung ứng lợn thịt ở tỉnh Thái Nguyên cũng như các tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam.

**Từ khoá**: Chuỗi cung ứng, chăn nuôi, lợn thịt, liên kết, Thái Nguyên

**83. Nghiên cứu hiệu quả doanh thu, kỹ thuật và phân bổ của nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh tại tỉnh Quảng Ngãi**/ Lê Kim Long// Kinh tế và Phát triển .- 2019 .- Số 270 .- Tr. 72-81.

**Nội dung:** Bài báo tóm lược nền tảng lý thuyết kinh tế học về các chỉ số hiệu quả doanh thu, kỹ thuật, phân bổ và áp dụng phương pháp phi tham số để tính toán các chỉ số này cho nghề nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh tại tỉnh Quảng Ngãi. Kết quả cho thấy giá trị bình quân của hiệu quả doanh thu, kỹ thuật và phân bổ của các hộ nuôi lần lượt là 85%, 91% và 94% cho năm sản xuất 2014. Để hướng đến một nghề nuôi bền vững, các chính sách về đất cho nghề nuôi, đặc biệt các chính sách phát triển nghề nuôi tôm thẻ thâm canh theo hướng doanh nghiệp hóa như cho thuê/chuyển nhượng để tích tụ đất và cấp giấy phép nuôi trồng để mở rộng quy mô sản xuất, là rất quan trọng. Kế tiếp, tiếp tục đẩy mạnh triển khai tập huấn kỹ thuật nuôi VietGap với khuyến cáo nên nuôi với mật độ vừa phải là rất cần thiết. Cuối cùng, thông tin và tiếp cận thị trường đầu ra cho nông hộ nuôi tôm cũng cần được chú trọng.

**Từ khoá:** Hiệu quả doanh thu, hiệu quả phân bổ, hiệu quả kỹ thuật, nuôi tôm thẻ thâm canh

**84. Nghiên cứu mức độ chủ động trong chiến lược kinh doanh thân thiện với môi trường của các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam**/ Đỗ Thị Bình//Khoa học Thương mại.- 20208 .- Số 137+138 .- Tr. 50-60.

**Nội dung**: Sự xuất hiện liên tục của các quy định và tiêu chuẩn mới về môi trường, áp lực của các bên liên quan và sự đổi mới của công nghệ… tạo nên nhiều kịch bản cạnh tranh khác nhau xoay quanh các vấn đề môi trường. Đối phó với các áp lực đó, theo đuổi chiến lược kinh doanh thân thiện với môi trường (CLKDTTMT) là lựa chọn của nhiều doanh nghiệp hiện nay. Với mục đích nghiên cứu mức độ chủ động trong theo đuổi CLKDTTMT của các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam, tác giả đã phân tích dữ liệu thứ cấp của 32 công ty niêm yết và phỏng vấn 44 nhà quản lý của 28 doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu. Kết quả nghiên cứu cho thấy bức tranh toàn cảnh của mức độ áp dụng chiến lược kinh doanh thân thiện môi trường của các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu hiện nay khi CLKDTTMT thụ động đứng đầu, sau đó lần lượt là CLKDTTMT cơ hội, CLKDTTMT tập trung và cuối cùng là CLKDTTMT chủ động. Kết quả nghiên cứu tạo nên một số hàm ý đối với các nhà xây dựng chính sách và các nhà quản lý.

**Từ khoá**: Chiến lược kinh doanh, chủ động, thân thiện với môi trường, thủy sản xuất khẩu

**85. Nghiên cứu những yếu tố tác động đến quyết định sử dụng dịch vụ 4G của người dùng Việt Nam**/ Nguyễn Trần Hưng, Đỗ Thị Thu Hiền// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 139 .- Tr. 24-38.

**Nội dung**: Dịch vụ 4G đã xuất hiện và phát triển tại Việt Nam được một thời gian với những cam kết về tốc độ và tính tương tác vượt trội so với dịch vụ 3G của các nhà cung cấp dịch vụ mạng viễn thông di động như Viettel, Vinaphone, Mobiphone, Gmobile. Tuy nhiên, cho đến nay tốc độ phát triển dịch vụ 4G tại Việt Nam vẫn còn chậm và được người dùng đánh giá chưa cao so với một số nước trong khu vực và trên thế giới. Với những nhận định như vậy, đo lường chính xác những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ 4G của người dùng là vấn đề quan trọng và cấp bách hơn bao giờ hết. Bài viết của nhóm tác giả đã đề xuất mô hình nghiên cứu những yếu tố tác động đến quyết định sử dụng dịch vụ 4G của người dùng Việt Nam dựa trên cơ sở mô hình TAM và các kết quả nghiên cứu khác. Mô hình nghiên cứu được xây dựng nhằm đo lường chính xác các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ 4G của người dùng Việt Nam, giúp cho các nhà mạng phát triển được dịch vụ của mình một cách tốt nhất, đáp ứng tối đa nhu cầu của người dùng, từ đó thu hút được nhiều người dùng lựa chọn và sử dụng dịch vụ của mình. Về phía người dùng sẽ được tiếp cận nhiều hơn tới những tiện ích mà công nghệ mang lại để phục vụ cho công việc, học tập, kết nối các thành viên trong gia đình và cho cuộc sống hàng ngày, giúp mang lại hiệu quả cao hơn trong công việc và nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Từ khoá**: Dịch vụ 4G; yếu tố ảnh hưởng; quyết định sử dụng dịch vụ 4G; người dùng Việt Nam

**86. Nghiên cứu tác động của ngành du lịch đối với nền kinh tế Việt Nam : sử dụng phương pháp phân tích đầu vào - đầu ra/** Đinh Hồng Linh, Nguyễn Văn Chung// Nghiên cứu kinh tế .- 2019 .- Số 496 .- Tr. 22-27.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích tác động của ngành du lịch đối với nền kinh tế Việt Nam dựa trên mối quan hệ qua lại giữa các ngành kinh tế. Tiến hành phân tích sự liên kết trong việc tạo ra sản phẩm, dịch vụ của 12 nhóm ngành của VN trên cơ sở sử dụng bảng cân đối liên ngành các năm 2007 và 2012. Phương pháp phân tích liên kết xuôi đã được sử dụng để xác định vai trò và tầm quan trọng của ngành du lịch đối với nền kinh tế VN qua các giai đoạn.

**Từ khóa**: Du lịch, kinh tế, tác động

**87. Nghiên cứu tác động của trải nghiệm khách hàng đến lòng trung thành tại các khách sạn ở Việt Nam**/ Bùi Thị Quỳnh Trang// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 140 .- Tr. 33-43.

**Nội dung**: Xác định tác động của CX đến lòng trung thành tại các khách sạn ở Việt Nam. Bài viết được thực hiện dựa trên việc kế thừa dữ liệu thứ cấp, công trình nghiên cứu của một số chuyên gia, nhà quản trị. Dữ liệu của nghiên cứu được thu thập từ 420 khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ tại phân khúc khách sạn 4 và 5 sao. Các phương pháp kiểm định Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA), phân tích cấu trúc tuyến tính (SEM) đã được sử dụng trong nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu chỉ ra 3 yếu tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng trong đó nhân tố mô trường dịch vụ mạnh nhất, sau đó đến nhân tố người cung cấp dịch vụ và cuối cùng là sản phẩm dịch vụ, sự hài lòng cũng tác động cùng chiều và thực sự có ý nghĩa đến lòng trung thành của khách hàng.

**Từ khoá:** Trải nghiệm khách hàng, sự hài lòng, lòng trung thành

**88. Nghiên cứu tác động đến quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực y tế trình độ cao ở Sơn La**/ Nguyễn Thị Minh Nhàn, Bùi Thị Ánh Tuyết// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 140 .- Tr. 2-11.

**Nội dung**: Xuất phát từ tính đặc thù của nguồn nhân lực y tế (NNLYT) nên sự xuất hiện của Nhà nước với vai trò điều tiết trong phát triển nguồn nhân lực y tế (PTNNLYT) trình độ cao là một tất yếu khách quan. Bộ Chính trị đã nhận định, nghề y là một nghề đặc biệt, cần được tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt… có nghĩa là NNLYT cần được ưu tiên quan tâm phát triển. Trong những năm qua, mặc dù đã có rất nhiều cải cách, nhưng quản lý nhà nước (QLNN) về PNNLYT trình độ cao ở Việt Nam nói chung vẫn còn nhiều bất cập trong tất cả các khía cạnh từ quy hoạch, chính sách; tổ chức quản lý đến kiểm soát PTNNLYT ở cả cấp trung ương và địa phương. Sơn La là một tỉnh Tây Bắc của đất nước với điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội địa phương còn nhiều hạn chế; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế còn chưa đáp ứng yêu cầu, đội ngũ cán bộ QLNN về y tế năng lực còn cần được bổ sung... Những yếu tố này đã tác động không nhỏ đến QLNN về PTNNLYT trình độ cao ở tỉnh miền núi này. Cần phải làm gì để nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về PTNNLYT trình độ cao ở Sơn La? Trả lời câu hỏi này cũng có nghĩa là phân tích mức độ tác động của những yếu tố đến QLNN về PTNNLYT ở Sơn La thời gian qua, làm cơ sở để tìm kiếm các giải pháp phù hợp trên cơ sở nghiên cứu thực chứng.

**Từ khoá:** Phát triển nguồn nhân lực; Quản lý nhà nước

**89. Nguyên lý quản trị theo định hướng trọng dịch vụ, thành quả đổi mới và thành quả kinh doanh của doanh nghiệp**/ Nguyễn Văn Tuấn, Lê Nguyễn Hậu// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 4 tháng 4 .- Tr. 27-42.

**Nội dung:** Quan điểm trọng dịch vụ (service-dominant logic - SDL) là một trường phái lý thuyết quản trị marketing mới đang thu hút nhiều học giả quan tâm gần đây. Để đưa lý thuyết này vào thực tiễn quản trị, cần phải kiểm chứng tính ưu việt của nó thông qua nguyên lý quản trị theo định hướng trọng dịch vụ (service dominant orientation – SDO). Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu xem SDO có giúp các DN cải thiện thành quả mang tính chiến lược của họ hay không? Với dữ liệu thực nghiệm ở Việt Nam, kết quả cho thấy SDO có tác động rất đáng kể đến thành quả kinh doanh và thành quả đổi mới của DN, không phân biệt là DN sản xuất hay dịch vụ. Theo đó, các hàm ý lý thuyết và quản trị được đề xuất.

**Từ khoá**: Quan điểm trọng dịch vụ, Định hướng trọng dịch vụ, Thành quả đổi mới, Thành quả kinh doanh

**90. Nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người tham gia bảo hiểm phi nhân thọ ở Việt Nam**/ Lê Hà Trang// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 139 .- Tr. 39-46.

**Nội dung**: Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam hình thành muộn so với các nước trên thế giới nhưng đã không ngừng mở rộng, từng bước đáp ứng được các nhu cầu về bảo hiểm của các tổ chức và cá nhân trong xã hội. Tuy nhiên, xét một cách toàn diện thì quy mô và tốc độ phát triển của ngành bảo hiểm phi nhân thọ ở Việt Nam hiện còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và chưa đáp ứng nhu cầu của người tham gia bảo hiểm. Nghiên cứu này nhằm chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người tham gia bảo hiểm phi nhân thọ ở Việt Nam để đề xuất các hàm ý quản trị cho các DNBHPNT nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong thời gian tới. Kết quả cho thấy, sự tin cậy và hình ảnh DN, sự đáp ứng, điều khoản sản phẩm, phương tiện hữu hình có ảnh hưởng đến sự hài lòng của người tham gia bảo hiểm và có mối quan hệ giữa sự hài lòng và sự trung thành của khách hàng.

**Từ khoá:** SERVQUAL; Bảo hiểm phi nhân thọ

**91. Nhân tố thúc đẩy giảng viên đại học ở Việt Nam thực hiện nghiên cứu khoa học: áp dụng lý thuyết kỳ vọng**/ Trần Thị Kim Nhung, Nguyễn Thành Độ// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 273 .- Tr. 83-92.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng lý thuyết kỳ vọng để kiểm tra các yếu tố chính thúc đẩy giảng viên tiến hành nghiên cứu khoa học. Kết quả hồi quy được khảo sát từ 475 giảng viên các trường đại học tại Hà Nội, Việt Nam, cho thấy các giảng viên được thúc đẩy bởi sự hấp dẫn bên trong nhiều hơn sự hấp dẫn bên ngoài. Đặc biệt nghiên cứu đã phát hiện kỳ vọng (E – yếu tố còn nhiều tranh cãi ở các nghiên cứu trước) có tác động tích cực và đáng kể đến động lực nghiên cứu của giảng viên. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy: (a) động lực nghiên cứu của các Giáo sư và Phó Giáo sư cao hơn giảng viên khác, thêm vào đó đối với nhóm Giáo sư và Phó Giáo sư thì nhân tố sự hấp dẫn bên trong cao hơn nhóm giảng viên khác và (b) không có mối quan hệ giữa động lực nghiên cứu và tuổi cũng như giới tính.

**Từ khoá**: Động lực nghiên cứu khoa học, giảng viên đại học, lý thuyết kỳ vọng

**92. Những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của hộ nông dân trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam**/ Hồ Quế Hậu// Kinh tế và Phát triển .- 2019 .- Số 270 .- Tr. 51-62.

**Nội dung:** Nghiên cứu này thực hiện kết hợp phỏng vấn sâu với khảo sát 620 hộ nông dân trên cả nước nhằm nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của hộ nông dân trong sản xuất nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố ảnh hưởng bao gồm: (1) Trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm; (2) Quy mô sản xuất; (3) Tình trạng kinh tế; (4) Hiểu biết về thị trường giá cả; (5) điều kiện tự nhiên; (6) Cơ cấu sản xuất; (7) Lao động; (8) Các chính sách nhà nước về xây dựng hạ tầng, tín dụng, khuyến nông.

**Từ khoá:** Nông nghiệp, nông dân, hiệu quả kinh tế

**93. Phân tích các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển**/ Nguyễn Chí Hải, Nguyễn Thanh Trọng, Huỳnh Ngọc Chương// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 9(496) .- Tr. 85-95.

**Nội dung**: Phân tích các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển thời kỳ 1990-2017. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: các nhân tố về vốn FDI, hội nhập quốc tế, những thay đổi tích cực trong cải cách thể chế đóng vai trò tích cực đối với tăng trưởng kinh tế của các nước trong thời kỳ 1990-2017; yếu tố vay nợ ODA, bất ổn vĩ mô có tác động tiêu cực đến tăng trưởng ở các nền kinh tế thành công. Bài viết cũng đưa ra một số kết luận và hàm ý đối với nền kinh tế Việt Nam trong phát triển ở giai đoạn tiếp theo.

**Từ khoá:** Mô hình tăng trưởng nội sinh, tăng trưởng kinh tế

**94. Phân tích hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất chè an toàn tại xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên**/ Bùi Thị Minh Hằng// Kinh tế và Phát triển .- 2019 .- Số 270 .- Tr. 82-90.

**Nội dung:** Sử dụng số liệu điều tra đối với 191 hộ dân sản xuất chè an toàn tại xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên, nghiên cứu tập trung phân tích hiệu quả kỹ thuật và nhận diện nguồn gốc của sự kém hiệu quả trong sản xuất chè an toàn. Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả kỹ thuật trung bình trong sản xuất chè an toàn tại xã Tân Cương là 68,47% và biến động trong khoảng 28,10 − 89,91%. Với việc sử dụng hợp lý các yếu tố sản xuất và kỹ thuật hiện có, hiệu quả kỹ thuật của các hộ sản xuất chè an toàn có khả năng được cải thiện đáng kể. Các yếu tố thu nhập, tuổi, kinh nghiệm trồng chè của chủ hộ, tập huấn, và tham gia các tổ chức kinh tế xã hội đóng góp tích cực vào việc cải thiện hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất chè an toàn. Việc sử dụng giống chè bản địa (giống Trung du) có tác động ngược chiều tới hiệu quả kỹ thuật. Các hộ dân tộc thiểu số có hiệu quả kỹ thuật thấp hơn so với các hộ dân tộc Kinh.

**Từ khoá:** Hộ dân, sản xuất chè an toàn, hàm sản xuất biên ngẫu nhiên, hiệu quả kỹ thuật

**95. Phân tích hiệu quả tài chính của doanh nghiệp thương mại trên địa bàn Hà Nội**/ Trần Thị Thu Huyền, Nguyễn Thị Kim Hướng//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương- 2019 .- Số 540 .- Tr. 70-72.

**Nội dung**: Phân tích hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn Hà Nội. Số liệu nghiên cứu được lấy trực tiếp từ báo cáo tài chính của 20 doanh nghiệp thương mại hoạt động trên địa bàn Hà Nội với nhiều lĩnh vực khác nhau trong khoảng thời gian từ 2014 - 2017. Kết quả cho thấy rằng hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp nhìn chung là rất thấp, một số doanh nghiệp chưa tận dụng tốt lợi thế kinh doanh. Dựa trên kết quả nghiên cứu thực trạng tình hình tài chính của các doanh nghiệp, bài viết đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn Hà Nội.

**Từ khoá:** Kinh tế, Kinh doanh, Thương mại, Tài chính, Doanh nghiệp

**96. Phân tích năng lực quản trị của quản lý cấp trung tại các chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn Thành phố Cần Thơ**/ Huỳnh Trường Huy, Kỳ Nguyệt Yến// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 274 .- Tr. 113-122.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định các nhân tố cấu thành năng lực quản trị và mức độ đáp ứng của nhà quản lý dựa vào cuộc khảo sát 100 giám đốc tại 26 chi nhánh ngân hàng tại thành phố Cần Thơ. Dựa vào lý thuyết năng lực cốt lõi (mô hình ASK) và sử dụng phân tích thống kê mô tả và Cronbach alpha, kết quả phân tích cho thấy năng lực quản trị của nhà quản lý cấp trung bao gồm 6 nhóm nhân tố cấu thành, trong đó có 3 nhóm về kiến thức (quản trị cơ bản, thị trường, vận hành tổ chức), 2 nhóm về kỹ năng (phát triển nhóm và truyền thông) và nhóm về phẩm chất quản trị. Đồng thời, nhà quản lý tại các chi nhánh ngân hàng trong Top 10 ngân hàng uy tín thể hiện cảm nhận về mức độ đáp ứng với công việc quản trị tốt hơn so với các đồng nghiệp làm việc tại các ngân hàng khác. Hơn nữa, năng lực quản trị cũng thể hiện gắn với chức danh công việc và quy mô quản lý trong ngân hàng.

**Từ khoá:** Năng lực quản trị, nhà quản lý cấp trung, ngân hàng

**97. Phân tích tác động của quản trị tài chính với hiệu quả tài chính tại các doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Lê Thị Mỹ Phương, Cao Thi Hà Thương//Khoa học Thương mại.- 2020 .- Số 137+138 .- Tr. 86-99.

**Nội dung:** Hiệu quả kinh doanh nói chung và hiệu quả tài chính nói riêng luôn là mối quan tâm hàng đầu của các nhà quản trị điều hành doanh nghiệp, chủ sở hữu và các chủ thể liên quan khác. Để thực hiện mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh doanh đòi hỏi các doanh nghiệp phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau bao gồm: các giải pháp về kỹ thuật, tổ chức sản xuất kinh doanh; giải pháp về quản trị tài chính; giải pháp về tổ chức và quản lý nhân sự; giải pháp về marketing, khai thác thị trường,… nhằm sử dụng tối ưu các nguồn lực. Thông qua nghiên cứu này, đã phân tích để thấy rõ được những tác động của các yếu tố tới hiệu quả của các doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên thị trường chứng khoán và có đưa ra một số đề suất hàm ý chính sách nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên thị trường chứng khoán.

**Từ khoá:** Quản trị tài chính, hiệu quả tài chính, doanh nghiệp sản xuất niêm yết

**98. Phân tích tiềm năng tiếp cận đầu tư phái sinh đối với các nhà đầu tư cá nhân tại Việt Nam/** Phan Trần Trung Dũng// Ngân hàng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 30-33.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá tiềm năng tiếp cận đầu tư phái sinh đối với các nhà đầu tư cá nhân tại Việt Nam, từ đó, góp phần đưa ra một số gợi mở cho các phương hướng điều chỉnh trong tương lai.

**Từ khóa**: Đầu tư phái sinh, nhà đầu tư cá nhân, Việt Nam Thị Trường, ví điện tử, Việt Nam

**99. Phát triển các cụm ngành công nghiệp trong liên kết vùng đồng bằng song Cửu Long**/ Phạm Ngọc Minh, Lê Thị Thanh Bình // Nghiên cứu kinh tế .- 2019 .- Số 494 .- Tr. 87-95.

**Nội dung**: Dựa trên cơ sở lý thuyết về cụm ngành công nghiệp và kết quả khảo sát hiện trạng về liên kết vùng và phát triển các cụm ngành chủ lực của vùng đồng bằng song Cửu Long, bài viết nhận định về thực trạng phát triển các cụm ngành công nghiệp trong liên kết vùng đồng bằng song Cửu Long, tập trung xem xét 3 sản phẩm là lúa gạo, cây ăn quả và thủy sản. Qua đó bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả các cụm ngành chủ lực vùng đồng bằng song Cửu Long.

**Từ khóa**: Cụm ngành công nghiệp, liên kết vùng, đồng bằng song Cửu Long

**100. Phát triển doanh nghiệp xanh tại Việt Nam**/ Nguyễn Lương Long//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương- 2019 .- Số 540 .- Tr. 61-63.

**Nội dung:** Các hiện tượng thời tiết bất thường có tính cực đoan, ô nhiễm môi trường sống của loài người. Những xu hướng đáng báo động này liên quan một phần tới việc sản xuất và tiêu thụ không bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên kèm theo ô nhiễm môi trường. Các doanh nghiệp hiện nay đã nhận ra hoạt động kinh doanh của mình có ảnh hưởng và bị ảnh hưởng lớn bởi môi trường tự nhiên. Do đó, phát triển mo hình doanh nghiệp xanh là cần thiết, phù hợp với xu thế chung hiện nay và chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của Việt Nam.

**Từ khoá:** Kinh tế, Môi trường, Tài nguyên, Thiên nhiên, Doanh nghiệp

**101. Phát triển nguồn nhân lực giảng viên ở một số nước và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam/** Nguyễn Khắc Linh// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 2 (233) .- Tr. 89-98.

**Nội dung**: Giới thiệu kinh nghiệm về quản lí, phát triển nguồn nhân lực giảng viên của một số nước có nền giáo dục đại học hiện đại, tiên tiến và những nước có đặc điểm, điều kiện tương đồng với Việt Nam. Trên cơ sở đó rút ra một số bài học kinh nghiệm có thể áp dụng phù hợp với Việt Nam trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

**Từ khóa:** Đội ngũ giảng viên, kinh nghiệm phát triển nguồn nhân lực.

**102. Phát triển thị trường chứng khoán, tăng trưởng kinh tế và vai trò kiểm soát tham nhũng tại các quốc gia đang phát triển**/ Phạm Thị Hồng Vân, Nguyễn Hồng Thắng// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 4 tháng 4 .- Tr. 5-26.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mục đích xem xét đến vai trò của tham nhũng trong việc chi phối tác động của phát triển thị trường chứng khoán đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển trong giai đoạn 2002 – 2017. Bằng phương pháp ước lượng S-GMM sai phân hai bước trên mô hình bảng động, nghiên cứu đã tìm thấy tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của phát triển thị trường chứng khoán, trong khi kiểm soát tham nhũng không thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Khi có sự tương tác giữa kiểm soát tham nhũng và phát triển thị trường chứng khoán thì kết quả tác động của chúng ngược lại. Điều này cho thấy tác động chi phối của kiểm soát tham nhũng đến các mối quan hệ giữa thị trường vốn (thị trường chứng khoán, thị trường tín dụng) đến tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu đã tìm thấy vai trò ảnh hưởng to lớn của tham nhũng đến mối quan hệ giữa phát triển thị trường chứng khoán và tăng trưởng kinh tế. Từ đó đề xuất một vài chính sách quan trọng cho các quốc gia đang phát triển.

**Từ khoá:** Phát triển thị trường chứng khoán; tăng trưởng kinh tế; kiểm soát tham nhũng; vai trò kiểm soát tham nhũng

**103. Quản trị quan hệ khách hàng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay**/ Nguyễn Thu Quỳnh// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 140 .- Tr. 54-64.

**Nội dung**: Trong bối cảnh nền kinh tế mang tính hội nhập và cạnh tranh cao như hiện nay, khách hàng là chìa khóa để các doanh nghiệp nói chung cũng như ngân hàng thương mại nói riêng tồn tại và phát triển. Do đó, vấn đề xây dựng và phát triển mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng, đặc biệt là khách hàng mục tiêu, là yếu tố quan trọng hàng đầu trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Trong những năm qua, các ngân hàng thương mại Việt Nam đều nhận thức rõ tầm quan trọng và đã triển khai quản trị quan hệ khách hàng một cách có hệ thống. Trên cơ sở hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về quản trị quan hệ khách hàng của doanh nghiệp và phân tích, đánh giá thực trạng quản trị quan hệ khách hàng của các ngân hàng thương mại Việt Nam thời gian qua, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển quản trị quan hệ khách hàng của các ngân hàng thương mại, coi đây là một giải pháp quan trọng giúp ngân hàng đạt được mục tiêu kinh doanh của mình.

**Từ khoá:** Quan hệ khách hàng, quản trị quan hệ khách hàng, ngân hàng thương mại

**104. Risk-Adjusted Productivity Change of Taiwan’s Banks in The Financial Holding Companies = Thay đổi năng suất điều chỉnh rủi ro của các ngân hàng Đài Loan trong các công ty cổ phần tài chính**/ YU-HUI LIN avd JIA-CHING JUO//Khoa học Thương mại.- 2020 .- Số 137+138 .- Tr. 133-144.

**Nội dung**: After financial holding company act was implemented in 2001, taiwan’s banks have experienced structural changes. This study employs the risk-adjusted profit productivity indicator to investigate whether the banks in the financial holding companies (fhcs) could operate with higher productivity growth than those without establishing or joining fhcs. Equity capital which is regarded as a risk factor in this study. The data of taiwan’s banks over the period 2010-2016 were taken for the above comparison.

**Từ khoá:** Data envelopment analysis (dea); productivity change; risk; profit

**105. So sánh khả năng giải thích của 3 mô hình định giá tài sản: CAPM, Fama French 3 nhân tố và Fama French 5 nhân tố trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Phan Trần Trung Dũng, Nghiêm Thị Duyên// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 272 .- Tr. 63-72.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhằm so sánh khả năng giải thích của 3 mô hình định giá: Mô hình định giá tài sản vốn (CAPM), Fama French 3 nhân tố (FF3NT) và Fama French 5 nhân tố (FF5NT) đối với tỷ suất sinh lợi của cổ phiếu niêm yết tại sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sử dụng chỉ số thị trường VN-Index, giá đóng cửa của các cổ phiếu (không gồm ngành ngân hàng) được niêm yết trên HOSE với tần suất tháng trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Kết quả cuối cùng cho thấy FF5NT là phù hợp và tốt nhất trong 3 mô hình trong việc giải thích sự thay đổi của tỷ suất sinh lợi của các cổ phiếu niêm yết trên HOSE.

**Từ khoá:** CAPM, Fama French, FF5NT, FF3NT, GRS

**106. Sự độc lập của hội đồng quản trị, tập trung quyền sở hữu và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp**/ Lê Thị Phương Vy, Trần Hoàng Sơn// Kinh tế và Phát triển .- 2019 .- Số 270 .- Tr. 41-50.

**Nội dung:** Nghiên cứu kiểm tra tác động của tập trung quyền sở hữu đến mối quan hệ giữa hội đồng quản trị độc lập và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2010 đến 2017. Bằng cách sử dụng nhiều phương pháp hồi quy khác nhau OLS, FEM, REM, FGLS và GMM để kiểm soát vấn đề nội sinh, nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng tính độc lập của hội đồng quản trị có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp. Đặc biệt, tác động tích cực của sự độc lập của hội đồng quản trị độc lập đối với hiệu quả hoạt động doanh nghiệp tăng lên khi sự tập trung quyền sở hữu giảm xuống sau khi kiểm soát các yếu tố quyết định khác ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp được sử dụng trong các nghiên cứu trước đây. Ngoài ra, nghiên cứu cũng phát hiện ra rằng các kết quả này có ý nghĩa thống kê cao hơn ở những doanh nghiệp tư nhân kiểm soát so với doanh nghiệp nhà nước kiểm soát.

**Từ khoá**: Hội đồng quản trị độc lập, tập trung quyền sở hữu, hiệu quả hoạt động doanh nghiệp

**107. Sự hài lòng đối với các website của các doanh nghiệp bán lẻ trực tuyến trong lĩnh vực điện tử: Nghiên cứu tại thị trường Hà Nội**/ Nguyễn Hồng Quân, Nguyễn Thị Kim Ngân// Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 269 .- Tr. 32-41.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng đối với website của doanh nghiệp bán lẻ điện tử trực tuyến dựa trên số liệu khảo sát 284 khách hàng ở Hà Nộ i. Kết quả nghiên cứu cho thấy khách hàng khá hài lòng với website của doanh nghiệp bán lẻ điện tử, đồng thời cũng khẳng định bốn nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng đối với website bán lẻ điện tử đó là điều hướng, tốc độ đường truyền, bảo mật và quan hệ cộng đồng. Các nhân tố khác như công cụ thu hút, chất lượng thông tin và giao diện không phải là nhân tố chính tác động đến sự hài lòng đối với website của các doanh nghiệp này do sự tương đồng giữa các website và đặc thù ngành. Nghiên cứu đề xuấ t tăng cường thiết lập các ứng dụng; tương tác và xây dựng mối quan hệ với khách hàng qua kênh cộng đồng trực tuyến, đầu tư cơ sở hạ tầng phù hợp; đầu tư kinh phí thích đáng và xây dựng chính sách bảo mật dữ liệu khách hàng.

**Từ khoá**: Sự hài lòng khách hàng, lĩnh vực điện tử, bán lẻ trực tuyến, sự hài lòng website

**108. Sự phát triển của hàng không giá rẻ và tác động của nó đến sự phát triển của ngành hàng không dân dụng Việt Nam**/ Nguyễn Thành Nam// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 10(497) .- Tr. 3-11.

**Nội dung:** Bài viết làm rõ quá trình hình thành và phát triển của hàng không giá rẻ trên thế giới nói chung và thực trạng hàng không giá rẻ tại Việt Nam nói riêng, từ đó đưa ra nhận định về những đóng góp của hàng không giá rẻ đối với sự phát triển chung của ngành hàng không.

**Từ khoá**: Lợi thế cạnh tranh, hàng không giá rẻ, hàng không dân dụng

**109. Sự phát triển hệ thống giáo dục đại học của Trung Quốc: thành công, tồn tại và một số gợi ý với Việt Nam**/ Mai Ngọc Anh, Khiếu Thị Nhàn// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 273 .- Tr. 74-82.

**Nội dung:** Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục đại học đối với sự phát triển khoa học công nghệ, cũng như kinh tế xã hội, chính phủ Trung Quốc đã ban hành nhiều chính sách để thúc đẩy sự phát triển về quy mô cũng như chất lượng của giáo dục đại học ở Quốc gia này. Bài viết đi vào đánh giá kết quả đạt được của hệ thống giáo dục đại học của Trung Quốc, phân tích những giải pháp mà chính phủ nước này đã triển khai cũng như bình luận những vướng mắc mà các trường đại học ở Trung Quốc đang phải khắc phục mà nguyên nhân bắt nguồn từ hệ thống chính sách hiện hành. Những thành công và vướng mắc trong phát triển hệ thống giáo dục đại học của Trung Quốc được phân tích để đưa ra khuyến nghị đối với Việt Nam.

**Từ khoá:** Tự chủ, nhà nước, chính sách, đại học

**110. Sự phiền toái của các loại quảng cáo video trên YouTube và hàm ý cho doanh nghiệp Việt Nam**/ Lưu Thị Minh Ngọc, Hoàng Trọng Trường// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 140 .- Tr. 44-53.

**Nội dung:** Nghiên cứu này khảo sát mức độ phiền toái của hai dạng quảng cáo có thể bỏ qua và không thể bỏ qua trên YouTube. Tác động của sự phiền toái gây ra bởi hai loại hình quảng cáo trên đến tâm lý và hành vi khách hàng sẽ được so sánh và đánh giá, từ đó đưa ra các gợi ý về cách thức quảng cáo hiệu quả cho doanh nghiệp. 100 người tham gia được chia làm 2 nhóm để xem một đoạn video trong đó có chứa ngẫu nhiên một loại quảng cáo. Sau đó, phản ứng của những người này được khảo sát bằng bảng hỏi. Kết quả cho thấy, quảng cáo không thể bỏ qua gây nhiều cảm giác phiền toái hơn, từ đó thái độ của người xem tiêu cực hơn, niềm tin với thông điệp thấp hơn và có xu hướng né tránh quảng cáo hơn. Tuy nhiên, quảng cáo không thể bỏ qua lại tỏ ra hiệu quả hơn trong việc tăng cường nhận thức về nhãn hàng và sản phẩm xuất hiện trong quảng cáo.

**Từ khoá:** Sự phiền toái, quảng cáo video, Youtube

**111. Sự thay đổi thói quen tiêu dùng và vấn đề khuyến khích người Việt Nam dùng hàng Việt Nam (Nghiên cứu trên địa bàn Hà Nội)**/ Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trịnh Thị Phượng// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 1 (86) .- Tr. 54 - 62. 658

**Nội dung:** Phân tích những thay đổi trong thói quen tiêu dùng của người dân Hà Nội, qua đó khuyến khích người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam để tạo điều kiện cho sự phát triển của hệ thống doanh nghiệp Việt.

**Từ khóa:** Hành vi tiêu dùng, thói quen tiêu dùng, người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam

**112. Tác động của các biện pháp phi thuế quan tới xuất khẩu của Việt Nam**/ Đoàn Ngọc Thắng, Lê Thị An// Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 269 .- Tr. 2-9.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá tác động của các biện pháp phi thuế quan (Non-tariff measures - NTMs) tới hoạt động xuất khẩu của Việt Nam đối với 28 nước đối tác thương mại lớn thông qua việc vận dụng mô hình trọng lực với dữ liệu được thu thập để thực hiện phân tích trong giai đoạn 1999-2017. các biện pháp phi thuế quan được đo lường thông qua ba chỉ số: độ bao phủ, độ thường xuyên và độ thịnh hành của các biện pháp phi thuế quan. Nghiên cứu định lượng chỉ ra tác động tiêu cực của các biện pháp phi thuế quan đến xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam. Do đó, để tăng cường xuất khẩu Việt Nam cần hạn chế tác động của các biện pháp phi thuế quan.

**Từ khoá**: Xuất khẩu, mô hình trọng lực, biện pháp phi thuế quan, Việt Nam

**113. Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến mô hình phân phối của các doanh nghiệp Việt Nam**/ Kiều Quốc Hoàn// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 140 .- Tr. 12-21.

**Nội dung:** Bài viết tập trung nghiên cứu tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 đến mô hình phân phối của các doanh nghiệp. Tác giả tiến hành tham khảo, phân tích các tài liệu thu thập từ các nghiên cứu trong và ngoài nước về mô hình phân phối và cách mạng công nghiệp 4.0, đồng thời phỏng vấn trực tiếp một số chuyên gia và nhà nghiên cứu trong lĩnh vực. Trên cơ sở đó, tác giả xây dựng mô hình phân phối mới trong kỷ nguyên 4.0. Sự tham gia của hệ thống thông tin điện toán đám mây và quá trình xử lý dữ liệu lớn (big data) chuyển các mối quan hệ trong phân phối truyền thống sang mô hình phân phối có mạng lưới kết nối với dữ liệu được tổng hợp ở các máy chủ nền tảng IoTs. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp chủ động thích ứng và triển khai hiệu quả mô hình phân phối mới trong kỷ nguyên 4.0.

**Từ khoá:** Phân phối; Mô hình phân phối; Cách mạng 4.0; Việt Nam

**114. Tác động của đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản đến chất lượng cuộc sống của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam**/ Đỗ Thị Hải Hà, Nguyễn Đăng Núi, Phùng Minh Đức// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 273 .- Tr. 11-21.

**Nội dung:** Bài viết này sử dụng phương pháp trọng số để xây hệ chỉ số tổng hợp về chất lượng cuộc sống cho người dân tộc thiểu số ở Việt Nam dựa trên bộ số liệu VHLSS. Thông qua mô hình đánh giá tác động, nghiên cứu đã chỉ ra đảm bảo các dịch vụ xã hội trong lĩnh vực y tế và giáo dục có vai trò quan trọng để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay. Một số đề xuất và gợi ý chính sách về đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân tộc thiểu số cũng được nghiên cứu đưa ra thảo luận.

**Từ khoá**: Dân tộc thiểu số, đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản, chất lượng cuộc sống, Việt Nam

**115. Tác động của định hướng thời gian, chi phí và lợi ích cảm nhận đến ý định sử dụng thương mại di động của người tiêu dùng tại Việt Nam**/ Nguyễn Hữu Khôi// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 4 tháng 4 .- Tr. 65-80.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện nhằm điền vào khoảng trống trong việc giải thích ý định sử dụng TMDĐ từ khía cạnh cân bằng chi phí – lợi ích cảm nhận và định hướng thời gian – biến số tính cách cá nhân hầu như bị bỏ qua trong bối cảnh thương mại di động. Nghiên cứu này sử dụng mô hình cấu trúc bình phương bé nhất bán phần với phần mềm SmartPLS 3.2.8 để kiểm định giả thuyết. Kết quả cho thấy chi phí – lợi ích cảm nhận tác động đến ý định sử dụng thương mại đi động với tác động gần như tương đương nhau. Hơn nữa, cảm nhận chi phí – lợi ích chịu tác động của định hướng thời gian và biến số này có tác động đến ý định sử dụng thương mại đi động, bao gồm cả tác động trực tiếp và gián tiếp thông qua chi phí – lợi ích cảm nhận. Với kết quả đáng chú ý trên, nghiên cứu có những đóng góp về cả khía cạnh học thuật và thực tiễn

**Từ khoá:** Chi phí và lợi ích cảm nhận; định hướng thời gian; ý định sử dụng thương mại di động

**116. Tác động của FDI tới kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội**/ Cao Quốc Việt, Nguyễn Văn Chương// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 9(496) .- Tr. 51-60.

**Nội dung**: Phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh té, xã hội của Hà Nội ( giai đoạn 2000-2018) bằng phương pháp tính hệ số tương quan hạng Spearman, kết quả cho thấy: hệ số tương quan nhỏ ở cả các tác động cùng chiều và ngược chiều, tác động của FDI đến các biến số đại diện cho phát triển kinh tế - xã hội không thực sự rõ nét, qua đó đưa ra một số khuyến nghị nâng cao hiệu quả thu hút và sử dụng vốn FDI của Hà Nội.

**Từ khoá:** Thu hút FDI, tăng trưởng kinh tế, xã hội, Hà Nội

**117. Tác động của FDI đến hiệu quả của hoạt động ngân hàng từ cách tiếp cận khác nhau**/ Ngô Khánh Huyền // Nghiên cứu kinh tế .- 2019 .- Số 494 .- Tr. 64-73.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xá định tác động của FDI đến hiệu quả của hoạt động ngân hàng dưới ảnh hưởng của cách tiếp cận lựa chọn đầu ra, đầu vào khác nhau. Với số liệu của 28 ngân hàng trong thời gian từ năm 2008-2012, nghiên cứu đã sửu dụng tiếp cận phân tích bao dữ liệu (DEA) cùng với cách tiếp cận sản xuất và cách tiếp cận tài sản trong việc chọn đầu ra và đầu vào để ước lượng hiệu quả của các ngân hàng.

**Từ khóa**: Tiếp cận DEA, Tiếp cận tài sản, hoạt động ngân hàng

**118. Tác động của liên kết cung ứng vật tư đầu vào và hộ nuôi tôm đến hiệu quả kinh tế hộ: Trường hợp nghiên cứu ở xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế**/ Nguyễn Thái Phán// Kinh tế và Phát triển .- 2019 .- Số 270 .- Tr. 63-71.

**Nội dung**: Phân tích mối liên hệ giữa hộ nuôi tôm và nhà cung cấp đầu vào, và tác động của sự liên kết đến các trang trại nuôi tôm. Nghiên cứu chỉ ra rằng có bốn biến số ảnh hưởng đáng kể đến xác suất sử dụng liên kết của hộ nuôi tôm với nhà cung cấp đầu vào. Biến số có ảnh hưởng tích cực là quy mô trang trại, thành viên trong tổ chức nông dân và giới tính. Một biến có ảnh hưởng tiêu cực là tuổi. Năng suất trang trại và thu nhập ròng của hộ nuôi tôm sử dụng liên kết giữa hộ nuôi tôm và nhà cung cấp đầu vào cao hơn so với những hộ nuôi tôm không sử dụng liên kết. Nghiên cứu khuyến nghị chính quyền địa phương nên khuyến khích hộ nuôi tôm sử dụng liên kết với các nhà cung cấp đầu vào. Ngoài ra, cho phép hộ nuôi tôm vận hành các trang trại lớn hơn 1 ha là điều quan trọng đối với hộ nuôi tôm để sử dụng liên kết với nhà cung cấp đầu vào.

**Từ khoá:** Sự liên kết, cung cấp vật tư đầu vào, hộ nuôi tôm, mô hình Logit

**119. Tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế địa phương ở Việt Nam**/ Diệp Gia Luật, Nguyễn Đào Anh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 5-20.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm kiểm định mối quan hệ tác động của quá trình phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế các địa phương ở Việt Nam, từ 2005 - 2016. Dựa trên dữ liệu bảng 62 địa phương, sử dụng phương pháp kiểm định FGLS để giải quyết mục tiêu đề ra. Nội dung nghiên cứu xác định tác động phân cấp chi hay trong thu có đến tăng trưởng kinh tế các địa phương ở Việt Nam. Kết quả thực nghiệm cho thấy, phân cấp thu và phân cấp chi ngân sách đều có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế địa phương. Đồng thời, bài nghiên cứu cũng tìm thấy ảnh hưởng phi tuyến trong phân cấp chi đến tăng trưởng kinh tế khi không kiểm soát tốt gây ra tiêu cực, lãng phí. Qua đó, nghiên cứu đề xuất các khuyến nghị về cơ chế chính sách nhằm điều chỉnh tiến trình phân cấp tài khóa để duy trì tác động tích cực tăng trưởng kinh tế bền vững trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Phân cấp tài khóa; Tăng trưởng kinh tế; FGLS

**120. Tác động của tín dụng đến bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam**/ Lê Quốc Hội// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 272 .- Tr. 23-31.

**Nội dung:** Bài viết ước lượng tác động của tín dụng tới bất bình đẳng thu nhập ở Việt nam bằng việc sử dụng dữ liệu cấp tỉnh và phương pháp ước lượng Moment tổng quát. Khác với nghiên cứu trước đây, nghiên cứu này phân tách tác động riêng của từng loại hình tín dụng tới bất bình đẳng thu nhập. Kết quả cho thấy trong khi tín dụng thương mại làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập thì tín dụng chính sách lại góp phần giảm bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam. Trên cơ sở đó bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm kết hợp phát triển thị trường tín dụng với giảm bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Tín dụng, bất bình đẳng thu nhập, Việt Nam

**121. Tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Cẩm Vân//Khoa học Thương mại.- 20208 .- Số 137+138 .- Tr. 50-60.

**Nội dung**: Nghiên cứu này sử dụng phương pháp kiểm định đồng tích hợp Johansen và mô hình hiệu chỉnh sai số để đánh giá tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam giai đoạn 1995-2016. Kết quả nghiên cứu cho thấy toàn cầu hóa có tác động thúc đẩy sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bên cạnh đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài, cán cân thương mại và tỷ giá có tác động tích cực đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ trong cả ngắn hạn và dài hạn. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy dự trữ có ảnh hưởng dương đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ trong dài hạn. Tuy nhiên, ảnh hưởng này không có ý nghĩa trong ngắn hạn. Dựa trên các kết quả phân tích, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

**Từ khoá**: Toàn cầu hóa, phát triển công nghiệp và dịch vụ, đồng tích hợp, mô hình hiệu chỉnh sai số

**122. Tác động của xuất khẩu đến năng suất lao động trong doanh nghiệp**/ Vũ Thị Thư Thư// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 7(494) .- Tr. 43-53.

**Nội dung:** Tổng quan nghiên cứu; Số liệu và phương pháp nghiên cứu qua các số liệu thống kê điều tra doanh nghiệp của VN từ năm 2013 đến 2017; Một số đặc điểm về hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam; Ảnh hưởng của xuất khẩu đến năng suất lao động trong doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Xuất khẩu, năng suất lao động, doanh nghiệp

**123. Tác động điều tiết của Rủi ro cảm nhận đến mối quan hệ giữa Chất lượng kết quả mua hàng và Sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ thương mại điện tử**/ Nguyễn Thu Hà// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2019 .- Số 5 .- Tr. 39-60.

**Nội dung:** Mua sắm thông qua các trang thương mại điện tử thường được cho là hình thức tiềm ẩn rủi ro cao hơn so với mua sắm truyền thống. Mặc dù tham gia trên cùng một môi trường thương mại điện tử, mức độ rủi ro mà mỗi khách hàng cảm nhận được không giống nhau, điều này có thể ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi nhận được kết quả mua hàng với chất lượng tương đương nhau. Bài viết này tập trung làm rõ tác động của rủi ro cảm nhận đến mối quan hệ giữa chất lượng kết quả mua hàng và sự hài lòng của khách hàng trong lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam. Bảng hỏi được sử dụng để tiến hành khảo sát và thu thập dữ liệu từ 315 khách hàng mua hàng tại trang thương mại điện tử Shopee.vn. Kết quả phân tích chỉ ra rằng Rủi ro cảm nhận có tác động điều tiết tới mối quan hệ giữa Thời gian đặt hàng với Sự hài lòng của khách hàng; và mối quan hệ giữa Đặt hàng chính xác và Sự hài lòng của khách hàng. Dựa trên kết quả phân tích, bài viết đưa ra gợi ý về hướng nghiên cứu trong tương lai và hàm ý cho các nhà quản trị doanh nghiệp thương mại điện tử trong việc hạn chế rủi ro cảm nhận, hướng đến nâng cao sự hài lòng của khách hàng về chất lượng của dịch vụ.

**Từ khoá:** Chất lượng kết quả mua hàng, Sự hài lòng của khách hàng, Rủi ro cảm nhận

**124. Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước: đánh giá từ góc độ quản lý nhà nước**/ Đặng Thị Phương Hoa// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 12(499) .- Tr. 15-27.

**Nội dung:** Tổng kết các quan điểm, định hướng của Đảng, chính sách của Nhà nước, các hình thức triển khai của Chính phủ VN trong 2 giai đoạn tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; phân tích kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân hạn chế; đề xuất các nhóm giải pháp thúc đẩy hơn nữa quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước ở VN nhằm nâng cao nội lực và vai trò dẫn dắt của nhóm doanh nghiệp này trong phát triển kinh tế.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhà nước, cải cách Doanh nghiệp nhà nước, tái cơ cấu Doanh nghiệp nhà nước, chính sách quản lý kinh tế

**125. Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2019 : một năm nhìn lại và những khuyến nghị**/ Trần Tuấn Vinh, Nguyễn Phạm Thi Nhân// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 1+2(538+539) .- Tr. 52-59.

**Nội dung:** Bối cảnh kinh tế thế giới; bối cảnh vĩ mô Việt Nam; thị trường chứng khoán Việt nam năm 2019; nhận định và khuyến nghị.

**Từ khoá:** Thị trường chứng khoán, vĩ mô, kinh tế thế giới

**126. Thanh khoản cổ phiếu và quyết định khu vực sáp nhập ở Việt Nam**/ Đặng Hữu Mẫn // Nghiên cứu kinh tế .- 2019 .- Số 494 .- Tr. 54-63.

**Nội dung**: Nghiên cứu khảo sát ảnh hưởng củaThanh khoản cổ phiếu đến quyết định khu vực sáp nhập (nội địa hoặc xuyên biên giưới) của các công ty thâu tóm ở thị trường sáp nhập và mua lại (M&A) Việt Nm. Kết quả này khẳng định tính thanh khoản cổ phiếu đóng vai trò quan trọng trong quá trình ra quyết định khu vực sáp nhập của các công ty thâu tóm và cung cấp những hàm ý chính sách đối với nhà đầu tư và nhà quản trị công ty.

**Từ khóa**: Thanh khoản cổ phiếu, Sáp nhập và mua lại

**127. Thị Trường ví điện tử Việt Nam : cơ hội và thách thức**/ Nguyễn Thị Ánh Ngọc, Đặng Thùy Linh, Nguyễn Thị Diễm// Ngân hàng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 25-29.

**Nội dung:** Khái quát thực trạng phát triển của ví điện tử tại Việt Nam trong những năm gần đây và một số cơ hội cũng như thách thức mà thị trường ví điện tử phải đối mặt trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Thị Trường, ví điện tử, Việt Nam

**128. Thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu : sau 2 năm nhìn lại** / Bùi Nhật Quang, Hà huy Ngọc // Nghiên cứu kinh tế .- 2019 .- Số 496 .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng các phương pháp tổng quan tài liệu nghiên cứu, phân tích, thống kê, mô tả và thu thập số liệu từu các bộ, ngành liên quan từ năm 2012 đến nay để phân tích bối acnhr ra đời của Nghị quyết cũng như quá trình triển khai thực hiện, từ đó phân tích những hạn chế và đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Nghị quyết.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, đồng bằng sông Cửu Long, Nghị quyết 120/NQ-CP, phát triển bền vững

**129. Thực tập sinh khối ngành kinh tế của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Huế**/ Nguyễn Văn Hậu, Hồ Thị Hương Lan, Dương Trọng Tâm, Dương Văn Dưỡng, Ngô Hữu Nhật, Nguyễn Thị Nguyệt, Đặng Thanh Hương// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 272 .- Tr. 82-90.

**Nội dung:** Bài viết làm rõ tình hình sử dụng thực tập sinh cũng như nhu cầu tuyển dụng thực tập sinh khối ngành kinh tế của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Huế. Thông qua dữ liệu khảo sát các doanh nghiệp bằng phương pháp chọn mẫu quota, nhóm nghiên cứu đã phản ánh được các hoạt động thực tế mà thực tập sinh đã tham gia, lợi ích và những trở ngại khi doanh nghiệp sử dụng thực tập sinh cũng như những mong muốn của doanh nghiệp đối với việc sử dụng thực tập sinh tại đơn vị của mình. Từ đó, nghiên cứu đã đề xuất các hàm ý cho các bên liên quan trong việc đáp ứng nhu cầu thực tập sinh ở các doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, ngành kinh tế, thực tập sinh, thành phố Huế

**130. Thương mại hóa sản phẩm KH&CN: Bài học kinh nghiệm từ Israel**/ Đỗ Hương Lan, Lê Thái Hòa// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2020 .- Số 4(733) .- Tr.56-59.

**Nội dung:** Phân tích một số kinh nghiệm của Israel và đưa ra các gợi ý cho Việt Nam trong việc thương mại hóa các sản phẩm KH&CN.

**Từ khoá**: Thương mại hóa sản phẩm, KH&CN

**131. Tổ chức công đoàn và hoạt động đổi mới của các doanh nghiệp nhỏ và vừa/** Bạch Ngọc Thắng// Kinh tế & phát triển.- 2020 .- Số 272 .- Tr. 13-22.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích ảnh hưởng của tổ chức công đoàn đến hoạt động đổi mới của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong giai đoạn 2011-2015. Tuy đã có nhiều nghiên cứu đề cập về mối quan hệ này ở các nước phát triển, nhưng một nghiên cứu sâu ở quốc gia đang phát triển và chuyển đổi như Việt Nam lại rất có ý nghĩa do tổ chức công đoàn ở quốc gia này rất khác về vị thế và khả năng đàm phán. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự có mặt của tổ chức công đoàn làm gia tăng hoạt động cải tiến sản phẩm hiện có, thúc đẩy doanh nghiệp đưa ra công nghệ hay qui trình sản xuất mới, và kế hoạch giới thiệu sản phẩm mới trong tương lai. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam chỉ chú trọng đầu tư chiều sâu bằng việc phát triển công nghệ/qui trình sản suất mới hay giới thiệu sản phẩm mới, nếu như chủ tịch công đoàn đồng thời là chủ hay có mối liên hệ với chủ doanh nghiệp. Vấn đề này có hàm ý chính sách quan trọng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong dài hạn, đồng thời bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa người lao động và chủ doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Thương lượng tập thể, đổi mới, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công đoàn

**132. Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp: Vai trò điều tiết hoạt động kiểm soát nội bộ ở các doanh nghiệp tại Việt Nam**/ Từ Thanh Hoài, Nguyễn Phong Nguyên// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 21-42.

**Nội dung:** Dựa trên lý thuyết hợp pháp và lý thuyết cơ sở nguồn lực doanh nghiệp, nghiên cứu này xây dựng và kiểm định một mô hình trung gian – điều tiết về quá trình hệ thống kiểm soát nội bộ tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh trong bối cảnh trách nhiệm xã hội doanh nghiệp ngày càng được quan tâm bởi các doanh nghiệp tại Việt Nam. Kết quả kiểm định từ dữ liệu khảo sát 169 doanh nghiệp tại Việt Nam cho thấy cấu trúc kiểm soát nội bộ tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh thông qua việc tăng cường sự hữu hiệu của kiểm soát nội bộ. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đóng vai trò điều tiết cho mối quan hệ giữa cấu trúc kiểm soát nội bộ và sự hữu hiệu của kiểm soát nội bộ. Nghiên cứu này đem lại một số hàm ý lý thuyết và hàm ý quản lý cho các nhà quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam để tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu và xây dựng cơ chế trách nhiệm xã hội nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh.

**Từ khoá:** Kiểm soát nội bộ; trách nhiệm xã hội doanh nghiệp; kết quả hoạt động kinh doanh

**133. Truyền thông trên internet đáp ứng nhu cầu của sinh viên tại các trường đại học ở Việt Nam**/ Phan Hồng Mai, Trần Thanh Hải// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 10(497) .- Tr. 57-65.

**Nội dung**: Dựa trên dữ liệu từ 927 bảng câu hỏi đối với sinh viên tại 5 trường đại học, áp dụng kỹ thuật hồi quy thứ bậc, phân tích nhân tố và hồi quy nhị phân, kết quả cho thấy truyền thông của trường đại học tại VN chưa đáp ứng nhu cầu của sinh viên, dẫn đến một bộ phận sinh viên không hài lòng và không trung thành với trường đại học; qua đó, bài viết đề xuất một số giải pháp khắc phục hạn chế, tăng cường truyền thông của trường đại học nhằm đáp ứng nhu cầu của sinh viên.

**Từ khoá:** Truyền thông, trường đại học, nhu cầu thông tin, sinh viên

**134. Vai trò của học vấn đối với hiệu quả sản xuất chè của nông hộ vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam**/ Vũ Văn Hùng, Hồ Kim Hương// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 139 .- Tr. 47-54.

**Nội dung:** Bài viết tập trung vào việc ước lượng hiệu quả kỹ thuật và phân tích yếu tố tác động đến hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ sản xuất chè vùng Bắc Trung Bộ. Dựa trên dữ liệu khảo sát hai tỉnh là Hà Tĩnh và Nghệ An, nghiên cứu đã xác định điểm hiệu quả kỹ thuật của nông hộ bằng phương pháp phân tích bao dữ liệu (Data Development Analysis - DEA). Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả canh tác trung bình đạt mức 0.66. Bên cạnh đó, bài viết cũng sử dụng mô hình hồi quy Tobit nhằm đánh giá vai trò của học vấn trong việc thúc đẩy hiệu quả canh tác của các hộ sản xuất chè qua đó đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất của các hộ trồng chè khu vực Nghệ An, Hà Tĩnh. Kết quả từ mô hình đã xác định học vấn của chủ hộ có tác động tích cực đến hiệu quả sản xuất, canh tác của nông hộ, theo đó, nếu chủ hộ tăng thêm một năm học phổ thông, điểm hiệu quả sản xuất của nông hộ có thể tăng thêm khoảng 19%. Điều này chứng tỏ học vấn có tác động đến hiệu quả kỹ thuật của các hộ nông dân sản xuất chè thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Ngoài ra các đặc điểm canh tác của hộ, số lượng mảnh đất, diện tích và việc tham gia vào các hội đoàn thể tại địa phương, cũng như khả năng dễ dàng.

**Từ khoá:** Hiệu quả sản xuất, hiệu quả kỹ thuật, học vấn, DEA, Tobit

**135. Vai trò của khả năng hấp thụ công nghệ đến chuyển giao công nghệ trong khu vực chế tác Việt Nam**/ Nguyễn Thị Phương// Kinh tế và Phát triển .- 2019 .- Số 270 .- Tr. 31-40.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng của khả năng hấp thụ công nghệ và một số đặc điểm cấp độ doanh nghiệp và ngành công nghiệp tới giá trị chuyển giao công nghệ trong khu vực chế tác giai đoạn 2012-2016. Các kết quả thực nghiệm chỉ ra ba điểm quan trọng. Thứ nhất, tổng giá trị chuyển giao công nghệ của các doanh nghiệp chế tác có xu hướng tăng từ 5,03 nghìn tỷ đồng năm 2012 lên 6,92 nghìn tỷ đồng năm 2016. Tốc độ tăng trưởng giá trị chuyển giao công nghệ trong cả giai đoạn là khoảng 11,3%. Thứ hai, giá trị chuyển giao công nghệ từ khách hàng của doanh nghiệp điều tra (hạ nguồn) gấp từ 2-3 lần giá trị chuyển giao công nghệ từ phía các nhà cung cấp (thượng nguồn). Thứ ba, nghiên cứu tìm thấy khả năng hấp thụ tốt công nghệ của doanh nghiệp làm tăng giá trị tiếp nhận chuyển giao công nghệ, trong khi đó tổng số bằng sáng chế tăng lên thể hiện năng suất nghiên cứu và phát triển (R&D) nội bộ cao sẽ làm giảm cầu về chuyển giao công nghệ khi các yếu tố khác không đổi.

**Từ khoá:** Khu vực chế tác, nghiên cứu và phát triển, hấp thụ công nghệ, chuyển giao công nghệ

**136. Vai trò của lợi ích, sự đánh đổi và giá trị đối với ý định sử dụng thương mại di động**/ Nguyễn Hữu Khôi// Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 269 .- Tr. 21-30.

**Nội dung**: Nghiên cứu này thực hiện nhằm điền vào khoảng trống trong việc thảo luận và kiểm định cơ chế tác động của lợi ích và đánh đổi cảm nhận đến giá trị cảm nhận và ý định sử dụng thương mại di động. Theo đó, bên cạnh tác động trực tiếp, lợi ích và đánh đổi được giả thuyết có tác động gián tiếp đến ý định hành vi. Bên cạnh đó, nghiên cứu kiểm định vai trò của giá trị cảm nhận, đặc biệt là giá trị xã hội đến ý định hành vi trong bối cảnh thương mại di động liên tục phát triển và tạo ra những giá trị mới cũng như củng cố các giá trị cũ. Nghiên cứu sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính (PLS-SEM) trên một mẫu 329 khách hàng của dịch vụ viễn thông di động. Kết quả kiểm định cho thấy lợi ích và đánh đổi có tác động trực tiếp và gián tiếp đến ý định hành vi. Hơn nữa, các biến số giá trị chịu sự tác động đối lập từ lợi ích và đánh đổi cảm nhận và tác động tích cực đến ý định hành vi.

**Từ khoá:** Lợi ích và sự đánh đổi; giá trị tiện ích, tiêu khiển và xã hội, tác động trực tiếp và gián tiếp, thương mai di động

**137. Vai trò của tín dụng chính sách đối với giảm bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam/** Lê Quốc Hội// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 274 .- Tr. 75-82.

**Nội dung:** Bài viết phân tích tác động của tín dụng chính sách đối với giảm bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam. Bằng việc sử dụng dữ liệu cấp tỉnh và phương pháp ước lượng Moment tổng quát kết quả phân tích cho thấy tín dụng chính sách góp phần giảm bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam. Ngoài ra, chất lượng thể chế và trình độ giáo dục là những yếu tố ràng buộc đến tác động của tín dụng chính sách đối với giảm bất bình đẳng thu nhập. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm gắn kết thực hiện tín dụng chính sách với giảm bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Tín dụng chính sách, bất bình đẳng thu nhập, Việt Nam

**138. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ vào công tác giáo dục, bồi dưỡng cán bộ phục vụ sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay/** Trần Huy Ngọc//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương- 2019 .- Số 540 .- Tr. 97-99.

**Nội dung:** Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến công tác xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và coi đây là lực lượng then chốt bảo đảm cho sự thành công của sự nghiệp cách mạng. Trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ càng có ý nghĩa vô cùng quan trọng, giúp chúng ta nhìn nhận, đánh giá, lựa chọn những người cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực, đủ chức, đủ tài để tham gia vào bộ máy chính quyền.

**Từ khoá**: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Cán bộ, Giáo dục, Bồi dưỡng, Hội nhập, Quốc tế

**139. Xây dựng mô hình ra quyết định đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Đăng Minh// Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á .- 2019 .- Số 2 tháng 2 .- Tr. 5-25.

**Nội dung:** Xây dựng một mô hình ra quyết định quản trị khoa học, hỗ trợ quá trình ra quyết định đổi mới công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam một cách khoa học và hiệu quả. Mô hình đề xuất được xây dựng trên nền tảng lý luận của mô hình ra quyết định quản trị theo tư duy Quản trị Tinh gọn Made in Vietnam và từ kết quả nghiên cứu thực tiễn hoạt động ra quyết định đổi mới công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam tại doanh nghiệp hiện nay. Nghiên cứu có giá trị tham khảo cho các nhà quản trị doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu về quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung.

**Từ khoá:** Ra quyết định quản trị; Đổi mới công nghệ; Quản trị Tinh gọn

**140. Xung đột lợi ích giữa bên thuê và bên nhận thế chấp tài sản : góc nhìn từ thực tiễn**/ Nguyễn Thùy Dung, Bùi Đức Giang// Ngân hàng .- 2019 .- Số 22 .- Tr. 19-20.

**Nội dung:** Trình bày các trường hợp như hợp đồng thế chấp được xác lập trước hợp đồng thuê; hợp đồng thế chấp được xác lập sau hợp đồng thuê.

**Từ khoá:** Xung đột lợi ích, bên thuê và bên nhận, thế chấp tài sản, hợp đồng thuê

**NGHIÊN CỨU VĂN HỌC**

**1.** **Ảnh hưởng của Phật giáo đến văn hóa truyền thống của người Việt Nam/** Nguyễn Thế Vinh // Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 74-79.

**Nội dung:** Nghiên cứu về sự tác động tích cực của phật giáo đến văn hóa truyền thống của người dân Việt Nam từ đạp đức, lối sống, phong tục, tập quán, nghệ thuật và có sự gán kết mật thiết với cuộc sống hàng ngày của người dân.

**Từ khóa:** Đời sống tinh thần, Phật giáo, văn hóa truyền thống

**2.** **Biểu thức quy chiếu trong các bài viết đăng trên tạp chí khoa học Xã hội Việt Nam/** Nguyễn Đức Long// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 2 .- Tr. 115-122.

**Nội dung:** Biểu thức quy chiếu thể hiện chính xác chủ đích phát ngôn nhằm giải mã hành động quy chiếu. Nghiên cứu biểu thức quy chiếu được sử dụng trong một số bài nghiên cứu đăng trên tạo chí Khoa học xã hội Việt Nam năm 2018 cho thấy quy chiếu hồi chỉ, khứ chỉ trỏ về các đối tượng khác nhau đã làm nổi bật yếu tố khách quan, văn phong khoa học chặt ché, logic.

**Từ khóa:** Biểu thức quy chiếu, biểu thức ngôn ngữ, dụng học

**3.** **Các mục từ lịch sử Việt Nam trong Đại bách khoa toàn thư Trung Quốc/** Bùi Thanh Phương, Phạm Thị Huyền// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 2 .- Tr. 98-106.

**Nội dung:** Đại bách khoa toàn thư Trung Quóc gồm 74 quyển, được biên soạn theo phân ngành. Trong đó, 2 quyển Lịch sử nước ngoài giới thiệu các mục từ về lịch sử Việt Nam dưới góc nhìn của các nhà khoa học Trung Quốc. Các tác giả của 2 cuốn Lịch sử nước ngoài chưa thực sự khách quan khi phản ánh một số vấn đề của lịch sử Việt Nam. Điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến thái độ, cách đánh giá của người nước ngoài về lịch sử Việt Nam.

**Từ khóa:** Bách khoa toàn thư Trung Quốc, lịch sử Việt Nam, mục từ lịch sử

**4. Các vấn đề xá hội Truyện Kiều trong tương quan so sánh các truyện Nôm bác học/** Ngô Thị Thanh Nga// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 05(579) .- Tr. 92-99.

**Nội dung:** Đề cập đến các vấn đề xã hội trong Truyện Kiều và một số tác phẩm truyện Nôm bác học tiêu biểu khác, bao gồm điểm gặp gỡ và những khác biệt. Qua việc so sánh nhằm thấy được điểm chung trong việc phản ánh các vấn đề xã hội của các tác giả truyện nôm bác học đồng thời thấy được điểm nhìn tinh tế và tư duy nghệ thuật sắc sảo của đại thi hào Nguyễn Du trước hiện thực…

**Từ khóa:** Truyện Kiều, Truyện nôm bác học, Nguyễn Du, vấn đề xã hội

**5. Cái nghịch lý trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp/** Nguyễn Thị Kiều Hương// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 05(579) .- Tr. 35-41.

**Nội dung:** Phân tích cái nghịch lý trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp. Nguyễn Huy Thiệp quan niệm văn chương là một hành trình sáng tạo vừa có sự “bất chấp” vừa có sự “trả giá” và “đối diện”. Cái nghịch lý tồn tại trong con người, trong đời sống và trong văn học nghệ thuật như một phương diện tất yếu của hiện thực khách quan.

**Từ khóa:** Cái nghịch lý, truyện ngắn, Nguyễn Huy Thiệp

**6.** **Đặc điểm nghệ thuật truyện trinh thám của Thế Lữ/** Nguyễn Thế Bắc// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 106-116.

**Nội dung:** Phân tích đặc điểm nghệ thuật truyện trinh thám của Thế Lữ. Ông đã tạo nên một nét đẹp riêng trong sự nghiệp sáng tác của mình với mảng truyện kinh dị, trinh thám.

**Từ khóa:** Nghệ thuật, Thế Lữ, Truyện trinh thám

**7. Dấu ấn văn hóa biển rong đời sống và tín ngưỡng của người Chăm/** Cao Thị Hảo// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 05(579) .- Tr. 79-84.

**Nội dung:** Tìm hiểu văn hóa biển được thể hiện qua đời sống và tín ngưỡng của người Chăm. Từ đó, chỉ ra những đặc điểm nhân chủng văn hóa của cư dân Chăm và những dóng góp mới của ngôn ngữ Chăm khi phản ánh văn hóa biển.

**Từ khóa:** Dân tộc Chăm, văn hóa biển, ngôn ngữ Chăm, tín ngưỡng, bảo tồn ngôn ngữ

**8. Dấu ấn văn hóa của cộng đồng người Hoa ở Ayutthaya (Thái Lan)/** Lê Thị Anh Đào// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 4 (224) .- Tr. 48-53.

**Nội dung**: Vài nét về người Hoa ở Ayutthaya; Những nét văn hóa tiêu biểu của người Hoa ở Ayutthaya (Thái Lan), Một vài nhận xét.

**Từ khóa:** Văn hóa, người Hoa, cộng đồng người Hoa, Thái Lan, Ayutthaya.

**9. Dấu ấn văn hóa trong tục ngữ dân tộc Dao ở Bắc Kạn/** Nguyễn Thị Minh Thư// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 05(579) .- Tr. 68-72.

**Nội dung:** Khám phá những dấu ấn văn hóa tộc người qua việc phân tích các nội dung trong kho tục ngữ mà người Dao Bắc Kạn còn truyền lại cho đến ngày nay.

**Từ khóa:** Dấu ấn văn hóa, tục ngữ, dân tộc Dao, Bắc Kạn

**10. Đọc hiểu ngôn ngữ, hình ảnh trong ca dao Việt Nam/** Ngô Thị Thanh Quý// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 05(579) .- Tr. 18-22.

**Nội dung:** Nghiên cứu vấn đề đọc hiểu ngôn ngữ, hình ảnh ca dao Việt Nam. Trên cơ sở định hướng cách thức đọc hiểu tác phẩm trữ tình dân gian tập trung vào các yếu tố như đọc hình thức bên ngoài : thể thơ, ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu để đọc được cảm xúc bên trong của tác phẩm.

**Từ khóa:** Đọc hiểu, ngôn ngữ, hình ảnh, ca dao, Việt Nam

**11. Đọc hiểu tiểu thuyết chương hồi theo đặc trưng thể loại**/ Trần Thị Thu Hương// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 2(576) .- Tr. 21-31.

**Nội dung:** Luận bàn về đặc trưng thể loại của tiểu thuyết chương hồi với các thành tố cơ bản như kết cấu, nhân vật, sự kiện …, đồng thời thông qua đó để đọc hiểu hai trường hợp văn bản nói trên.

**Từ khóa:** Thể loại, đọc hiểu, tiểu thuyết chương hồi

**12.** **Dòng học của người Tày ở Việt Nam/** Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn Thùy Dương// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 1 .- Tr. 82-89.

**Nội dung:** Dòng học lá khái niệm chỉ những người được sinh từ cùng một thủy tổ, có quan hệ hyết thống. Do vậy, quy ước trở thành sợi dây vô hình, nhưng bền chặt cố kết mọi thành viên trong dòng họ với nhau.

**Từ khóa:** Dòng họ, người Tày, quy ước

**13. Giọng điệu trần thuật trong truyện ngắn của những nhà văn mở đường sau 1975 ở Việt Nam/** Nguyễn Thị Bích// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 05(579) .- Tr. 23-34.

**Nội dung:** Tìm hiểu, nghiên cứu về giọng điệu trần thuật trong truyện ngắn sau 1975 của các nhà văn mở đường tài ba Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng trong phong trào đổi mới văn học ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Giọng điệu trần thuật, nhà văn mở đường sau 1975, truyện ngắn Việt Nam

**14. Hiện tượng “Phản điển mẫu” trong văn xuôi viết về đề tài lịch sử Việt Nam sau 1975**/ Trần Thị Nhật// Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 12(574) .- Tr. 79-88.

**Nội dung:** Nghiên cứu hình tượng người anh hùng trong văn xuôi viết về đề tài lịch sử Việt Nam sau 1975 qua góc nhìn “giải điển mẫu” và “phản điễn mẫu” sẽ là những cơ sở đối sánh tin cậy nhằm lượng hóa và đánh giá sức sáng tạo của nhà văn một cách thuyết phục.

**Từ khóa:** Điễn mẫu, giải điển mẫu, phản điển mẫu, hình tượng

**15. Kiểu nhân vật có số phận bi kịch trong truyện ngắn của Tống Ngọc Hân/** Nguyễn Kiến Thọ, Nguyễn Thị Huyền// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 05(579) .- Tr. 49-55.

**Nội dung:** Phân tích, lý giải những biểu hiện của kiểu nhân vật có số phận bi, bước đầu nhận diện những đặc trưng trong đời sống văn hóa vật chất, tinh thần của người dân miền núi, đồng thời gợi mở thông điệp tư tưởng qua trang viết của một tác giả luôn thấu hiểu, đồng cảm với cuộc sống người dân miền núi đang bế tắc, quẩn quanh, khổ đau, bất hạnh như một hệ lụy tất yếu của đói nghèo và lạc hậu.

**Từ khóa:** Nhân vật, Tống Ngọc Hân, bi kịch, truyện ngắn

**16. Lê Quý Đôn, nhà ngoại giao sắc sảo và tinh tế (nhìn từ Quế Đường Thi tập)**/ Trần Thị Băng Thanh// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 1(575) .- Tr. 65-78.

**Nội dung:** Giới thiệu vị thế chính khách ngoại giao – thi nhân Lê Quý Đôn qua phân tích Quế Đường thi tập, nội dung phần thơ làm trong cuộc đi sứ 1759-1762, xác định vai trò chủ thể tác giả, nhấn mạnh sự sắc sảo, tinh tế, bản lĩnh nhà ngoại giao trong giao tiếp, xướng họa, tình bạn và mối tương liên trên với đoàn sứ thần Triều Tiên.

**Từ khóa:** Lê Quý Đôn, đối đáp, thơ xướng họa, Quế Đường thi tập

**17. Lỗ Tấn và Sigmund Freud**/ Lê Huy Tiêu// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 03(577) .- Tr. 82-88.

**Nội dung:** Khái quát, phân tích việc tiếp nhận và ảnh hưởng học thuyết của Sigmund Freud đối với Lỗ Tấn. Dẫn chứng cụ thể qua một số ý kiến và sáng tác truyện ngắn của nhà văn.

**Từ khóa:** Lý luận văn học, Sigmund Freud, Lỗ Tấn, văn học Trung Quốc

**18.** [**Luân**](http://stdoc.vista.gov.vn/xemchitiet.aspx?id=245445) **lí học tôn trọng sinh mệnh qua sáng tác của Trần Nhân Tông**/ Trần Thị Nhung// Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 11(573) .- Tr. 74-88.

**Nội dung:** Lí giải khái niệm, cơ sở hình thành quan niệm và những biểu hiện đặc sắc của tinh thần tôn trọng sinh mệnh trong sáng tác của Trần Nhân Tông. Nhấn mạnh tương quan sinh mệnh con người với môi trường sinh thái, thế giới tự nhiên và nhân vi, động vật và thực vật.

**Từ khóa:** Tôn trọng sinh mệnh, Trần Nhân Tông, Albert Schweitzer

**19.** [**Mối**](http://stdoc.vista.gov.vn/xemchitiet.aspx?id=245449) **quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay**/ Vũ Thị Thu Quyên// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 26-36.

**Nội dung:** Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, giải quyết tốt mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị là nhiệm vụ trọng tâm và là một nội dung cốt lõi quan trọng trong các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Từ khóa:** Nhận thức, mối quan hệ, đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị

**20.** [**Một**](http://stdoc.vista.gov.vn/xemchitiet.aspx?id=245447) **số điểm nóng trong nghiên cứu văn học so sánh và văn học thế giới tại Trung Quốc giai đoạn 2016-2018**/ Ngô Viết Hoàng// Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 12(574) .- Tr. 16-22.

**Nội dung:** Nghiên cứu về dịch và tổng thuật một số vấn đề “nóng” của văn học so sánh và văn học thế giới ở Trung Quốc giai đoạn 2016-2018, qua đó khái quát khách quan diện mạo nghiên cứu của lĩnh vực này trên cơ sở các dữ kiện học thuật.

**Từ khóa:** Văn học so sánh, văn học thế giới, văn học Trung Quốc, điểm nóng văn học

**21. Một số vấn đề xã hội trong quá trình đô thị hóa ở Trung Quốc**/ Nguyễn Mai Phương// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 12 (220) .- Tr. 14 - 26.

**Nội dung:** Trình bày những điều như sau: 1. Các giai đoạn của quá trình đô thị hóa ở Trung Quốc; 2. Một sô kết quả bước đầu; 3. Một số vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình đô thị hóa và 4. Giải pháp nâng cao chất lượng đô thị hóa ở Trung Quốc và triển vọng.

**Từ khóa:** Vấn đề xã hội, đô thị hóa, Trung Quốc

**22.** [**Nghệ**](http://stdoc.vista.gov.vn/xemchitiet.aspx?id=245447) **thuật sử dụng nghiệp vụ báo chí và xử lý không gian – thời gian trong truyện Trinh Thám của Thế Lữ**/ Nguyễn Thế Bắc// Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 12(574) .- Tr. 44-53.

**Nội dung:** Phân tích những thành công của Thế Lữ trong việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo nghiệp vụ báo chí và nghệ thuật xử lý không gian – thời gian để tạo nên dấu ấn nghệ thuật riêng ở thể loại truyện trinh thám của nhà văn.

**Từ khóa:** Nghệ thuật truyện trinh thám Thế Lữ, Truyện trinh thám Thế Lữ

**23.** [**Nghiên**](http://stdoc.vista.gov.vn/xemchitiet.aspx?id=245441) **cứu văn học trung đại Việt Nam tại Liên Bang Nga**/ Vũ Thanh// Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 11(573) .- Tr. 10-16.

**Nội dung:** [Nghiên](http://stdoc.vista.gov.vn/xemchitiet.aspx?id=245441) cứu văn học trung đại Việt Nam tại Liên Bang Nga, góp phần tại ra một tầm nhìn và một khuôn khổ mới trong việc tìm hiểu và nghiên cứu văn học Việt Nam nói chung và văn học Trung đại nói riêng, góp phần đổi mới phương pháp nghiên cứu và truyền bá văn học Việt Nam ra thế giới.

**Từ khóa:** Văn học trung đại Việt Nam, Liên Bang Nga

**24. Những ẩn số trên hành trình nghiên cứu của Trần Đình Sử/** Cao Kim Lan// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 04(578) .- Tr. 33-48.

**Nội dung:** Khảo sát quá trình tiếp nhận lí thuyết và thực hành nghiên cứu ứng dụng trong một số công trình tiêu biểu của Trần Đình Sử để tìm câu trả lời cho những ẩn số đằng sau chặng đường nghiên cứu có nhiều thành tựu của nhà khoa học này.

**Từ khóa:** Trần Đình Sử, Thi pháp học, thi pháp học Việt Nam

**25.** [**N**](http://stdoc.vista.gov.vn/xemchitiet.aspx?id=245446)**hững tiền đề của sự hình thành dòng thơ tống biệt trong văn học Trung đại Việt Nam/** Hán Thị Thu Hiền// Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 11(573) .- Tr. 99-107.

**Nội dung:** Lý giải tiền đề cho sự hình thành và phát triển của dòng thơ tống biệt trung đại Việt Nam với năm yếu tố tiêu biểu.

**Từ khóa:** Thơ tống biệt, đời sống tâm lý, lối sống, văn hóa, văn học trung đại Việt Nam

**26. Phác thảo hơn một thế kỷ thành tựu nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học Việt Nam hiện đại**/ Phong Lê// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 1(575) .- Tr. 13-17.

**Nội dung:** Phác thảo khái quát lược sử thành tựu nghiên cứu, lí luận phê bình văn học hiện Việt Nam thế kỉ XX qua những vấn đề và tác phẩm quan trọng, nổi bật trong đời sống văn hóa, xã hội Việt Nam.

**Từ khóa:** Văn học hiện đại, lý luận phê bình, lịch sử văn học

**27. Phạm trù quân thân trong quan niệm thẫm mĩ của Nguyễn Công Trứ/** Nguyễn Như Trang// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 04(578) .- Tr. 87-94.

**Nội dung:** Đề cập đến một số vấn đề cơ bản liên quan đến phạm trù quân thân trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ như: sự trung thành của bề tôi đối với nhà vua; sự quyết tâm đem tài năng và trí lực để phụng sự triều đình, quốc gia dân tộc.

**Từ khóa:** Phạm trù, quân thân, thẫm mĩ, Nguyễn Công Trứ

**28.** [**Phê**](http://stdoc.vista.gov.vn/xemchitiet.aspx?id=245447) **bình văn hóa – văn học của kiều thanh quế qua chuyên mục đọc, điểm sách**/ Đào Thị Hải Thanh// Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 11(573) .- Tr. 48-58.

**Nội dung:** Tập trung tìm hiểu đặc điểm phê bình đọc sách, điểm sách của Kiều Thanh Quế, từ đó khẳng định vị trí của ông trong lĩnh vực nghiên cứu, phê bình văn học Việt Nam giai đoạn trước cách mạng tháng tám.

**Từ khóa:** Phê bình văn hóa, kiều thanh quế, văn học Việt Nam

**29. Phê bình văn học trong mở đầu thế kỷ XXI – đôi nét phác thảo**/ Phong Lê// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 04(578) .- Tr. 13-19.

**Nội dung:** Phác thảo diện mạo phê bình văn học những năm đầu thế kỷ XXI trong các tương tác với đời sống văn học, văn hóa – xã hội. Trên cơ sở phân tích thực trạng phê bình báo chí và phê bình hàn lâm, bài viết thảo luện về phương hướng chấn hưng, nâng cao tính chuyên nghiệp của phê bình văn học.

**Từ khóa:** Phê bình văn học, phê bình báo chí, phê bình hàn lân

**30. Phong tục người Việt trong bộ ba tiểu thuyết Đảo hoang, Nhà chử, Chuyện nỏ thần của Tô Hoài**/ Nguyễn Thị Hân, Nguyễn Thị Ngọc Lan// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 03(577) .- Tr. 44-52.

**Nội dung:** Nghiên cứu về những phong tục, tục lệ vốn tồn tại từ rất lâu đời trong đời sống văn hóa Việt thông qua bộ ba tiểu thuyết Đảo hoang, Nhà chử, Chuyện nỏ thần của Tô Hoài.

**Từ khóa:** Phong tục, tục ăn trầu, tục uống trà, tục nhuộm răng đen, tục xăm mình

**31. Phụ nữ và chủ nghĩa dân tộc: Báo chí, các nhà dân tộc chủ nghĩa và vấn đề phụ nữ ở Việt Nam ba mươi năm đầu thế kỷ XX**/ Đoàn Ánh Dương// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 2(576) .- Tr. 70-89.

**Nội dung:** Tìm hiểu cách thức tiếp cận vấn đề phụ nữ - một số vấn đề thực sự mới mẻ - của giới tinh hoa Việt Nam trong những hình dung của họ về một mô hình nhà nước Việt Nam mới vào khoảng ba mươi năm đầu thế kỷ XX.

**Từ khóa:** Vấn đề phụ nữ, quyền phụ nữ, nữ quyền

**32. Quả dưa đỏ của Nguyễn Trọng Thuật – một dấu mốc quan trọng trên diễn trình tái trứ tác Tây qua truyện**/ Nguyễn Thanh Tùng, Trịnh Thùy Dương// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 03(577) .- Tr. 22-35.

**Nội dung:** Nhìn nhận Quả dưa đỏ như một trình hiện tiêu biểu, một dấu mốc quan trọng của việc tái diễn giải tác phẩm Tây qua truyện. Thông qua việc so sánh giữa hai văn bản, bài viết sẽ chỉ ra và giải mã những yếu tố được bảo lưu, những “khoảng trống” được khỏa lấp trong tác phẩm qua quá trình tái trứ tác, đồng thời lí giải những đặc điểm này từ những “động hình” xã hội đương đại thời ẩn sau.

**Từ khóa:** Tây qua truyện, Quả dưa đỏ, tái trứ tác, văn học Việt Nam

**33. Sáng tác từ của Nguyễn Hoàng Trung/** Lương Thị Hải Vân// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 05(579) .- Tr. 108-116.

**Nội dung:** Biên khỏa những tác phẩm từ của ông Nguyễn Hoàng Trung để từ đó thấy được những đặc điểm trong sáng tác từ cũng như quan niệm của ông về thể loại “dĩ bi vi mĩ”.

**Từ khóa:** Nguyễn Hoàng Trung, tác từ, biên khảo, quan niệm thể loại từ

**34. Sự chuyển đổi hệ giá trị trong điện ảnh Trung Quốc đương đại**/ Lưu Thu Hương// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 12 (220) .- Tr. 55 - 68.

**Nội dung:** Trình bày những điều như sau: 1. Bối cảnh lịch sử; 2. Từ chủ nghĩa tập thể đến giá trị cá nhân; 3. Những giá trị phổ quát trong điện ảnh Trung Quốc đương đại.

**Từ khóa:** Điện ảnh Trung Quốc, chuyển đổi văn hóa – xã hội, hệ giá trị

**35. Tác phẩm Hồ Chí Minh – Thiên cẩm nang lớn của cách mạng Việt Nam/** Hà Minh Đức// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 05(579) .- Tr. 2-10.

**Nội dung:** Phân tích một số tác phẩm của Hồ Chí Minh, đó được xem là thiên cẩm nang lớn của cách mạng Việt Nam. Tác phẩm Hồ Chí Minh là sự tổng kết bằng lý luận và thực tiễn quá trình đấu tranh cách mạng trên nửa thế kỷ của người.

**Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh, phong trào cách mạng, giải phóng dân tộc, chủ nghĩa xã hội

**36. Thoát nghèo ở Trung Quốc: Thành tựu và Kinh nghiệm**/ Lê Thanh Thủy, Hoàng Hợp Mạnh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 11 (219) .- Tr. 81 - 86.

**Nội dung:** Trình bày những thành tựu, phân tích những khó khăn trong công tác thoát nghèo ở Trung Quốc thời gian qua và rút ra một số bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo.

**Từ khóa:** Thoát nghèo, Trung Quốc, thành tựu, kinh nghiệm

**37.** **Tiến bộ xã hội ở Việt Nam/** Nguyễn Minh Trí// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 1 .- Tr. 47-58.

**Nội dung:** Phân tích làm rõ quan điểm về tiến bộ xã hội ở Việt Nam trong quá trình đổi mới, qua đó góp phần vào cung cấp thêm các căn cứ khoa học cho những quyết sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam nhằm hoàn thiện chính sách thực hiện tiến bộ xã hội ở nước ta hiện nay.

**Từ khóa:** Tiến bộ xã hội, đổi mới, Việt Nam

**38.** [**Tiếp**](http://stdoc.vista.gov.vn/xemchitiet.aspx?id=245443) **nhận M.Bulgakov ở Việt Nam – vấn đề và thực tiễn**/ Vũ Công Hảo// Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 11(573) .- Tr. 26-31.

**Nội dung:** Khái quát quá trình tiếp nhận cũng như những căn cứ khiến M. Bulgakov và sáng tác của ông đang dần trở nên gần gũi, quen thuộc ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Tiếp nhận, Bungakov

**39. Tiếp nhận thi pháp học Nga ở Việt Nam**/ Trần Đình Sử// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 03(577) .- Tr. 9-18.

**Nội dung:** Giới thiệu quá trình học tập, tiếp nhận và thực hành nghiên cứu thi pháp học theo kiểu Nga ở Việt Nam của Giáo sư Trần Đình Sự. Ông đã hiểu thế nào về thi pháp học, và đã thự hành nghiên cứu thi pháp học ở Việt Nam ra sao, có những công trình nào và đã gây ảnh hưởng thế nào ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Thi pháp học Nga, Thi pháp học lịch sử, thi pháp học ở Việt Nam

**40. Truyện thơ nôm Bích Câu kỳ ngộ nhìn từ các biểu tượng/** Trần Thị Nhung// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 05(579) .- Tr. 100-107.

**Nội dung:** Phân tích các biểu tượng thể hiện khát vọng thoát ly thực tại và các biểu tượng thể hiện xu thế hướng về đời sống tình yêu, gia đình trong truyện thơ Nôm Bích Câu kỳ ngộ, qua đó góp phần làm sáng tỏ đặc sắc và giá trị của tác phẩm.

**Từ khóa:** Bích Câu kỳ ngộ, biểu tượng, trào lưu nhân bản

**41. Từ Lô-Gic đa trị mơ hồ đến phi Lô-Gic trong tư duy nghệ thuật**/ Phương Lựu// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 03(577) .- Tr. 2-8.

**Nội dung:** Trình bày những phân tích, nghiên cứu từ Lô-Gic đa trị mơ hồ đến phi Lô-Gic trong tư duy nghệ thuật.

**Từ khóa:** Lô-Gic cổ điển, Lô-Gic xác suất, Lô-Gic mơ hồ, cặp luật tương phản

**42. Tựa, bạt trong thưởng thức, phê bình thơ ca Việt Nam thời trung đại**/ Nguyễn Kim Châu// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 2(576) .- Tr. 90-100.

**Nội dung:** Tìm hiểu sâu hơn về vị trí, chức năng, đặc điểm của tựa, bạt từ góc nhìn liên văn bản và tiếp nhận văn học, với hi vọng có một số đóng góp nhất định trong việc nghiên cứu một thể loại đáng chú ý trong lĩnh vực thưởng thức, phê bình văn chương.

**Từ khóa:** Tựa, bạt, phê bình, liên văn bản, tiếp nhận văn học

**43. Văn học điện ảnh 1945-1985 : cuộc đồng hành lịch sử/** Lê Thị Dương// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 04(578) .- Tr. 69-79.

**Nội dung:** Khảo sát các phim truyện điện ảnh chuyển thể dựa theo, phòng theo tác phẩm văn học từ 1945 đến 1985 từ quan điểm coi tác phẩm chuyển thể là một bộ phận của lịch sử văn học.

**Từ khóa:** Chuyển thể, điện ảnh cách mạng, điện ảnh miền Nam, phim văn học

**44.** [**Văn**](http://stdoc.vista.gov.vn/xemchitiet.aspx?id=245442) **học Nga trong không gian học thuật ở Việt Nam qua khảo sát các chuyên luận nổi bật**/ Nguyễn Thị Thu Thủy// Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 11(573) .- Tr. 17-25.

**Nội dung:** Trình bày lịch sử văn học nga ở Việt Nam qua các thời kỳ trên cơ sở lý thuyết tiếp nhận. Phân tích các vấn đề lịch sử văn học và thể loại từ góc độ xã hội – lịch sử. Nghiên cứu các vấn đề trong sáng tác của các tác giả văn học Nga cụ thể trên cơ sở tiếp cận chuyên ngành và liên ngành.

**Từ khóa:** Văn học Nga, nghiên cứu văn học Nga, chuyên luận văn học Nga

**45.** **Xu hướng biến đổi giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0/** Mai Thị Thắm// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2019 .- Số 12 .- Tr. 152-158.

**Nội dung:** Phân tích những xu thế biến đổi của giai cấp công nhân sẽ giúp Việt Nam có chính sách, chiến lược phù hợp trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện hiện nay.

**Từ khóa:** Cách mạng công nghệ 4.0, giai cấp công nhân, xu hướng biến đổi

**46. Ý Nhi và những bến bờ của sáng tạo**/ Huỳnh Như Phương// Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 12(575) .- Tr. 30-37.

**Nội dung:** Trình bày những chặng đường sáng tác, đồng thời phân tích phong cách Ý Nhi qua các thể loại thơ trữ tình, truyện ngắn và chân dung văn học nhân dịp tuyển tập Ngọ gió qua vườn (2019) của bà được xuất bản.

**Từ khóa:** Ý Nhi, sáng tạo, thơ, truyện ngắn, chân dung văn học

**47. Ý thức văn học với lịch sử văn học**/ Lê Ngọc Trà// Nghiên cứu văn học .- 2020 .- Số 04(578) .- Tr. 2-12.

**Nội dung:** Khám phá mối liên hệ giữa ý thức văn học với ý thức thẫm mĩ. Chỉ ra tầm quan trọng của nghiên cứu thi pháp đối với nghiên cứu ý thức văn học. Đề xuất nghiên cứu tiến trình của ý thức văn học cần phải trở thành một bộ phận của nghiên cứu lịch sử văn học.

**Từ khóa:** Ý thức văn học, lịch sử văn học, lý luận văn học

**DU LỊCH**

**1. Ấn Độ: Thị trường khách du lịch Outboud hấp dẫn/** Phan Thị Thái Hà// Du lịch.- 2020 .- Số 3.- Tr.30 – 31.

**Nội dung:** Đối với du lịch Việt Nam, ngoài các thị trường truyền thống như Đông Bắc Á, ASEAN, Bắc Mỹ, Úc và một số thị trường từ khu vực châu Âu, thị trường khách Ấn Độ đang nổi lên bởi tốc độ tăng trưởng cao liên tục những năm gần đây và vươn lên vào Top 16 thị trường gửi khách cao nhất đến Việt Nam năm 2019.

**Từ khóa:** Thị trường du lịch Ấn Độ,Khách du lịch outbound

**2. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030/** Nguyễn Thị Thanh Hương// Du lịch.- 2020 .- Số 3.- Tr.8 – 10.

**Nội dung:** Chiến lược nêu rõ mục tiêu tổng quát đến năm 2025, Việt Nam trở thành điểm hấp dẫn, phấn đấu thuộc nhóm ba quốc gia phát triển du lịch hàng đầu khu vực Đông Nam Á và 50 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch cao trên toàn cầu, trong đó tất cả 14 tiêu chí năng lực cạnh tranh du lịch đều tăng, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững; đến năm 2030, Du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển bền vững, Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn.

**Từ khóa:** Phát triển du lịch, chiến lược, năm 2030

**3. Đà Nẵng phát triển du lịch thông minh/** Lê Đức Thọ// Du lịch.- 2019 .- Số 10.- Tr. 44 – 45.

**Nội dung:** Du lịch thông minh được xây dựng trên nền tảng của công nghệ thông tin – truyền thông và là một phần của đô thị thông minh, cùng với nỗ lực của chính quyền, các cơ quan, ban ngành, các doanh nghiệp, Đà Nẵng đang hướng đến xây dựng ngành du lịch chất lượng cao và cũng là địa phương đi đầu trong phát triển mô hình du lịch thông minh.

**Từ khóa:** Du lịch thông minh, doanh nghiệp

**4. Đánh giá mức độ hạn khí tượng vùng Đồng bằng sông Hồng trong xu thế biến đổi khí hậu/** Hoàng Lưu Thu Thuỷ, Lưu Thế Anh, Tống Phúc Tuấn, Nguyễn Đức Thành, Lê Bá Biên// Nghiên cứu Địa lý nhân văn.- 2020 .- Số 1 (28).- Tr.11 – 17.

**Nội dung:** Mức độ khô hạn vùng đồng bằng sông Hồng được đánh giá thông qua 2 chỉ số: chỉ số khô hạn K và chỉ số Sazonov. Xét theo trung bình khí hậu, chỉ số khô hạn trung bình năm K<1 cho thấy đây là vùng đủ ẩm trong năm. Tuy nhiên, xét về mức độ khô hạn trong thời kỳ mùa đông (từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau) thì đây là thời kỳ khô trên toàn vùng nghiên cứu với chỉ số K=1-5 với 3 mức độ khác nhau: hạn nặng, hạn vừa, hạn nhẹ.

**Từ khóa:** Hạn khí tượng, đồng bằng sông Hồng, chỉ số khô khan, tần suất hạn

**5. Điểm đến, quản lý điểm đến và vấn đề xây dựng điểm đến du lịch tại Thanh Hóa/** Ngô Hoài Chung// Du lịch.- 2019 .- Số 12.- Tr. 29 – 31.

**Nội dung:** Trong phát triển du lịch, vấn đề điểm đến và quản lý điểm đến du lịch luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu. Thanh Hóa là tỉnh có tài nguyên du lịch nổi trội, có điều kiện để xây dựng các sản phẩm du lịch hấp dẫn, hình thành các điểm đến du lịch để thu hút khách. Làm rõ vấn đề điểm đến, công tác quản lý điểm đến ở Thanh Hóa không chỉ sẽ góp phần quan trọng trong xác định nội dung và nhiệm vụ công tác quản lý nhà nước về xây dựng và quản lý điểm đến ở Thanh Hóa mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong phạm vi cả nước.

**Từ khóa:** Điểm đến, du lịch, Thanh Hóa

**6. Du lịch thế giới: Niềm tin vào sự phục hồi sau Covid - 19/** Hải Nam// Du lịch.- 2020 .- Số 4.- Tr.2 – 3.

**Nội dung:** Với niềm tin vào khả năng phục hồi và tác động lan tỏa của du lịch tới kinh tế - xã hội, tổ chức du lịch thế giới (UNWTO) đưa ra bộ khuyến nghị về giảm thiểu thiệt hại và hướng phục hồi cho ngành du lịch thế giới, đồng thời phát động phong trào Travel tomorrow (Du lịch vào ngày mai).

**Từ khóa:** Du lịch thế giới, Covid – 19, khả năng phục hồi

**7. Du lịch Việt Nam: Nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời kỳ mới/** Lê Quang Đăng// Du lịch.- 2020 .- Số 3.- Tr.11 – 13.

**Nội dung:** Ngành Du lịch Việt Nam những năm gần đây đang có những bước phát triển đột phá, với những thành tựu đạt được rất đáng khích lệ. Tuy nhiên, ngành du lịch cũng đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, các quốc gia trong khu vực và trên thế giới đang có những thay đổi mạnh mẽ về tư duy, chiến lược và chính sách phát triển du lịch khiến cạnh tranh du lịch càng trở nên gây gắt. Điều này đòi hỏi ngành du lịch Việt Nam cần phải có những biện pháp tích cực nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh phù hợp với bối cảnh, tình hình của thời kỳ mới.

**Từ khóa:** Du lịch Việt Nam, năng lực cạnh tranh, thời kỳ mới

**8. Kinh nghiệm quốc tế trong phát triển du lịch tại các làng nghề truyền thống**/ Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoài Thu/ Xây dựng .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 47-50.

**Nội dung**: Làng nghề truyền thống là mang lại bản sắc riêng cho mỗi cộng đồng văn hóa của mỗi quốc gia trên thế giới. Mỗi đất nước có cách tiếp cận khác nhau trong việc phát triển du lịch làng nghề truyền thống. Bằng phương pháp tổng hợp tài liệu, đánh giá phân tích trong mối tương đồng với làng nghề truyền thống ở Việt Nam, bài viết đã phân tích những kinh nghiệm thế giới trong phát triển du lịch tại các làng nghề truyền thống. Trên cơ sở các kinh nghiệm thế giới, tác giả cố gắng đưa ra những khuyến nghị trong việc phát triển du lịch làng nghề truyền thống tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Kinh nghiệm, phát triển du lịch, làng nghề truyền thống

**9. Ngành du lịch đẩy mạnh hợp tác trao đổi khách/** Việt Nguyễn// Du lịch.- 2020 .- Số 3.- Tr.2 – 3.

**Nội dung:** Đẩy mạnh khái thác các thị trường gần, có kết nối đường bay thuận tiện, đồng thời tiếp tục duy trì, khai thác các thị trường tiềm năng là một trong những giải pháp ưu tiên của ngành du lịch Việt Nam nhằm tiếp tục phục hồi tăng trưởng du lịch do ảnh hưởng của dịch Covid – 19. Bài viết nêu quan điểm trong chương trình làm việc với các đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam, bàn các giải pháp hợp tác, thúc đẩy trao đổi khách hai chiều trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Du lịch, kết nối du lịch, Covid – 19, trao đổi khách

**10. Nghiên cứu định hướng phát triển du lịch địa học khu vực núi lửa Chư B’Luk, tỉnh Đăk Nông và lân cận/** Đặng Văn Bào, Ngô Văn Liêm, Đặng Kinh Bắc, Nguyễn Quang Minh, Nguyễn Trọng Bách// Nghiên cứu Địa lý nhân văn.- 2020 .- Số 1 (28).- Tr.3 – 10.

**Nội dung:** Trên cơ sở phân tích, đánh giá, luận giải các giá trị khoa học mới, tính độc đáo và nổi bật của các thành tạo núi lửa dưới tác động của quá trình ngoại sinh tại khu vực núi lửa Chư B’Luk và lân cận, bài báo đề xuất định hướng phát triển du lịch địa học gắn với bảo tồn và phát triển bền vững vùng núi lửa này.

**Từ khóa:** Du lịch địa học, núi lửa Chư B’luk, du lịch sinh thái Dray Sap

**11. Nghiên cứu hoạt động phát triển nguồn nhân lực du lịch của các tỉnh Trung Du, miền núi Bắc Bộ**/ Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Xuân Hồng//Khoa học Thương mại.- 20208 .- Số 137+138 .- Tr. 10-27.

**Nội dung**: Nguồn nhân lực du lịch được đánh giá là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu, mang Tính quyết định đối với phát triển du lịch của bất kỳ quốc gia, địa phương, vùng du lịch. Mặc dù đã có một số nghiên cứu trong và ngoài nước về chủ đề phát triển nguồn nhân lực du lịch, tuy nhiên đa số các nghiên cứu hiện có mới chỉ tập trung vào hoạt động chủ yếu là hoạt động ban hành chính sách của cơ quan quản lý nhà nước, hoạt động đào tạo và phát triển NNLDL về chất lượng hoặc về số lượng, còn ít các nghiên cứu mang tính tổng hợp những hoạt động khác để phát triển NNLDL của địa phương, vùng. Bài viết đánh giá thực trạng nguồn nhân lực du lịch, phân tích và đánh giá các hoạt động phát triển nguồn nhân lực du lịch của vùng TDMNBB giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2018 và đề xuất những gợi ý phát triển nguồn nhân lực du lịch của các tỉnh vùng TDMNBB giai đoạn 2020 - 2025.

**Từ khoá:** Du lịch, nguồn nhân lực du lịch, phát triển nguồn nhân lực

**12. Phân tích quan hệ giữa các yếu tố đầu vào tới năng suất đầu ra của các doanh nghiệp dịch vụ du lịch lữ hành tại Việt Nam**/ Nguyễn Hoàng, Lê Trung Hiếu, Phan Chí Anh// Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 135 .- Tr. 10-18.

**Nội dung:** Ngành du lịch Việt Nam đang có tốc độ phát triển nhanh và trở thành một lĩnh vực đem lại nguồn ngoại tệ và đóng góp lớn vào GDP. Nâng cao năng suất lao động và hoạt động doanh nghiệp ngành du lịch là nhu cầu thiết yếu để đất nước nắm bắt những cơ hội của ngành công nghiệp không khói nhiều tiềm năng này. Bài viết tập trung phân tích và đánh giá năng suất du lịch tại các doanh nghiệp Việt Nam, khái quát kết quả hoạt động kinh doanh và đề xuất những giải pháp cải thiện năng suất phù hợp với các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong ngành. Thông qua số liệu khảo sát kinh doanh từ 608 doanh nghiệp nội ngành thu thập năm 2017 từ dữ liệu của Tổng cục thống kê, bài viết đã làm rõ kết quả năng suất kinh doanh thiếu hiệu quả tại phần lớn các doanh nghiệp, sự khác biệt trong tương quan giữa năng suất đầu vào - đầu ra theo quy mô doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Năng suất hoạt động, năng suất lao động, du lịch

**13. Phân tích tác động không gian của ngành du lịch đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam**/ Nguyễn Viết Thái, Bùi Thị Thanh//Khoa học Thương mại.- 20208 .- Số 137+138 .- Tr. 3-9.

**Nội dung:** Dựa trên việc nghiên cứu đặc điểm không gian của ngành du lịch Việt Nam giai đoạn 2007 -  2018, nhóm tác giả xây dựng mô hình dữ liệu bảng không gian để phân tích tác động không gian của ngành du lịch đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng ngành du lịch Việt Nam có tính hội tụ và tồn tại mối quan hệ dương về mặt không gian, các tỉnh thành có ngành du lịch phát triển cao tập trung chủ yếu ở 2 khu vực là đồng bằng sông Hồng và khu vực Đông Nam. Ngoài ra, dựa vào kết quả hồi quy không gian có thể thấy sự phát triển du lịch khu vực ít ảnh hưởng đến mức độ phát triển du lịch của các khu vực lân cận, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của ngành du lịch đến tăng trưởng kinh tế địa phương là rất lớn.

**Từ khoá:** Hiệu ứng không gian, tương quan không gian, mô hình SAR

**14. Phát triển kinh tế du lịch gắn với dược liệu nhằm phát triển bền vững ở Hà Giang hiện nay**/ Vũ Tuấn Hưng// Nghiên cứu Kinh tế .- 2019 .- Số 12(499) .- Tr. 82-91.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng và đưa ra giải pháp chính sách thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng gắn liền với dược liệu Hà Giang.

**Từ khoá:** Kinh tế du lịch, du lịch cộng đồng, kinh tế dược liệu

**15. Phát triển sinh kế khai thác thủy sản tại các huyện ven biển tỉnh Nam Định/** Trần Thị Hồng Nhung// Nghiên cứu Địa lý nhân văn.- 2020 .- Số 4 (27).- Tr.40 – 47.

**Nội dung:** Bài viết tập trug vào nghiên cứu hiện trạng sinh kế khai thác thủy sản, phân tích những thách thức mà hoạt động này đang gặp phải, đồng thời đánh giá tính bền vững của sinh kế này. Những dữ liệu cho việc phân tích đều dựa trên số liệu về phát triển hoạt động khai thác thủy sản tại ba huyện ven biển tỉnh Nam Định trong những năm 2010 – 2018 cũng như việc điều tra tại 60 hộ gia đình trên địa bàn.

**Từ khóa:** Phát triển sinh kế, các huyện ven biển Nam Định, khai thác thủy sản, phát triển bền vững

**16. Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn/** Phạm Thị Trầm// Nghiên cứu Địa lý nhân văn.- 2020 .- Số 4 (27).- Tr.17 – 23.

**Nội dung:** Bằng phương pháp tổng quan, phân tích tài liệu và so sánh, bài báo tập trung vào việc làm rõ một số nội dung cơ bản về tái cơ cấu nông nghiệp; những yêu cầu trong tái cơ cấu nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường và các tiêu chí đánh giá về tái cơ cấu nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường. Bài báo cũng phân tích một số trường hợp điển hình trong tái cơ cấu nông nghiệp với việc trồng, khai thác và bảo vệ rừng tại tỉnh Yên Bái, ứng dụng công nghệ cao tiết kiệm nước tưới và giảm phát thải khí nhà kính tại tỉnh Lâm Đồng.

**Từ khóa:** Tái cơ cấu nông nghiệp, môi trường nông nghiệp, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên

**17. Tiềm năng kết nối du lịch Việt Nam - Ấn Độ**/ Nguyễn Thị Hiên// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 1 (86) .- Tr. 10 - 25.

**Nội dung:** Nghiên cứu làm rõ thực trạng quan hệ du lịch Việt Nam - Ấn Độ trong những năm gần đây; những kết nối du lịch giữa hai quốc gia, qua đó đánh giá tiềm năng kết nối du lịch giữa hai nước.

**Từ khóa:** Du lịch, kết nối, Việt Nam, Ấn Độ

**18. Thúc đẩy du lịch sinh thái nông nghiệp trong bối cảnh ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu/** Nguyễn Văn Thắng// Du lịch.- 2020 .- Số 3.- Tr.15 – 17.

**Nội dung:** Trong du lịch sinh thái, du lịch sinh thái nông nghiệp là một trong những nhóm sản phẩm chủ đạo. Khung cảnh nông thôn, hoạt động canh tác nông nghiệp, tri thức và văn hóa truyền thống các làng quê ở nông thôn, sản vật tươi ngon và khác lạ… là những yếu tố hấp dẫn khách du lịch. Và mọt trong những vấn đề cần quan tâm hiện nay là thúc đẩy du lịch sinh thái nông nghiệp trong bối cảnh ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu.

**Từ khóa:** Du lịch sinh thái, du lịch sinh thái nông nghiệp, du lịch nông thôn, biến đổi khí hậu

**19. Ứng phó với biến đổi khí hậu trong phát triển du lịch/** Võ Quế// Du lịch.- 2019 .- Số 10.- Tr. 6 – 8.

**Nội dung:** Biến đổi khí hậu và nước biển dâng đã, đang và sẽ tiếp tục tác động, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường ngày càng rõ rệt và có chiều hướng gia tăng về quy mô, tần suất, diễn biến phức tạp, khó dự báo, khó kiểm soát. Vì vậy, các giải pháp ứng phó mang tính cấp bách cho cả nhân loại cần phải được tổ chức triển khai, thực hiện đồng bộ, do phạm vi tác động, mức độ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu không chỉ trong một phạm vi quốc gia, lãnh thổ mà mang tính toàn cầu và Việt Nam không phải là quốc gia ngoại lệ.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu, phát triển du lịch, ứng phó

**20. Xây dựng sản phẩm du lịch từ thổ cẩm/** Trần Hữu Sơn// Du lịch.- 2019 .- Số 10.- Tr. 22 – 24.

**Nội dung:** Ở Việt Nam, thổ cẩm rất phong phú cả về loại hình, chất liệu và nghệ thuật. Thổ cẩm là nguồn lực, chất liệu xây dựng sản phẩm du lịch, có sức hút đặc biệt đối với du khách.

**Từ khóa:** Sản phẩm du lịch, thổ cẩm, du khách

**21. Xếp hạng dịch vụ khách sạn dựa trên phương pháp khai thác ý kiến khách hàng trực tuyến**/ Thái Kim Phụng, Nguyễn An Tế, Trần Thị Thu Hà// Kinh tế & Phát triển .- 2020 .- Số 273 .- Tr. 63-73.

**Nội dung**: Mục tiêu chính của nghiên cứu này là khám phá và xếp hạng khía cạnh dịch vụ khách sạn dựa trên phương pháp khai thác ý kiến khách hàng trực tuyến. Trước tiên, nghiên cứu này tiến hành thu thập tự động 15.480 bình luận về khách sạn tại Việt Nam trên trang Agoda. com, sau đó tiền xử lý, gán nhãn dữ liệu và thực hiện huấn luyện bằng các mô hình phân loại ý kiến để tìm ra mô hình phù hợp nhất với bộ dữ liệu và áp dụng mô hình này để dự báo phân loại ý kiến cho toàn bộ dữ liệu đã thu thập được. Cuối cùng, nghiên cứu này áp dụng phương pháp trích xuất và xếp hạng mức độ quan trọng của từng khía cạnh dịch vụ khách sạn. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc áp dụng phương pháp khai thác ý kiến trên tập dữ liệu bình luận có thể khám phá mức độ quan tâm của du khách về các khía cạnh dịch vụ khách sạn. Nghiên cứu này có giá trị tham khảo cho các doanh nghiệp trong việc quản trị chất lượng dịch vụ.

**Từ khoá:** Khai thác ý kiến, chất lượng dịch vụ du lịch, xếp hạng dịch vụ khách sạn

**22. Xu hướng du lịch xanh: Hướng tới phát triển bền vững/** Hoàng Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hà// Du lịch.- 2020 .- Số 4.- Tr.22 – 23.

**Nội dung:** Với đặc thù là ngành tổng hợp, hoạt động của ngành du lịch có những tác động không nhỏ đối với kinh tế, xã hội và môi trường. Vì vậy, ngành du lịch đóng một vai trò quan trọng trong tiến trình thực hiện tăng trưởng xanh và hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững. Nhiều nước trên thế giới đã và đang thực hiện hiệu quả các giải pháp phát triển du lịch xanh hướng tới phát triển ngành du lịch bền vững.

**Từ khóa:** Du lịch xanh, du lịch bền vững

**23. Xu hướng sử dụng video marketing trong tiếp thị sản phẩm và dịch vụ du lịch/** Bùi Thị Thanh Diệu// Du lịch.- 2020 .- Số 4.- Tr. 38 – 40.

**Nội dung:** Những năm gần đây, người sử dụng mạng xã hội thường dành nhiều thời gian hơn để xem các video. Sự phổ biến của phương tiện truyền thông xã hội đã buộc các nhà tiếp thị du lịch phải làm các video của họ trở nên tương tác, sang tạo và đổi mới hơn. Bắt kịp những xu hướng này, các doanh nghiệp, tổ chức du lịch đã và đang triển khai, áp dụng hình thức video vào các chiến lược tiếp thị để thu hút sự chú ý của khách hàng nhiều hơn, qua đó phổ biến được các sản phẩm và dịch vụ du lịch đặc trưng của mình.

**Từ khóa:** Video marketing, xu hướng du lịch, dịch vụ du lịch

**24. Ý định quay trở lại của du khách quốc tế sau khi đến Việt Nam: Vai trò của nguồn lực điểm đến và giá trị cảm nhận**/ Lê Nhật Hạnh, Hồ Xuân Hướng// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á  .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 66-88.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện để khám phá các thành phần của nguồn lực điểm đến (hữu hình, vô hình, và xã hội) tác động đến ý định quay trở lại của khách quốc tế thông qua vai trò trung gian của các giá trị cảm nhận. Nghiên cứu được thực hiện tại Việt Nam. Phương pháp tiếp cận PLS-SEM (Partial Least Squares – Structural Equation Modeling) được dùng để kiểm định mô hình nghiên cứu với dữ liệu khảo sát được thu thập từ 448 khách du lịch quốc tế đến Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy nguồn lực điểm đến hữu hình, vô hình, và xã hội đều có tác động làm tăng giá trị chức năng và giá trị cảm xúc. Hơn nữa, giá trị chức năng có tác động lớn hơn đến ý định quay trở lại của du khách so với giá trị cảm xúc. Các kết quả từ nghiên cứu này là cơ sở để đưa ra hàm ý chính sách cho các tổ chức quản lý điểm đến du lịch cũng như các gợi ý quản trị cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.

**Từ khoá:** Nguồn lực điểm đến, hữu hình, vô hình, xã hội, giá trị cảm nhận, ý định quay trở lại